VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

thơ xuân trần nhân tông
trần văn tích
văn học trong vòng tay chính trị
nguyễn văn trung
các sử gia nho thần
tạ chí đại trường
tiếp thị cho một giải nobel cho việt nam
nguyễn thanh sơn

tin văn
thế quân

truyện
nam dao ● trúc chi ● đỗ quỳnh dao ● đinh linh
trang châu ● đỗ tử hậu ● trần mộng tú

thơ
triều hoa đại ● luân hoán ● ngu yên
hoàng xuân sơn ● trần thiện hiệp
nguyễn thị thanh bình ● hàn song tường

179
THÁNG 3 2001

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 179 ● tháng 3, 2001

VĂN HỌC	2	thông báo giá biểu mới
TRẦN VĂN TÍCH	3	thơ xuân trần nhân tông và thời gian nghệ thuật
NGUYỄN VĂN TRUNG	15	văn học trong vòng tay chính trị
TRIỀU HOA ĐẠI	42	*cuối năm. sáo lại sang sông*
TRỊNH NHẬT	44	thầy tôi: một giấc ngủ dài
NGU YÊN	51	*nhật ký theo tiếng hát*
NGUYỄN THANH SƠN	57	tiếp thị cho một giải nobel văn chương cho việt nam
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	65	sử học, đọc một quyển (II) các sử gia nho thần
TRẦN THIỆN HIỆP	75	*nhớ người kinh bắc*
NAM DAO	76	tiếng hú địa cầu
ĐỖ QUỲNH DAO	93	chuyện kể một mình
LUÂN HOÁN	107	một lần tham bạn
TRÚC CHI	108	*bệnh rình sắc hương*
ĐINH LINH	121	thư lạ
HOÀNG XUÂN SƠN	124	*bài ca con cá*
TRANG CHÂU	126	tín hiệu
ĐỖ TỬ HẬU	132	không phải là chuyện ma
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	136	*ảo tưởng*
HÀN SONG TƯỜNG	138	*mất tích*
TRẦN MỘNG TÚ	140	những mảnh quê nhà
THẾ QUÂN	147	tin văn
VĂN HỌC	155	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2000

Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

THÔNG BÁO TĂNG GIÁ BÁO MUA DÀI HẠN

Bắt đầu từ ngày 7 tháng 1 năm 2001, Bưu điện Hoa Kỳ thay đổi giá bưu phí gửi báo đi ngoại quốc, khiến Ban Chủ trương Văn Học vô cùng bối rối.

Suốt mười sáu năm xuất bản của Văn Học, hai món chi phí quan trọng nhất Văn Học phải lo là tiền in và tiền gửi báo. Số thu từ bạn đọc dài hạn và từ các hiệu sách vừa đủ trang trải cho hai chi phí nói trên, tác giả góp bài và những người thực hiện tờ tạp chí đều làm việc với tinh thần thiện nguyện, nhờ thế Văn Học mới sống sót cho đến ngày nay.

Nhưng đợt tăng giá bưu phí vừa rồi là một lo lắng tài chánh lớn cho Tòa báo, nhất là đối với các bưu phẩm gửi tới bạn đọc dài hạn bằng đường thủy (surface) ở ngoài Hoa Kỳ, như Canada, Âu châu, Úc châu.

Văn Học gửi đi Canada trước đây bưu phí airmail là $2.06, bưu phí surface là $1.37. Nay gửi theo global priority tốn hết $4.00, gửi theo Economy (tên mới thay cho hạng surface) tốn hết $2.70.

Văn Học gửi đi Âu châu trước đây bưu phí air mai là $3.84, bưu phí surface là $2.24. Nay gửi theo global priority tốn hết $5.00, gửi theo Economy tốn hết $3.80.

Văn Học gửi đi Australia và Japan trước đây bưu phí air mail là $4.85, bưu phí surface là $2.24. Nay gửi theo global priority tốn hết $5.00, gửi theo Economy tốn hết $4.05.

Gửi báo hạng Economy vừa chậm (hơn một tháng mới tới) lại vừa đắt (vì tính theo trọng lượng tối thiểu 16 oz.), nên từ số này, chúng tôi bắt buộc phải gửi báo đi Canada, Âu châu và Úc châu theo hạng **Global Priority**, tốn **Bốn Mỹ kim** cho báo gửi đi Canada và **Năm Mỹ kim** cho báo gửi các nước khác.

Từ nay, Văn Học gửi báo đi ngoại quốc theo một hạng duy nhất là Global Priority, và bỏ hẳn hạng Surface.

Một giá biểu mới được áp dụng cho các bạn đọc gia hạn từ **Một tháng Tư năm 2001** in kèm ở cuối số báo này.

Những bạn đọc ở Hoa Kỳ đã gia hạn một hay hai năm không bị ảnh hưởng của giá biểu mới.

Những bạn đọc mua Văn Học theo hạng Air Mail cũng không bị ảnh hưởng nhiều. *Ảnh hưởng nhiều nhất là các bạn đọc mua dài hạn theo hạng surface*. Ban quản lý Văn Học sẽ điều chỉnh số báo quí vị sẽ nhận được cho phù hợp với giá biểu mới.

Tăng giá báo vì bưu phí đột ngột tăng là một điều bất đắc dĩ. Mong bạn đọc thông cảm, và tiếp tục ủng hộ Văn Học.

Thơ xuân Trần Nhân Tông và thời gian nghệ thuật

Trần Văn Tích

Sự miêu tả, trần thuật trong văn học nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ một điểm nhìn nhất định trong thời gian vật lý. Và nội dung được trần thuật, miêu tả bao giờ cũng diễn ra trong thời gian trần thuật. Sự phối hợp của hai yếu tố thời gian này tạo thành thời gian nghệ thuật, một hiện tượng ước lệ chỉ có trong thế giới nghệ thuật. Khác với thời gian khách quan được đo bằng đồng hồ và theo lịch pháp, thời gian nghệ thuật có thể đảo ngược, quay về quá khứ xa gần, có thể bay vượt tới tương lai xa xôi, có thể dồn nén một thời gian dài thành một chốc lát, có thể kéo dài cái chốc lát thành vô tận. Thời gian nghệ thuật được đo bằng nhiều thước đo khác nhau, bằng sự lặp lại đều đặn của các hiện tượng đời sống được ý thức : sự sống, cái chết, gặp gỡ, chia tay, mùa này, mùa khác v.v..tạo nên nhịp điệu sinh hoạt trong tác phẩm. Cho nên thời gian nghệ thuật gắn liền với tổ chức bên trong của hình tượng nghệ thuật. Khi ngòi bút nghệ sĩ chạy theo diễn biến dồn dập của các sự kiện thì thời gian trôi nhanh :

Chốc đà mười mấy năm trời.
(Truyện Kiều, câu 2239*)*

khi ngòi bút ngừng lại chậm rãi miêu tả chi tiết thì thời gian thôi trôi chảy:

Tận tại đình châm bất ngữ thì.
(Dồn lại ở một giây phút dừng kim và im phắc)
Huyền Quang Lý Đạo Tái (*Xuân nhật tức sự*)

Thời gian nghệ thuật thể hiện sự tự cảm thấy của con người trong thế giới: nó phản ảnh sự cảm thụ thời gian của ngòi bút trong từng thời kỳ

lịch sử, từng giai đoạn phát triển; nó cũng thể hiện sự cảm thụ độc đáo của hồn thơ về phương thức tồn tại của con người trong thế giới. Nó cho thấy đặc điểm tư duy của tác giả.

Tùy nhiên đặc điểm tư duy đó không hoàn toàn giống nhau giữa phương tây và phương đông, và như thế ngay từ cách nhìn thời gian vật lý.

Chúng ta biết rằng nền văn minh quanh Địa trung hải đã có rất sớm một phép tính thời gian liên tục, với một điểm khởi hành bất dịch, khiến có thể định rõ từng niên điểm trước và sau mốc ra đi nhất định ấy. Nhưng văn minh đông phương thì khác. Nếu văn minh Hy lạp, La mã, Do thái, Thiên chúa hay Hồi giáo minh định các thời đại theo đường thẳng thì Trung hoa, Việt nam lại sử dụng một lịch pháp theo vòng tròn, gồm một loạt những chu kỳ thời gian đóng kín, trong đó các vòng lớn là những triều đại, các vòng trung là những đời vua, được phân chia thành những vòng nhỏ là các niên hiệu và các niên hiệu lại được chia cắt thành năm, mùa, tiết, tháng, ngày, giờ. Như vậy, mỗi sự kiện đĩ vãng đều xảy ra trong một cái khung hết sức rõ rệt, vào một thời điểm chính xác, khiến các bộ sử biên niên chữ Hán có một giá trị lịch sử độc đáo mà những nền văn minh khác không biết đến.

Trong y học, hệ thống vòng luân lưu lớn nhỏ cũng chi phối các thay đổi trong cơ thể con người, chúng là một hình ảnh trung thành của các vòng chu chuyển thuộc ngoại giới. Chúng thuộc một thể loại vòng kín, một thứ closed chain, như các tác giả thuộc hệ ngôn ngữ Anh-Mỹ mô tả khi nói về Trung y(1), một hình thức hoàn vô đoan , nếu muốn dùng chữ của Nội kinh, tư liệu kinh điển của y học phương Đông.(2) Con người khoa học phương đông chủ xướng sự tồn tại trong cơ thể gắn liền cùng sự trao đổi năng lượng liên tục theo những vòng tuần hoàn có thể là ngắn, có thể là vừa, có thể là dài. Vòng ngắn như vòng chuyển dịch của vệ khí mà Trung y mệnh danh là tiểu hội, mỗi ngày có hai mươi lăm vòng vệ khí luân lưu trong cơ thể, ở bên ngoài kinh mạch để bảo vệ châu thân, nghĩa là mỗi vòng lối ba mươi phút; hoặc như luận cứ đại hội của vinh vệ: một ngày một đêm một lần, vinh và vệ lại đại hội với nhau. Điển hình cho loại chu kỳ vừa mà Trung y mô tả là chu kỳ kinh nguyệt. Do nơi nguyệt sự phái nữ mang tính chất vòng kín rất rõ nét nên tiền nhân phương đông đem ví với mặt trăng. Trăng mỗi tháng tròn một lần, kinh mỗi tháng thấy một kỳ, tháng nào tháng nấy, không hề thay đổi, chẳng bao giờ lỗi hẹn, không tháng nào đơn sai, rất trung thành, rất thủy chung, rất tín nghĩa, cho nên mới gọi là nguyệt kinh, nguyệt kỳ, nguyệt sự, cũng có khi mệnh danh là nguyệt tín, là tín thủy. Về vòng dài thì có thể kể những vòng tuần hoàn của thời gian qua lối tính thiên can địa chi của lịch học và qua chủ

thuyết vận khí với các ý niệm chủ khí khách khí, chủ thuyết này chuyên nghiên cứu ảnh hưởng của khí hậu đối với sinh vật, đặc biệt là đối với nhân thể, nhằm mục đích nắm vững qui luật biến hoá của hoàn cảnh tự nhiên, xét đoán sự thay đổi của khí hậu hàng năm và tình hình phát bệnh để đặt vấn đề phòng ngừa chẩn trị thích đáng. Trong cơ thể thì khí huyết chuyển dịch liên miên, mang sinh lực đến cho các tạng phủ, đi từ tạng này đến tạng nọ, từ phủ này đến phủ khác, từ tạng nọ qua phủ kia theo một vòng kín và cũng trong một ngày đêm, khí một tạng phủ lại tuần tự vượng lên trong hai giờ (theo lối tính giờ của chúng ta ngày nay vì mỗi giờ ngày xưa bằng hai giờ hiện đại). Chẳng hạn can khí vượng vào giờ sửu, tâm khí vượng vào giờ ngọ, thận khí vượng vào giờ dậu v.v..

*

Giống như thời gian tồn tại trong thế giới khách quan, thời gian nghệ thuật là một tập hợp của nhiều hình thức thời gian dị biệt. Các thể loại thời gian này tác động vào nhau, liên hệ với nhau để tạo thành nhịp độ vận động của đời sống hiện thực trong văn chương. Đến với thời gian cuộc đời qua hai bài thơ tuyển lựa sau đây, vua Nhân Tông nhà Trần cũng không thể bỏ qua được thời gian nghệ thuật.

Trần Nhân Tông lên ngôi vua năm Kỷ mão 1279, đến năm Quí tỵ 1293 thì nhường ngôi cho con và nhận tước vị Thái thượng hoàng. Chính dưới triều đại nhà vua, hai lần quân dân Việt nam dọ sức cùng năm mươi vạn quân Mông cổ (1285 và 1288), lập nên chiến công lừng lẫy trong quốc sử. Cũng chính nhà vua đã triệu tập hai cuộc họp lớn : hội nghị các tướng lãnh ở Bình than và hội nghị những người già cả ở Diên hồng để bàn mưu tính kế, tỏ quyết tâm chống giặc. Ngoài ra, nhà vua còn là người sáng lập dòng thiền Trúc lâm, từng đi thuyết pháp nhiều nơi, chu du khắp miền đất nước, vào tận kinh đô nước Chiêm thành trước khi trở về tu hành ở núi Yên tử, được người đương thời tôn xưng là Giác hoàng Điều ngự.

Riêng trong lĩnh vực thơ văn, Trần Nhân Tông là một nhà thơ có phong cách. Thi ca nhà vua là một tổng kết hài hoà giữa cảm quan thế sự và cảm quan triết học, mang đậc tính lạc quan yêu đời của người lãnh đạo bên cạnh nét rung động tinh tế của người nghệ sĩ. Nhà vua viết tương đối nhiều về mùa xuân: *Xuân cảnh, Xuân vãn, Mai, Táo mai* và trong khá nhiều bài thơ nhà vua dùng chữ xuân : *Đề Cổ châu Hương thôn tự, Động thiên hồ thượng, Đăng Bảo đài sơn, Quỹ Trương Hiển Khanh xuân bính, Tống Bắc sứ Lý Trọng Tân, Nhị nguyệt thập nhất nhật dạ, Sơn phòng mạn hứng, Thiên trường phủ, Hoạ Kiều Nguyên Lãng vận, Tống Bắc sứ Ma Hợp.* Thậm chí khi giảng thuyết về đạo Phật cho môn sinh - chẳng hạn trong *Sư đệ vấn đáp* - nhà vua cũng đưa cảnh xuân vào lời khai tâm đệ tử.

Sau đây là hai bài thơ xuân vận dụng thời gian nghệ thuật của vị Giác hoàng Điều ngự khi còn ở trên ngôi báu.

Xuân hiểu
Thụy khởi khải song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.
Buổi sớm mùa xuân
Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không ngờ mùa xuân đã về.
Một đôi bướm trắng,
Phần phật cánh bay đến hoa.

Ngô Tất Tố dịch thơ :

Ngủ dậy ngỏ song mây,
Xuân về vẫn chửa hay.
Xong-xong đôi bướm trắng,
Phấp-phới xấn hoa bay.

Xuân nhật yết Chiêu lăng
Tì hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên phong.
Ngày xuân thăm Chiêu lăng
Thị vệ như hùm gấu túc trực trước nghìn cửa,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
Thường kể lại chuyện đời Nguyên Phong.

Ngô Tất Tố dịch thơ :

Nghi vệ nghìn nhà tĩnh,
Xiêm đai bảy phẩm thông.
Lính già phơ tóc bạc,
Kể chuyện thủa Nguyên-phong.
Trong thơ chữ Hán, bài *Xuân hiểu* của Mạnh Hạo Nhiên là một bài

quen thuộc, được nhiều người tán thưởng :

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề điểu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu.
Giấc ngủ đêm xuân không biết trời đã sáng,
Nơi nơi nghe chim hót vang.
Đêm qua sầm sập tiếng gió mưa,
Chẳng hay bao nhiêu hoa đã rụng.

Nhà thơ Trung hoa mô tả cảnh giấc ngủ của con người và của mùa xuân, một giấc ngủ của nhân thân và vũ trụ vừa chấm dứt. Nhưng đại não chưa hoàn toàn hưng phấn và tự nhiên cũng chưa hẳn bước sang mùa. Ba câu thơ sau mô tả ba lớp tâm thức của người ngủ mới tỉnh thức nhưng còn mơ màng, trong đó pha trộn hiện tại (tiếng chim hót chào đón ánh xuân), dĩ vãng (đêm qua mưa gió đầy trời) và tương lai (dự kiến xuống vườn xem hoa rơi nhiều hay ít).(3)

Bài *Xuân hiểu* của vua Trần vừa sử dụng thời gian vũ trụ chu chuyển, không có điểm bắt đầu, không có Năm Một, vừa vận dụng thời gian nhân thể trực tuyến, với thời điểm nhất định, dẫu rằng thời điểm đó chúng ta chỉ có thể ước đoán, vì nó bắt buộc phải nằm trong khoảng đời từ ngày 11 tháng 11 năm Mậu ngọ là ngày vua sinh ra cho đến ngày 03 tháng 11 năm Mậu thân là ngày vua băng hà. Bức tranh ghi lại cảnh một buổi sớm mùa xuân bằng vài nét bút. Vừa ngủ dậy, mở cánh cửa sổ nhìn ra ngoài, bỗng thấy mùa xuân đã tới. Hoa đã nở, hai cánh bướm trắng sóng đôi theo nhau bay.

Thụy khởi khải song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.

Theo vòng tuần hoàn của vũ trụ khách quan, mùa xuân lại về. Và nhà vua chợt phát hiện ra điều đó : té ra xuân về rồi kia. Frederick Mote trình bày tính nhị bội của vũ trụ luận Trung hoa như sau :

[The traditional Chinese] cosmology made necessary two kinds of time. One was cyclic cosmic time, with no beginning point, no Year One. Stages of cosmic ỏprocessỏ (for example, the generative process of the self-contained cosmos itself) were seen as a set of logical, not chronological, relationships. The cosmic process is one in which all stages are simultaneously present. The other kind of time, however, was the devel-

opmental, linear time of human history, in which manõs cumulative achievement in devising culture had its beginning point, suggested if not precisely known.(4)

Hai hình thái thời gian đó, thời gian vũ trụ chu chuyển và thời gian nhân thể trực tuyến, tương ứng với hai thái độ của con người đối với thời gian, hai thái độ đối lập thống nhất, tương thừa tương vũ, hỗ can bình hoành, y như quan niệm về *âm* và *dương* trong khoa học tự nhiên và khoa học ứng dụng phương đông. Quan niệm đó đặt khoảnh khắc ngắn ngủi mà thi nhân đang sống (thuộc phạm vi thời gian nhân thể trực tuyến) song hành nhưng hoà hợp với vòng tròn xoay chuyển liên tục thiên vạn (thuộc phạm vi thời gian vũ trụ chu chuyển). Trong một tâm cảnh như vậy, hồn thơ đạt đến độ sâu thẳm nhất thế giới nội tâm.

Động tác mở cửa sổ thuộc thì hiện tại. Tình trạng xuân về gắn với quá khứ (dĩ nghĩa là đã qua). Có sự thay đổi: thay đổi mùa màng, thay đổi thời tiết. Tối hôm qua đi ngủ chưa thấy xuân về. Sáng hôm nay mở cửa thì xuân đã đến. Có sự gắn bó: gắn bó giữa dĩ vãng và hiện tại dưới hình thức ký ức. Trí nhớ nhận thức rằng quá khứ của tối hôm qua chưa phải hoàn toàn trôi chảy mà còn hiện hữu trong sáng hôm nay. Có sự song hành : song hành giữa thời gian vòng tròn ngoại giới (xuân đi rồi xuân lại về) và thời gian đường thẳng châu thân (đại não tuần tự khắc ghi dữ kiện). Các tế bào chất xám nhận thức hiện tượng hoàn vũ *xuân dĩ qui* qua hoài niệm, hồi ức, kinh nghiệm, lịch duyệt khi đôi thần kinh số II tiếp thu hình ảnh hai cánh bướm bay vờn trên hoa nở. Nếu thử dùng thời gian tâm lý đưa vua Trần vào thềm thiên kỷ mới và đến thủ đô một nước nào đó chúng ta đang dung thân tỵ nạn thì *xuân* sẽ *dĩ qui* qua những hình ảnh khác hẳn, những thực tượng khác hẳn. Ở nước Đức công kỹ nghệ này chẳng hạn, loài bướm gần như tuyệt giống rồi, làm gì còn đôi bạch hồ điệp nào nữa giữa lòng thủ đô Berlin! Ở đây, tính gắn bó đổi trao giữa *âm* và *dương*, giữa dĩ vãng và hiện thực khiến mỗi biểu tượng lẻ loi được nhận biết hoặc một phần toàn cảnh được chụp hình có tác động và khả năng đại diện trọn vẹn cho thời khắc, cho chốc lát trong và trên dòng thời gian. Thấy một nhánh cây nẩy chồi mọc mầm là thấy cả mùa xuân, nghe một tiếng lá ngô đồng rụng rơi không tiếng động là nghe cả mùa thu... Chỉ cần thời gian nghệ thuật qua một tích tắc tâm cảnh, qua một sát na hồn thơ đủ để khắc hoạ sắc sảo một hay vài chi tiết tiêu biểu và chân thực.

Tích tắc đó, sát na đó là mối dây ràng buộc giữa cái đã qua và cái hiện có, giữa ký ức và tri giác, giữa những mùa xuân đã từng trải và mùa xuân đang trở về. Qua thủ pháp vận dụng thời gian nghệ thuật, hai câu thơ một

và hai gắn bó chặt chẽ hơn với hai câu thơ ba và bốn :

Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.

Vô hình trung cú pháp la liệt dã được vua Trần vận dụng để thể hiện *a paratactic presentation of images.*(5)

Hai dạng thức thời gian, thời gian khép kín của buổi sáng mùa xuân và thời gian đường dài thuộc ký ức hoài niệm vừa tương phản vừa đồng qui trong thi phẩm : quá khứ / hiện tại, chu kỳ / trực tuyến, qua đó nhà thơ thể hiện nét vẽ đối chiếu cái mới (mùa xuân) với cảnh cũ (cánh bướm), đặt trí nhớ song hành cùng cảm thụ. Hai tuần hoàn quan hệ trong thiên nhiên, hai yếu tố lịch học quan trọng về thời gian là vòng ngày-đêm và vòng mùa tiết được trình bày dưới tầm nhìn triết học: cả hai đều mới nhưng cả hai cũng là cũ. Đôi bướm của năm nay tuy vốn là những sinh vật quen thuộc của cảnh sắc Việt nam nhưng lại chắc chắn không phải là đôi bướm năm cũ. Vị hoàng đế thi sĩ thể nghiệm tiến trình vận hành những tuần hoàn vũ trụ: mùa xuân tự lập lại, nhưng đôi bướm thì mới sinh. Tuy nhiên mùa xuân năm nay dẫu năm tới lại về nhưng không phải là cùng một mùa xuân đồng nhất. Trong chu kỳ ngày đêm, thơ thường thiên vị đêm hơn ngày vì đêm là giai đoạn âm thịnh, mang biểu tượng suy vi, điêu tàn. Vua Trần Nhân Tông gạt bỏ yếu tố tiêu cực đó. Nhà vua tách lìa đêm ra khỏi ngày để mở đầu bài thơ bằng một yếu tố dương tính : rạng đông. Vị lãnh tụ dân tộc, sống cuộc đời lẫm liệt, viết trang sử hào hùng, không thể làm thơ xuân bi luỵ. Hoa trong thơ vua không rụng mà đang nở, thơ vua bừng bừng sức sống.

Viếng Chiêu lăng cũng là dịp để vua Trần Nhân Tông đặt đối nhau thời gian tâm lý và thời gian vật lý. Nghi vệ oai hùng, dọc đường nhà cửa dân chúng trang hoàng nghiêm chỉnh, quần thần hộ giá rất đông, đủ cả áo mũ bảy phẩm. Thời gian chu chuyển qui vào thời điểm *yết Chiêu lăng*. Nhưng *yết Chiêu lăng* cũng là dịp để ca lời ca bất tuyệt của con người đương thời, hoà chung trong một giọng, tán tụng không dứt những chiến công lừng lẫy :

Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên phong.

Lời ca ấy, hùng văn ấy như tiếp tục nâng tâm hồn thời Thịnh Trần cất lên, bay vút. Nhắc lại chuyện Nguyên phong là để gợi đến thời hiện tại. Dùng thủ pháp đảo ngược thời gian vật lý, đem ngày trước đặt sau bây giờ, dĩ vãng được mỹ học thi pháp hình tượng hoá để chuyển biến sang

hiện thực. Quá khứ cũng là đương thời.

Chiêu lăng là lăng vua Trần Thái Tông và Nguyên phong là niên hiệu thứ ba, kéo dài từ 1251 đến 1258. Bài thơ chắc phải được viết trong hoặc sau kháng chiến bình Mông, như vậy chuyện Nguyên phong phải xẩy ra lối ba thập niên trước đó. Ba mươi năm xây dựng và gìn giữ đất nước đem đặt song hành với những gì còn lưu lại đến hôm nay, qua hình tượng người lính già kể chuyện cũ.

Giá trị thẩm mỹ của bài thơ có tiêu điểm hàm nghĩa qui vào động từ tại. Chữ tại này tạo cảm quan suy tưởng về một thực thể hiện hữu, tức thời, minh bạch.

Trong Hán văn, tại thường được dùng hoặc như một kết từ hoặc như một động từ. Là kết từ, tại thường chỉ là một thành phần thứ yếu trong mệnh đề, biểu thị một mối quan hệ cú pháp. Đó là chữ tại trong câu thơ thiền sư Huyền Quang ở đầu bài này hoặc trong các câu sau :

Trắc kiến song thúy điểu,
Sào tại tam châu thụ.
Trương Cửu Linh (*Cảm ngộ*)
Ghé nhìn hai con chim thúy,
Làm tổ trên cây tam châu.

Độc tại dị hương vi dị khách.
Vương Duy *(Cửu nguyệt cửu nhật...)*
Một mình ở nơi làng khác làm người khách lạ.

Thiếp trú tại Hoành đường.
Thôi Hiệu (*Trường can hành*)
Thiếp ngụ tại Hoành đường.

Độc bi cô hạc tại nhân quần.
Hoàng Phủ Tăng (*Thu tịch ký Hoài Tố thượng nhân)*
Riêng thương con hạc lẻ loi ở giữa bầy người.

Hán gia yên trần tại đông bắc.
Cao Thích (*Yên ca hành*)
Khói bụi đời Hán ở đông bắc.

Cảm quân triền miên ý,
Hệ tại hồng la nhu.

Trương Tịch (*Tiết phụ ngâm*)
Cảm vì tình chàng quyến luyến,
(Thiếp) đeo (minh châu) trong áo lụa hồng.

Phu thú biên quan thiếp tại Ngô.
Trần Ngọc Lan (*Ký phu*)
Chàng đi lính thú nơi biên thùy còn thiếp ở nơi đất Ngô.

Mỹ nhân tại thời hoa mãn đường.
Lý Bạch (*Ký viễn*)
Thuở người đẹp còn ở thì hoa đầy nhà.

Giữ chức năng nối liền hai từ hoặc hai bộ phận câu có quan hệ với nhau, tại trong trường hợp này bắt buộc phải đứng giữa câu.

Chữ tại của vua Trần có vị trí khác, nó đứng ở cuối câu :

Bạch đầu quân sĩ tại.

Ít nhất là ba thập niên đã qua : thời gian vật lý, thời gian vũ trụ, thời gian khách quan, thời gian chu chuyển. Thời gian đó được so sánh với đối tượng còn lưu lại, người lính già đầu bạc, biểu tượng cho thời gian tâm lý, thời gian nhân thể, thời gian chủ quan, thời gian trực tuyến. Thời điểm này, thời điểm *yết Chiêu lăng*, người chiến binh mái tóc không còn xanh vẫn cứ mang trên đầu những tháng năm huy hoàng bảo vệ và xây dựng tổ quốc. Hơn ba mươi năm là đây, là hôm nay, là khoảnh khắc này. Quá khứ qua đi nhưng không qua hẳn, quá khứ vẫn còn đó. Cơ thể người chiến sĩ *tại*. Động từ *tại* mang nội hàm ngữ nghĩa triết học thực thể và hiện diện. Chiến tranh tàn khốc là thế, hoà bình gian truân là vậy, nhưng con người trong cuộc vẫn còn, vẫn sống. Để

Vãng vãng thuyết Nguyên phong,

để bắc nhịp cầu giữa ngày trước và ngày hôm nay.

Thi pháp vận dụng vẫn là parataxe. Giữa hai "liên" thơ, liên thứ nhất với hai câu đầu mô tả quang cảnh hiện tại và liên thứ hai với hai câu cuối ghi nhận câu chuyện thời trước, không có thành phần cú pháp kết hợp, không có chữ nào để nối kết. Mỹ học thi ca khiến suy tư về quá khứ và cảnh trí đang hiện hữu xảy ra vào cùng một thời điểm : thời điểm đó vừa là thời điểm vật lý vừa là thời điểm tâm lý. Thời gian hư cấu và thời gian

trần thuật ăn khớp thành một trùng điểm qua đối thoại nội tâm của vị hoàng đế thi sĩ. Cho nên chữ *tại* áp triện lên toàn bài thơ. Nó giữ chức năng thiêng liêng, thần thánh của Động từ, Động từ viết hoa, như Victor Hugo từng khẳng định: *Car le mot, c'est le Verbe, et le Verbe, c'est Dieu.*

Cách đặt *tại* vào cuối câu như thế là một thủ pháp được ưa chuộng trong thơ chữ Hán. Như Nguyên Chẩn trong bài *Cố hành cung* mà chắc vua Trần đã mượn ý mượn lời :

Bạch đầu cung nữ tại,
Nhàn toạ thuyết Huyền tông.
Người cung nữ tóc bạc vẫn còn đây,
Rảnh rỗi ngồi kể chuyện thời Huyền tông.

hoặc như nhiều tác giả khác :

Các trung đế tử kim hà tại,
Hạm ngoại Trường giang không tự lưu.
Vương Bột (*Đằng vương các*)
Con vua trong gác giờ ở đâu,
Trường giang vẫn chảy bên ngoài hiên.

Kim niên hoa lạc nhan sắc cải,
Minh niên hoa khai phục thùy tại.
Lưu Hy Di (*Bạch đầu ông vịnh*)
Năm nay hoa rụng nhan sắc đổi,
Sang năm hoa nở người ở đâu?

Dương công bi thương tại,
Độc bãi lệ chiêm cân.
Mạnh Hạo Nhiên (*Dữ chư tử đăng Hiện sơn*)
Bia Dương công hãy còn đây,
Đọc xong, lệ rơi đẫm khăn.

Đản sử Long thành Phi tướng tại,
Bất giao Hồ mã độ Âm san.
Vương Xương Linh (*Xuất tái*)
Phải chi Phi tướng quân ở Long thành còn sống,
Thì sẽ không để cho ngựa Hồ vượt qua Âm sơn.

Sơn vi cố quốc chu tao tại,
Triều đả không thành tịch mịch hồi.
Lưu Vũ Tích (*Thạch đầu thành*)
Núi non vẫn còn vây quanh đất cũ,
Sóng triều vẫn lặng lẽ đập vào toà thành vắng.

Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại,
Phong cảnh y hy tự khứ niên.
Triệu Hỗ (*Giang lâu thư hoài*)
Người cùng đến đây ngắm trăng giờ ở đâu,
Phong cảnh nơi này vẫn giống như năm ngoái.

Hoa lưu động khẩu ưng trường tại,
Thủy đáo nhân gian định bất hồi.
Tào Đường (*Thiên thai tống biệt*)
Hoa ở lại cửa động hẳn còn mãi mãi,
Nước đi đến cõi người chắc chẳng trở về.

Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,
Bất kiến đương thời khuyến tửu nhân.
Tào Đường (*Tái đáo Thiên thai*)
Hoa đào và nước chảy vẫn giống như cũ,
Không thấy người chuốc rượu thuở bấy giờ.

Thế đấy. Tư duy hình tượng trong sáng tác mỹ học luôn luôn kết hợp thế giới tinh thần của nhà thơ với sự vật ngoại giới. Đi sát cuộc đời, thể hiện những cách nhìn nghệ thuật, thi ca phản ảnh mạch sống nhưng qua lăng kính tâm trạng bồi hồi, cảm xúc dạt dào của hồn thơ.

Những dòng thơ trích dẫn trên đây với chữ tại giữ chức năng động từ đều buồn, chúng như chỉ kể toàn vận rủi với sầu muộn. Đối với vua Trần Nhân Tông, nguồn gốc kích động sáng tạo lại khác. Nếu những nhà thơ đời Đường nhìn thời gian nghệ thuật như một tiến trình tiền định : năm tháng trôi qua không tránh khỏi, xuân tàn, bóng xế, tuổi niên thiếu chấm dứt, cái chết như đang chờ đón hoặc đã đến rồi, thời huy hoàng không còn nữa, người yêu bạn cũ đi mất v.v..thì vua Trần Nhân Tông đưa thời gian nghệ thuật lên mức độ hoành tráng hùng vĩ : người cựu quân nhân bảo vệ tự do còn tồn tại như chứng tích của những ngày tung hoành trận mạc. Thời gian trong thơ nhà vua không mang đặc trưng fatalité như thời gian Đường thi, kể cả thời gian Đường thi nơi thượng giới, trong cõi

bất diệt vĩnh hằng của các dòng thơ Tào Đường mô tả cảnh bồng lai.

Tâm trạng tâm cảnh nào, thời gian nghệ thuật nấy. Để cho thơ nói lên cái đẹp.❐

(1) G. Sarten. - *Introduction to the History of Sciences*. Vol. III (1,2). Baltimore. 1948. p.1179.

(2) *Nội kinh*. - Thiên *Nguyên kỷ đại luận: Thiên hữu ngũ hành dĩ sinh hàn, thử, táo, thấp, phong, ngũ khí vận hành như hoàn vô đoan* (Trời có năm hành, sinh ra lạnh, nóng, khô, thấp, gió, năm khí vận hành như chiếc vòng không mối đầu).

(3) Francois Cheng. - *L'Ecriture poétique chinoise*. Editions de Seuil. Paris. 1977. p. 33.

(4) Frederic W. Mote.- *Intellectual Foundations of China*. Alfred A. Knopf. New York. 1971. pp. 27-28.

(5) *Parataxe*: thủ pháp ngữ học sử dụng cách đặt tiếp nhau hay kề nhau những mệnh đề mà không minh thị mối liên hệ giữa chúng bằng những phụ ngữ phối hợp hay phụ thuộc. Ví dụ: "trời mưa, tôi ở nhà" thay vì "tôi ở nhà vì trời mưa".

"Đọc thơ Hoàng Bích Đào là chia sẻ cùng tác giả những ngày xuân tươi thơ mộng đầu đời, những mùa hè nung nấu nhớ thương, những vào thu ngậm ngùi dĩ vãng và những tàn đông xót xa gợi nhắc cuộc tình không trọn.
Cõi thơ Hoàng Bích Đào mênh mang những cảm xúc vừa cổ kính, lãng mạn lại vừa thủy chung của một người, dù đã chia xa tình yêu và quê hương, ngàn năm vẫn còn khăng khít với khung trời huyền ảo đó"
Nhà văn Bùi Bích Hà đã nhận định như thế về thi tập mới xuất bản của

Hoàng Bích Đào

bên trời mờ sương

diễm phương xuất bản

Thơ in rất trang nhã trên giấy quí màu vàng nhạt, với lời bạt của Hồ Trọng Khôi, Bùi Bích Hà, Ngô Mạnh Thu, Thanh Tâm; tranh và ảnh phụ bản của Hoài Nam, Năng Hiển, Trương thị Thịnh, Nguyên Khai; thơ phổ nhạc của Văn Đông, Trực Tâm.

Ấn phí: 12 Mỹ kim.

Liên lạc: Diễm Phương, 44 D' Ivry Ave., 75013 Paris France
Tel: 45.82.66.60
hoặc Lan Phương: 6038 Dorn Ct., San Jose, CA 95123 USA
Tel: 408-281-1493

Văn-học trong vòng tay chính-trị*

Nguyễn Văn Trung

Trên lãnh vực văn-học, tôi cũng bị phê-bình, đả-kích, mạt-sát, chửi rủa thậm-tệ. Nhìn lại những hoạt-động cầm bút của tôi và phản-ứng của những người từ phê-bình đến chửi rủa thậm tệ, tôi lưu ý những "hoàn cảnh viết" tùy thời-điểm, thời-kỳ dựa trên phân-biệt quốc-gia, cộng-sản hay Việt Nam Dân Chủ Cộng-Hòa hay Việt Nam Cộng-Hòa và những cái mốc trong nội-bộ miền Nam Việt Nam thời đệ Nhất Cộng-Hòa (chế-độ ông Ngô-Đình Diệm) và thời đệ Nhị Cộng-Hòa hay sau Diệm. Trong hai thời-kỳ đó, một mặt tôi trình-bày đường lối khả-năng chính-trị của các chính-quyền miền Nam và mặt khác khả-năng chống-phá của người Cộng-sản "trong lòng địch".

Về thời đệ Nhất Cộng-Hòa, xin tạm gọi chế-độ ông Diệm là một thứ "chuyên-chính tư-sản" so-sánh với "chuyên-chính vô-sản" của Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa ở miền Bắc. Trong chế-độ chuyên-chính kiểu tư-sản này, người cầm bút được tự-do nói bất cứ cái gì, miễn là phi chính-trị, không đụng đến chính chế-độ và một số lãnh-tụ thuộc gia-đình ông Diệm. Từ-ngữ "mật-vụ" được dùng trong thời-kỳ này biểu-lộ một tâm-lý dè-dặt sợ-sệt của người dân, người cầm bút. Chỉ sau 1963, người cầm bút mới được tự-do "múa bút" nhiều hơn như Chu-Tử, Từ Chung đã thú-nhận trong "Hiệu-triệu gửi nhà văn nhà báo" chào mừng cách-mạng thành-công, quân-đội ta đứng lên quật ngã chế-độ độc-tài gia-đình trị Ngô-Đình-Diệm. *"Mang danh là những người cầm bút chiến-đấu cho tự-do dân-chủ, và giải-phóng con người, vậy mà trong thời-gian vừa qua, vì cơm áo, vì khiếp-nhược đốn-hèn, chúng ta đã nhắm mắt ăn dơ, đánh đĩ tâm-hồn, phản-bội sự thật, phản-bội dân-tộc, cam tâm làm gia-nô cho bè lũ họ Ngô. Quân-đội đã đứng lên làm nhiệm-vụ, giành cơ-hội duy-nhất để*

thoát khỏi cảnh bồi bút, phi cầm thú" ...

Những người hoạt-động chống phá "trong lòng địch" cũng thú-nhận những hạn chế của mình. Để đánh dấu 10 năm "Giải-phóng miền Nam", Thành-đoàn Thanh-niên Cộng-sản thành-phố Hồ-Chí-Minh xuất-bản một tập ký-sự truyền-thống Thành-đoàn: *"Trui rèn trong lửa đỏ"* (Nhà xuất-bản Văn-Nghệ Thành-Phố, 1985). Tập ký ghi lại những thành-tích của Thành đoàn gồm gần 400 trang; chương 1, chương 2 từ 1950 đến 1963, chỉ vỏn-vẹn có 42 trang và phần còn lại kể những hoạt-động của Thành-đoàn chủ-yếu trong giới trẻ trí-thức sinh-viên học-sinh đô-thị thành-lập công-khai những phong-trào gọi là những "phong-trào tranh-đấu trên mặt trận văn-hóa trong lòng địch". Thời ông Diệm, những hoạt-động vận-động quần-chúng bị hạn chế và chỉ phát-huy những âm mưu khủng-bố, ám sát các nhân-vật chính-trị Mỹ-Việt như ám sát hụt đại-sứ Mỹ Nolting. "Không như thời Pháp, Diệm nắm chặt và nắm kỹ tay sai, những tờ báo phản-động hồi ấy thường đăng hình ảnh chiến-sĩ ta có vẻ nanh ác bị bán với tấm bảng treo cổ: Việt-Cộng. Phụ trang báo ảnh cho thanh thiếu niên đầy tranh vẽ Việt-Cộng mắt sâu, cầm bạnh tìm giết trẻ em. Cái gì xinh tươi, đẹp đẽ thuộc về "bảo-an", "quân-đội cộng-hòa", "công-dân vụ". Sân-khấu, phim-ảnh tiểu-thuyết cũng vậy. "Quốc-gia" đối-diện "Cộng-sản" và Quốc-gia bao-giờ cũng thắng, đẹp. Thời ấy sự chỉ-đạo của nội-tuyến thường bị gián-đoạn, chưa chặt chẽ, chúng ta hoạt-động theo hiểu biết hạn hẹp, theo cảm tình nhiều hơn". (Trang 291).

Ở quê tôi, bọn ác ôn đem đầu những người kháng-chiến treo tòn ten lên những hàng cây gòn trên con đường cái làng. Bọn chúng treo như vậy rất lâu, để thối rữa ra, nói là biểu-dương chiến-thắng của quân-đội cộng-hòa (trích trang 30).

Đối diện với chính-sách "khủng-bố cách-mạng", chế-độ ông Diệm, cụ-thể ông Ngô-đình Cẩn, sử-dụng chính-sách "khủng-bố chống cách-mạng" như tôi đã nhắc đến trong chương 3, nên thật dễ hiểu tình hình an-ninh được đảm bảo, rõ hơn thời ông Diệm vì mấy ai dám hoạt-động, tuyên truyền có lợi cho Cộng-sản".

Thời đệ nhất cộng-hòa, tôi chỉ viết báo liên-quan đến tôn-giáo, triết-học, văn-học, không đụng đến thời cuộc chính-trị. Nói cách khác, chủ trương một thứ triết-học, văn-học trong phòng. Chỉ sau 1963, mới viết về chính-trị, thời cuộc, đưa triết-học văn học xuống đường gọi là "dấn thân". Trong 9 năm thời ông Diệm, tôi là đối tượng của nhiều phê-phán trong giới cầm bút nhưng không có đả kích, mạt-sát, chụp mũ; cùng lắm chỉ nhận định những gì tôi viết một cách khách-quan biện-hộ hay có lợi cho

Cộng-sản. Chẳng hạn nhật-báo *Tự-Do*, để cả tháng trời liên tiếp phê-phán bài diễn-thuyết của tôi về Phạm Quỳnh rồi nhiều tạp-chí văn-học hưởng-ứng phê-phán tôi, chỉ nói: phê phán Phạm Quỳnh là gián tiếp đồng lõa với vụ Việt-Minh giết Phạm Quỳnh; hoặc trong cuộc trao đổi tranh-luận giữa tôi và nhóm *Văn-Đàn* về "Văn-học và luân-lý". Nhân một bữa nói chuyện khác của tôi về đề tài này, nhóm *Văn-Đàn* phê-phán đả-kích nhóm *Sáng-Tạo* và coi tôi là nhà "lý-luận văn-học" của nhóm này (hồi 1960). Sau cuộc đảo-chính hụt, cũng chỉ tố-cáo thứ văn-chương phi chính-trị, phi-luân gây tác hại cho người thanh-niên làm cho họ xa rời cuộc chiến-đấu chống Cộng-sản. *Văn-Đàn* không thể chụp mũ nhóm *Sáng-Tạo* về chính-trị vì Sáng-Tạo và mấy tờ khác tương tự như *Hiện-Đại* do Nguyên Sa phụ trách và *Thế-kỷ 20* do Nguyễn khắc Hoạch đều cùng một nguồn gốc xuất-xứ về chính-trị.

Dưới thời mà tôi gọi là "chuyên chính tư-sản", ông Ngô-đình-Nhu không trực-tiếp điều-khiển những sinh-hoạt văn-hóa, giáo-dục, thông tin mà là hai người phụ-trách đảng Cần Lao: Bác-sĩ Trần Kim Tuyến và ông Huỳnh văn Lang. Đường lối là làm sao quy tụ được giới nhân-sĩ, Nho-học, Tây học, văn-nghệ-sĩ là giới có thói quen kỵ chính trị, ngại liên-hệ với bất cứ vụ gì dính líu đến Nhà nước, lại đầy tự-trọng, tự-cao, tự-đại, không muốn chịu áp-lực nào về kinh-tế. Như vậy chỉ có cách là tỏ ra trân-trọng chuyên-môn, tài năng và cá tính của họ, để cho họ tự-do làm báo, ra nhà xuất-bản tư-nhân, nếu cần thì giúp họ về vật-chất, thủ-tục hành-chánh, chỉ có điều-kiện duy nhất về chính-trị: không được bày tỏ công-khai hoặc gián-tiếp lập-trường theo hay thân Cộng. Đối với đa số kể trên, điều-kiện đó thực ra không phải là điều-kiện vì họ đã lựa chọn lập-trường chống Cộng và chỉ muốn được tự-do biểu-lộ lập-trường đó theo cách thế của họ. Như vậy, các sinh-hoạt văn-hóa, văn-học nghệ-thuật tuy có định-hướng chủ-trương nhưng không có chỉ-đạo. Liên-lạc với chính-quyền thường chỉ qua người quản-lý, thư-ký tòa-soạn, chủ yếu là lãnh tiền trợ-cấp, còn chính những người đứng đầu, có người chẳng bao giờ gặp ông Nhu, ông Tuyến, ông Lang. Ngoài ra những người đứng đầu các tạp-chí, cơ-quan văn-hóa đều là những người không Công giáo. Qua những tài-liệu tôi còn giữ được, có thể kể được một số tạp-chí tiêu-biểu:

1- Do bác-sĩ Tuyến phụ-trách, qui-tụ đa số người Bắc hay di-cư:

* Tạp-chí *Quê-Hương*, nguyệt-san nghiên-cứu chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội, chủ-nhiệm giáo-sư Nguyễn Cao Hách trường Luật.

* Tạp-chí *Luận-Đàm*, cơ-quan của Tổng-hội Giáo-giới Việt-Nam, chủ-nhiệm Thẩm Quỳnh, chủ bút Nghiêm Toản.

* Tạp-chí *Văn-hóa Á-châu*, cơ-quan của hội Việt-Nam Nghiên-Cứu Liên-Lạc Văn-Hóa -Á châu, chủ-nhiệm Nguyễn Đăng Thục, thư-ký Lê Xuân Khoa.

* Tạp-chí *Những vấn-đề của chúng ta*, chuyên bàn về lý-luận chính-trị, do Thái Lang Nghiêm, gốc Duy-Dân phụ-trách.

* Tạp-chí *Tin-Sách*, nguyệt-san của Trung tâm Văn bút qui-tụ các nhà văn thời tiền chiến nổi tiếng như Nhất Linh, Vi huyền Đắc, Đỗ đức Thu, Vũ hoàng Chương, Lê văn Trương và các nhà văn các thế-hệ sau.

* *Sáng-tạo, Hiện-đại, Thế-kỷ 20*

2- Do ông Huỳnh văn Lang:

* tạp-chí *Bách-Khoa* chủ-ý qui-tụ những người miền Nam hoặc kháng-chiến cũ kể cả cựu đảng viên. Bài "Thay lời phi-lộ", số 1, đã xác-định tinh-thần mục-đích của tạp-chí "qui-tụ mọi người không cần cùng một tôn-giáo, một quan-điểm chính-trị, một tổ-chức chính-trị chặt-chẽ mới có thể trở thành bạn đường trong lúc tìm kiếm bất chấp đến dĩ-vãng nếu hiện thời đi cùng một con đường"

3. Những tạp-chí không do nguồn bác-sĩ Tuyến hay Huỳnh văn Lang như tạp-chí *Văn-Hóa Ngày Nay* của Nhất Linh, nhà xuất-bản *Quan-Điểm* của nhóm ông Nghiêm Xuân Hồng, đàng sau là Duy-Dân hay tạp-chí *Nhân-Loại* gần gũi kháng-chiến cũ ở ngoài quĩ đạo báo *Bách-Khoa*.

Ở nước ngoài, đặc-biệt ở Hoa-Kỳ và rõ hơn ở vùng California, hai người đã viết trước 75 ở miền Nam được nhiều bài báo, nhiều số tạp-chí đặc-biệt, thậm-chí cả sách đề cao xưng tụng là Võ-Phiến và Mai-Thảo. Về Võ-Phiến, trong Ngày Võ-Phiến tổ-chức ở California, 14-9-85, Nguyên Sa đưa ra nhận-định văn-chương miền Nam trước 75 gồm 4 khối lớn: nhóm *Sáng Tạo* của Mai-Thảo, nhóm *Đất Nước* của Nguyễn văn Trung, nhóm *Bách-Khoa* của Võ-Phiến, nhóm thứ tư gồm những nhà văn độc-lập". Võ-Phiến trong cuốn *"Văn-học miền Nam"* nhắc lại nhận-định của Nguyên Sa nhưng không thắc-mắc gì, làm cho người đọc có thể nghĩ Võ-Phiến tán thành lối nhìn của Nguyên Sa, người đã phát-biểu một cách tự-phát trong một buổi họp mặt đề cao Võ-Phiến, không phải từ một nghiên cứu lịch-sử văn-học nghiêm-chỉnh. Sau đó, nhiều nhà báo khác cũng nhắc lại luận-điệu kể trên. Cuốn *"Văn-học miền Nam"* anh Võ-Phiến gửi tặng

tôi hồi 1994 cùng với nhiều cuốn khác của anh. Tôi cũng đã ghé thăm anh tại nhà trong một chuyến đi Mỹ. Tôi vẫn thắc-mắc về lối nhìn kể trên mặc dầu tôi viết cho *Bách Khoa* ngay từ những số đầu tiên, ký bút hiệu Phan Mai, Hoàng Thái Linh, và số bài tôi viết cho *Bách Khoa* từ đầu cho đến 1975 có lẽ không thua gì số bài của Võ-Phiến. Sau 1975, khi Võ-Phiến đi rồi, còn ít anh em ở lại, tôi vẫn đến *Bách-Khoa* hoặc nói chuyện với đôi ba người cộng-tác-viên cũ hoặc riêng với anh Lê Ngộ Châu. Gần đây tôi liên-lạc được với anh Huỳnh văn Lang nêu thắc-mắc và anh trả lời: Cứ đọc tập 1 trong ba cuốn hồi ký của anh vừa xuất-bản *"Nhân Chứng Một Chế-độ"* mà anh gửi cho tôi nói về tạp-chí *Bách-Khoa* (từ trang 418). Một cách công-khai, *Bách-Khoa* là của anh Huỳnh văn Lang. Sau 1963, vì anh bị rắc rối, tù đày, nên trao cho anh Lê Ngộ Châu điều-hành cho đến 1975. Nhưng thực ra ngay từ đầu Lê Ngộ Châu đã là "linh-hồn" của tờ báo, anh không viết gì, nhưng lại mời được người viết thuộc nhiều giới lập-trường khác nhau viết bài. Điều khó-khăn hơn cả mà anh làm được, là yêu cầu người viết thêm bớt và được vui-vẻ chấp-nhận. Do đó, có thể nói *Bách-Khoa* là Lê Ngộ Châu và chắc anh Huỳnh văn Lang cũng đồng ý như vậy.

Nhưng Lê Ngộ Châu là ai? Ít ai trong giới bạn bè cộng tác với *Bách-Khoa* thắc-mắc về anh, đặc-biệt về quá khứ trước 1955 ở miền Bắc của anh, có lẽ vì ai cũng quí mến anh. Sau 1975 anh không gặp rắc-rối gì, kể cả thời kỳ đầu gay-go, căng-thẳng, và bạn bè cũ như tôi vẫn lui tới *Bách-Khoa* cũng không gặp rắc rối gì. Tôi không xét đoán con người thực của anh vì vô-ích. Hoặc anh là người cựu cộng-sản nhưng cách sống, giao-tiếp không cho thấy chút gì là cộng-sản, kể cả trong ngôn-ngữ. Bài tôi viết đôi khi dùng một số từ ngữ, kiểu nói của miền Bắc trước 1975, anh chỉnh ngay, đề-nghị sửa lại. Hoặc anh là người quốc-gia thực-sự vì lối sống hoàn-toàn của một người không cộng-sản. Kết-luận của cả hai giả-thuyết giống nhau, chỉ có một: anh sống như một người quốc-gia và nếu người cộng-sản lại sống như một người quốc-gia, không cộng-sản, thì người cộng-sản đó là người quốc-gia mà thôi.

Trường-hợp Phạm Ngọc Thảo, một người đã cộng tác với *Bách-Khoa* từ những số đầu, cũng có vấn-đề. Trong Đảng, có ý-kiến nghi-ngờ, nhưng rút cục, một cách chính-thức, Đảng nhìn nhận Phạm Ngọc Thảo là người của mình. Tuy nhiên về phía quốc-gia, đặc-biệt những người công-giáo, kể cả những linh-mục quen thân, lại coi Phạm Ngọc Thảo là người quốc-gia, người công-giáo. Nếu Phạm Ngọc Thảo là cộng-sản, lúc hấp-hối không cần đóng kịch; Phạm Ngọc Thảo vẫn yêu-cầu được gặp một linh-mục để lo giúp phần hồn cho anh như mọi người công-giáo khác. Rút

cục, chỉ có Phạm Ngọc Thảo biết rõ về mình và bây giờ đã vĩnh-viễn ra đi.

Về Mai-Thảo, những người ca tụng nhà văn này ở hải-ngoại đều coi Mai-Thảo là người đứng đầu, chủ-trương tạp-chí *Sáng-Tạo*. Cách xuất-hiện của *Sáng-Tạo* được xem là "điểm đổi hướng" trong sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật miền Nam (Trương Vũ, Sáng-Tạo với văn-học miền Nam, *Hợp Lưu*, trang 8, số đặc-biệt về Mai-Thảo, số 16, 1994). Ảnh-hưởng của nhóm này ra sao, cỡ nào..vẫn có thể là một đề tài để tranh-luận nhưng có điều chắc-chắn là từ 1954 cho tới nay, chưa có nhà văn nào gây được sự khích-động như nhóm Sáng-Tạo (Nguyễn Tà Cúc trong bài "Tô Thùy Yên, nhà thơ, *Khởi Hành* trang 19, 1997, số "Suy niệm Mai-Thảo" nói về sự ra đời của Sáng Tạo.) Trương Vũ cho biết "Theo lời kể của họa-sĩ Ngọc-Dũng, sự ra đời của *Sáng Tạo* có tính cách hết sức ngẫu-nhiên, khởi đầu từ một gặp-gỡ tại phòng tranh của Duy-Thanh"(trang 8).

Đối với những thế-hệ sau, hạ-bệ hay xưng tụng một nhà văn về phương-diện sáng-tác là điều bình-thường trong lịch-sử văn-học thế-giới, đúng hay sai, đều phải được tôn-trọng vì đó là quyền của thế-hệ đi sau. Nhưng xác-định nguồn-gốc, xuất-xứ của một công-trình cầm bút tập-thể như ra một tạp-chí, một nhà xuất-bản và xác-định ảnh-hưởng của nó đối với người đương thời, thì đó là thuộc lãnh-vực nghiên-cứu của lịch-sử văn-học. Làm việc này ở Việt Nam trước hết không thể không lưu ý đến hoàn-cảnh chính-trị của một đất nước trong thời-kỳ lịch-sử cận-đại hiện-đại, người cầm bút chưa hề có đầy-đủ tự-do chính-trị, và khi không có tự-do chính-trị, thì mọi địa hạt khác như văn-học, nghệ-thuật, giáo-dục, tôn-giáo,vv..đều bị chính-trị hóa. Thứ đến, lưu ý tới hoàn cảnh xã-hội của người cầm bút, nhất là lối sáng-tác thơ-văn. Đã có bao nhà văn nhà thơ Việt Nam sống được chỉ nhờ vào việc cầm bút sáng-tác? Hay là văn-học nghệ-thuật vẫn chỉ là một nghề tay trái, nghề phụ? Trong viễn-tượng đó, thưa anh Trương Vũ, việc xuất-hiện tạp-chí *Sáng-Tạo* không phải là điều ngẫu-nhiên, như thể *Sáng-Tạo* ở trên trời rơi xuống, mà nằm trong một chính-sách chính-trị về văn-hóa thời-kỳ đầu Đệ Nhất Cộng-Hòa. Tôi là người gần gũi với *Mai-Thảo*, không phải vì viết bài trong những số đầu tiên của *Sáng-Tạo* với bút hiệu Phan Mai, Hoàng Thái Linh mà vì trực-tiếp dính-líu tới xuất-xứ và việc điều-hành *Sáng-Tạo*. Tôi thường được Mai-Thảo rủ đi nhà hàng Văn-Cảnh, gần chợ Bến Thành. Mai-Thảo đem xe đến đón tôi và vợ chồng một người Mỹ thuộc cơ-quan USIS. Chúng tôi ăn cơm tối với nhau, sau đó khiêu-vũ. Tôi không biết nhảy, nên thường ngồi nói chuyện với một trong ba người ở lại với tôi. Ông giám-đốc người Mỹ này học ở Paris lấy vợ Pháp, nói thạo tiếng Pháp vì những người Mỹ

sang Việt Nam thời bấy giờ thường phải biết nói tiếng Pháp để giao-dịch với trí-thức Việt Nam. Quãng từ 10 giờ tới 11 giờ, Mai Thảo đưa chúng tôi về, nhưng chỉ bà vợ ông giám-đốc và tôi về, còn Mai-Thảo và ông giám-đốc được bà vợ cho phép đi khiêu-vũ tiếp với Mai-Thảo. Lúc đó tôi không thắc-mắc gì, nhưng bây giờ nghĩ lại tại sao Mai-Thảo không mời bạn thân của anh như Nguyên Sĩ Tế thông thạo Pháp-văn, hoặc ngoài tôi ra, Mai Thảo có rủ các bạn của anh đi Văn Cảnh với vợ chồng ông Giám-đốc USIS người Mỹ này không? Do những lần đi Văn Cảnh này mà tôi hiểu được đường lối và văn-hóa của USIS và biết được Mai Thảo dính líu với USIS về tài-chánh. Sau 1963, tôi đọc được trong hồ-sơ hành-chánh của Bộ Thông-tin và Thanh-niên một nghị-định do ông Trần Chánh Thành ký, cấp giấy phép cho tờ *Sáng-Tạo* do ông Robert P. Speer giám-đốc Thông-tin Hoa-Kỳ tại Việt-Nam làm đơn gửi Bộ Thông-tin và Thanh-niên. Trong văn-thư này có nói về một dự-định xuất-bản một nguyệt-san văn-nghệ dành cho giới công-chức, trí-thức Việt-Nam gồm các sáng-tác, truyện ngắn, phóng-sự, không có tính cách chính-trị nhằm mục-đích đề cao Sài Gòn là thủ-đô văn-hóa và trí-thức của Việt Nam, vạch rõ tại Việt-Nam tự-do, các học giả, trí-thức,văn-sĩ dứng-dắn được hoạt-động tự-do trong phạm-vi văn-nghệ. Tạp-chí này sẽ giao cho một người Việt Nam làm chủ-nhiệm và như vậy, đối với độc-giả, tạp-san không lộ rõ là tài-liệu tuyên-truyền công khai.

Trong bài "Sài Gòn thủ-đô văn-hóa Việt Nam" mở đầu số 1 *Sáng-Tạo*, Mai-Thảo viết: "Sài Gòn thay-thế cho Hà-Nội, từ một đô-thị miền Nam trở thành thủ-đô tinh-thần của toàn thể đất nước. Sài Gòn sáng-tạo và suy-tưởng".

Làm sao Mai-Thảo có thể chi-tiêu nhiều thứ: thuê nhà, đi xe hơi, ăn cơm tiệm, đĩ-nhiên với bạn-bè, đi khiêu-vũ, bao đào, vũ-nữ, nếu không có tài-trợ đồi-dào của USIS. Viên-Linh trong bài "Mai-Thảo riêng tây" (*Khởi-Hành* số tháng 8, 1997) có kể lại việc anh đến tòa báo *Sáng-Tạo* để đòi tiền nhuận-bút mà không được, chứng kiến tận mắt cảnh Mai-Thảo vét giấy 500 từng xấp chưa có nếp gấp bỏ túi trước khi ra đường, đi với hoa-khôi vũ-nữ Sài Gòn, cô Cúc, trong khi lương giáo-sư tư-thục chỉ lãnh 2-3 ngàn đồng mỗi tuần. Cảnh đó làm Viên-Linh giận Mai-Thảo. Tôi không bao-giờ nghĩ đến đòi Mai-Thảo trả tiền nhuận bút và không phiền trách gì lối sống của Mai-Thảo vì nghĩ rằng anh có tiền thì tiêu cho mình, cho bạn bè, vũ nữ; Mai-Thảo không dùng tiền tài-trợ mua nhà hay mua vàng để dành nên không bám víu vào đồng tiền ham mê của cải vật-chất. Do đó anh vẫn giữ được tinh-thần khó-nghèo theo Phúc-âm. Lấy tiền của Mỹ bao đào, gái nhảy, một giới bị bóc-lột về thân xác, theo tôi chẳng phải

là điều đáng trách.

Bây giờ viết lịch-sử văn-học, báo-chí văn-học thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, thiết-tưởng về xuất-xứ, phải trả *Sáng-Tạo* cho USIS, cơ-quan chủ-trương *Sáng-Tạo* vì Mai-Thảo chỉ là người được uỷ-nhiệm thực-hiện chủ-trương mà USIS đã đề ra, cũng như trả lại tạp-chí *Quê-Hương* cho sở Nghiên-cứu Chính-trị Phủ Tổng-thống. Tuy nhiên xác-định về nguồn-gốc xuất-xứ chính-trị không có nghĩa là gạt bỏ việc nghiên-cứu tìm hiểu ý-nghĩa, giá-trị nghệ-thuật của tác-phẩm, tạp-chí.

Ngay từ đầu thời Đệ Nhất Cộng-Hòa và cả thời Đệ Nhị Cộng-Hòa, USIS ra nhiều tạp-chí mang nhãn-hiệu USIS. Những tạp-chí này, đặc-biệt về văn-hóa, văn-học, tuyển chọn, dịch giới-thiệu những tác-phẩm của những tác-giả nổi tiếng nhất của văn-hóa, văn-học Mỹ, thật có giá-trị và có ích cho người đọc, nhất là người đọc chỉ quen thuộc với văn-học Pháp. USIS cũng tìm được những người như Pierre Đỗ-Đình (một học-giả chuyên giới-thiệu sách về Đông-phương-học trong tờ *Le Monde* thời ông còn ở Pháp) phụ trách coi tạp-chí. Nhưng mang cái nhãn-hiệu Phòng Thông-Tin Hoa-Kỳ, tạp-chí được gửi tặng không cho trí-thức (riêng tôi nhận được hai bản: một gửi về nhà, một bản về trường) nên tạp-chí ít được đọc vì người đọc kỵ tất cả những gì dính líu tới Nhà nước, cái gì là chính-thức. Rút kinh-nghiệm kể trên, khi gửi đơn xin phép Bộ Thông-Tin và Thanh-Niên, USIS đã nói rõ phải trao cho một người Việt Nam và họ đã trao cho Mai-Thảo. Về nguồn-gốc xuất-xứ của *Sáng-Tạo*, trong chỗ riêng tư khi được hỏi, như Thụy-Khuê đã cho tôi biết, Mai-Thảo nhìn-nhận lấy tiền của Mỹ. Ba tạp-chí *Sáng-Tạo, Hiện-Đại, Thế-Kỷ 20*, đều ra trong một thời-điểm và đều có nguồn tài-trợ của Hoa-Kỳ hay chính-phủ. Ngoài ra Nguyên-Sa trước 1975 và sau 1975, đã nói toẹt ra báo *Hiện-Đại* là báo nhà nước. Tôi có viết cho *Thế-Kỷ 20*, nhưng không viết bài nào cho *Hiện-Đại*. Nguyên Sa và tôi đều cộngtác bài vở với *Sáng-Tạo*, ủng-hộ *Sáng-Tạo* khi *Sáng-Tạo* bị *Văn-Đàn* công-kích. Tôi tranh-luận dằng-dai với *Văn-Đàn*, còn Nguyên Sa đã làm cho *Văn-Đàn* im-lặng khi Nguyên Sa lên tiếng theo cung-cách cố-hữu của anh. Nguyên Sa viết trên trang 4 *Hiện-Đại* "Khuôn mặt thời-gian" một bài như sau:

"Vào một buổi tối thứ Bảy trời mưa, Nguyễn văn Trung đã nói chuyện tại một câu-lạc-bộ, tôi không làm việc tường thuật buổi nói chuyện ấy trên trang bìa này, cũng không phê-bình. Tôi chỉ muốn nói đến một ý-nghĩ: cuộc nói chuyện đã ném vào tôi một xúc-động lớn. Nguyễn văn Trung thuộc về một số ít ỏi của thế-giới ngày nay dám nói lên những ý-nghĩ chân-thành của lương-tâm, nói lên điều cần nói, điều phải nói. Nói

lên dù biết chắc rằng sẽ bị áp-lực, trở-ngại, dù sẽ bị xuyên-tạc phỉ-báng, lăng-mạ đấm vào lưng bởi những loài bò sát quen luồn tránh sự thật. Ông thuộc về số người ít ỏi của thế-giới này dám nói lên những lời mang ý-nghĩa của một giòng suối trong rửa sạch những nguỵ-trang, mang hình ảnh của tấm gương soi chiếu thời-đại, mang giá-trị của lương-tâm tập-thể. Vì thế tôi gọi Nguyễn văn Trung là nhà Triết-học với tất-cả những ý-nghĩa trọn vẹn nhất của tiếng này"(*Hiện-Đại* số 6, tháng 4, 1960).

Vụ tranh-luận với *Văn-Đàn* vừa xong, tôi viết một thư ngỏ gửi nhóm *Sáng-Tạo*, đăng trên *Bách-Khoa* số 94, ngày 1-12-1960, để bày tỏ thái-độ không đồng-tình với *Sáng-Tạo* trong việc phủ-nhận, khinh miệt văn-học tiền-chiến bằng lý-luận, dả-kích trong khi về sáng-tác, báo *Sáng-Tạo* chưa hề cho thấy có những tác-phẩm được nhìn-nhận có ý-nghĩa, hướng đi thật sự đổi mới. Tôi viết thư ngỏ này sau khi đọc số *Sáng-Tạo* "Nhìn lại văn-nghệ tiền-chiến ở Việt Nam", xin trích một vài đoạn:

"..Người ta nói nhiều về sự nhộn-nhịp phong-phú trong sinh-hoạt văn-nghệ ngày nay. Nhưng riêng tôi, tôi cảm thấy sự nghèo nàn của văn-nghệ ngày nay hơn thời văn-nghệ tiền-chiến. Nếu căn-cứ vào tác-phẩm mà đánh giá thì phải nhận rằng sinh-hoạt văn-nghệ nghèo nàn. Tuần báo, tạp-chí đúng ra không phải là sinh-hoạt văn-nghệ, nhưng chỉ phản-ảnh sinh-hoạt đó thôi. Vậy mà ngày nay, chúng ta chỉ có tạp-chí, tuần báo văn-nghệ, nghĩa là chỉ có những người viết báo, hay sáng-tác của tạp-chí. Đâu là những vở kịch, tiểu-thuyết hay tập thơ được nói đến hàng tháng? Chúng ta liên tưởng tới nỗi khổ tâm của những người phải làm cái việc bất-đắc dĩ là tính sổ văn-nghệ cuối năm trong những số báo Xuân".

"Nhìn vào tình-trạng văn-nghệ ngày nay, chính các anh cũng nhận là 'chưa có những thực-hiện đáng kể' (Mai-Thảo). Nhiều người theo dõi sinh-hoạt của *Sáng-Tạo* dù mang nhiều thiện cảm đến đâu đi nữa với tạp-chí này không khỏi phàn-nàn về một ý-chí tụ thành nhóm mà lập trường chỉ là một chống đối tiêu-cực cao kỳ và hằn-học. Ý chí đó còn dề-dặt trong số đầu và đến số 'Văn-nghệ tiền chiến' đã thành một sự dả kích, gây hấn. Những lời nói đầy tự cao và bạo-động đó đem lại lợi ích gì? Hoàn toàn vô-ích, nếu không phải là tai-hại, vì chỉ tạo nên và gia tăng bầu không khí 'chiến tranh lạnh' trong văn-nghệ. Các anh chẳng tiêu diệt được gì những người mà anh muốn dả kích và cũng chẳng vì thế mà các anh được chấp-nhận".

"Khi các anh tự hỏi tại sao bây giờ còn có người đọc Tự-Lực Văn-

Đoàn, các anh cho rằng vì có những người vẫn luyến-tiếc và âm mưu duy-trì cái thứ văn 'dàn bà, ấu-trĩ, khóc sướt mướt' đó như các anh đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong buổi thảo luận. Nhưng các anh không hỏi lại tại sao người ta vẫn tìm đọc Tự-Lực Văn-Đoàn, dù không có những cố-gắng gợi lại và duy-trì đi nữa? Tại sao người ta không tìm đến các anh, những chứng-nhân của thời đại? Phải chăng vì Tự-Lực Văn-Đoàn còn nói lên được cái gì, hay vì người ta không tìm thấy cái gì đáng đọc của người hôm nay, nên đành phải trở về cái cũ vậy? Nêu lên câu hỏi trên, chúng ta không thể không nghĩ tới tình cảnh văn-nghệ nghèo nàn ngày nay, sự thiếu sót những tác-phẩm thực sự trưởng thành nói lên được muôn vàn khía cạnh của cuộc đời mới".

..."Tôi cho rằng, nếu các anh tự nhận là tiêu-biểu cho văn-nghệ hôm nay và coi sự hiện-diện của nó xây trên sự phủ-nhận văn-nghệ hôm qua, các anh chỉ có một cách chính đáng nhất để phủ-nhận là sáng-tác và dành công việc chấp-nhận sự phủ-nhận đó cho người đọc, người phê-bình".

Muốn tìm hiểu một cách nghiêm chỉnh ảnh-hưởng của Mai-Thảo và những tác-giả khác cùng thời, thiết-tưởng cần dựa vào những lề lối tiếp cận thường được sử-dụng: các phát-biểu trên báo-chí, những thăm dò dư-luận, phỏng vấn...Hồi 1964, nhóm *Hành-Trình* dự định ra một số đặc-biệt về 10 năm văn-học miền Nam (1954-1964) đã thực-hiện được một trưng cầu ý-kiến bạn đọc về những tác-phẩm văn-học được nhiều người ưa thích nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây (1954-1964) "Đối tượng của nhà văn bao giờ cũng là người đọc. Để có thể biết một cách tương-đối chính xác về những xu-hướng thưởng ngoạn tác-phẩm của quí bạn, tạp-chí *Hành-Trình* rất mong mỏi được quí bạn cho biết với một nhận xét hoàn-toàn chủ-quan, một tác-phẩm nào (gồm đủ mọi loại) xuất-bản khoảng 10 năm trở lại đây, được bạn đọc và ưa thích hơn cả. Về tiểu-thuyết (gồm cả tân truyện, tiểu-thuyết kịch), về biên-khảo (gồm cả tiểu-luận, phê-bình văn-học), về thơ, tên tác-phẩm, tác-giả. Chúng tôi tin ở sự quan-tâm đặc-biệt của quí bạn đối với văn-học nước nhà hiện nay, sẽ hưởng-ứng và phổ-biến trong các thân-hữu để cuộc trưng-cầu này được mọi người tham-gia rộng rải, kết-quả chúng tôi sẽ thông báo trong *Hành Trình* số 3 số đặc-biệt 'Nhìn lại 10 năm văn-học miền Nam' (1954-1964)". Đó là nội-dung phiếu gửi đi. Những phiếu gửi về cho biết những tác-phẩm của tác-giả nào được kể đến, và lập bảng thống-kê đối-chiếu cho biết những tác-phẩm của tác-giả nào được đọc nhiều hơn cả. *Hành Trình* chưa nhận được nhiều phiếu gửi về, nhưng những phiếu gửi về đã cho biết chẳng hạn Mai-Thảo, Võ-

Phiến, những cuốn nào được đọc so với các tác-giả khác. Kết-quả cuộc trưng-cầu để có được những con số, tuy chưa được nhiều, nhưng cũng phản-ảnh tương-đối trung-thực dư-luận đương thời và dư-luận đương thời không giống dư-luận ở Hoa-Kỳ 30, 40 năm sau. Tuy nhiên phản-ảnh tương-đối trung-thực chưa hẳn là phản ảnh đúng vì có trường-hợp tác-phẩm không được hay ít được đọc vì khó đọc, khó hiểu, nhưng lại có giá-trị, chẳng hạn về Thanh Tâm Tuyền, chỉ có phiếu đọc thơ, mà không có phiếu nào đọc tiểu-thuyết. Thời đó chúng tôi chú-ý tới truyện *Khuôn mặt* của Thanh Tâm Tuyền và đã đề-nghị anh Đỗ Long Vân điểm sách. Anh Vân viết rất khó, rất lâu và đã viết về cuốn này 11 trang đăng trong *Hành Trình*, số 5, tháng 2-1965, "Khuôn Mặt hay là tâm sự tiểu-tư sản trong Thanh Tâm Tuyền". Bạn đọc có thể đọc toàn văn bài điểm sách công phu kể trên trong *Hành Trình toàn tập*. Bài viết thật công-phu, sâu-sắc của một nhà phê-bình tuy viết ít nhưng đã để lại một số công-trình độc đáo. Anh đã qua đời hồi 1997 ở Sài Gòn . Xin trích mấy đoạn sau đây:

..."Suốt tập Khuôn Mặt, Thanh Tâm Tuyền đã lên án tính cách vô-dụng của sự làm văn. Anh không phải là người đầu tiên. Nhưng có lẽ người đầu tiên anh thấy rằng cái phần chân thật nhất của sự làm văn là ở sự vô-dụng ấy. Xưa những người chủ-trương nghệ-thuật vị nghệ-thuật cũng nghĩ rằng cái cao quí của văn, cũng như của tất-cả những nghệ-thuật khác, là nó không có một ích-lợi nào. Nhưng họ còn có ảo-tưởng rằng họ phụng-sự một cái đẹp muôn đời. Và thế thừa đủ để minh-chứng cho việc làm của họ...

Sự chân thực của người nữ-văn-sĩ xấu trong Thanh Tâm Tuyền, trái lại, là ý-thức được rằng làm văn không có gì minh chứng được cả, là từ-chối tất-cả những minh chứng, và đảm-nhiệm hoàn-toàn sự phản-bội của mình...Ở một thế-giới ai cũng thấy mình có lý hơn kẻ khác thì cám dỗ của Lưu trong truyện Isabelle, là trở nên một người tuyệt-đối không có lý. Nhưng sự tuyệt-đối không có lý ở đâu nếu không ở trong sự yên-lặng của những đồ vật? Và trước sự yên lặng ấy thì tất-cả những lý của người ta thật là nhẹ như chẳng ra gì. Hoá ra ở chỗ tuyệt-đối không có lý Lưu lại khám phá ra cái chân không của tất-cả những lý, và cái chân không tuyệt-đối mà sự phản-bội dẫn anh tới trả anh cho sự yên-lặng rất đầy của thế-giới cụ-thể. Anh bỏ cách-mạng, bỏ sự làm ăn, bỏ những ảo-ảnh của sân khấu- tất cả những cách ý nghĩ hoá cuộc đời để trở về với "Cô Ba hiền khô", với con chó già nằm phục bên cối đá, với khoảng đất sũng nước, con kinh đầy..."Khi quay về cuộc sống cụ thể ở bên con kinh đầy, Lưu lên án tham-vọng của Yến và của mình như những cố-gắng để tiểu-thuyết

hoá cuộc đời. Người thì làm văn, người thì làm cách-mạng, mỗi người một cách, họ đã muốn cho đời mình một ý-nghĩa. Nhưng tại sao lại sống theo một ý-nghĩa? Ý-nghĩa là tiểu-thuyết, là ảo-tưởng, là chân không, là sự phản-bội cuộc đời. Chẳng hạn, trên một chuyến xe bus đông người, một người đàn bà thò tay lấy cái bút máy của người bên cạnh. Cử-chỉ ấy trước mắt mọi người đều có một ý-nghĩa hiển nhiên: ấy là một cử chỉ ăn cắp. Nhưng nếu mọi người đều tin ở sự ăn cắp ấy như một sự kiện khoa-học thì Nghệ có cảm tưởng là chỉ 'thấy những bóng ma'? Ăn cắp đâu có phải là cái nghĩa tự-nhiên của cử-chỉ ấy? Nó chỉ có cái nghĩa ấy trong một thế-giới của tư-hữu. Tự nó thì nó cũng chẳng có gì lạ hơn bất cứ một cử chỉ nào khác. Và người ta hiểu tại sao, tuy đã chứng kiến cử-chỉ ấy, Nghệ vẫn không dám tin là đã thấy nó. Nhân vật của Thanh Tâm Tuyền cũng như chàng Meursault trong *L' étranger* tuyệt-đối sống ngoài ngôn ngữ của giống người. Và không phải ngẫu nhiên mà Thanh Tâm Tuyền đã là người khai mạc sự khủng-hoảng ngôn-ngữ ở xứ này và người đầu tiên đã dùng thơ làm một công-trình phá huỷ ngôn-ngữ để đạt tới trong mọi vật, sự vô-nghĩa nguyên-ủy của chúng.

Tất-cả tập "Khuôn mặt" cũng gọi người ta trở về sự vô-nghĩa ấy. Xã-hội lên án người này là ăn cắp, người kia là gái điếm, người kia nữa là phản-quốc. Nhưng tất-cả những danh-từ ấy có gì là thực đâu? Thực là con người xương máu của mỗi người. Và trước cái thây cháu còng queo của Quang, một anh chàng làm công an cho Tây, thì cái chữ phản-quốc có nghĩa gì? Con người bày ra những ý nghĩa , những giá-trị, những lý-tưởng để sống theo. Nhưng tất-cả những thứ ấy, trong sự trừu-tượng của chúng, là những mãnh lực của cái chết.

... "Không cần phải nói nhiều thì ai cũng thấy rằng trong truyện ấy Thanh Tâm Tuyền đã tả tâm sự một thanh-niên di-cư. Và cái luân-lý đã làm khổ người con trai trong truyện chính là ý-thức-hệ Cộng-sản. Một ý-thức-hệ mà những thanh-niên tiểu-tư-sản như Thanh Tâm Tuyền đã từ chối, khi 10 năm trước, họ đã từ-biệt xứ-sở để chọn đường vào Nam. Nhưng tuy từ-chối, con người họ đã bị ý-thức-hệ ấy xâm đoạt. Và họ coi nó là cái lý tuyệt-đối. Mâu-thuẫn của họ giống cái mâu-thuẫn xâu-xé người con trai trong truyện Khuôn Mặt. Và để thoát khỏi mâu-thuẫn ấy, họ chỉ có cách là xác-định một thực-tại ở ngoài tầm những lý, những ý-thức-hệ, những danh-từ...

Trước khi gặp ý-thức-hệ Cộng-sản, những người thanh-niên ấy sống trong ảo-tưởng rằng họ cũng là người như tất cả mọi người, cũng yêu, cũng ghét, cũng vui, cũng buồn, cũng đau-khổ và cũng biết công-phẫn trước những bất công như tất-cả mọi người, nói tóm lại, là những người

lương-thiện. Nhưng người Cộng-sản đến bảo họ là những người tiểu-tư-sản. Họ rất ngạc-nhiên. Nhưng họ đã bị gọi tên, họ mất sự vô-tội và bây giờ tất cả con người họ từ dáng đi, điệu đứng, cách ngồi, những ý tưởng thầm kín nhất của họ cũng đều có vẻ tiểu-tư-sản, nghĩa là rất khả nghi. Một người tiểu-tư-sản, quả vậy, chưa hẳn là một người. Con người lương thiện cũ trong họ đã chết. Nhưng không thể nhận cái danh-từ tiểu-tư-sản đã đánh dấu họ như một sa-dọa, họ chẳng thể làm gì hơn là tố-giác sự giả-tạo của tất-cả những danh-từ nhân danh một thực-thể không thể nào gọi tên. Với Thanh Tâm Tuyền cả một phần của văn-học xứ này đã trở về thực-thể, trở về cái cụ-thể của thế-giới, trở về cái phần không biết nói của con người. Nhưng người ta không thể giải-thích xu-hướng ấy ngoài sự gặp gỡ ý-thức-hệ Cộng-sản của thế-hệ 54.

Quanh tôi, người ta nhốn-nháo hỏi nhau sao không ai tìm ra một ý-thức-hệ để chống Cộng và xây-dựng xã-hội mới. Câu hỏi thật là ngớ ngẩn. Một ý-thức-hệ không phải một ngày làm ra như một cách nấu ăn. Nhưng có lẽ giờ đã đến lúc người ta phải nhắc lại rằng cả một lớp người đã từ chối ý-thức-hệ Cộng-sản không phải để làm ra một ý-thức-hệ ngụy tạo nào khác thế chân, nhưng để trở về một sự vô-nghĩa nguyên-ủy lên án tất-cả những ý-thức-hệ. Nhưng thế-giới không có gì thay-đổi. Trật tự xã-hội vẫn nguyên vẹn. Những giai-cấp vẫn tiếp-tục. Và họ vẫn là những người tiểu-tư-sản. Hoá ra từ chối ý-thức-hệ Cộng sản để tìm lại con người thực của họ, người tiểu-tư-sản càng ngày càng giống cái ảnh tượng của họ mà người Cộng-sản đã vẽ ra. Thật là buồn cười! Thật là mỉa mai! Nhưng người ta hiểu rằng người ta không thể thoát khỏi một danh-từ khi vẫn còn cái thực-tại nó gọi tên. Rất có thể cái tên ấy không đẹp lắm. Một người tiểu-tư-sản chưa hẳn là một người. Và cũng không người nào có thể được tóm tắt hết trong danh-từ tiểu-tư-sản. Nhưng con người Thanh Tâm Tuyền đề nghị, con người xương thịt, con người của trọng-lực, cũng chỉ là một mẫu người của con người đã bị chặt đi một nửa, một trạng-thái của sự vong-thân con người. Và cái thế-giới của con người ấy cũng thế...

Nhưng thảm kịch của thời-đại này là người ta phải chọn giữa hai ảnh-tượng cực-đoan ấy của thế-giới. Một, theo ý-thức-hệ, nghĩa là chỉ nhìn thấy ý-nghĩa lịch sử của mọi vật; hai, có thể gọi là tiền ngôn-ngữ nhằm trả lại mọi vật cho cái yên-lặng nguyên ủy của chúng. Ấy là hai mặt của cùng một thực tại. Và trên một phương-diện nào, người ta có thể coi cả hai như một cố-gắng gãy đôi của lý-trí để đạt tới một cái biết toàn diện. Thanh Tâm Tuyền đã sống sự gãy đổ ấy, anh không tìm cách giấu diếm nó sau cái giả tự-nhiên, giả lương-thiện, giả nhân-loại mà số lớn chúng ta vẫn còn níu lấy để ẩn mình, và chính vì thế mà đối với chúng ta, tác-phẩm

của anh có ý-nghĩa và giá-trị.(Đỗ long Vân)

Sau 75, nhiều người người cầm bút trong giới văn-học bị bắt giữ, tù đày hay bị buộc trốn ra nước ngoài vì một đánh giá quá cao vai trò của họ và quan-trọng hóa quá mức ảnh-hưởng của họ trong dân chúng miền Nam, đặc-biệt vai trò ảnh-hưởng của thứ văn-chương phi chính-trị để làm đẹp chế-độ như người Mỹ mong muốn. Trước 75 cũng đã có ít nhiều những điều-tra, thống-kê cho biết tình-trạng sách báo về số lượng xuất-bản, phát-hành trong các giới xã-hội ở đô-thị, nông-thôn... Giả sử những người cầm quyền sau 75 biết được những thông tin đó do các tường-trình khảo-sát dư-luận kể trên, có lẽ đã chọn những đường lối đối xử khác thông-minh hơn, hiệu-nghiệm hơn, khỏi phải làm khổ một những người bị bắt giữ, bỏ trốn và cả người bắt giữ đi lùng bắt giữ...Thực-tế đã không xảy ra như vậy, và nhà cầm quyền đã đội mũ triều thiên hay quàng vào cổ những nạn nhân đã chết hay còn sống ở trong nước hay ngoài nước, những vòng hoa để tôn vinh những vị thánh tử đạo trên lãnh vực văn-nghệ.

Sau đảo-chánh 1-11-63, miền Nam bước vào thời gọi là Đệ Nhị Cộng Hòa, thường được xác-định là thời Diệm không có Diệm. Có thể hiểu kiểu xác-định này về mặt tích-cực và tiêu-cực: chế-độ chuyên-chính tư-sản, mật-vụ giảm bớt hẳn, dân chúng được tự-do hơn; giới cầm bút có thể múa bút mà không e-dè, sợ hãi; càng vào những năm gần 1975, càng phát biểu phê-phán mạnh-mẽ, thậm chí có những bài báo tạp-chí xuất-hiện như báo, tạp chí của người anh em ở ngoài kia (trong khu hay ngoài Bắc). Nhưng tình-trạng thiếu khuôn phép, hay khuôn phép lỏng-lẻo cũng dưa đến tình-trạng hỗn-tạp, rối loạn, chụp mũ, đả kích, chửi bới nhau thậm-tệ trên mặt báo.

Đối với tôi và bạn bè, chúng tôi có thể nói đến chính trị, ra những tạp-chí *Hành Trình* (ronéo), *Đất Nước*, *Bản Tin Văn-Học Nghệ-Thuật*, *Trình bày* (ronéo 6 số) vào những năm 1966, 1967 nội dung gồm các trao-đổi về văn học, điểm sách, tạp-chí *Trình Bày*, *Đối-Diện*,vv... Chúng tôi đã có thể ra một tuyên ngôn về hòa-bình trao cho phái-đoàn giáo-sư Đại-học Mỹ ghé Sài Gòn (sau tuyên ngôn này đăng một phần trong tạp chí *Esprit* bên Pháp) (Tuyên ngôn này cũng được đăng trong *Hành-Trình* số 10) hay có thể qui-tụ anh em cầm bút thuộc mọi giới khuynh hướng chính-trị, văn-học khác nhau, ký chung một kháng-thư gửi Bộ Thông-Tin Chiêu-Hồi, đăng trong *Đất Nước* số 12, tháng 6-7/1969, đòi bãi-bỏ chế-độ kiểm-duyệt và phản-đối hành-động đàn áp đối với Võ-Phiến. Đó là những sự-kiện không thể quan-niệm được, không thể xảy ra thời Đệ Nhất Cộng-

Hòa. Về những người anh em thù-địch phía bên kia, theo chỗ tìm hiểu của tôi trước 63, do khả-năng Mỹ đưa quân ồ-ạt vào miền Nam, mở rộng chiến-tranh, cả hai chính-quyền Nam Bắc đều ái-ngại khả-năng kể trên, nên có thể đồng-tình bàn tính một thương-lượng nào đó. Cách-Mạng miền Nam đo miền Bắc chủ-động gặp một trở ngại đáng kể: chế-độ Ngô Đình Diệm, mà hai người anh em ông Nhu, ông Cẩn đã tỏ ra có thể ngăn chận một cách hiệu-nghiệm với mức độ nào đó sự can-thiệp xâm nhập của Cộng sản. Nhưng nếu Mỹ lật đổ chế-độ ông Diệm, người Cộng sản bắt buộc phải chấp-nhận chiến tranh mở rộng, nhưng chắc-chắn sẽ thắng trong nội-bộ người Việt-Nam với nhau vì sau ông Diệm không còn đối thủ đáng gờm nữa.

Trong tình hình thuận tiện sau 63, người anh em thù-địch phát-động tranh-đấu chính-trị trên các mặt trận văn-hóa, giáo-dục, kinh-tế, xã-hội, càng ngày càng phát-triển mạnh trong lòng địch. Những hoạt-động tranh-đấu của các đoàn-thể hay phong-trào ở đô-thị hoặc chống Cộng nhưng chống chính-quyền, đối-lập với chính-quyền, không chống chế-độ Việt-Nam Cộng-Hòa hoặc do Cộng-Sản chủ-trương không những chống chính-quyền, mà còn nhằm lật đổ chế-độ Việt Nam Cộng-Hòa. Tất-cả những đoàn-thể, phong-trào kể trên đều có cơ-quan ngôn-luận. Nói rõ hơn, những đoàn-thể phong-trào tranh-đấu có thể phân-biệt về giới: giới người lớn có nghề-nghiệp và giới trẻ, thuộc các đại-học ở Sài Gòn và các thành-phố khác có đại-học: Huế, Nha-trang, Cần-Thơ, Đà-Lạt,vv... và một số trường trung-học. Nổi bật hơn cả trong phong trào của giới trẻ trí-thức là khu được gọi là khu Tam-Giác Sắt gồm trường Văn-Khoa, trường Luật, trường Khoa-Học thuộc Đại-học Sài Gòn và về sau kể thêm Đại-học Vạn-Hạnh. Trong báo-chí của các đoàn-thể, phong trào tranh-đấu, có những bài thuộc đủ các bộ môn; lý-luận, nghiên-cứu lịch-sử, sáng-tác thơ, truyện, kịch, âm-nhạc,vv... Ưu-điểm nổi-bật trong những biên-khảo sáng-tác của giới trẻ là sự trong sáng, lòng trung-thực vì động-cơ chính thúc-đẩy sáng-tác là nhiệt-tình lý-tưởng của tuổi trẻ. Tuổi trẻ thời kỳ này cũng có những anh hùng tiêu-biểu cho hy-sinh quả-cảm như Nhất-Chi-Mai, Quách Thị Trang. Hai người con gái này thường là chủ đề của nhiều sáng-tác thơ-văn tập-thể.

Số-lượng của mảng văn-học này khá lớn gồm những ấn-phẩm in hoặc quay ronéo, thường xuất-hiện trong thời-gian ngắn và ít được phổ-biến rộng rãi ngoài giới trẻ trí-thức. Tôi tham-dự vào những sinh-hoạt của mảng văn-học này có lẽ còn sâu đậm hơn mảng văn-học tạm gọi là của người lớn. Sau 75 mảng văn-học này bị bỏ quên vì không biết hoặc bỏ qua vì biết mà không muốn nói đến tương-tự mảng văn-học miền Nam

cuối thế-kỷ thứ 19, đầu thế-kỷ thứ 20 bởi cả hải-ngoại và trong nước. Trong nước, chế-độ hiện nay chưa muốn nhắc đến vì những hoạt-động của giới trẻ này không hoàn-toàn được Đảng lãnh-đạo và ngay cả những thành-phần nằm trong tổ-chức được lãnh-đạo. Họ cũng đã thất-vọng, chán-ngán ngay khi được tiếp-xúc với chế-độ xã-hội chủ-nghĩa thực-tế như trường-hợp những sinh-viên trí-thức ra Hà-Nội sau vụ Mậu Thân 1968. Những Lữ Phương, Nguyễn Đắc Xuân, Trần Long Ẩn, khi nào có điều-kiện sẽ nói tâm-trạng của họ như đã nói riêng với tôi sau 75. Những thành-phần này thật ra không phải là con đẻ của chế-độ xã-hội chủ-nghĩa mà là của chế-độ xã-hội chính-trị miền Nam. Hải ngoại không muốn nói tới mảng văn học này vì coi những thành-phần làm ra nó chống-đối hoặc thân Cộng, theo Cộng sản. Nhưng Việt Nam Cộng-Hòa không phải chỉ của những ngườichống Cộng theo chính-quyền hay đối-lập với chính-quyền mà của cả những người thân Cộng theo Cộng sản ở miền Nam vì chính chế-độ xã-hội miền Nam với thể-chế Việt Nam Cộng-hòa đã cho phép tất-cả những thành-phần xu-hướng kể trên tồn-tại và hoạt-động. Tóm lại đặc-điểm của Việt Nam Cộng-hòa là đã ít nhiều tôn-trọng một thể-chế cởi mở, tự-do mà miền Bắc sống trong chế-độ chuyên-chính toàn trị đã phủ-nhận.

Việc bỏ qua mảng văn học của giới trí-thức trẻ thành-phố hay các phong trào tranh-đấu của họ thời 1964-1975 là một bất công với các tác-giả của mảng văn-học đó. Đồng thời là một thiệt thòi cho lịch-sử văn học thời kỳ này. Trước họ những thế-hệ đàn anh thời tiền chiến, một nhóm gồm hai ba chục người, trình-độ tú-tài là cùng, nhiều người lứa tuổi 20-30 đã nổi tiếng đôi khi chỉ nhờ một bài thơ, một truyện ngắn. Tại sao thế-hệ trẻ ba mươi năm sau trình độ đại-học, sau đại-học, đông-đảo hàng trăm người lại đầy nhiệt-huyết, tình-tự yêu nước, tha-thiết với một lý-tưởng xã-hội nào đó, đã tạo ra biết bao-nhiêu sáng-tác, biên-khảo có chiều sâu về tư-tưởng, xuất-sắc về giá-trị văn-học nghệ-thuật lại không được đếm xỉa tới? Tôi tin chắc một ngày gần đây, sự bất công này sẽ được xoá bỏ, và sẽ có những người kiểm điểm đánh-giá đúng mức mảng văn-học này. Hiện ở nước ngoài, cũng có những tác-giả thi văn thuộc phong-trào tranh-đấu giới trẻ thời 1964-1975 như chị Hồng Khắc Kim Mai với tập thơ "Mắt màu nâu" đã được phổ biến trong giới sinh-viên liên khoa thời đó. Tôi đã tặng lại chị tập thơ của chị sau khi chị định-cư ở Hoa-Kỳ. Tôi ước mong chị và các bạn chị ở nước ngoài phát-biểu về vấn-đề tôi nêu lên ở trên.

Chị Hồng Khắc Kim Mai và các bạn mà chị quen biết tham-gia phong-trào sinh-viên thời đó có biết phong-trào do Thành đoàn (một tổ-chức của

Đảng Cộng sản) chỉ đạo, triển-khai điều-khiển không? Những người lớn thời đó là nhân-sĩ, trí-thức được mời vào các cố-vấn đoàn, chủ-tịch đoàn của phong trào sinh-viên học-sinh và những phong trào khác có biết mình tham-gia vào các hoạt-động gọi là tranh-đấu chính-trị trên mặt trận văn-hóa, xã-hội, giáo-dục, vv... trong lòng địch do Đảng chủ-trương không? Tôi là người được mời tham-gia vào nhiều cố-vấn đoàn, chủ-tịch đoàn của Mặt Trận Nhân-Dân Tranh-Thủ Hòa bình, Lực-Lượng Bảo-Vệ Văn-Hóa Dân-Tộc, Phong-Trào Tự-Trị Đại-Học,vv... và là chủ-tịch của Chủ-Tịch Đoàn của Ủy Ban Vận-Động Cải-Thiện Chế-Độ Lao-tù Miền Nam. Tôi chụp nguyên bản "Tuyên ngôn" của Ủy ban này có danh sách đầy-đủ các vị tham-gia vào các cố-vấn đoàn, chủ-tịch đoàn cho thấy những sinh-viên trong thư-ký đoàn đã chủ-động thế nào trong việc vận-động và điều-hành Ủy-ban. Tôi có thể phân-biệt phong trào nào của Cộng sản, phong trào nào của người quốc-gia đối lập, chống chính-quyền nhưng chống Cộng, căn-cứ vào cách vận-động tổ-chức phong-trào khác nhau, và tôi có thể phân-biệt được trong giới sinh-viên mà tôi làm việc chung với họ, ai là người có ra Khu hay chịu một huấn-luyện nào đó, ai là sinh-viên quốc-gia chỉ vì nhiệt tình tuổi trẻ dựa vào phong cách khác nhau của họ. Tại sao tôi biết những phong trào tôi tham-gia do Đảng chỉ đạo, mà vẫn tham-gia? Hơn nữa tôi cũng có những hiểu biết do đọc sách báo nghiên-cứu, tuy chưa phải do thực-tiễn sống trong chế-độ như sau 75 và đã viết những bài phê-phán chủ-nghĩa Cộng sản bị Hà-Nội phản ứng như tôi sẽ nói trong chương sau mà vẫn tự-nguyện tiếp tay cho Cộng sản? Đây là vấn-đề không phải riêng của tôi hay của trí-thức Việt Nam , mà là chung cho trí-thức trên thế-giới, gồm cả những nhà văn, nhà khoa học nổi-tiếng trong suốt nhiều thập niên và vẫn còn ngay cả sau khi chế-độ Cộng-sản sụp-đổ ở Liên-Sô, Đông Âu! Tôi hy-vọng sẽ trình bày một vài suy nghĩ trong phần cuối tập "Nhìn Lại Những Chặng Đường Đã Qua" này. Ở đây tôi chỉ xin ghi lại hiểu biết của tôi thời đó cho đến bây giờ tại sao Đảng vận-động được cả những người không thể nghi-ngờ gì được về lập-trường chính-trị như luật-sư Trần van Tuyên, bác-sĩ Trần Ngọc Ninh vào danh-sách quý-vị tham-gia cố-vấn đoàn? Tại vì sách-lược vận-động quần chúng là "nghề của chàng" và chàng đã thành-công ngay từ hồi 1945? Ông Nguyên tướng Bách bày tỏ sự cảm-phục Việt Minh khi chứng kiến cuộc biểu-tình ngày 18-8-1945 "Đâu cũng là Việt Minh cả... Khái-Hưng vừa đi vừa nói. Tại sao? Đó là câu tôi tự hỏi. Họ tài thật. Chúng tôi không khỏi thầm phục" (*Việt Nam, Những Ngày Lịch-Sử*, trang 69) Theo chỗ tôi hiểu, sách-lược vận-động hiệu-nghiệm trước hết do biết đề ra những khẩu-hiệu đáp ứng đúng với nguyện-vọng của quần chúng ở một thời điểm nhất-

định. Hồi 1945, khẩu-hiệu là độc-lập, thời đệ Nhị Cộng-Hòa: khẩu-hiệu là hòa-bình, chống văn-hóa đồi-trụy, bảo-vệ văn-hóa dân-tộc, cải-thiện chế-độ lao tù, phụ-nữ đòi quyền sống, vv... Những người đi vận-động thuộc thành-phần trẻ, trong-sạch, chưa có quá-khứ dễ bị nghi-ngờ lại có thành-tích ở tù, như những sinh-viên ở Côn-đảo về vận-động thành-lập Ủy-Ban Cải-Thiện Chế-Độ Lao Tù miền Nam. Sau cùng những người được mời tham-gia ít nhiều đều có uy-tín trong giới của mình. Mục-đích ngầm nhằm làm suy-yếu, lật-đổ chế-độ, nhưng mục-đích công khai nhằm thể-hiện những nguyện-vọng thật chính-đáng, làm sao bắt bẻ được. Tất-cả các phong trào đều có báo chí, Ủy-Ban Cải-Thiện Chế-Độ Lao Tù miền Nam Việt Nam cũng có tạp chí ra hàng tháng do giáo-sư Lê-hữu Mục phụ-trách. Chẳng hạn số 5, tôi viết bài "Dân chủ trong tầm súng Mỹ", giáo-sư Lê-hữu Mục sử-dụng vốn Hán-văn tán chữ, "Luận về chữ Lao". Phong-trào sinh-viên có hẳn một trụ sở ở số 4 Duy-Tân, có thể tổ-chức những buổi nói chuyện đông người dự. Tôi cũng được mời nói về đề tài: "Quyền tự-trị trong một quan-niệm đại-học tiến-bộ". Sau đó phong-trào Tự-Trị Đại-Học đem in nhưng có những chú-thích cho thấy phong trào không đồng tình với tác-giả... Trong nội bộ ban chấp-hành chủ-tịch đoàn, Ủy-Ban Cải-Thiện Chế-Độ Lao Tù những sinh-viên trong thư-ký đoàn, chủ-nhân thực-sự điều-hành ủy-ban, đôi khi đưa cho tôi ký những văn bản họ đã viết sẵn, tôi không chịu và họ cũng đành chịu. Để tránh gây khó-khăn, tôi nhường cho linh-mục Chân-Tín ký thay mặt chủ-tịch đoàn, và tiếp các người ngoại quốc, tôi chỉ giữ việc thăm hỏi tù-nhân và thân-nhân tù. Sau 1975, ngôn ngữ trên báo-chí và của lãnh-đạo Đảng khi nhắc đến ủy-ban đều giới-thiệu Chân-Tín là chủ-tịch và chính linh-mục cũng nhìn-nhận, còn đi xa hơn nữa, khi ông trở thành nhân-vật đối lập: "Ủy-Ban Cải-Thiện Chế-Độ Lao Tù miền Nam Việt Nam mà tôi đã lãnh-đạo cũng chỉ là một phong trào nhân dân tự-động đấu-tranh cho một chế-độ lao tù nhân-đạo hơn, chớ không phải một đoàn-thể chính-trị được nhà nước hay Đảng dựng lên".

Những người theo Đảng, hoạt-động nội thành, nếu lộ bị bắt và có thể bị tra-tấn. Những vị nhân-sĩ, trí-thức tham-gia các phong trào, nếu có tên trong những tổ-chức đường dây của "Mặt Trận Giải-Phóng" cũng bị bắt và có thể bị tra tấn, nói chung công-an không bắt lầm đâu. Còn những ai không có tên trong các tổ-chức nằm vùng, công an để yên sinh-hoạt phong-trào ở ngoài đường thì bị ngăn-chận, giải-tán, nhưng ở trong nhà, thường cũng được để yên trừ những trường-hợp đặc-biệt như vụ Ủy-Ban Lao-Tù tiếp nghị-sĩ Mc Govern, ứng-cử-viên Tổng-Thống. Tôi được báo cho biết

ý-muốn của phái-đoàn nghị-sĩ gặp-gỡ ủy-ban và tù chính-trị khi ghé Sài Gòn. Chúng tôi đồng-ý và đề-nghị nơi gặp-gỡ: trụ sở báo Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, đường Kỳ-Đồng, nơi Chân-Tín làm việc. Buổi gặp-gỡ đang diễn ra, đột-nhiên có nhiều tiếng súng, hò-hét từng đợt của nhân-dân tự-vệ địa-phương chung-quanh khu-vực nhà dòng Chúa Cứu Thế. Sự kiện bất ngờ này đã làm cho phái đoàn Mỹ, đặc-biệt ông nghị-sĩ hốt-hoảng, nỗi lo sợ hiện ra trên nét mặt, ông chạy đi chạy lại đứng lên ngồi xuống không yên, như con thú bị giam trong chuồng chạy quanh-quẩn tìm lối thoát mà không được vì tất-cả các cửa ra vào đều được đóng lại. Sau đó chúng tôi liên-lạc được với tòa đại-sứ Mỹ yêu-cầu họ cho xe đến đón ông thượng-nghị-sĩ. Trong khi chờ đợi, nếu ông có bản-lãnh một chút, vẫn có thể tiếp-tục bình-tĩnh ngồi nói chuyện với chúng tôi, nhưng buổi trao-đổi đã bị gián-đoạn. Chứng kiến phản-ứng của ông thượng nghị sĩ, tôi hiểu những người làm chính-trị Tây-phương kể cả các lãnh-tụ thường sinh-hoạt chính-trị trong một khung-cảnh ổn-định, nên tỏ ra ít khả-năng dương đầu, thích nghi với tình-huống chính-trị ở các nước ngoài Tây-phương, dưới bất cứ chế-độ nào, đều không có đảm-bảo ổn-định như ở Tây-phương. Sau khi tòa đại-sứ cho xe đón ông thượng nghị sĩ về, chúng tôi bị giữ lại ghi tên, rồi cũng được cho về không ai gặp khó-khăn gì. Ngày hôm sau, báo-chí tường thuật rộng rãi tin xảy ra ban tối hôm trước.

Báo hàng ngày thời Đệ Nhị Cộng-Hòa trên dưới 40 tờ, tuần báo chính-trị cũng trên dưới 10 tờ, nói chung chỉ những tờ gốc Bắc di-cư không phải phê-bình, đả-kích mà là mạt sát chửi-rủa những người tham-gia các phong trào tranh-đấu ở đô-thị. Xin giới-thiệu một vài đoạn của thứ chữ nghĩa chửi rủa này:

"Bộ phận chìm của Cộng Sản đứng trong bóng tối để điều-khiển bộ-phận nổi gồm có bọn biểu-tình thuê Huỳnh Tấn Mẩm và các đồ phụ-tùng lủng-lẳng như phún bấn sinh-lý Ngô-Bá Thành, như Ủy-Ban Cải-Thiện Chế-Độ Lao Tù do một anh khùng đội lốt giáo-sư cầm đầu vv... (Đầu Gối, báo *Hòa Bình* 4-7-71) In memoriam Lê Khắc Sinh Nhật, "cách đây không lâu, sân-khấu chính-trị miền Nam được chứng-kiến thêm một màn kịch khá đặc-biệt, đó là màn đòi cải-thiện chế-độ lao tù. Các diễn-viên của màn kịch này là những bộ mặt quen thuộc của làng phù-thủy chính-trị miền Nam: công ty phún Ngô Bá Thành, linh-mục cùi từ chân đến đầu Nguyễn Ngọc Lan, nhà thầu lý-thuyết Mát-xít lối thời Nguyễn văn Trung vv... Theo các diễn-viên kể trên thì miền Nam cần phải cải-thiện chế-độ lao tù (Viết Cho Lao Tù, Tiêu Lang, báo *Hòa-Bình*, ngày 2-2-71).

"Đồng thời các sinh-viên Công-giáo cũng vạch mặt chỉ tên nhà buôn

lý-thuyết Mát-Lê Nguyễn văn Trung và các mật-vụ của Cộng Sản là ông Nguyễn Ngọc Lan và nữ quái thai phún Ngô Bá Thành. Đúng thật là những tin mừng cho giới sinh-viên Việt-Nam (*Hòa-Bình* 15-1-71)

Tôi cũng tham-gia "Lực-Lượng Bảo-Vệ Văn-Hóa Dân-Tộc" viết một vài bài cho *Tin Văn* tuần báo của tổ-chức này do một người nằm vùng di-cư từ Bắc vào được Đảng chỉ-định đứng ra đứng tên. Tờ *Tin Văn* đã chọn Chu-Tử như một nhà văn tiêu-biểu của văn-chương đồi trụy để đả-kích. Nhưng vì Vũ-Hạnh một đảng-viên nằm vùng trong nhóm bị lộ, nên đã xảy ra vụ tố cáo Vũ-Hạnh là Cộng-sản và những phản-ứng bênh-vực Vũ-Hạnh chỉ là nhà giáo, nhà văn gương-mẫu bị chụp mũ oan-uổng. Trớ-trêu là những người lên tiếng bênh-vực Vũ-Hạnh là học sinh và một số độc-giả gốc lính thuộc các đơn-vị xung-kích đe-dọa Chu-Tử có thể bị ăn đòn nếu tiếp-tục tố cáo Vũ-Hạnh. Tờ *Tin Văn* không những đã lấp-liếm trong vụ Vũ-Hạnh bị nghi-ngờ là cán-bộ Cộng sản, mà còn vận-động được cả tram nhà giáo, người cầm bút hội-thảo ra tuyên ngôn kết án văn-hóa đồi trụy mời Chu-Tử đến dự, và Chu-Tử đã không dám. Sau đó Chu-Tử bị ám sát hụt và trong cuốn *Không Hận Thù* Chu-Tử tin chắc kẻ bắn hụt mình không phải Cộng-sản, vì tin rằng những kẻ ám sát theo Cộng-sản phải là những tay súng chuyên nghiệp. Rất tiếc Chu-Tử đã chết hồi 1975, nếu ông còn sống được đọc sách kể thành-tích của Thành đoàn mới thấy sự thật khác hẳn, chính vì những toán "quyết-tử" của Thành đoàn chỉ là học-sinh, sinh-viên nên mới bắn hụt. Sau 75, Vũ-Hạnh thuật lại nguồn gốc thành-lập Lực-Lượng Bảo-Vệ Văn-Hóa Dân-Tộc. Tôi ghi lại một số trang của số *Tin Văn* và bài tự thuật của Vũ-hạnh.

Dưới đây là phản ứng của Ao Thả Vịt (bút hiệu của Chu-Tử) trên báo *Sống*:

Minh định lập-trường

"Cách đây mấy bữa, ATV trích đăng một bài của *Sài Gòn Báo*, đề cập tới một đoạn văn 'sờ mó, cấu, véo' trong 'Ca tụng thân xác' của nhà văn Nguyễn văn Trung, lãnh-tụ của 'cái' gọi là 'Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc', ATV cần minh định lập-trường rằng ATV không có ý kết án đoạn văn đó là khiêu-dâm, đồi-trụy,vv... ATV thành thật thẳng thắn cho rằng nhà văn Nguyễn Văn Trung có quyền viết như vậy và viết như vậy có gì là đáng chỉ trích.

Nhưng sở-dĩ ATV trích đăng đoạn văn trên, là vì thấy Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc một mặt lên tiếng kết án những nhà văn 'tả

chân' dám phơi bày sự thật, trong khi chính những lãnh-tụ của Lực-lượng lại 'tả chân' hơn ai hết tưởng chừng lực-lượng muốn dành độc-quyền 'sờ mó, cấu, véo' cho riêng các lãnh-tụ của mình. Cái đó hơi khó ngửi, không thể tha-thứ được."(Ao Thả Vịt, trích báo *Sống* ngày 10-1-67)

Và hai bài của Thương Sinh (bút hiệu của Duyên Anh) sau cùng một thú nhận hối tiếc của Thương Sinh.

Dzơ suy dzơn, in le vờ re...

Tôi đang định viết một cuốn tiểu-thuyết xây-dựng nhan-đề "Thằng Giả Hình".

Nhân vật của tôi sẽ là một dân tu xuất. Hắn đi Tây học, chẳng có cái bằng đại-học nào của nhà nước Tây cấp cả. Sống đói rách bên Tây, chán quá, hắn về Giao-Chỉ, mang theo mấy cuốn sách tư-tưởng mới vừa ra lò ở Paris. Hắn bèn đọc nhanh và viết vội, đăng báo Việt-Nam. Nghiễm nhiên, hắn trở thành một 'ê cờ ri vanh' cộng mí lỵ 'ê cờ ri văng' ở Giao-Chỉ. Hắn được mời đi dạy học lớp. Hắn trổ tài lơn vợ đồng-nghiệp, cầm sừng lên đầu ông giáo-sư sử-địa nọ. Và hắn bị đuổi khỏi trường lớn, bay vào Sài Gòn. Về sau này khi những cuốn sách bên Tây qua Giao-Chỉ, người ta bèn khám-phá rằng những tư-tưởng mới của hắn chỉ là bịp.

Hắn nhất định làm anh hùng. Hắn đem cái mác Cộng Sản trường lớn của hắn ra chiêu-mộ những người trẻ tuổi bất-bình thời-thế để bàn về một chính-sách tương lai. Hắn huyênh hoang nói dóc và đảng-viên đảng kiểm tục văn-nghệ.

Tôi mà nói dối, cả nhà tôi chết, trong bộ trường thiên tiểu-thuyết Giữa Dòng Nước Lũ của tôi sắp viết, tôi sẽ đẻ ra một cuốn để viết về bọn tân giả hình. Trong kinh thánh, Chúa đã xỉ-vả bọn giả hình thế nào thì tôi sẽ xỉ-vả bọn giả-hình, bọn phù thủy lừa gạt tuổi trẻ như thế. Nếu cuốn Thằng Giả Hình trong bộ Giữa Dòng Nước Lũ của tôi thành công, tôi sẽ mang ơn giáo-sư Nguyễn Văn Trung suốt đời đời. Đời đời nhớ ơn ông. Và, giả dụ giáo-sư Trung chết trước tôi, tôi sẽ nhại thơ của thi-sĩ Tố-Hữu mà khóc rằng:

Nguyễn văn Trung, Nguyễn văn Trung ơi!
Làm sao ông tỏi, đất trời biết không?
Thương sen, thương bếp, thương bòng,
Thương bồi thương một, thương ông thương mười"

Tiện đây xin lưu-ý "Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc" tạp-chí in lậu *Hành-Trình* của giáo-sư đại học Nguyễn văn Trung. In lậu đã đáng

bị cảnh-sát phạt vi-cảnh rồi. Thế mờ, thưa quí cụ, trong *Hành-Trình* những chữ chửi thề tục-tĩu, giáo-sư Trung chê không viết tắt. Giáo-sư Trung viết rõ-ràng. Đáng lẽ "đ.m." giáo-sư Trung viết "đ i t nạng em mờ e me nạng". Thành ra, kẻ hậu-sinh là Thương-Sinh đây, bậc môn-đệ không bằng tú-tài của giáo-sư Trung, có ăn tục nói phét, viết bậy, viết bẩn, viết phản dân-tộc, có nham-nhở, mất dạy, ba que xỏ lá, ấy là vì ảnh-hưởng nạng ngôn-ngữ chửi thề không viết tắt trong *Hành Trình* của giáo-sư Nguyễn văn Trung, hội-viên trung-kiên và tiên phong của "Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc".

Đàn anh Nguyễn văn Trung viết văn 'sờ mó phần dưới' và 'ngửi, mút, nắn, bóp' và chửi bậy không viết tắt thì đàn em Thương Sinh chỉ viết ... sống sượng đã là vinh-dự thay cho dân-tộc! Đáng lẽ đàn em, đàn ... trò Thương Sinh phải làm theo lời dạy của sư-phụ, sư-tổ Nguyễn văn Trung, viết văn 'sờ mó phần dưới' và 'ngửi, mút, nắn, bóp' mới thật là 'Tèn mét, ten va lê'.

Ôi! Xã-hội Giao-Chỉ ta, những thằng tổ sư bẩn thỉ lập hội để đả-kích những người không bẩn như chúng. Những thằng tài ba một tấc thì ngồi miệt-thị việc làm của những người đang cầm-quyền. Cho nên, Khổng Phu Tử 'viết': (hai chấm xuống giòng)

- Ta chỉ nên vào ... Hội Đười Ươi của chủ-tịch Minh-Võ. Thà làm đười ươi bẩn-thỉu, đơ-dáy còn hơn làm người mà khốn lịn dạo-đức giả. Huống hồ Hội Đười Ươi lại sạch-sẽ, thơm-tho. Này các con, chủ-nghĩa của ta hết thiêng rồi. Các con nên làm đờ-măng xin vào Hội Đười Ươi nghe chí-sĩ Minh Võ tán phét và Thăng-Long Xích-Thố, dọa đánh nát ...đời lại bổ ích và giải-trí lành-mạnh...

Thương Sinh (trong mục Sống Sượng - Liên Tử Giao-Chỉ trong nhật-báo *Sống* thứ bảy ngày 7-11-67)

D. Dê của ông "Ê cờ ri văng" kiêm "Ê cờ ri vanh" Nguyễn

Nhưng đâu nằm ta đi đâu? "Ta biết về nơi nao. Dừng chân ta ngắm cảnh bao la sầu..." Ta cứ đi đi. Con dê của ta nó ghé vào chỗ nào, chỗ đó có chuyện lạ. Con dê cái của Thương Sinh vừa rời nhật-báo Sống đã ghé liền vào trường Đại-Học. Gặp ngay giáo-sư Nguyễn.

Bèn chúc:

- Năm mới, chúc giáo-sư nhiều cảm-hứng.

Giáo-sư Nguyễn, một tương lai lãnh-tụ văn-hóa cả dân-tộc Giao-Chỉ, cười hề hề:

- Lúc này cảm-hứng không nhiều.

Bèn gãi tai:

- Thưa giáo-sư, năm ngoái giáo-sư đã viết "Ca rụng thân-thể" bị bọn khốn lịn nó trích một đoạn và nó miệt thị giáo-sư là người chủ trương văn-nghệ 'sờ mó phần dưới'. Mẹ cha chúng nó, giáo sư cần dánh bỏ bố chúng nó không? Giáo-sư viết khảo-luận về xác-thịt, chửi cả thầy chùa lẫn cố đạo đi tu bin, hách xì-xằng và thằng ngọng thế mà chúng nó còn giỡ trò ...ngọng!

Giáo-sư Nguyễn nhún vai:

- Đời nó dểu cáng vậy đấy!

Bèn gãi rốn:

- Năm nay, giáo-sư viết tiểu-thuyết đi. Giáo-sư khen chê ra-rít lại là hội viên của "Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc", chắc-chắn tiểu-thuyết của giáo-sư có giá-trị hơn tiểu-thuyết của Dương Hà. Gì chứ giáo-sư tả tình mà cứ 'cấu, véo, sờ, mó, ngửi' là tiểu-thuyết của giáo-sư có đường trúng cả giải văn-chương toàn quốc lẫn Nobel.

Giáo-sư Nguyễn nhăn nhó:

- Tôi là giáo-sư lý-tưởng ...

Con dê cái bỗng kêu be be ầm ỹ. Vâng giáo-sư Nguyễn, giáo-sư lý-tưởng. Chỉ tiếc, cái lý-tưởng to tổ bố của giáo-sư lại gửi ở "Lực-Lượng Bảo-vệ Văn-Hóa Dân-Tộc". Đành chia tay nhà đạo-đức. (Trích báo *Sống*)

Thương Sinh ngộ nhận

...Một đạo, vì nghe một linh-mục chủ-nhiệm, tôi đã hết lời mạt-sát thái-độ xa rời cuộc chiến-đấu chống Cộng của giáo-sư Nguyễn Văn Trung. Anh Trung không có phản-ứng. Anh ấy hiểu tôi còn trẻ nông-nổi, dễ ưa lời khích bác ngộ nhận. Tôi vẫn biết ơn sự khoan hồng với tuổi trẻ của anh Nguyễn văn Trung.(Trích CON ONG, số 70 ngày 23-7-1969)

Sau cùng tôi giới-thiệu bài viết của Cung Tích Biền và lời giới-thiệu của Viên-Linh phụ trách tờ *Khởi-Hành* trước 75. Cả hai tác-giả còn sống và tờ *Khởi-Hành* còn được tiếp-tục xuất-bản ở hải-ngoại. Bài của Cung Tích Biền cũng đả-kích mạt-sát tôi thậm-tệ như các bài của Tiên-Lang, Duyên Anh, vv...

Trong tinh-thần tha-thứ và xin tha-thứ, tôi đã gửi bài do tôi viết và bài của Cung Tích Điền cho Viên Linh và Viên Linh đã đáp lại. Tôi xin phép Viên-Linh phổ-biến thư-từ trao-đổi giữa chúng-tôi. Ở đây, bây-giờ tôi không nhắc lại nội-dung các bài viết mà chỉ xin lưu-ý những bài viết

kể trên, thay vì phê-phán lý-luận của tôi đúng hay sai một cách nghiêm chỉnh, các tác-giả đã mang đời tư tôi ra để bôi đen thóa-mạ. Đó là một lối phản-bác bằng cách cho thấy nếu tư-cách con người của tôi là như thế, như thế...thì tư-tưởng lý-luận của tôi còn đáng gì phê-bình.

Tôi thường thận-trọng trong việc trình-bày lý-luận phê-bình của mình, không bao giờ liên-hệ đến cá-nhân cụ-thể và đem đời tư của người ta ra mà chỉ trích. Nhưng trong 20 năm, từ 1955 đến 1975, tôi rất ít được trao-đổi, tranh-luận một cách nghiêm-chỉnh về những gì tôi đã viết.

Nhìn lại sự-kiện bị đả-kích mạt-sát về đời sống cá-nhân, tôi cũng nhận ra phần trách-nhiệm của tôi đã gây ra sự-kiện đó. Dự-định viết của tôi thường dựa trên chủ-trương "đặt lại vấn-đề", nên không tránh khỏi đụng đến những "cấm-kỵ" nhất là trong những vấn-đề liên-quan đến thời cuộc, địa hạt của giới viết báo hàng ngày, hay tuần báo, phần lớn không biết hay không lưu-tâm những đòi hỏi nghiêm nhặt của lý-luận biên-khảo, được nhắc nhở giảng dạy ở đại-học, đặc-biệt trong khoa báo-chí.

Ở miền Nam Việt Nam trước 75, chỉ có hai nơi dạy về báo-chí: Đại-học Đà-Lạt và Đại-học Vạn-Hạnh, hai đại-học tư và đó là những khoa sinh sau đẻ muộn so với các khoa khác. Tuy nhiên, chính trong giới cầm bút, viết báo liên-quan đến thời-sự, không chuyên về biên-khảo, lý-luận lại dễ tạo được thông-cảm, hòa-hợp hơn so với giới biên-khảo, vì những mối quan-hệ giữa người với người trong giới này chủ-yếu dựa vào tình-cảm hơn là lý-luận; tình-cảm do quen biết và càng quen biết thâm-tình, tình cảm đối với nhau càng nặng tình...

Bây giờ nhìn lại tôi nhận ra lỗi của tôi hay thiếu-sót của tôi ở chỗ tôi đã viết báo hàng ngày hay tuần báo liên-quan đến thời-sự, nghĩa là tôi đã nhập cuộc mà chưa hoặc ít nhập bọn, vì ít đi lại "chơi" hiểu theo nghĩa tốt đẹp của từ-ngữ, với các đồng-nghiệp trong giới đó. Tôi chỉ biết họ và họ cũng chỉ biết tôi, mà không quen biết. Cái biết do chỉ nghe danh, biết tên, biết tiếng khác xa cái biết do quen mà biết, và càng quen thân gần gũi càng dễ hiểu đúng; hiểu theo nghĩa không cần tìm hiểu mà đã hiểu như nguyên nghĩa La-tinh của từ tương-tự trong tiếng Pháp: *comprendre*. Cùng nắm bắt, hiểu người mình quen biết, quen thân như chính họ hiểu họ mà không cần nghe bạn giải-thích những thông tin thường chỉ là tin đồn xuyên-tạc, thổi phồng mà bạn là nạn-nhân.

Trầm-trọng hơn nữa, tôi là người thời đó thường được những người cầm bút biên-khảo, sáng tác thi văn gửi sách tặng, có những lời lẽ rất trân-trọng. Dĩ-nhiên những người cầm bút này, nhất là những người viết tác-

phẩm đầu tay, chưa được dư-luận biết đến, mong ước được tôi viết bài giới-thiệu điểm sách, phê-bình, mà họ tưởng tôi là người có thẩm-quyền, uy-tín và nghiêm-túc. Nhưng tôi không những đã không viết gì mà còn không viết thư, nhắn tin đã nhận được sách và cám ơn họ. Không phải vì khinh-bỉ, coi thường, nhưng chỉ vì tôi có những ưu-tiên phải làm, nên rút cục cho đến bây giờ tôi vẫn còn giữ, cất kỹ toàn bộ những sách báo gửi tặng. Ngay cả có lần gặp Vũ Hoàng Chương, tôi ngỏ ý muốn viết về nhà thơ, ông đã hoan-hỉ gửi cho tôi toàn bộ những gì ông đã viết, kể cả bản dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp. Cho đến nay, vẫn còn gói nguyên vẹn để trong kho sách của tôi. Tôi nghĩ những người tặng sách không thể không oán giận và hiểu lầm cho tôi là khinh người. Tôi không bao giờ gặp Duyên Anh hay có gặp đâu đó, ở tòa báo thì cũng chào hỏi cho có lệ, thế thôi. Sau khi Duyên Anh viết đôi dòng tỏ ra ân-hận đối với tôi, đáng lẽ tôi phải liên-lạc với Duyên Anh, mời Duyên Anh ăn một bữa thịt cầy chẳng hạn. Trong bữa gặp gỡ đó, tôi sẽ nói cho Duyên Anh biết tôi không hề bực bội, giận ghét anh vì hiểu cuộc đời của anh ít nhiều đã là nạn-nhân của thời cuộc hỗn-loạn chiến-tranh, nên Duyên Anh không có nhiều may-mắn để tiến thân như những người trẻ khác cùng lứa tuổi. Trái lại, tôi quí-mến và trân-trọng tài ba của Duyên Anh không những là tác-giả của những truyện về thiếu-nhi có giá-trị mà ngay cả lối viết nham-nhở, sống-sượng trong *Con Ong* hay *Người* của anh và của các bạn anh. Các anh đã có tài tạo ra một ngôn-ngữ châm-chích, phá-hủy, tiêu-diệt ngôn-ngữ bằng cách bất chấp những qui-luật của ngôn-ngữ nói, viết hay dịch-thuật. Dưới mắt nhà xã-hội học, ngôn-ngữ của Duyên Anh tiêu-biểu cho một xã-hội phân hóa, tan rã. Tôi cũng có thể nói đôi điều về tôi cho Duyên Anh thấy con người, đời tư của tôi. Chẳng hạn tôi chẳng có gì bất-mãn với đời, hay với bất cứ chế-độ chính-trị nào vì tôi không mong chờ gì ở các chế-độ đó, mặc dầu tôi có điều-kiện và được đề cử giữ chức vụ địa vị này nọ. Ngoài ra tôi sống một đời sống ít nhiều khắc-khổ, một cách ý-thức tự-nguyện không nghiện rượu, thuốc lá, cà-phê, chỉ nghiện hay say mê một thứ: cầm bút viết, không hẳn vì người đọc, mà trước hết vì chủ-yếu tôi sống thì phải viết, như phải ăn phải thở thế thôi. Sau 75, tôi vẫn viết, viết nhiều để đấy, mặc dầu không thể in ấn được ! Không kể những lần đi với Mai-Thảo đến nhà hàng khiêu-vũ, không bao-giờ tôi bén mảng đến những chỗ đó, phòng trà ca-nhạc cũng chỉ đi một lần đo Trịnh Viết Đức rủ đi để viết bài "Ảo Ảnh Thanh-Thuý". Đi chơi gái có một lần, nhưng lại chỉ ngồi ở ngoài. Không phải vì đạo-đức nhưng chỉ vì ôm một người con gái ở chỗ công-cộng nó thế nào ấy; nếu ngay từ thời du-học, sau mỗi hội-nghị họp mặt, đều có khiêu-vũ, tôi đi tìm mấy ông cha hay mục-sư ngồi nói chuyện. Từ chối

chơi gái không phải vì không thích thỏa mãn ước muốn tình-dục, nhưng lúc đó tôi nghĩ đến thân-phận người đàn bà làm đĩ bị coi như cái xác, không phải thân xác tôi như tôi đã trình bày trong "Ca Tụng Thân Xác", nghĩa là chỉ như một dụng cụ thỏa-mãn sinh-lý như cái chổi để quét nhà... Nhận thức như vậy đã bóp chết ước muốn về dục tình, thế thôi. Tương-tự thời ông Diệm, để mua chuộc giới trí-thức Đại-học , mỗi người được cấp một lô đất, được vay tiền ngân-hàng , trả góp lãi suất nhẹ để xây biệt-thự ở Thủ-Đức gọi là làng Đại-Học. Tôi cũng được cấp một lô, nhưng tôi là người duy nhất, từ-chối vì lúc đó nhóm trí-thức Công-giáo chúng tôi đang làm một hội-thảo về "Lương Tâm Công-Giáo và Công Bằng Xã-Hội". Tôi không thể nói về vấn-đề đó mà trong thực-tế, lại vui-vẻ nhận một ưu-đãi là một bất công xã-hội. Nhà nước tước hữu của người nghèo, không phải để thực-hiện một công trình công cộng, mà lại để chia cho những tư-nhân thuộc giới xã-hội ưu-đãi...

Sau cùng trước khi chia tay, tôi có thể tặng Duyên Anh cuốn "Ca Tụng Thân Xác" để nghị anh đọc, không nên chỉ tin vào những nghe nói này nọ... Tôi tin chắc Duyên Anh sẽ bị thuyết phục và sau đó viết lại những điều anh đã viết về tôi. Nhưng thật đáng trách, đáng tiếc tôi đã không làm gì cả. Chỉ sau 75, tôi mới tình cờ gặp Mai-Thảo, Duyên Anh ngồi uống cà-phê bên lề đường, mời tôi cùng uống. Nói chuyện bâng quơ vì mỗi người một tâm-sự. Hôm ở Sở Công-an, một hôm công-an đề-nghị tôi gặp Duyên Anh; tôi không rõ đó là ý muốn của Duyên Anh hay của công-an, tôi thấy gặp có thể thêm rắc rối nên từ-chối.

Đáng lẽ tôi cũng nên gặp Cung Tích Biền, Viên Linh vì Viên Linh có mời tôi viết bài, trả lời phỏng vấn trên *Khởi-Hành*, và những người khác đã phê-phán tôi như Chu-Tử, Tiên Lang, vv... và như vậy để giải-tỏa những hiểu lầm, ngộ-nhận. Tôi nghĩ rằng trong số những người cầm bút viết báo hàng ngày hàng tuần, có nhiều người ăn nói dao to búa lớn, múa bút, phóng bút chửi người khác, chửi nhau thậm tệ, nhưng nếu gặp nhau, mặt giáp mặt, nhất là được gặp nhau do người thứ ba đứng ra tổ-chức, có thể quên dễ-dàng quá-khứ như thể đã không có chuyện gì xảy ra. Bằng cớ là báo **Hòa Bình** chửi tôi như thế, rồi chủ bút lại đích thân nán-nỉ mời tôi viết bài, cũng mục bút ký hàng tuần, và tôi vui-vẻ nhận. Điều này làm cho tôi nghĩ đến một đặc-điểm của giới văn-nghệ-sĩ thường không cố-chấp bám víu vào lập-trường tư-tưởng, ý-thức-hệ này nọ và giống nhau ở tính chất "tếu" và coi mọi sự như thể đùa. Có lẽ chính cách tếu này, có mặt dễ thương đồng thời có mặt cũng dễ ghét, đó là một trong những nguyên-nhân đưa những người viết nói, tranh-đấu chính-trị đến chỗ thua người

anh em thù-địch, coi chuyện chính-trị là cái gì rất nghiêm-chỉnh, quyết tâm làm như những người chuyên nghiệp theo Lê-Nin đã nói. Tuy nhiên sau khi thắng, những người anh em thù-địch cũng thua, và thua chính mình vì nhận ra phải chăng chính cái tếu mới biểu-lộ tính chất người, cái nhân-đạo làm cho cuộc đời đáng sống vì có ý-nghĩa để sống?❐

* Đây là Chương 5 của Tập I hồi ký "Nhìn lại những chặng đường đã qua".

TÀI-LIỆU LIÊN-HỆ

1- Kháng thư của 110 nhân-vật làm văn-học nghệ-thuật miền Nam trước hành-động đàn áp giới văn-nghệ-sĩ của bộ Thông-Tin và Chiêu-Hồi.

2- Danh-sách quí-vị tham-gia Ủy-ban Vận-động cải-thiện chế-độ lao tù miền Nam Việt Nam.

3- Vụ Vũ Hạnh- Chu Tử.

Trích tuần báo Tin Văn số 15, Sài Gòn 1966

Trích "Không hận thù của Chu-Tử" 1967

Trích chương IX: Từ tòa án văn-hóa đến hát cho dân tôi nghe. Vũ Hạnh trong "Trui rèn trong lửa đỏ" tập ký truyền thống Thành-Đoàn TNCS TPHCM, nhà xuất-bản Văn-nghệ Thành-phố. 1985

4- Văn-học và thời-cuộc

Thư Nguyễn Văn Trung gửi Viên Linh. Montréal 2-5-2000

Thư trả lời của Viên Linh. California 16-5-2000

5- Nguyễn Văn Trung, bút ký hàng tuần về sự lầm than của một thứ văn chương (8-4-72)

* Cung Tích Biền, nhân một bài báo của ông Nguyễn Văn Trung

* Nguyễn Văn Trung. Mặt Trận Sài Gòn . Dân Chủ Mới. 11-4-72

* Nguyễn Văn Trung. Thảo-luận về thực-trạng văn-nghệ miền Nam. 1966

"Chỉ với tập truyện ngắn và một vài bài tùy bút, Bùi Bích Hà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lắng nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới, và một trái tim thiết tha luôn quằn quại với những câu hỏi của đời sống"

Trên đây là nhận định của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc về truyện ngắn của Bùi Bích Hà.

Xin tìm đọc tác phẩm mới nhất của nhà văn

hạnh phúc có thật

tập truyện, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 220 trang. Giá 10 Mỹ kim

Cuối năm. Sáo lại sang sông

TRIỀU HOA ĐẠI

cuối năm. ngồi nhìn lá rụng
nhớ nhà theo nắng đong đưa
tóc bay ôi chiều đã chậm
thiên thu. nhóm lửa, sương mù

mà chi tình ai mưa, nắng
thoáng như gió đã thay mùa
thu, đông đếm hoài tuổi hạc
bận lòng con sáo sang sông

tôi hát mùa xuân trên môi
tôi đàn tình tang, tích tịch
chiều mưa xuân đời rả rích
sáo buồn. sáo lại qua sông

hỏi tôi mùa xưa hoa bưởi
tóc bay chiều trắng bông lau
mong gì tình nhau về lại
tim khô. róc rách chân cầu

cuối năm! nhớ người muốn chết
đò đưa. đưa ai qua sông
chút ngày rơi đi cũng vội
buồn lòng, em nhớ tôi không?

cây thưa, rừng đưa ngày cũ
thêm đi cháy nữa quanh ai
chỗ ngồi quẩn quanh sót lại
cộng thêm nỗi xót xa người

thôi mà tro tàn dĩ vãng
quẩn quanh tháng tận. năm cùng
sông xưa, đò đưa mấy bận
xa rồi. em nhớ tôi không?

năm trôi tuổi dời tuột dốc
cất chi một vệt son môi
nhớ nhau. hồn đau đá cuội
buồn không. lệ, sáo ngậm ngùi!

năm tàn chiều phai. Tóc bạc
đò đưa mấy bận sông sâu
nỗi đời rụng theo ngày tắt
tình ơi! theo nước qua cầu.

Thầy tôi: Một giấc ngủ dài

Trịnh Nhật

"Ông Hoà bị hôn mê rồi!". Lời anh Đỗ Văn đưa tin vào một buổi tối cuối thu, khi trời Luân đôn còn ướt át vì những trận mưa lất phất hồi chiều, đường phố còn tả tơi lá rụng vì những trận gió thu.

Nghe Đỗ Văn nói Thầy bị hôn mê mà tôi vẫn chưa tin vì nghĩ rằng anh nói đùa, thích phao tin giật gân. Tôi còn nhớ cái tối hôm đó, tối Thứ Sáu 28-10, năm cuối cùng để nhị thiên niên kỉ, chúng tôi được mời tới dự một bữa tiệc tại nhà của anh chị Đỗ Văn, ở phía Tây Nam, cách Trung tâm thành phố khoảng 30 cây số. Bữa tiệc do anh Đỗ Văn, đồng nghiệp cũ Đài BBC, khoản đãi thì vừa là để đón chúng tôi, người từ Amsterdam đến mà cũng là để tiễn chúng tôi, người đi khỏi Luân đôn vào sáng sớm ngày hôm sau. Trong lúc đang tiệc tùng, lại giật mình nhớ đến Thầy, tôi đã nhờ anh Đỗ Văn điện thoại gọi sang Mĩ hỏi thăm, nhưng tiếc thay chỉ có tiếng trong máy nhắn tin (answering machine). Đành thôi! Biết làm sao hơn?

Trước đó, kể từ khi được Thầy cho biết là sẽ phải trải qua một cuộc giải phẫu tim quan trọng (by-pass surgery) vào ngày 19-10, tôi vẫn để tâm theo dõi tin tức về sức khoẻ của Thầy. Trong lúc đang ở Hoà-lan, mà Thầy thích gọi là Hà-lan, tôi đã đôi ba lần điện thoại sang nhà Thầy ở Mountain View, California, mà Thầy quen gọi 'Mountain View' là 'Sơn Cảnh', thì chỉ được nghe giọng nói tiếng Mĩ của Thầy trong máy nhắn tin. Hỏi thăm Thầy qua 'email' thì cũng không hơn gì, vì từ ngày biết mình bị suy tim (heart failure), Thầy đã phải lo giữ gìn sức khỏe, bớt công bớt việc, không mấy liên lạc thư từ với ai, mặc dù Thầy lúc đó đang làm Viện Trưởng Viện Việt học mới thành lập ở Garden Grove, Nam California. Để tránh bớt việc nhận 'emails', từ địa chỉ điện thư cũ 'wingdinh@ix.netcom.com', Thầy đã đổi sang 'dinhhwangwien@earthlink.net', là địa chỉ mà tôi chỉ một lần duy nhất

nhận được báo cáo sức khoẻ cuả Thầy. Bức điện thư, đề ngày Thứ Bẩy, 19 tháng Tám, năm 2000, Thầy viết cho Cô, cho các con, cho các cháu ngoại, khi họ đi Thái lan nghỉ hè đôi ba tuần lễ, mà tôi vẫn còn giữ trong máy 'computer', có nội dung như sau:

"Dear Wife, Children and Grandchildren: I have received David's Email and My-Khue's also. Look forward to welcoming back Pat, Antonio and My-Khue from Bangkok on August 16, and Ba Ngoai, and the rest of the gang on August 21. Friday phone calls received: HoangThi Trang (Houston, TX), Chi Nga, Co Trong. Saturday calls from: DuongDucNhu, VienLinh (Khoi-Hanh monthly), Thim Dinh-The, Cu TranTrongPhuc, Viet-Hang, Dinh-Hung, and TrinhNhat from Sydney. Sunday calls from: Chi Mai (she and anh Van back from China trip), Annette (from Honolulu) and Bac Ai (from Virginia). I eat OK, plenty of fruit and vegs, with sa-siu, gio lua, cha gio from our freezer) as well as the wild rice + broccoli dish and the two huge chicken pieces that Sharon had given me. Drink a lot of juice, too. I take slow walks twice a day as usual. Monday Aug 14, 2:30 pm, I have dental appointment with Dr. Peter T. Yoshida in downtown Mountain View (650-968-3820). Debbie Viet-Hang, who is in Florida with Tim Fish and the 2 boys for a week, will call Dr. Yoshida to tell him that I have a heart condition and will need antibiotics before teeth cleaning. Of course, I'll remind him, too. Until next time, Love, Dinh-Hoa Nguyen."

Thầy Cô Hoà có ba cô con gái: Patricia Mỹ Hường, Cynthia Mỹ Huyền, Deborah Việt Hằng đều đã lập gia đình và đã có con, có cái. Hai cô Hường, Huyền có tên Việt Nam bắt đầu bằng chữ Mỹ là vì sinh ra trên đất Mỹ. Cô Hằng sinh ở Việt Nam nên tên bắt đầu bằng chữ Việt. Chỉ riêng cậu con trai út là Gregory Đình Huân nay đã gần 40 tuổi vẫn còn vui sống độc thân.

Thầy là người thích giao thiệp rộng. Ngày còn làm Giám Đốc Trung tâm Việt học ở Đại học Nam Illinois, Carbondale, mà có lúc Thầy còn gọi 'Carbondale' là 'Thung lũng than', Thầy thích khoản đãi khách khứa tiệc tùng, có lẽ một phần cũng vì tài nấu nướng khéo léo cuả Cô. Thầy thích đi du lịch đó đây, không quản ngại đường xa, lúc nào cũng vui vẻ tươi cười. Thầy thích chuyện trò, kể lể. Thầy sốt sắng, mau mắn trả lời thư từ bạn bè, đồng nghiệp, học trò cũ mới. Ai cần chi tiết tham khảo gì mà Thầy biết, Thầy sẵn sàng, hết lòng giúp đỡ, tìm cho bằng được, không quản ngại giờ giấc.

Trước khi đi chụp siêu âm (ultra-sound) để biết bệnh nặng bệnh nhẹ đến đâu, Thầy vẫn nghĩ là bệnh của Thầy có thể chỉ phải trải qua một

cuộc giải phẫu 'thông tim mạch', tức là nhẹ hơn 'ghép tim mạch'. Trong những cuộc điện đàm hầu như thường xuyên với Thầy, Thầy cho tôi biết vẫn nghe theo lời bác sĩ uống thuốc 'aspirine' với liều lượng thấp để giữ cho máu loãng, khỏi bị đóng cục. Ngày nào cũng đi bộ hai lần và cũng đọc xong hai cuốn tiểu thuyết trinh thám. Thầy mê đọc tiểu thuyết loại này và Thầy đọc rất nhanh. Thư viện lưu động có xe hơi mang sách truyện đến tận trước cửa nhà Thầy. Mượn đấy, trả đấy!

Khi biết được mình sẽ phải giải phẫu tim mạch, lấy 4 đoạn gân ở dưới chân đem làm 4 ống phụ dẫn máu vào tim, phòng khi động mạch chính bị nghẽn, Thầy đã tự trấn an mình bằng cách nhắc đến tên và bệnh trạng của một vị nhạc sĩ, nhà soạn nhạc lão thành, cũng trạc tuổi Thầy. Vị này đã phải giải phẫu nối cả 7 ống phụ dẫn máu vào tim, mà vẫn sống, vẫn khoẻ như thường.

Khi về lại Sydney hồi đầu tháng 11, sau chuyến Âu du, tôi may mắn được nói chuyện điện thoại với hiền nội của Thầy. Cô Hoà, tên thời con gái là Mít, cho biết đã 23 ngày rồi Thầy vẫn nằm trong khu hồi sinh cấp cứu (intensive care unit). Cuộc giải phẫu tim lâu bẩy tiếng đồng hồ hoàn thành tốt đẹp. Bác sĩ chuyên khoa phẫu thuật hạng nhất trên thế giới cơ mà! Song, những biến chứng sau đó đã làm Thầy mê man. Lượng dưỡng khí trong máu Thầy có lúc giảm xuống thấp kinh khủng. Thầy còn bị lên cơn sốt, cánh tay Thầy bị sưng... Như Cô Hoà kể lại, thì mấy ngày trước đó, Cindy Mỹ Huyền, bác sĩ chuyên khoa về tâm thần học (psychiatrist), vào thăm thì thấy Thầy mất còn nhìn như thể nhận ra con gái mình. Ngón tay cái của Thầy, Thầy còn hơi bẻ cụp lại được như thể ra dấu là mình còn tỉnh đấy!

Bẵng đi từ hôm ấy cho mãi tới khi anh Phạm Phú Minh, Chủ nhiệm báo *Thế Kỷ 21*, chuyển 'email' của anh Nguyễn Đình Cường, cháu của Thầy, đề ngày Thứ Tư 29 tháng 11, năm 2000, thì tôi mới biết thêm tin tức:

"Cho đến hôm nay chưa có gì khả quan hơn. Tim có hoạt động. Thận không đáng quan tâm. Phổi vẫn phải dùng máy thở. Chân tay không cựa quậy được. Mắt không focus được. Vẫn còn trong tình trạng coma."

Như thế, tính từ ngày 19-10 đến 29-11, là Thầy đã coi như hôn mê 1 tháng 10 ngày. Nhưng như 'email' ngày 16-12 của anh Đỗ Văn cho biết thì, một vài ngày trước khi mất, Thầy có tỉnh lại và nhận được mặt gia đình bà con. Sau lại biến chứng, lên cơn đau nữa và có lúc coi như Thầy đã chết trong thời gian 12 phút. Lần ấy bác sĩ cứu sống lại được nhờ phương pháp cấp cứu, nhưng báo hại, họ lại làm chảy máu vết mổ ở ngực Thầy. Thế là từ đó Thầy hôn mê luôn và cuối cùng gia đình Thầy đã quyết

định đành phải tắt máy trợ sinh (life support) vì kéo dài cũng vô ích. Thầy chính thức 'rũ nợ trần' vào lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 10-12-2000, thọ 76 tuổi. Đám tang Thầy được tổ chức vào ngày Thứ Bẩy 16-12-2000.

Từ lâu nay, tôi vẫn nghĩ 'chết' chỉ là trạng thái đắm chìm trong một giấc ngủ dài. Ai trong chúng ta mà lại chẳng phải trải qua trong đời một lần vĩnh viễn ra đi. Vì hoàn cảnh đất nước, ngày Mẹ tôi từ giã cõi đời, người đã không có tôi bên mình. Ngày Bố tôi đột ngột từ trần, người đã không có tôi hiện diện. Ngày Thầy vĩnh viễn ra đi, tôi đã không có được một lời từ biệt, tiễn đưa.

Lần cuối cùng Thầy trò gặp nhau, cách nay đã 5 năm, năm 1995, trong bữa cơm tối tại nhà Thầy, lúc đó Thầy Cô còn ở San Franscisco. Dịp gặp gỡ này là nhân chuyến tôi được Đại học San Franscico State University mời sang thuyết trình về việc giảng dạy Việt ngữ và Việt học ở Úc. Nhưng lần đầu tiên tôi được biết đến Thầy thì đã cách nay 43 năm, năm 1957, khi vẫn còn là một học sinh trung học, chưa cả biết thi Tú Tài là gì, tôi đã tới dự buổi lễ trình diện Ban Giảng huấn và giới thiệu vị Tân Khoa trưởng, Tiến sĩ Nguyễn Đình Hoà, của Trường Đại học Văn Khoa Sàigòn. Thầy lúc đó mới ở Mỹ về nước, và được bổ nhiệm làm Khoa trưởng Đại học này.

Tôi chỉ gặp lại Thầy khi chính thức ghi danh theo học tại Đại học Văn khoa vào đầu thập niên 1960. Lúc đó Thầy là Trưởng Ban Anh văn, là Ban khá đông sinh viên ghi danh theo học. Tôi học năm Dự bị Anh văn, và tôi chọn 'Ngữ học Nhập môn' làm một trong những môn nhiệm ý, thì cũng là môn 'tủ' của Thầy. Lớp học thường chật cứng người, có cả đến hơn hai trăm sinh viên dự lớp, đi 'cours'. Sinh viên có khi phải đứng ở ngoài sân để nghe bài giảng, ghi 'cours'. Tôi còn nhớ, mỗi khi bước vào lớp học, trên tay Thầy lúc nào cũng cầm một tờ báo tiếng Anh phát hành tại Sàigòn, có thể là tờ *Saigon Post* hay tờ *Saigon Daily News*, để thỉnh thoảng có đôi lời bàn bạc thêm tiếng Việt, hoặc so sánh về loại tiếng Anh, tiếng Mĩ thứ thiệt, thứ giả trong báo. Với thái độ ung dung, với lời nói năng thư thả, từ tốn, Thầy đã thổi một làn gió mới cho phong trào học ngôn ngữ tại Việt Nam. Thầy đã cho sinh viên thấy một cái nhìn rõ nét về khoa ngữ học (linguistics) lúc đó còn khá mới mẻ đối với Việt Nam. Thầy đã truyền lại cái sở học, cái kinh nghiệm mà Thầy đã thâu thập được sau 10 năm du học tại Hoa Kì cho các môn sinh. Như một định mệnh, tôi đã chọn theo bước chân Thầy kể từ ngày đầu lưu luyến ấy.

Tôi còn gặp lại Thầy sau này nhiều lần nữa, trong lớp học cũng như trong các kì thi vấn đáp, khi theo học các chứng chỉ 'Anh văn Thực hành', 'Ngữ học Việt Nam', 'Ngữ học Anh', 'Văn chương văn minh Anh',

'Văn chương Văn minh Mỹ'. Kể từ khi Thầy qua Mỹ làm Cố vấn Văn hoá Toà Đại sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Washington D.C. vào năm 1966, rồi sau đó Thầy sang dạy học và làm Phó Giám Đốc Trung tâm Việt học ở Đại học Southern Illinois University (1969-1972) thì tôi chỉ có dịp liên lạc thư từ với Thầy trong tư cách là Chủ bút tờ Nguyệt san của Hội Giáo sư Anh ngữ Trung học Việt Nam mà Thầy đã giúp sáng lập và làm Cố vấn.

Tôi bắt đầu liên lạc thường xuyên hơn với Thầy khi tôi sang Úc du học tu nghiệp vào đầu năm 1974. Và khi đất nước 'vật đổi sao dời', tôi đã sang Mỹ thăm Thầy tại Carbondale vào mùa Đông năm 1975. Rồi còn nhiều lần sau đó nữa. Hầu như trong sáu bẩy lần sang Mỹ, khi thì từ Úc, lúc thì từ Anh, lần nào tôi cũng cố tìm dịp ghé lại nhà Thầy đôi ba ngày. Sau khi đậu xong bằng MA (Hons) [Phó Tiến sĩ Hạng Ưu] về Ngữ học, tôi được tuyển sang Luân Đôn làm cho Đài BBC. Thay vì đi chuyến máy bay thẳng sang Anh, tôi đã bay vòng qua Mỹ, để ghé thăm Thầy cũng có, mà để Thầy nhắn nhủ đôi lời cũng có. Thầy đã giới thiệu, dạm vợ cho tôi: một cô cháu thuộc loại trẻ trung, con một bà chị họ. Hai chị em thất lạc nhau và mới tìm gặp lại được nhau ở vùng Hoa Thịnh Đốn.

Ngày tiễn tôi lên đường sang Thủ đô Washington D.C., trời mùa Đông sau ngày Thanksgiving Day (Lễ Tạ Ơn Chúa) năm 1979, tuyết phủ đầy trên lối đậu xe, trước cửa nhà. Từ trong nhà khi lăng xăng phụ tôi xách hành lí ra xe, Thầy đâu có ngờ chiếc va-li cuả tôi quá nặng, đầu gối Thầy khuỵ mạnh xuống sàn cái 'huỵch'. Thầy nhăn mặt, suýt xoa. Chắc là đau, nhưng Thầy làm ra vẻ không sao.

Chuyện 'tiểu đăng khoa' cuả tôi sau đó không thành. Tình Thầy Trò chúng tôi không vì thế mà sứt mẻ. Có lẽ là tại số tôi 'lận dận' về đường vợ con. Ông Bố tôi, thầy tử vi tướng số tài tử, vẫn bảo thế mà! Tuổi Tỵ mà mang chữ Tân, là Tân Tỵ, nếu lấy vợ trễ thì không sao, chứ lấy vợ sớm thì có thể phải 'tục huyền'. Bố tôi tuổi Tân Hợi, mang chữ Tân, người phải 'tục huyền', lấy Mẹ tôi là người vợ thứ hai khi ông mới có 27 tuổi. Bố tôi sau ngày tản cư về Phủ Lý, Hà Nam, thì ít lâu sau hồi cư về Hải phòng năm 1946, trước Mẹ tôi và chúng tôi, người còn đèo bồng thêm một bà nữa.

Khác với Bố tôi, Thầy tôi 'thuỷ chung như nhất', 'chồng một vợ một', suốt đời bên nhau. Theo chỗ tôi biết thì Thầy không có thói trăng hoa. Thầy ham mê đọc sách, hơn là mê đàn bà, phụ nữ. Theo lời cô Hoà kể lại, thì có năm Thầy sang dạy học tiếng Anh ở Ma-rốc, Thầy mê đọc sách đến độ tay lúc nào cũng cầm quyển sách. Mắt lúc nào cũng không rời trang giấy. Đọc sánh trong nhà đã đành, mà Thầy ra ngoài đường cũng đọc, vừa đi vừa đọc, không chịu trông chừng xe cộ, để đến nỗi xe đạp nó đi nó tông cả vào người, hất rơi cả tờ báo.

Thầy mê đọc sách đã dành, nhưng Thầy cũng đã viết coi như không ngừng nghỉ trong khoảng thời gian 45 năm, từ 1955 đến gần khi Thầy mãn phần. Có thể nói tính theo trung bình thì năm nào Thầy cũng có sách, báo chuyên môn xuất bản, ấn hành. Từ sách dạy tiếng Anh tiếng Việt, từ điển song ngữ, đến các bài viết về văn hoá, ngữ pháp, văn phạm, các bài điểm sách về ngôn ngữ, văn học, tiểu thuyết. Hai cuốn sách mới nhất cuả Thầy mà Thầy đắc í là cuốn *Vietnamese* (Tiếng Việt không son phấn), xuất bản năm 1997, và cuốn *From the City Inside the Red River*, ấn hành năm 1999, là cuốn sách viết về cuộc đời Thầy, xuất thân từ thành phố Hà nội, nhưng cũng còn là cuốn hồi kí viết về những đặc trưng văn hoá cuả cái thành phố bên dòng sông Hồng vào giữa thế kỉ 20. Thầy đã khởi sự viết lại hai cuốn sách trên sang tiếng Việt.

Năm 1987, Thầy sang Úc thuyết trình về "Vietnamese Lexicography" (Vấn đề biên soạn từ điển Việt ngữ) tại Hội nghị Thế giới về Ngữ học lần thứ 10, được tổ chức ở Viện Đại học University of Sydney. Ra đón Thầy tại phi trường Mascot mùa Đông năm ấy, có tôi và anh Đào Dũng, cũng là môn sinh cũ của Thầy. Giáo sư Đào Dũng lúc đó làm Chủ nhiệm/ Chủ bút Tờ Tuần báo *Việt Luận*. Thầy về ở chung với vợ chồng tôi ở Bankstown. Lúc đó chúng tôi còn ở trong một căn 'flat', của một toà nhà cao 8 tầng. Sau đó tôi đã được dịp tháp tùng, đưa Thầy đi tham quan, nói chuyện tại nhiều nơi ở Úc.

Ở Sydney, Thầy đến thăm các lớp dạy Việt ngữ thuộc Trường Thứ Bẩy dạy Ngôn ngữ Cộng đồng (Saturday Schools of Community Languages) và diễn thuyết ở Viện Cao đẳng MacArthur Institute of Higher Education (tiền thân cuả Viện Đại học University of Western Sydney, MacArthur), là nơi tôi đã giảng dậy nhiều năm về Việt ngữ, Việt văn và Thông ngôn Phiên dịch. Thầy cũng còn tới nói chuyện về phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho người Việt với các giáo sư thuộc nhiều nguồn gốc sắc tộc đang dạy Anh ngữ cho Sở Giáo dục Di dân Tráng niên [Adult Migrant Education Service (AMES)] ở North Sydney, có cả chị Monique Hoa Lockhart là giáo sư kì cựu ở đấy tham dự. Thầy cũng đã đến với đồng hương và nói chuyện tâm tình tại Văn phòng Cộng đồng Người Việt Tự do ở Bankstown. Trong một bữa tiệc do các thân hữu và các môn sinh cũ khoản đãi Thầy ở Nhà hàng Quốc Khanh, Cabramatta, tôi thấy có cả cố Giáo sư Nguyễn Hoàng Cương, lúc đó là Chủ tịch Hội đồng Văn hoá Giáo dục Tiểu bang NSW cuả Cộng đồng người Việt Tự do, có cả anh Lưu Tường Quang, lúc đó làm Giám Đốc Liên bang cuả Bộ Di trú và Sắc tộc Sự vụ tại Tiểu bang NSW. Thầy Hoà sau này đã không giấu được niềm hãnh diện khi tôi cho Thầy biết một môn đệ cuả Thầy, một 'Giáo sư Anh

văn thứ thiệt' (tốt nghiệp Đại học Sư phạm Ban Anh văn, và đậu bằng Cử nhân Giáo khoa Anh Văn, Đại học Văn khoa Sàigòn), nay là Luật sư Quang Lưu, Tổng Giám đốc Hệ thống Phát thanh Đặc biệt SBS, một viên chức liên bang cao cấp nhất Úc đại lợi có nguồn gốc Việt Nam.

Trong chuyến đi Melbourne, đoạn đường bộ dài gần 1000 cây số, tôi có bà xã Anh Thư phụ lái xe chở Thầy đi và chúng tôi ngủ lại trong 'motel' ở Gundegai, một thị trấn trên đoạn đường Sydney-Melbourne, cách Sydney khoảng 5 giờ lái xe. Ở Melbourne, Thầy được mời tới thuyết giảng một số đề tài về văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam trong hai ba ngày chương trình đầy đặc do Giảng sư Nguyễn Xuân Thu dàn dựng cho sinh viên và Ban Giảng huấn Trường Phillip Institute of Technology học tập, tham khảo. Thầy cũng đã tới nói chuyện với cộng đồng người Việt ở Victoria trong một Hội trường đông nghẹt người tại Tiểu bang này. Chúng tôi còn đưa Thầy tới thăm trụ sở mới cuả Đài Phát thanh Úc đại lợi (Radio Australia), là nơi Thầy có người bạn tâm giao lâu năm không gặp. Trong chuyến đi tham quan này, chúng tôi còn được sự hướng dẫn của Giáo sư Kí giả Nguyễn Ngọc Phách, một nhân viên kì cựu cuả Đài. Anh Nguyễn Ngọc Phách là bào đệ cuả Giáo sư Nguyễn Ngọc Linh, và ông Linh là bạn thân cuả Thầy từ đầu thập niên 1950 tại Mỹ.

Tôi nghe được tin chính thức "Thầy không còn nữa!" qua Đài SBS Radio vào tối Thứ Ba 12-12-2000. Một cảm giác bàng hoàng, sững sờ. Một nỗi nghẹn ngào, mất mát. Một sự hoang vắng trong tâm hồn... Thầy ơi! Giã từ nhau rồi ư?... Cuộc hẹn gặp lại Thầy vào Tháng Tư, mùa Xuân bên ấy, dành bỏ dở sao, Thầy?

Thôi thì đành vậy! Trời kêu ai người ấy 'dạ'. Biết nói gì hơn? Thầy tôi, Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn-Đình Hoà, con cháu nhà quan, 'đẹp giai, học giỏi, con nhà giầu', đã thật sự đang đắm chìm trong giấc ngủ dài...!❐

Trịnh Nhật

Niềm tưởng nhớ khôn nguôi , Sydney, Tháng Chạp, Đệ nhị Thiên niên kỉ

tiếng thét

tập thơ của *Nguyễn Mạnh An Dân*

Anh Em (Na Uy) xuất bản. Nguyễn Hữu Nhật trình bày

Sách dày 130 trang, ấn phí 15 Mỹ kim.

Liên lạc:

Nguyễn Mạnh An Dân, 5900 Ranchester #1206 Houston, TX 77036 Phone: 713-773-0483

Thơ Ngu Yên
Nhật Ký Theo Tiếng Hát.

15-12-2000. Sợi Tóc Đỏ.

Em đi rồi
Sợi tóc ở lại
Vài sợi nhớ người ôm lấy gối chăn
Vài sợi mất người bám vào gương lược
Vài sợi gợi người quấn quít tim anh
Con chó tìm em chạy khắp nhà
Sủa tiếng buồn hơn bài tiễn đưa
Anh lượm sợi tóc
Chán đời ly biệt
Sợi tóc hôm qua gần gũi người
Sợi tóc bây giờ tức tưởi
Em cố tình không, gửi tóc lại đây?

Anh một mình dọn căn phòng trống
Thời giờ lặng nhói tâm tư
Em đi rồi cửa phòng khép lại
Bao giờ quay về?

Cẩn thận lượm tóc
Không giữ được người
Giữ tóc thế thân

16-12-2000. Anh và Zhivago, Em và Lara.

Anh ước được em là tình nhân
Như Zhivago được Lara
Anh sẽ sống trong căn nhà hoang dã
Làm thơ

Quên hết nhục nhằn sống chết
Yêu em biết bao
Mùa đông gió tuyết đầy trí tưởng
Cắm cúi viết thơ
Quên trời sáng
Quên ngày qua
Tập thơ dày chữ
Chưa hết tình yêu em

Mùa xuân đến
Anh không bỏ em một mình
Hãy đi với anh
Về sân đầy hoa vàng bát ngát
Cầm tay vợ và em
Không chờ lúc cuối phim
Anh sẽ chết bây giờ
Trái tim dừng lại
Ngậm im
Giữ lấy hạnh phúc
Muôn đời không thể có

18-12-2000.

Tiếng hát vụt khỏi bàn tay
Bay vào đêm tối
Anh đuổi theo
Không ra được khỏi nhà
Cửa chính đã khóa

Nhìn qua cửa sổ
Tiếng hát dừng ở ngã ba
Chập chờn chờ đợi
Vàng thiu ánh đèn đường
Em có nhớ anh một chút nào không?
Tiếng hát quay mặt
Đi lần về cách xa
Để lại âm ngân thương nhớ
Cấu vào tim anh xé từng sớ gân tình
Em nỡ đi vậy sao?

Không tiếc chút nào âu yếm
Hôm qua trong lòng anh
Tiếng hát yêu người thi sĩ
Đã thâm trầm sung sướng nắm tay nhau
Tay vẫn còn, tiếng hát ở đâu?

Biết anh yêu em bằng cách nào không?
Bể bàn tay quăng ra cửa sổ
Đuổi tìm em nhắn gửi điên rồ
Tay sẽ đến bên tiếng hát
Vuốt ve vành môi
Rà theo bờ lưỡi
Nâng niu từng hơi thở âm thanh
Tiếng sẽ hát
Tay sẽ đàn
Rồi vỗ tay
Rồi viết nhiều thơ thay thi sĩ
Anh ở nơi này
Hạnh phúc như thuở nào có em

19-12-2000. Màu Thời Gian

Thời gian có màu gì?
Hát lại cho anh nghe
Tím bầm màu tiếc nhớ
Xanh hoen màu hy vọng mong manh
Đỏ màu viên đạn xuyên qua cảm xúc
Hoặc trắng như em chưa hề yêu anh

Bạn quen nhắc đến văn nghệ
Lòng anh như gã kéo màn
Tắt đèn còn đứng trong tối
Cầm áo ca sĩ vừa thay
Thơm mồ hôi trình diễn
Thất vọng hỏi mình sao không ôm người

Hương thời gian mùi gì?
Hát lại cho anh nghe
Bằng tiếng hát ân tình nhất

Trước khi bỏ đi
Chắc anh sẽ nhớ mãi
Tình em ở cuối câu
"..Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh..." (*)
Thơ Đoàn Phú Tứ

20-12-2000. Kiếp Nào Có Yêu Nhau

"Kiếp nào có yêu nhau.....
thì xin hẹn đến mai sau...."
Thời gian rứt từng lời tạm biệt
hay vĩnh biệt
Tôi và em không kịp dặn dò
Sau gặp lại kiếp lấy gì dấu tích
Tôi thẹo trong tim em nhớ tìm người

Bây giờ sự thật mờ không thấy
Đôi mắt em kỳ lạ ẩn trong tôi
"...Em đâu? Em đâu rồi?...
Đừng nhìn anh nữa.." giấc mơ ơi

Hạnh ngộ món quà tình yêu tặng
Giữ không dám mở sợ rách lòng
Lắt nhẹ nghe như hộp trống không
Hay tình chỉ là giấy gói đẹp?

Vịn dĩ vãng đôi ngày em ở trọ
Hỏi có lần nào em cảm xúc vì tôi?
Tiếng hát nghi ngờ quả quyết
"...Kiếp nào có yêu nhau..hẹn....mai sau....."

21-12-2000.

Ngồi bên chiếc ghế em thường ngồi
Bao nhiêu ngày bóng vẫn còn đây
Anh nghĩ thầm bóng hiểu
Bóng yêu rồi anh vẫn cô đơn

Em đi mất
Anh cầm tay bóng
Cảm giác đê mê trong thê lương
Bóng biết yêu khác em hờ hững
Bóng mặn nồng trong anh suốt đêm

Sao em lại khác với bóng em?
Đời được bao nhiêu lần yêu đương?
Càng già càng mất dần can đảm
Nói yêu người sợ người không yêu

Anh biết, mai em gọi bóng về
Một hôm nào tình mất bóng yêu
Đêm qua anh hỏi tình nhân bóng
Em đi rồi nàng trở lại được không?

22-12-2000

Cơn bệnh bắt đầu ho
Anh không hát nổi bài yêu em như lòng thương nhớ
Đêm sốt ngoài giấc mơ
Thấy em xa vời dù tỉnh mê biết mình mộng mị
Ai bày chuyện ái tình?
Nếu yêu là thường, sao hối hận
Anh chập chờn suốt mấy đêm
Muốn email hỏi em
Và biết chắc em trả lời: không

Anh ho như muốn nhổ lòng ra
Nhổ trái tim cho bớt nhức nhối
Lồng ngực nặng nề cần được bình yên
Ai cứu tôi!
Biết đâu em trả lời: có

23-12-2000

Nhạc Giáng Sinh
Anh nghĩ, xin ông Noel món quà

Mở ra
Thấy em

Bài thơ viết hôm qua đã bỏ
Vì anh oán hận kẻ phụ tình
dù em chưa bao giờ nói yêu anh

Tại sao không nói yêu anh?
Em điên rồi
Tìm đâu ra người như anh
Ai yêu em như anh
Ai làm thơ
Làm thơ, tiếp tục làm thơ yêu em
Tại sao không nói yêu anh?
Em dại quá

Đời khốn khó dễ gì vui tình ái
Yêu cho hồn mất trí khôn

24-12-2000

Anh bán cây thông cuối cùng
Thơ có khi thiếu tiền dư chữ
Vỉa hè vắng người
Tiêu diều bùn mưa tuyết giấy rác tấm lòng
Xám lặng lẽ đất trời chờ đợi
Người hân hoan thế giới tưng bừng
Đêm Giáng Sinh có ai hấp hối
Thở hơi ra lạnh nhạt tiếng chuông
Em không cần xin lỗi
Hãy cùng người vui trẻ Chúa già nua
Anh được Chúa chọn bán thông mừng quá khứ
mà lòng đau hẹn không được tương lai
Thơ có khi nhục tiền dư danh dự
Biết không thơ vẫn tồn tại làm thơ

Ai từng đứng bên lề đời sẽ hiểu
Chỉ tấm lòng không che đủ quạnh hiu.❐

Tiếp thị cho một giải Nobel văn chương của Việt Nam

Nguyễn Thanh Sơn

Con rắn ghen tỵ quả đã mổ trúng sống lưng của chúng ta khi nghe tin giải Nobel văn chương năm 2000 được trao cho Cao Hành Kiện, mặc dù không ai trong chúng ta biết ông ta là ai. Thì có sao, ngay ở tổ quốc của mình, các tác phẩm của Cao- một phần đo bị cấm- cũng hầu như không được biết tới. Cả ở châu Âu và Mỹ, nơi Cao Hành Kiện được cho là có độc giả, sách của ông ta cũng chỉ được biết tới trong một nhóm nhỏ các nhà nghiên cứu quan tâm đến văn học Trung Quốc đương đại. Trừ Torbjorn Loden có viết một bài điểm sách nhỏ, chỉ có dịch giả của Cao, Mabel Lee, là người nhiệt tình nhất trong việc giới thiệu Cao và Linh sơn với độc giả nói tiếng Anh. Gregory Lee, giáo sư Trung văn thuộc trường Jean Moulin- Lyon III, cho biết, mặc dù Linh sơn được Noel Dutrait dịch sang tiếng Pháp từ 1995 (La montagne de l'âme), nhưng Cao Hành Kiện vẫn được biết rất ít tại Pháp, ngoại trừ dưới tư cách một hoạ sĩ vẽ tranh thuỷ mặc tài hoa.

Như vậy, cứ cho việc ngay buổi sáng sau hôm Uỷ ban giải thưởng công bố, báo *Lao động* đưa tin "một nhà văn Pháp gốc Trung Hoa đoạt giải thưởng Nobel văn chương năm nay" chỉ là một sai lầm kỹ thuật của người làm tin "nóng"- mặc dù tôi không tin trình độ của người nhận tin này lại yếu đến nỗi không đọc được trong thông cáo báo chí những dòng chữ đơn giản như" mở ra những con đường mới cho văn chương và kịch Việt Nam trước việc một nhà văn Trung Quốc "cùng thời" nhận được giải thưởng uy tín bậc nhất này. Sau nỗi phẫn nộ hộ "các nhà văn Trung Quốc anh em", bằng việc tuyên bố giải thưởng Nobel văn chương đã bị "chính trị hoá", và là "một nỗi xúc phạm đối với giải thưởng cao quý này", báo

giới Việt nam có vẻ đã dìu xuống sau khi *Văn nghệ, Văn nghệ trẻ, Tiền phong chủ nhật, An ninh thế giới* đăng một số bài giới thiệu, đề đạt hơn trong việc kết tội Cao và các tác phẩm của ông.

Mặc dù có rất nhiều người sẽ còn tranh cãi xem nên trao giải thưởng cho Cao Hành Kiện hay Bắc Đảo hay Mạc Ngôn, thái độ hằn học của các nhà văn Trung Quốc với giải Nobel năm 2000 chẳng qua chỉ là sự đố kỵ. Giá giải thưởng này được trao cho một ông già gần đất xa trời như Ba Kim, hẳn cả nước Trung Hoa đã lên một cơn hưng phấn có tổ chức để đón nhận vinh quang. Nhưng trao tấm phiếu đi vào cõi bất tử (1) cho một nhà văn cách tân, người hơn mười năm trước "cũng như chúng mình", lại đã rời bỏ quê hương bản quán, thì quả là không thể chịu nổi. Nỗi ghen tức ngấm ngầm trước việc gã hàng xóm của mình bỗng chốc trúng số độc đắc sẽ không thấm vào đâu nếu đem so sánh với sự lồng lộn của các nhà văn Trung Quốc mấy tuần vừa qua.

Kirk Denton, chủ biên của tờ Văn học và Văn hoá Trung Quốc hiện đại (MCLC- Modern Chinese Literature and Culture) thuộc trường đại học Ohio cho rằng, nguyên nhân của việc trao giải Nobel cho Cao Hành Kiện là do

1) các vở kịch của Cao đã được dịch ra nhiều thứ tiếng của Châu Âu như tiếng Đức, Pháp, ý và tiếng Anh. Kịch của ông được công diễn thường xuyên ở các nhà hát danh tiếng ở Châu Âu;

2) tất nhiên, có công lớn của Goeran Malmqvist, dịch giả văn học hiện đại Trung Hoa, thành viên của Viện Hàn Lâm Thuỵ Điển, người đã rất hăng hái trong việc dịch và giới thiệu các tác phẩm của Cao cho công chúng Thuỵ Điển, ông đã dịch phần lớn các vở kịch của Cao, còn bản dịch *Linh sơn* của ông thậm chí đã ra trước cả bản chính xuất bản ở Đài Loan(2) ;

3) Cao Hành Kiện dù đúng hay sai, đã được dán mác *dissident*, và điều này chưa bao giờ làm hại những ứng viên của giải Nobel;

4) văn chương của Cao Hành Kiện đặc biệt là *Linh sơn*, rất hợp "mốt" với các trào lưu hiện đại và hậu hiện đại của phương Tây, do đó, dễ dàng tìm thấy tiếng nói chung với độc giả phương Tây.

Cách đặt vấn đề của Kirk Denton khiến nhiều người không tán thành. Thứ nhất, ông ta bỏ qua một vấn đề quan trọng bậc nhất: Cao Hành Kiện một nhà văn Trung Quốc tài hoa, và *Linh sơn*, không nghi ngờ gì, là một tác phẩm lớn. Thứ hai, rõ ràng cái mác *dissident* mà người ta dán lên con

người Cao Hành Kiện là không đúng. Chính bản thân Cao đã rất nhiều lần tuyên bố ông chỉ quan tâm đến nghệ thuật mà không quan tâm đến chính trị, và đóng góp của ông trong phong trào đòi dân chủ và phản kháng ở bên ngoài Trung Hoa là không đáng kể, thậm chí có thể nói là không có gì. Vở kịch *Chạy Trốn* của ông, viết về sự kiện Thiên An Môn, đã gây ra sự công phẫn của cả hai phía, nhất là khi một nhân vật của vở kịch, Người qua đường, tuyên bố thẳng thắn "tôi đã ngán chính trị đến tận cổ ... dân tộc nào? dân tộc của ai? nó có lo cho anh và tôi không? tại sao tôi lại phải lo cho nó? tôi chỉ lo cho tôi"(3). Nhóm tài trợ cho vở kịch của ông tại Mỹ đã rút lại tiền vì không thoả mãn với vở kịch, không nhận ra hình ảnh những sinh viên anh hùng giơ ngực chắn xe tăng Bát Nhất. Dịch giả của Cao ra tiếng Anh, Mabel Lee, khi viết bài giới thiệu quan điểm của Cao về văn học, đã dùng đầu đề "Không chính trị- Cao Hành Kiện về sáng tác văn học"(4). Hãy đọc "Tiếng nói của cá nhân"(5) của ông mà xem, Cao chính là người đòi hỏi các nhà văn Trung Quốc phải thoát khỏi cái " Chinese complex" - tư tưởng luôn coi mình là người phát ngôn của nhân dân, đại diện cho ý thức dân tộc và đấu tranh vì chủ nghĩa yêu nước, tức là hy sinh con người nhà văn cho con người- công dân, con người-chính trị. Chỉ khi nào các nhà văn Trung Quốc thoát ra khỏi cái ách đó, sống trong một "thời đại không chủ nghĩa", sáng tác của họ mới có thể thăng hoa. Tóm lại, Uỷ ban giải Nobel không phải ngẫu nhiên khi khen ngợi các tác phẩm của Cao đã đề cao "sự sống sót của cá nhân trước đám đông".

Thứ ba, nếu như quả thực *Linh sơn* hợp mốt với sự mô hình của chủ nghĩa hậu hiện đại tại phương Tâythì tại sao gần mười năm trôi qua nó hầu như không được biết tới tại Mỹ? Anh bạn tôi hiện đang dạy tại trường Cornell cho biết, nơi duy nhất có thể mua được bản tiếng Anh là tại một hiệu sách được chỉ định của Harper Collins Publisher Australia ở Úc. Ngay cả tại thư viện của trường Cornell cũng không có, và hiện họ đang vội vàng đặt hàng tại Úc. Người ta có lý do để tin rằng, *Linh sơn* (The Soul Mountain) không thể tìm được độc giả tại Mỹ, và do đó không vội vàng để khuyếch trương tác phẩm này trên thị trường. Giáo sư Trung văn Gregory Lee ở trường Jean Moulin- Lyon III đã hỏi một cách cay độc lý do tại sao các thành viên của uỷ ban giải thưởng lại có thể khen ngợi *Linh sơn* về mặt ngôn ngữ- họ đã học tiếng Trung từ khi nào? Tất nhiên, chúng ta đủ thông minh để hiểu các thành viên của Uỷ ban chỉ có thể đọc *Linh sơn* từ bản tiếng Thuỵ Điển do Goran Mamqvist dịch, và câu hỏi của ông Lee có vẻ hơi nhỏ nhen. Nhưng ở đây cũng có một phần sự thật, *Linh sơn*

được viết với chủ định- dù có thành công hay không- như một cuốn tiểu thuyết hoàn toàn Trung Hoa. Những lời đồn đại rằng nó được viết theo phong cách hậu hiện đại chỉ để dành cho người đọc phương Tây (một số người đi xa hơn đến mức cho nó được viết ra cốt chỉ để cho Goeran Mamqvist giới thiệu với Uỷ ban giải thưởng, những người đang khao khát trao giải này cho một nhà văn Trung Hoa) là vô căn cứ. Ngay cả nhân vật chính trong tiểu thuyết này cũng khẳng định anh ta muốn viết theo truyền thống thoải mái của tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc. Dù không thể phủ nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn chương của Cao Hành Kiện, nhất là trong *Linh sơn*, với việc đưa vào trong tác phẩm này những huyền thoại, những câu ca, những mẩu ghi chép và độc thoại, với những *anh, tôi, cô ấy, anh ấy* thay vì những nhân vật cụ thể, nhưng đó là một chủ nghĩa hậu hiện đại đã được "Cao hoá" (xin dùng thay cho từ Trung Quốc hoá), khi một người đã yêu mến, tìm hiểu, nghiên cứu so sánh triết lý hiện đại của Châu Âu và cuối cùng, được hoà hợp nó với căn nguyên Á đông của mình.

Gạt đi sự dố kỵ hẹp hòi, liệu chúng ta có thể rút ra được những bài học gì đối với văn học Việt Nam từ giải Nobel dành cho Cao Hành Kiện?

Đầu tiên, việc trao giải thưởng cho Cao Hành Kiện gieo vào lòng chúng ta một mối hy vọng lớn lao. Tôi tin rằng, truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Phạm Thị Hoài và một số nhà văn Việt Nam khác hoàn toàn có chỗ đứng trong tủ sách chung của nhân loại, và nó không thua kém gì những tác phẩm đã được trao các giải thưởng quốc tế. Khoan chưa nói tới những giải thưởng như giải Nobel, nhưng đó là những thành tựu của văn chương Việt Nam trong hai thập kỷ qua và chúng ta cần phải giới thiệu với thế giới.

Sau nữa, đó là tầm quan trọng của việc đưa các tác phẩm có giá trị đến với những dịch giả có uy tín. Cái nhìn sai lệch của một số nhà văn cựu chiến binh Mỹ đối với văn học Việt Nam khiến cho Hồ Anh Thái lại được biết tới ở Mỹ nhiều hơn những nhà văn đặc sắc khác của Việt Nam, nhất là sau khi cuốn *Trong sương hồng hiện ra* được dịch ra tiếng Anh. *Ngược dòng nước lũ* của Ma Văn Kháng, vốn không phải là một cuốn tiểu thuyết hay, cũng được Wayne Karlin giới thiệu và Curbstone Press chọn in. Chính sự hiểu biết lỗ mỗ như vậy về văn học hiện đại Việt Nam đã nuôi dưỡng cho những ảo tưởng huyênh hoang kiểu Trần Đăng Khoa "các nhà văn Mỹ chỉ biết có Lê Lựu thôi, họ gọi ông Lựu là Hemingway của Việt

Nam"...vv và vv...

Trong số các nhà văn xuất sắc nhất của Việt Nam hiện nay như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Trần Vũ, Bảo Ninh, Nguyễn Bình Phương thì ngay từ năm 1993, *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài đã được giải Liberaturpreis- giải dành cho tác phẩm hay nhất trong năm của một nữ nhà văn không phải người châu Âu- tại hội chợ sách Frankfurt và được dịch ra tiếng Anh, Pháp, Đức, Ý, Hà Lan, Tây Ban Nha, Phần Lan và sắp tới là tiếng Hy Lạp. Mới đây, bản dịch truyện ngắn *Thuế biển* của Tôn Thất Quỳnh Du đã đoạt giải The Dinny O'Hearn/ SBS Prize for Literary Translation của Victorian Premier's Literary Awards.

Trần Vũ may mắn có Nina McPherson và Phan Huy Đường, những dịch giả tận tuỵ cách đay hai năm đã giới thiệu anh với độc giả Mỹ qua tập *The Dragon Hunt-The Five Stories* và giới thiệu phê bình có uy tín đón nhận một cách thiện cảm. Francine Prose trên The New York Times Book Review coi Trần Vũ là một "nhà văn tài năng" khi chứng kiến "Marguerite và Ernest Hemingway tranh giành quyền kiểm soát phong cách" của Trần Vũ. Kirkus Review coi đó có thể là "một trong những tuyển tập hay nhất mà chúng ta có từ Việt Nam". Dẫu vậy, việc đưa Biển rợn san hô- một truyện ngắn không phải là xuất sắc của Vũ vào tập sách này, cũng như niềm say mê của Nina Mc Pherson trong việc dịch các tác phẩm ít có giá trị văn chương của Dương Thu Hương như *Thiên đường mù* (Paradise of The Blind), *Lưu Ly* (Memories of a Pure Spring) khiến tôi thấy tiếc khi có cảm giác văn chương bị chính trị hoá.

Kim Lefèvre, dịch giả tiếng Pháp của Nguyễn Huy Thiệp, hay Greg Lockhard, người chuyển ngữ nhiều truyện ngắn của anh sang tiếng Anh, đã cố gắng dịch các tác phẩm của Thiệp với niềm tin "Nguyễn Huy Thiệp là một tác giả Việt Nam có tài năng ngang tầm với các nhà văn xuất sắc nhất thế giới"(6) và tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp là đóng góp cho văn học thế giới hiện đại"(7). Sean Jamis Rose trên tờ Liberation cũng coi anh "chắc chắn là nhà văn Việt Nam hiện đại lớn nhất"(8). Sự say mê của họ đối với văn của Thiệp chưa đủ sức đưa các tác phẩm của anh tới với đông đảo độc giả phương Tây, (Nguyễn Huy Thiệp nói, sách của anh được các nhà xuất bản ở châu Âu và Mỹ in với số lượng rất ít, và bán cũng chậm) nhưng trường hợp Cao Hành Kiện cho thấy, văn chương có giá trị không phải bao giờ cũng là văn chương ăn khách. Báo Taipei Times cho biết cuốn *Thánh Kinh của một con người* (One Man's Bible) của Cao Hành

Kiện chỉ bán được cả thảy có... **hai trăm** cuốn ở Đài Loan trong vòng **mười** năm. Ngay cả *Linh sơn* cũng chỉ bán được có 2500 bản khi xuất bản lần đầu ở Thụy Điển (9). Không thể hoàn toàn dựa vào tiêu chí số bản sách bán ra để đo chất lượng sách, nhất là khi độc giả phương Tây vẫn thích tính *exotic* ở các tác phẩm của phương Đông hơn là thừa nhận một *phương Đông tính* hiện đại trong sáng tác của các nhà văn lớn Việt Nam. Thái độ khó ăn khó nói của các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc phương Tây, những người trước đã cho các tác phẩm của Cao là " vớ vẩn" và ngừng dọc ông từ sau năm 1985 (xem bài của Bill Jenner trên tờ The Guardian sau khi Uỷ ban giải thưởng công bố giải), nay để chữa thẹn, đồng thanh cho việc trao giải cho Cao là một " hành động chính trị" cho thấy một điều, họ- phương Tây- vẫn muốn nhìn những tác phẩm của các nhà văn châu Á như tác phẩm của " những kẻ lạ" (stranger), chứ không phải như những "người cùng thời".

Câu hỏi được đặt ra sẽ không phải là liệu chúng ta muốn trở thành những *kẻ lạ* hay muốn trở thành những *người cùng thời*, mà liệu chúng ta có đủ niềm tự tin để trở thành những *người cùng thời* hay không? Trong tiểu luận Original and Import, Kojin Karatani đã nói rất đúng rằng, hiện đại hoá là một quá trình, và mặc dù khởi phát từ phương Tây, nhưng hiện đại hoá không phải chỉ là sản phẩm của phương Tây. Đã đến lúc phương Tây không thể làm ngơ những đóng góp của phương Đông trong tiến trình hiện đại hoá, trong đó có hiện đại hoá văn chương. Các nhà lý luận phê bình hàng đầu của chúng ta đang thúc giục các nhà văn phải đổi mới văn chương. Nhưng những tư tưởng cấp tiến, những "hiện đại", "hậu hiện đại" cứ bị bật tung lại khi vấp phải bức tường của mặc cảm vay mượn ý tưởng từ phương Tây. Mặc cảm này hạn chế những thử nghiệm quyết liệt hơn trong văn học, điều chúng ta đang rất cần.

Tình hình này làm tôi nhớ lại truyện ngắn viễn tưởng của nhà văn Mỹ Hamington "Những đứa con của Mặt trời". Có một chàng phi công vũ trụ, trong khi bị tai nạn tại phần tối của Sao Thuỷ đã tiếp xúc bằng trí não với một dạng tiến hoá khác của vũ trụ mà anh đặt tên là "những đứa con của các vì sao". Sự hơn hẳn của trí tuệ, dưới dạng năng lượng chứ không phải vật chất, khiến anh ta tuyệt vọng, vì biết rằng sự tiến hoá của loài người còn lâu mới cho phép chúng ta đạt được mức phát triển cao như vậy, và con người "vĩnh viễn sẽ là thứ phẩm của vũ trụ". Anh ta trốn trở lại nhà, u buồn, đau khổ, và chỉ vì ép buộc mới quay lại phần sáng của sao Thuỷ, nơi duy nhất có khả năng tiếp xúc với những sinh vật dạng năng lượng

kia- lần này cùng với cấp trên của anh ta, người nghi ngờ anh ta đã khám phá ra một bí mật nào đó và định che giấu. Và cấp trên của anh ta, người không để sự tuyệt vọng phá huỷ cuộc sống, không sợ phát hiện của mình sẽ giết chết cảm hứng sáng tạo của con người, đã quyết định không che giấu chủng tộc mình thật sự đó:

" Không, Kellard ạ, chúng ta chỉ đơn giản đã mắc sai lầm. Nay chúng ta đã biết chúng ta không phải là những sinh vật có trí tuệ duy nhất trong vũ trụ. Hãy thu nhận thực tế ấy vào sự hiểu biết của chúng ta và tiến xa hơn. Bởi vì dẫu sao chúng ta cũng là những đứa con của mặt trời! Những hành tinh dù sao đi nữa cũng là của chúng ta! và một khi nào đó, một lúc nào đó, những đứa con của các vì sao, những đứa con của mặt trời, con của các hành tinh sẽ gặp nhau, và chúng ta sẽ có cái gì đó để trao đổi. Không, chúng ta sẽ nói cho mọi người biết" (10).

Những thứ chúng ta có thể trao đổi với phương Tây, với quá trình "hậu hiện đại" hoá văn chương hẳn không nhiều, nhưng không phải là không có gì. Nhưng những thứ thực sự độc đáo, theo tôi, vẫn là những tác phẩm tạo được sự gặp gỡ của cả hai nền văn hoá, khi mỗi nền văn hoá lại thấy mình khác lạ trong cái nhìn của nền văn hoá kia. Chính sự "nhìn lại mình" từ đôi mắt của người khác, chính sự vượt thoát khỏi cái tôi để nhìn lại cái tôi chính là thứ đã làm nên cho thành công cho các tác phẩm của Cao Hành Kiện.

Quá trình "nhìn lại mình" cũng sẽ giúp chúng ta vượt thoát khỏi những ảo tưởng. Theo Cao Hành Kiện, ảo tưởng lớn nhất của những nhà văn Trung Quốc- và ở đây họ rất gần gũi với các nhà văn Việt Nam- đó là *luôn luôn coi mình có nghĩa vụ phải có tiếng nói đại diện: đại diện cho dân tộc, cho chính nghĩa, cho lẽ phải, cho một giai cấp...vv. Văn học, thực ra, trước tiên là tiếng nói của một cá nhân.* "Nhà văn cũng chỉ là một con người bình thường, có thể anh ta nhạy cảm hơn một số người khác, nhưng chính vì thế mà cũng yếu đuối hơn. Nhà văn không phải là người phát ngôn cho mọi người, cũng như không đại diện cho lẽ phải. Giọng của anh ta có thể yếu ớt, nhưng chính đó mới là giọng thực của một con người" (11). Đảm bảo được cho tác phẩm của mình có được tiếng nói riêng, chân thực của cá nhân có lẽ là thử thách lớn nhất đối với các nhà văn Việt Nam hiện nay, đảm bảo cho những giọng nói yếu ớt đó được lắng nghe, có lẽ là thử thách và trách nhiệm lớn nhất của những người có tâm huyết với nền văn học Việt Nam hiện nay.❐

Hà Nội 12.12.2000

(1) Mượn cách nói của Phạm xuân Nguyên

(2) Để phản bác những lời đồn đại cho rằng, Cao Hành Kiện đã "viết *Linh sơn* dưới một dạng cho phép Goeran Malmqvist không cần thiết phải đọc toàn bộ bản thảo", Liu Zaifu, một nhà văn Trung Quốc nổi tiếng khác đã kể về câu chuyện này như sau trên Hua Xia Wendzai (ghi theo lời dịch của Kirk Denton) " Gao Xingjian là một nhà văn/ nhà viết kịch nữa mà ông ta (Goeran Malmqvist) ưa thích. Ông ta đã xem và thích các vở kịch của Gao trước. Năm 1988, khi lần đầu tiên tôi tới Thuỵ Điển, ông ta nói với tôi rằng ông ta đã nghĩ tất cả các vở kịch của Gao đều hay. Khi đó ông ta có cho tôi xem một tập bản thảo và nói đó là bản thảo cuốn tiểu thuyết mới hoàn thành của Gao, hơn 40 ngàn chữ, và do nó là bản thảo viết tay nên ông ta đọc nó rất vất vả. Vì tôi cũng thích kịch và các tác phẩm khác của Gao, tôi có nói với ông ta tôi sẽ mang lại Trung Quốc, thuê người đánh máy và gửi lại cho ông ta đọc. Và thế là tôi đã đem Linh Sơn về Bắc Kinh, thuê người đánh máy, sau đó nhờ Tuỳ viên văn hoá ĐSQ Thuỵ Điển chuyển cho ông ta. Khi Goran Malmqvist nhận được, ông ta lập tức dịch ra tiếng Thuỵ Điển. Đó là lý do tại sao bản dịch tiếng Thuỵ Điển lại có trước bản in Tiếng Trung".

(3) Dẫn theo " Walking out of other people's prison- Liu Zaifu and Gao Xingjian on Chinese literature in 1990s" by Mabel Lee, Asian and African Studies-5, 1996,1,p.98-122

(4) Without politics, Gao Xingjian on Literature Creation by Mabel Lee- Stockholm Journal of East Asian Studies 6 [1995] : 82- 101

(5) The Voice of Individual- Geri huanghua- p.79

(6) Tại sao tôi dịch Nguyễn Huy Thiệp-

(7) Tại sao tôi dịch Nguyễn Huy Thiệp- đã dẫn

(8) Liberation- 18/5/2000

(9) Tommy Grandel. Tin AP ngày 26.10.2000

(10) Dịch theo bản tin tiếng Nga trong tập " Zvuotznuie karoli"- Edmond Hamington- NXB Start 1990 tr. 169- 178

(11) Gao Xingjian- The Case for Literature - từ nhận giải Nobel - Mabel Lee dịch sang tiếng Anh.

Sử Việt, đọc một quyển (II)
Các sử gia nho thần
Tạ Chí Đại Trường

(tiếp theo bài đã đăng trên Văn Học Xuân Tân Tỵ)

CĂN BẢN NHO HỌC CỦA SỬ QUAN: NHỮNG ĐIỀU TRONG VÀ NGOÀI TẦM TAY NGƯỜI BÂY GIỜ

Dù là thoát khỏi vòng Bắc thuộc, ngay từ lúc khởi đầu, cựu thuộc địa An Nam vẫn mang khuôn khổ của người chủ cũ. Ngô Quyền vẫn xưng vương chứ không phải là một ông cồ-khun hay cồ-lang gì đó. Dù với Đinh có tên nước là Đại Cồ Việt, người được sai phái từ kinh đô vẫn là "nha hiệu"(Giang Cự Vọng, Vương Thiệu Tộ 980, Phí Sùng Đức 994) trong dấu vết của một nha phủ Đô hộ kéo dài đến thế kỉ XV. Thái sư Hồng Hiến chết đi (988) nhưng di sản vẫn để lại cho Ngoạ Triều các kép hát người nước Tống và những cải cách theo Tống của ông vua Chàm (nếu nhìn về phía mẹ, và cả Việt của một chừng mực thời bấy giờ) bị chê trách nhất suốt trong lịch sử Việt này. Nhưng Hoa Lư chật hẹp vẫn là nơi của những tranh chấp bộ phận quyền lực phương Nam, trong đó Lí Công Uẩn nhận ra sự lạc loài của mình. Ông phải dời về thành Đại La cũ, gần nơi căn bản quyền lực gia tộc, khiến cho Hoa Lư thành vùng tiềm ẩn li khai sẽ nổ bùng dữ dội khi Lí suy yếu. Tuy nhiên Thăng Long đã đem đất nước mới đi vào một hệ thống to rộng hơn mà nhà Lí phải ứng xử theo tình thế, và đã đạt được hiệu quả, dẫn đến sự truyền đời lâu dài làm cơ sở chính thống cho các đời về sau.

Sự xuất hiện của tổ chức chính quyền theo khuôn mẫu Trung Hoa thì như thế nhưng kiến thức về cách tổ chức qua những con người cầm quyền mới như thế nào, ta không được biết rõ. Một Thái sư Hồng Hiến không

đủ. Riêng biệt thì có các nhà sư đọc được chữ Hán nơi các kinh Đại tạng xin về (lần đầu 1009). Hẳn còn có những nha lại cũ của phủ Đô hộ nằm trong chính quyền mới, nhưng họ bị chìm lấp trong khung cảnh tập họp dân tộc địa phương có ông vua (Lê) hát những câu mà sứ Tống (Cảo) không hiểu thì kiến thức vốn không cao đó càng chỉ có thể đem ra áp dụng một cách tạp nhạp, lẫn lộn cho ứng hợp với tình thế mà thôi. Vì thế ta mới thấy cậu bé có danh vị chính thức tiếp nhận ngôi vị của Đinh đã được gọi là Chàng Lớn chứ không phải là Hoàng thái tử. Ông vua khai sáng nhà Đinh lúc sống là Đại Thắng Minh Hoàng Đế, lúc chết đi được gọi giản dị là Tiên Hoàng Đế, ông vua Lê chết chưa kịp chôn chịu miếu hiệu Đại Hành Hoàng Đế, để ông vua con "theo Tống" mang tôn hiệu 19 chữ trong đó soán đoạt một phần tôn hiệu của cha, của ông vua triều trước, hẳn còn ẩn khuất kéo dài trong đời cha mình chỉ vì bóng dáng bà Dương hậu trong triều mới. Lí Thái Tổ dời đô về Thăng Long, cơ hội tiếp xúc càng nhiều hơn với phương Bắc vốn cũng là một yếu tố củng cố triều đại, cho nên có những người vào làm quan ở Đại Việt. Triều Lí chấp nhận cả những kẻ li khai từ những rối loạn cải cách ở Trung Quốc. (Xem Hoàng Xuân Hãn, *Lí Thường Kiệt*; TCĐT, "Người hay Phật?" trong *Những bài dã sử Việt*, Thanh văn 1996). Dấu vết nho sĩ phương Bắc xâm nhập nhiều hơn tất có gây ảnh hưởng đến tổ chức triều chính, tuy nhiên giới hạn thuộc lại trong vai trò của họ còn chứng tỏ trong cách xưng hô, nơi các tôn hiệu lồng thông dành cho các vua, mang tính cách xưng tụng nịnh bợ mà các nho sĩ đời sau chê trách vì thấy không hợp với thể cách ngôn từ của vương quyền các ông đã học được.

Tuy nhiên ta vẫn chỉ thấy có người xâm nhập, không thấy người được đào tạo trong nước. Người đỗ trong khoa "tuyển Minh kinh bác học và thi Nho học tam trường" lần đầu tiên (1075), Lê Văn Thịnh, hẳn không phải là dân di tản, đã tỏ ra làm việc rất xuất sắc trong hệ thống quyền bính mới, nhưng ông đã được đào tạo như thế nào? Trước đó (1028), Nội thị (người trong "nhà") Lí Nhân Nghĩa hẳn cũng không phải là người xâm nhập, đã chứng tỏ rất thông thạo kinh sử Trung Hoa. Có vẻ như việc đào tạo đã được thả-nổi, nhà nước đỡ tốn công sức, chỉ việc thu nhận kết quả, công nhận sự cần thiết của một hệ thống giáo dục, như khi cho xây Văn miếu đắp tượng các ông tổ cao thấp, vẽ hình các đồ dệ, bốn mùa cúng tế (1070). (Các năm sau 1156, 1171 là sửa chữa, xây dựng thêm.) Gọi là "miếu" nhưng cũng là nhà trường vì đây là nơi Hoàng thái tử đến học. Lại cũng chỉ là chuyện nhà vua, vì ông hoàng thái tử Càn Đức lúc bấy giờ mới 4 tuổi, khoa thi 1075 chỉ là lấy người vào dạy vua bé con, sử còn lưu lại tên Lê Văn Thịnh hẳn không phải là bỏ sót người. Ngày trước (và vẫn còn tiếp

tục một thời gian), con đường tiến thân là bằng các ngõ khác (dòng dõi, đi tu, thiến...), lần đầu mở khoa thi không có người đủ tiêu chuẩn cho nên năm sau (1076) phải lấy nhân lực từ hàng quan chức chuyển sang nơi học của hoàng tộc - Văn miếu bây giờ đã được gọi là Quốc tử giám. Trường hợp tiếp theo cũng xảy ra dưới đời ông vua bé con khác: 1185 "thi sĩ nhân" chọn 30 người từ 15 tuổi trở lên ở lại hầu vua (Cao Tông) học, năm 1193 cũng chọn người vào hầu vua học, lúc này đã lớn. Chọn tuổi 15 mà có đến 30 người được tuyển, hẳn là các "trường tư" đã thấy có chỗ thu lại kết quả công sức. Vì thế trên cấp bực cao sau Lê Văn Thịnh là Mạc Hiển Tích (1086), thi Điện (?) 1152 (1150 ở *ĐVSL*), thi Tam giáo (Nho, Lão, Phật) 1195; ở cấp bực thấp là các khoa thi lại viên viết chữ, làm tính, hiểu hình luật (1077). Không ghi việc khảo khoá các quan văn võ 1162, 1179 của *TT*, trong đó có phân loại người biết chữ nghĩa, người không, nhưng *ĐVSL* nói mơ hồ về việc mở khoa "thi học sinh" các năm 1165, 1199, và cho biết chi tiết trong khoa thi Tam giáo 1179, 1196 có khảo hạch việc viết ám tả, làm thơ phú, giảng nghĩa Kinh và làm tính (chắc là riêng cho thành phần nho gia).

Đà học vấn Nho gia phát triển thêm một bậc, gần như hoàn chỉnh ở mức độ hình thức dưới triều Trần tiếp theo. Riêng biệt với các khoa thi Tam giáo dư âm của đời trước, có khoa thi Thái học sinh đầu tiên (1232) cho ngành Nho với tên người thi đỗ có thứ bậc. Nhưng mãi đến 3 năm sau họ mới được vào chầu vua cùng lúc với việc mở rộng nhà Quốc tử viện (trước kia chỉ dành cho hoàng tộc) cho phép con quan được vào học. Sau khoá 1232 và 1239, năm 1247 lại nâng cấp làm khoa thi Tiến sĩ với các bậc trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Người đi thi (và thi đỗ) không phải chỉ từ Quốc tử viện mà còn ở địa phương, nhất là từ hoàng tộc nuôi gia thần: Bạch Liêu, được sử khen "thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch", đỗ trại trạng nguyên năm 1266 chỉ chịu làm gia thần của Trần Quang Khải chứ không làm quan... Như thế cũng như đời trước, ta chỉ biết có một trường học ở kinh đô còn thì mù tịt về việc giáo huấn trong dân gian. Cuối đời thấy có Chu An dạy học tư, học trò làm hành khiển, nhưng Chu An học ở đâu? Hai thầy đồ Nguyễn Hán Anh, Nguyễn Phi Khanh dạy con gái của Trần Nguyên Đán, học ở đâu? Dù sao thì Trần cũng chỉ nối tiếp việc học kinh sách Nho qua những phương cách tiếp cận nào đó về kiến thức lưu hành ở Trung Hoa để đi thi, làm quan, trị nước kiểu bình thường như một anh học trò ngoan ngoãn. Với Hồ Quý Li ta mới thấy một xuất hiện khác mà tiếc rằng thiếu sách vở lưu truyền khiến ta không thể bàn sâu thêm.

Sự thất bại của nhà Hồ nằm trong những điều kiện lịch sử, khác với

toan tính của người mở đầu nhưng dù sao thì ý tưởng muốn làm-mới thời đại cũng còn thấy rõ nơi ông ta. Mối thâm tình của cha con Hồ Quý Li với Trần Nghệ Tông chứng tỏ ban đầu họ không có ý cướp ngôi nhà Trần: Quý Li run sợ muốn tự tử khi một phe tông tộc Trần bàn mưu giết ông (1388) trong lúc ông có thừa quyền lực trong tay; Hồ Nguyên Trừng những ngày lưu vong ở Minh đã nhắc đến "Nghệ Vương" với đầy cảm tình nuối tiếc. Ý phù trợ nhà Trần hiện rõ trong chi tiết còn lại của tập *Minh đạo* 14 thiên: Ông muốn làm Chu Công (như ông này phù trợ nhà Chu) nên đặt ông này vào chính vị tiên thánh trong Văn miếu, gạt ông Khổng Tử sang một bên. Ông đem sách của Chu Công soạn dạy vua trẻ (Chu) Thành Vương xưa để dạy (Trần) Thuận Tông đương thời.

Từ sự chọn lựa vị thế chính trị đó dẫn đến sự bài bác *Luận ngữ* và các Tống nho nổi danh như hai họ Chu, hai anh em họ Trình, thật là dễ hiểu. Đã nói chúng ta không có chi tiết lí luận của ông để có thể bàn sâu thêm, nhưng cái ý chính nổi bật của ông rõ ràng là không muốn theo khuôn thức thời đại, dù là khuôn thức của Thiên triều, của trung tâm xuất phát luồng tư tưởng chủ đạo đang lưu hành ở đất nước phiên thuộc. Từ tình thế riêng biệt của đất nước có ông ra tay đảm trách, ông muốn lập ra một môn phái mới (mà chúng ta không biết là gì) để cạnh tranh với các môn phái đương thời. Với vài câu còn lại trong sử, ta thấy ông chê trách các danh gia Tống nho đi vào lí thuyết mông lung nhiều mà không chú trọng đến thực hành. Vì thế dưới mắt Hồ Quý Li, Hàn Dũ mà danh tiếng nổi bật không phải vào lúc sinh thời (tuy với bài biểu đòi đốt xương Phật) nhưng được bốc cao nhờ các Tống nho về sau, con người của văn từ rổn rảng đó phải bị đặt vào hàng ngũ "đạo nho" (nho ăn trộm, nho vật vãnh), cũng không phải là quá quắt. Nói một cách khác, Quý Li là nhà chính trị, là con người của hành động, không ưa lí thuyết, nên chê Tống nho "học rộng nhưng ít tài", chê Khổng Tử thiếu ứng biến, chao đảo không quyết đoán, không như Chu Công vừa tạo nghiệp được cho nhà Chu, vừa để lại điển chế cho đời sau, xứng đáng cho ông ngầm ý so sánh, tôn phục, đòi thiết lập một hệ thống "Chu nho" trong Văn miếu mới. Ông rất kiêu ngạo về kiến thức của mình, soạn sách dạy trong nội cung vẫn không theo ý Chu Tử, và đã từng chê kẻ viện dẫn kinh sử: "Biết được mấy chữ mà dám nói chuyện Hán Đường?" Chẳng thấy lí thuyết mới của Hồ Quý Li được đem ra áp dụng, nhưng tính chất tranh luận từ người lãnh đạo đã ảnh hưởng đến các kì thi lúc này đòi hỏi một tầm mức kiến thức cao hơn trước.

Không có một cuộc cải cách tư tưởng như Hồ Quý Li mong muốn, nhưng thời thuộc Minh tuy ngắn ngủi đã đem lại sự xâm nhập của Nho giáo sâu đậm hơn, với những cải cách thời chiếm đóng sẽ làm đà cho

những đổi thay về sau. Rối loạn, chiến tranh tàn phá nền tảng xã hội cũ, một tầng lớp cầm quyền xuất phát từ một khu vực khác, đóng đô trên vùng xa lạ - một chừng mực như là đất dịch, phải giải quyết những vấn đề cai trị khác xa thời ông cha làm tù trưởng, điều kiện đó khiến họ, sau một thời gian hoang mang, dễ chấp nhận phương thức tập trung quyền bính của nhà Minh đem lại, trong đó sự chuyên chế khởi mầm trong lí thuyết Tống nho được thi hành ở Trung Quốc, nay đưa vào trong chính sách trị nước giúp Lê Thánh Tông nắm chặt được đám quần thần kiêu căng vì công tích cũ hay đã luồn lọt xoay đổi thành thói vì chính trị bất thường.

Thời thuộc Minh, Nho học không dừng lại ở phủ Đô hộ mà lan ra các địa phương phủ, châu, huyện với các quan lại chuyên trách (*Ngan nan tche yuan*, phần chữ Hán tr. 106-107; TT II, chuyện tháng 9âl. 1414). Lê Thái Tổ hẳn là chưa kịp tổ chức gì nên chỉ mở khoa thi chọn người làm việc (1429), nhưng với đà có sẵn, năm 1434 thấy có "nhà học ở các lộ" với chức giáo thụ vốn vẫn dành cho người ở Quốc tử giám. Ta thấy có tên một người ở Bắc Giang Hạ lộ là Nguyễn Chiêu Phủ. Khi lộ được cải thành phủ thì có chức huấn đạo (1466). Ngoài việc thi cử để tuyển người làm quan, thỉnh thoảng vẫn có việc chọn người làm lại thuộc như khoá thi viết chữ, làm tính năm 1437 (theo dự tính 1434), lấy đến 690 người. Việc học hành thi cử được chú ý nên từ chỗ người dân tìm đường khác để vào hoạn lộ, các thí sinh trở nên đông hơn, có vẻ như cũng đã đến độ lạm phát. Khoá thi 1442 có 450 người, lấy đỗ 33 người, năm 1463 thi 1 400 người, lấy đỗ 44 người (*TT* ghi đến 4 400 thí sinh). Các con số tỉ lệ người thi và người đỗ được tiếp tục lấy ở *Văn khắc Hán Nôm* (Nguyễn Quang Hồng chủ biên, Hà Nội 1993) tóm lược từ bia Văn miếu Hà Nội, là: hơn 1 100/ 27 năm 1466, hơn 3 000/43 năm 1475 (*TT* ghi rõ 3 200 thí sinh), năm 1516 vụt lên đến 5 700 thí sinh mà chỉ lấy có 43 người. Dự định bắt đầu mở khoa thi hương, thi hội từ 1438 nhưng năm 1442 mới thực hành được đồng thời với dự tính dựng bia (thực hiện 1484). Thế mà khả năng thâu thái tỏ ra đã không kịp với kiến thức sách vở đòi hỏi: Giáo quan ở Quốc tử giám, các lộ phải bị "thi lại" để thải bỏ; năm 1467, thầy của Thái tử không biết làm chiếu, chế, biểu, còn giám sinh (thầy ở huyện) thì chỉ học kinh Thi, kinh Thư nhiều, mà biết ít về Lễ, Dịch, Xuân Thu, điều đó có nghĩa là khả năng suy luận cao cấp còn yếu. Tuy nhiên từ đà mở rộng tuyển trạch nhân tài theo thi cử kinh sách của triều Lê Thánh Tông, Nho học trở thành ý thức hệ chủ thể để các sử quan lên tiếng càng mạnh bạo đối với các triều trước, đúng với khuôn khổ lí tưởng đòi hỏi mà khả năng thì chưa kịp với thực chất của ngành chuyên trách.

VẤN ĐỀ ĐẠO LÍ CỦA SỬ HỌC NHO THẦN

Cùng với sự phát triển Nho học như ta đã thấy thì sử kí Việt cũng chuyển qua một giai đoạn khác, bắt đầu dòng sử của Nho gia mà hai tên tuổi Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên như hai mắt xích nổi bật. Những gì chính của họ viết thì phần lớn đã lẫn lộn trong tập hợp của những người sau. Lê Văn Hưu đã bị lược giản bởi tác giả *ĐVSL*, bởi Ngô Sĩ Liên..., Ngô Sĩ Liên còn lại các Kỉ của thời Hùng Vương, còn quyển 11 trong *TT* (như ông Phan Huy Lê xác nhận) nhưng sách đã qua tay các ông Phạm Công Trứ, Lê Hi thì không có gì bảo đảm các ông này không ngứa tay thêm bớt. Cũng như, giả bản in *TT* không còn, chúng ta chỉ có quyển sử của Ngô Thì Sĩ thì sẽ không biết nhiều chuyện cắt chùa chiền của Lí, không biết chuyện ông xào nấu xáo trộn sách xưa. Phần tin chắc nguyên văn của các sử quan, là các Lời bàn giúp ta hiểu một ít về cung cách làm việc của họ, cùng khả năng suy luận phản ánh một chừng mực thời đại họ sống.

Ông Phan Huy Lê đã đếm giùm ta về tổng số lời bàn của các sử thần còn lưu lại trong *TT*. Lê Văn Hưu có 30 lời bàn, Phan Phu Tiên có 11 lời bàn, Ngô Sĩ Liên có 166 lời bàn. Chúng ta có thể đếm thêm. Vũ Quỳnh viết sách cho cùng thời đại với của Ngô Sĩ Liên (khi làm Biểu 1479) không bàn thêm gì cả, chỉ để lại lời khen (Lê) Thái Tông, Thánh Tông và "lời tán" Hiến Tông, hẳn là được người sau lấy từ trong *Tử triều bản kỉ* của ông. Phần của Phạm Công Trứ thì không có ý kiến của ông này mà lại trích dẫn của Lệnh Vọng, Đàng Bính với lời bàn về cơ đồ sụp đổ của nhà Lê vào tay họ Mạc. Nói là lấy từ "sách Dã sử" của Đàng Bính chỉ là một cách nói về quyển sách không do triều đình đề xướng, chứ xem lời bàn của ông này (TT III, tr. 111) thì rõ ràng ông ta viết một quyển sử theo đường lối chính thống, hẳn hoi như một sử quan (nếu được triều đình phó thác công việc), do đó, sách, hoặc đã có tên khác, hoặc chưa đặt tên chứ không phải mang tên *Dã sử*. Còn về những "lời bàn", "sử thần bàn" khác, tại sao không có tên tác giả?

Những đoạn văn này có nhiều khác biệt khiến ta không thể ghép vào một hai người được. Nhiều lời bàn mang tính cách tán tụng thông thường của sử thần đối với vua đương đại (hay gần đó) nhưng cũng có lời bàn với giọng gay gắt, chửi bới giống như nương thế vua sau sát phạt vua trước vừa bị lật đổ (thời Tương Dực nói về Uy Mục). Ta có thể hiểu đây là những sử thần ít tiếng tăm, vào Quốc sử viện trong thoáng chốc, bàn như một điều phải làm, chứng cớ là *TT* có ghi về việc phong chức các sử thần chỉ có tên mà không lưu lại vai trò gì đặc biệt: Trong năm 1448, "Quốc sử

đông tu Nguyễn Văn Tộ từ chức", qua đầu năm sau, có việc phong chức cho 4 người làm Quốc sử viện đông tu sử mà chỉ Nguyễn Văn Chất còn để lại tên trong một phần của *Việt điện u linh tập*. Tuy nhiên đặc biệt có một lời bàn về Lê Thái Tổ chen lời phê phán nghiêm khắc, được chép lại gần nguyên vẹn ở đề mục nói chung, mở đầu triều ông vua này. Lời bàn này nằm ở quyển X *Bản kỉ toàn thư*, trước quyển XI được ghi rõ là của Ngô Sĩ Liên soạn, tất nhiên ta có thể nghi là đã qua tay người khác, Vũ Quỳnh chẳng hạn. Nhưng với các lời "tán" còn lại của ông này thì ta khó tin ông đã làm chuyện đó. Thời đại Lê Thái Tổ cũng là của Ngô Sĩ Liên chấp bút. Trong đà hăng say phê phán các ông vua Lí Trần, ông ta có còn chút can đảm nào để chen thêm một lời về ông vua đầu triều không? Lời chê Lê Lợi "đa nghi hiếu sát" hẳn là nhắm vào việc giết Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo mà sử thần không dám ghi thẳng, chỉ chen vào trong sự kiện chê trách do ngôn quan gợi nên thôi (*TT* II, tr. 312). Vạn nhọ "Kinh lộ" đối chọi với võ thần Lam Sơn trong vụ này, sở dĩ thắng thế là nhờ núp bóng ông Thái Tổ. Họ triệt đường tiến thân của những người tôn hót giết công thần gốc Trần, hành động đó cũng là một cách trả thù cho người đã khuất, một cách biểu lộ cảm tình với cựu triều mà Ngô Sĩ Liên, cũng dân "Kinh lộ", tuy đồng tình nhưng không dám tỏ bày chính thức. Ông lại viết sử vào thời ông vua (Thánh Tông) ra lệnh phục hồi "sinh mệnh chính trị" của Nguyễn Trãi, một nhân vật "kinh lộ" khác, ông có nhân đó thêm can đảm để ghi lời phê phán về ông vua đầu đời không, nhất là khi ông đã che chắn hết mực, trong một lời bàn dài nhất dành để tán dương công đức cứu dân cứu nước của ông vua này? (Chưa kể đến những liên hệ khi bàn về công chống Nguyên của các vua Trần.)

Những lời bàn lẻ tẻ không tên kia giúp ta suy đoán rằng 30 đoạn của Lê Văn Hưu, 11 đoạn của Phan Phu Tiên, 166 đoạn của Ngô Sĩ Liên có thể là hầu hết (nếu không nói là tất cả) những điều phê phán của các ông đã đem vào sách sử họ viết, có tên riêng biệt của họ. Như thế tuy ta hơi gặp khó khăn khi muốn xét về những điều họ viết như một sử gia vì tính cách chông chất tác giả của *TT*, nhưng cũng tạm thấy quan điểm của họ như một sử quan trong truyền thống kết tập từ Trung Quốc chuyển sang nhận định trên đất Đại Việt như một chủ thể riêng biệt. Và lẽ tất nhiên cũng cho ta thấy chênh mực và cách biệt kiến thức giữa họ với nhau nữa.

Ta thấy trước hết, theo truyền thống Nho giáo, họ theo sát quan điểm phê phán đạo đức làm người nói chung, đạo trị nước của ông vua nói riêng vốn đã có mẫu mực trong kinh *Xuân Thu*, còn chi tiết sự việc dẫn chứng thì có thêm các loại truyện-sử thời Tam Hoàng Ngũ Đế, Xuân Thu Chiến Quốc đầy dẫy trong tác phẩm của Nho gia. Tuy nhiên trong khi Lê

Văn Hưu bàn thấp ngang tầm sự kiện, chỉ có một lần trích dẫn Kinh Thi (1130) thì Ngô Sĩ Liên nói rõ ràng "phép của sách Xuân Thu", dẫn cả Kinh Dịch, Kinh Thư, Trung Dung, Mạnh Tử, chưa kể những dẫn chứng nhập-tâm từ Kinh Truyện mà không cần nêu xuất xứ. Tính chất trường ốc do thi cử nhật nhiệm của thời Hậu Lê đã tỏ rõ nơi Ngô Sĩ Liên, trong khi Lê Văn Hưu lại cho ta biết một trình độ kiến thức cùng loại ít bị ràng buộc hơn, ở triều Trần. Phan Phu Tiên gần gũi Ngô Sĩ Liên hơn nhưng sống choàng qua biến loạn Minh thuộc, còn nằm trong sự tranh chấp đầu triều đại, ít chịu đựng không khí của thời Lê Thánh Tông hơn nên ông ít dẫn Kinh Truyện hơn. Ông chưa đủ tự tín để bàn thêm chuyện Lê Văn Hưu đã bàn, chỉ bắt đầu với thời gian đầu Trần, có một lần lên tiếng vì "luân lí lớn của loài người" để chê Trần Thái Tông, mà cũng không nhiệt thành như Ngô Sĩ Liên. Ông này, với lòng tự tín do sự thụt lùi của thời đại mang lại, đã gay gắt phê phán hoàng tộc Trần đến mức dùng cả những từ thô bỉ khác thường: "thói chó lợn", "giặc giết vua" (Trần Thủ Độ), "thói gian tà", "trò chó lợn" (Trần Khắc Chung). Tuy nhiên với các ông vua thì phần lớn chữ dùng nhẹ hơn mà vẫn phải núp sau thánh nhân, sách vở: "danh không chính..." (Thái Tông), "không hợp đạo Trung dung" (Nhân Tông)... Ấy là ông đã bước qua một thời đại với ý thức hệ chủ đạo khác hẳn, nên có các lời thẳng thừng ("lỗi lớn", "chỗ kém" với Lí Thái Tông, "bất chính trong đạo vợ chồng" với Trần Thái Tông) chứ Lê Văn Hưu, làm nhà nho lúng túng của thời đại ông, bị tràn ngập bởi sự kiện của dòng sử kí tăng đạo và thế lực hoàng tộc đương quyền, chỉ dành trút tội cho các nho thần dưới quyền vua. Có núp theo danh giáo, thể chế Nho gia thì lời chê của ông cũng vẫn phải nhẹ hơn nữa: "(Lí) Thái Tông... say đắm cái lòng nhân nhỏ nhặt của đạo Phật mà quên mất cái nghĩa lớn của người làm vua." Phan Phu Tiên, con người trong biến loạn như đã nói, nên không cần chuyện bài bác đạo Phật, điều mà hai sử quan trước và sau đã tận lực làm rồi. Ngô Sĩ Liên được thời đại ủng hộ, đã dài dòng chê trách không những các ông vua mê đắm lí thuyết "đạo Tam muội" từ Lí đến Trần mà còn mở rộng việc bài bác chính các sử kiện được ghi chép, bài bác "dị đoan" từ quan niệm tăng, đạo của thời trước, đồng thời tăng thêm cách nhìn theo quan niệm nho để phê phán các ông vua, bầy tôi.

Tuy nhiên khi đạo Phật mất dần uy thế, Nho học tiến bước thì trách nhiệm bênh vực "chính giáo" lại phải thêm phần giữ gìn chính thống, nghĩa là bắt bẻ ngay chính người trong phe, theo một cách hiểu cho là lệch lạc nào đó, kể cả phải đối phó với người cực đoan, "tả", "hữu". Cho nên Ngô Sĩ Liên đã không đồng ý với Lê Văn Hưu phê phán về biến loạn Đinh chuyển sang Lê. Quan niệm của hai người khác nhau vì tính cách duy văn

hoá liên khu vực đối chọi với tinh thần địa phương - theo kiểu tinh thần quốc tế đối chọi với tinh thần bị coi là quốc gia dân tộc hẹp hòi: Ngô dựa trên luân lí tam cương ngũ thường còn Lê thì coi công cứu nước là đủ cho sự tự xưng chính thống rồi. Những kèn cựa vì chi tiết có thể cho thấy nảy sinh từ một sự chọn lựa phe phái mang tính cách tín điều rõ rệt trong lập luận. Nhân dịp Phan Phu Tiên mỉa mai chuyện Hồ Quý Li mở rộng thế phổ của mình đến tận Nghiêu Thuấn, rồi bất quàng sang các nhân vật khác, Ngô Sĩ Liên liền bắt bẻ một sai lầm chỉ vì ông kia theo Tư Mã Quang, còn Ngô theo lí mà "Chu Tử đã theo... thì không thể nghi ngờ gì cả"! "Trình Tử xướng ở trước... Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có trước tác thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốc cho bóng thêm, có thế mà thôi, (không) được chê bai bàn cãi." Ông tức giận phát biểu như trên vì thấy Hồ Quý Li dám chê cả một loạt danh nho Tống kém tài, chỉ làm việc cóp nhặt văn chương của người khác thôi. Ông càng tức giận khi bậc tiên thánh bị động chạm - không phải bị gạt đi, chỉ bị mất vị thế Số Một - và bị bàn tới, gây hoài nghi hoang mang về Kinh sách: "Từ khi có sinh dân tới nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Hồ Quý Li dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết lượng sức mình."

Thực ra bàn bạc, lí luận dựa theo nguyên tắc có sẵn đặt làm tiêu chuẩn cũng gây ra những sơ hở, mâu thuẫn như khi Ngô Sĩ Liên khen chê về rối loạn ở cuối đời nhà Triệu: "Làm vua mà không biết nghĩa Xuân Thu tất phải chịu cái tiếng cầm đầu tội ác; làm tôi không biết nghĩa Xuân Thu tất phải mắc phải tội cướp ngôi giết vua, tức như là Minh Vương, Ai Vương và Lữ Gia vậy." Thần tử hay vua chúa mà nghe theo lời này của kinh sách thì sẽ xử trí giống như con lừa Buridan của chuyện ngụ ngôn vậy. Rốt lại việc khen chê lại là việc nói-lấy-được của sử quan để nâng cao mình theo với tình thế cho phép mà cứ tưởng đã làm đúng nhiệm vụ thiêng liêng được đặt để cho tập nhóm mình. Ông vua Tương Dực muốn hiểu quá khứ qua sử lược mà đọc "Việt giám thông khảo tổng luận" (1514) của Lê Tung với ý định tìm "bài học lịch sử" thì chắc chắn chẳng thấy học được những gì. Ông chỉ thấy khen chê rối mù của sử thần nói về những người xa đời, chẳng gây động chạm gì đến ai, chê đến mạt sát những người mà công luận quyền chức trong quá khứ đã gạt bỏ, không còn có thể tự mình bênh vực, khen thì càng đến thời đại của mình càng cao tiếng tán tụng, quên cả ngay lúc viết, thế nước không "vững như Thái Sơn, bàn thạch", sinh dân không thể "lên chiếu đệm ấm êm". Chẳng trách chỉ hai năm sau, Tương Dực không thể "mở nền cho ức vạn đời" mà lại bị quyền thần giết trong tiếng cười ngạo nghễ! Đó là truyền thống nói chuyện từ

chương kinh sách theo kiểu Nguyễn Như Thuyết bị Hồ Quý Li bỏ không dùng vì nói: "(Thế vững vàng cho nước nhà) cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm." Rồi bốn thế kỉ sau cũng một con người hành động, Nguyễn Hữu Chỉnh, lại có dịp chê một "nhà nho nói khoác."

Đúng ra sách vở cũng tạo cho con người sống trong ảo tưởng, lấy ảo tưởng làm thật trong phút chốc. Lê Tùng hẳn tự khen về văn chương đại khoa của mình trong lúc Hàn Dũ thoát nạn rơi đầu, bị đày đi châu xa hẳn phải trở về với thực tế mà hối hận buổi gan liều vì khả năng tinh thuần cổ văn. Nhưng trước áp lực của hiện tại thì người ta đẩy ảo tưởng vào quá khứ. Lê Quát cuối đời Trần còn thấy sự cô đơn của phe phái hướng chi Lê Văn Hưu vào lúc giữa đời, nên ông này chỉ chê khéo vua đương thời bằng cách bài bác cái sai của vua triều trước. Ngô Sĩ Liên cũng vậy. Ông chỉ thẳng thừng với các ông vua Lí Trần mà khuất mặt sau lời khen Lê Thái Tổ. Còn lưu lại trong quyển 11 *TT* ngày nay, là phần mượn của Phan Phu Tiên với nỗi thương tiếc nịnh nọt thông thường. Một đoạn trích của (Quang Thuận) *Trung hưng kí* với lời lẽ nặng nề nhưng là nương theo thời thế, giúp ông có một lời chê Thái Tông về một lỗi phạm đến danh giáo (tư thông vợ người, chết vì dâm dục) khiến ông vua con, Thánh Tông, người dựa lưng vào quyền uy ý thức hệ mới, không thể bênh vực được. Nhưng Lê Thánh Tông đã chuẩn bị kĩ cho triều đại của mình, chặn tiệt mọi phê phán. Ông mắng sa sả các cận thần; trong chuyến đánh Chiêm Thành (1471), ông bắt chước Hán Cao Tổ đái vào mũ các quan về "tội hủ nho làm hỏng việc" - những "người tâu cần bậy" ấy mới vừa được ông thưởng tiền trước đó! Có khen, có nhận lỗi ông cũng bày tỏ một cách hách dịch, không chừa cả việc giết người thân quen được nâng đỡ lâu ngày khi người này lầm tưởng được đắc thế, dám chê bai ông (Trần Phong). Với sử quan, ông đòi xem thực lục chép về ông. Tất nhiên Lê Nghĩa dùng dằng cho phải phép nhưng rốt lại vẫn phải đưa - sao không là bản đã sửa đổi để ông cho trả lại, im lìm? Với Ngô Sĩ Liên, ông dằn mặt hạch tội "theo ngụy", hạng ngụy Nghi Dân cướp ngôi trong 8 tháng, chưa kịp thay đổi gì, nghĩa là tội trạng có thể gán cho bất cứ ai lúc bấy giờ, chẳng cứ gì với ông ngự sử. Ông hạch tội "gian thần bán nước", nhiếc họ sao không chết đi theo ngụy mà lại trở cờ phục vụ ông, nghĩa là, theo ông, công lao trong hiện tại không đủ bù lấp quá khứ xấu xa vốn có thể bị hạch hỏi bất cứ lúc nào.

Ảnh hưởng của Lê Thánh Tông không phải chỉ dừng lại dưới đời ông. Thể chế ông lập ra, Mạc cũng không dám thay đổi, còn được áp dụng cả vào thời trung hưng về sau, cho nên cũng dễ hiểu là có tác động đối với sử thần. Sau Ngô Sĩ Liên là Vũ Quỳnh với vài lời loạng quạng cho phải phép, Đăng Bính chê họ Mạc như những người khác chê họ Hồ, còn Phạm Công

Nhớ Người Kinh Bắc

TRẦN THIỆN HIỆP

Đầu xuân Kinh Bắc Hội Lim
Liền anh, Liền chị ai tìm gặp ai
Tứ thân vạt ngắn vạt dài
Lưng ong dải thắm, đi hài nhung xanh
Quai thao nón cổ rộng vành
Che nghiêng tóc quấn, mong manh yếm đào
Mắt cười, môi mộng xinh sao
Hàm răng hạt lựu như trao tiếng chào
Giọng ca Quan họ ngọt ngào
Ra về lòng mãi nao nao nhớ nàng
Trách mình sao dã vội vàng
Sông Thương chẳng đợi chung sang chuyến đò
Bây giờ biết dâu mà dò
Hội Lim dã vãng hẹn hò với ai!
Càng xa nỗi nhớ khôn phai
Trong mơ ẩn hiện trang dài bước em

Trứ thì chỉ có họ Trịnh mà thôi dù hình thức vua Lê vẫn còn đó. Cho nên chi tiết Lê Lợi giết Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo phải đợi đến thời chính quyền Lê Trịnh lung lay mới thấy ông Lê Quý Đôn nói tới!

Kỳ tới:
VẤN ĐỀ ĐẠO LÍ DÂN TỘC TRONG TƯƠNG QUAN ĐỒNG VĂN

Tiếng hú địa cầu

Nam Dao

Định Hợi, Hưng Khánh năm thứ nhất, 1407

Mùa Xuân, tháng 2, ngày 20, Tả tướng quốc Hồ Nguyên Trừng bị quân Minh đánh kẹp từ hai bờ sông Lô, lui về giữ cửa Muộn. Quân Minh rời về cửa Hàm Tử lập doanh trại. Trừng cũng rời quân đến Hoàng Giang, đón Quí Ly và Hán Thương từ Thanh Hóa tới.

Tháng 3, ngày 13, Trừng cùng Hồ Đỗ, Đỗ Mẫn tiến quân về Hàm Tử, thủy bộ có bảy vạn người nhưng phao lên là hai mươi mốt vạn. Quân Trừng bị mai phục tan rã, chỉ có thủy binh là thoát được. Quí Ly và Hán Thương vượt biển về Thanh Hóa.

Ngày 23, quân Minh đánh vào Lỗi Giang ở Thanh Hóa như chỗ không người.

Ngày 29, quân Minh lại đánh vào cửa biển Điển Canh. Ngụy Thức là tướng nhà Hồ, bẩm với Quí Ly và Hán Thương rằng "Nước sắp mất, bậc vương giả không chết dưới tay kẻ khác". Quí Ly sai chém Thức.

Tháng 4, ngày 11, bọn vệ quân nhà Minh chỉ có bảy đứa bắt được Quí Ly ở bãi Chỉ Chỉ. Một bọn khác bắt được Nguyên Trừng ở cửa biển Kỳ La. Hôm sau, lại bắt được Hán Thương và thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng, thuộc huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Người Minh thống kê những thứ thu được: 48 phủ, châu; 168 huyện, 3129500 hộ, 112 con voi, 420 ngựa, 35750 trâu bò và 8865 thuyền, không kể đám vua tôi và con cháu nhà Hồ. Chinh đi phó Tướng quân nhà Minh Trương Phụ sai Đô đốc Liễu Thăng giải tất cả về Yên Kinh với đủ loại ấn tín, gồm Quí Ly, kẻ đã thoán ngôi nhà Trần, với các con là Thương, Trừng, Triết, Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, chắt là Ngũ Lang, Quí Tỳ, cháu gọi bằng bác là Cử, Tuynh, Hoa, Tuấn, Việt, Hoảng... Đám tướng

thần khá đông, có Đông Sơn hưng hầu Hồ Đỗ, Hành khiển Nguyễn Ngạn Quang, Lê Cảnh Kỳ, bọn tướng võ là Bồng, Mông, Tài, bọn quan văn Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cầu, Nguyễn Mão...

Tháng năm, hạ chí.

Đoàn người vòng vèo như một con trăn khổng lồ trườn lên triền núi. Mặt trời như cái đấu lửa đổ đầu sôi lên cây cỏ bỏng lu đần đi từ đầu giờ Dậu. Gió ở đâu ùa về bừng bực từng chập. Chim muông nháo nhác kêu, hàng đàn vỗ cánh bay chao trên đầu những ngọn cây nghiêng ngả trong gió. Có tiếng vó ngựa. Tiếng quát. Không khí oi nồng đặc quánh lại. Rồi tiếng sấm. Sấm động đổ rền vào vách núi, tiếng vọng từng chập âm a dọa nạt. Đầu núi, nóc ải Phá Lũy mới đây còn nhìn rõ nay lung linh mơ hồ trong màn hơi bốc lên từ mặt đất. Lát sau, nóc ải như biến mất. Trên không chằng chịt những chớp xanh lè màu mắt mèo. Sét, sét nổ hàng loạt xé rách màn trời đục ngầu. Lại tiếng quát, tiếng hò hét. Đám lính nhà Minh vừa chửi vừa chỉ trỏ. Con trăn khổng lồ chùn lại uốn khúc lẩn mình vào bìa núi dưới cơn mưa bất đầu nặng hột.

Mưa quật xuống đất những làn roi trắng xóa. Dưới tàn lá cây rừng, đám người vội vã treo những tấm lán kết bằng lá gồi và xếp những mảnh liếp chắn nước theo chiều gió tạt vào. Hai người lính dong ngựa từ đầu đến cuối dòng người, tay đánh chiêng, miệng hò. Lệnh cho cả đoàn người ẩn náu trú đêm tại chỗ. Lệnh nhắc, kẻ có tên trong sổ đầy đi Kim Lăng nếu có ai trốn thì cả gia tộc sẽ bị xử trảm. Cả đoàn người im lặng. Chỉ có tiếng gió dập mưa sa. Và thỉnh thoảng, tiếng ngựa hí.

Một thiếu niên mình trần lẩm bẩm rồi hạ từ lưng xuống chiếc gùi đan bằng mây, miệng nói với lại kẻ đồng hành tay đang đỡ một lão niên mảnh dẻ. Lát sau, dưới tàn lá gồi, lão niên lẳng lặng nhìn về phía chân núi. Củi nhóm lên, lửa bắt đầu cháy phừng phực. Hai thiếu niên đổ nước vào chiếc nồi đất thổi cơm. Những mảnh khói sắc tím mượt lượn là theo triền núi trong mưa thổi đi mùi củi thơm lừng một buổi chiều nơi địa đầu giông bão. Lão niên dằng hắng :

- Hay là Báo đi xuống phía dưới xem anh mày đâu ? Để Hùng ở đây là đủ... Đi đi!

Vâng lời, thiếu niên mình trần khoác lên vai chiếc áo tơi rồi lẳng lặng bước. Lão niên nhìn theo thở dài. Hùng cời lửa, rót nước ra bát đất, hai tay đưa cho lão niên. Cầm lấy bát, lão niên trầm ngâm :

- Có chuyện trò, thì bảo anh con phải về. Việc chăm nom cha có con với Báo là thừa đủ rồi ! Anh con về cũng là để báo hiếu, nghe không?

Lẳng lặng gật đầu, thiếu niên mắt rưng rưng cúi xuống bác nồi cơm, rồi vờ kêu :

- Khói quá, cay cả mắt...

*

Xuống dốc núi, Phi Báo tay vin cành, chân xoay ngang, lò dò bước trên những hòn đá bám rêu trơn tuồn tuột. Đoàn người dẫu là đi đầy vẫn được xếp theo một trật tự xã hội cố định. Đám đi đầu là vua, là hậu, là hoàng tử, hoàng tôn. Sau đến bọn đại thần, cả văn lẫn võ, mỗi kẻ được phép mang theo một số người nhà. Tất cả, họ thực sự là bại binh của một cuộc chiến chớp nhoáng nên được canh giữ hẳn hoi. Lính nhà Minh được lệnh kèm họ sát nách, giáo mác hờm sẵn, sáng lòe, loảng xoảng. Kế đó, là một đoàn xe kéo. Đoàn xe ước cả trăm, chở đủ loại chiến lợi phẩm bắt được ở Tây Đô, ở Thăng Long... Dĩ nhiên là có ngọc ngà châu báu. Lại còn tượng Phật, chuông, khánh. Rồi kinh, sách, lăng, bia mộ, cột đình, cột chùa trên có khắc chữ. Thượng thư Hoàng Phúc, kẻ giúp Tổng binh Trương Phụ an dân, đã ra lệnh có thể thì mang về tất cả những dấu vết chữ nghĩa của bọn Nam di, cả chữ Nôm lẫn Hán tự. Cái gì không mang được, đốt, đốt hết. Và giấu của thì còn nhân nhượng, chứ kẻ nào giấu sách là mang chém cả nhà. Nghe đồn là ở cửa bắc Thăng Long, có một tay thư sinh mặt trắng, ngông cuồng kêu trời rồi nhảy vào đống sách phừng phực cháy. Bọn lính quây lại, và khi anh ta nhảy ra thì chúng lại đạp cho ngã lộn vào đám lửa. Còn ở chợ Đồng Xuân, cả một nhà tám người bị chém, đầu cắm cọc, bêu suốt ba ngày. Nhà này đem giấu gia phả không mang nộp.

Sau đoàn xe chở chiến lợi phẩm là đến bách tính. Họ thường là những kẻ nổi tiếng có tay nghề độc đáo. Nào là thợ vàng, thợ bạc. Nào là thầy lang, sư, sãi. Rồi ả đào, con hát. Và rất nhiều thợ rèn. Loại này nguy hiểm hơn cả, mang đi Yên Kinh thì việc triệt cái khả năng rèn đao, đúc súng ở Giao Chỉ coi là xong. Vì thế, chỉ đám thợ rèn là bị canh giữ cẩn thận, số còn lại tương đối thoải mái. Thường là họ được mang cả gia đình đi theo, tránh chuyện sau này họ có thể trốn về vì nhớ con thương vợ.

Báo vừa đi vừa trương mắt nhìn quanh tìm anh. Mưa vẫn như roi quất vào mặt khiến Báo cứ chập chập lại vuốt nước giụi mắt. Sáng nay, Thượng thư Hoàng Phúc ở đâu bất ngờ cưỡi ngựa đến gặp cha con chàng rồi bảo Nguyễn Trãi đi theo. Khi Thăng Long thất thủ cách đây bốn tháng, Phi Khanh đưa đám con ngược lên Mường La nhưng giữa đường bị chặn bắt.

Chia làm hai toán, dám đi với Nguyễn Trãi thoát được. Thế cùng, Phi Khanh phải hàng. Hoàng Phúc gom quyển thi của dám hai mươi sĩ tử cùng đỗ kỳ thi đầu nhà Hồ cách đây sáu năm rồi bỏ công ra đọc hết. Phúc bảo, trong số đó chỉ có Trãi mới có thực học, thấu hiểu Chu - Trình, trí lực hơn hẳn người đời. Bắt Phi Khanh thư cho Trãi dụ hàng, Hoàng Phúc giở thái độ bề ngoài mềm mỏng nhưng thực ra vô cùng quyết liệt. Đổi lấy mạng cha, Trãi đành về Thang Long và xin Hoàng Phúc cho mình đi theo cha để báo hiếu. Phúc tính toán, giá mà thuyết phục được Trãi ra hợp tác thì bọn Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn... là những kẻ đồng khoa với Trãi chắc rồi cũng theo. Đặt một bộ máy cai trị mới, dùng bọn người này là bọn chưa có dính dáng sâu xa với cả nhà Trần lẫn nhà Hồ thì đúng là thượng sách. Vì thế, Phúc ầm ừ, lại xui Trương Phụ giả giận đòi đem chém Trãi, rồi chính mình ra can xin như cứu mạng cho Trãi. Hiểu rõ cái chước ấy, Trãi vẫn dập đầu cảm tạ, chỉ thưa, cha đi đày mà con lại ra làm quan thì cái mạng mọn này dẫu có cứu nhưng thế là thân bại danh liệt, nói còn ai nghe, thưa Thượng quan.

- Này, nhà anh kia ơi ! Vào giúp cho một tay !

Báo quay đầu lại. Dưới chiếc chiếu lá buộc xiêu vẹo ngang đầu, một lũ mấy người đàn bà ngồi co vào nhau, mặt mũi nhợt nhạt vì lạnh. Báo lại gần, chân đá vào dám cành cây tươi xếp thành đống dưới một gốc cổ thụ.

- Chúng em châm mãi mà không cháy. Anh châm giúp cho, trời lạnh quá.

Tiếng cô gái ban nãy lại vang lên, giọng van chịu nghe mủi lòng.

- Các chị có diêm hoàng không ? Báo hỏi.

- Có. Chúng em cũng có để nhưng lửa không bắt...

Báo rút rìu chặt thêm cành, chọn ra những cành còn ráo, vun vào. Rút ra một sợi giẻ, Báo nhúng vào lọ dầu làm bấc rồi bật hỏng châm lửa. Lát sau, lửa bén. Đến khi lửa đã có ngọn, Báo lại nghe :

- Đội ơn anh nhé ! Không có anh thì chúng em chết rét mất.

Quay lại, Báo bấy giờ mới để ý thấy năm cô con gái, cô lớn nhất thì chạc hai lăm, cô nhỏ nhất chắc chỉ mười ba mười bốn. Nhìn chân họ cong queo xếp vòng vì nay buộc phải mặc quần theo kiểu người Minh chứ không phải là váy như xưa, Báo thương hại bảo :

- Các chị ngồi xổm dễ chịu hơn !

Cô gái nhỏ nhất, cũng là người nãy giờ lên tiếng nói với Báo, nhắc người lên ngồi thử rồi bảo các chị :

- Thật đấy, ngồi xổm đỡ mỏi...

Cô cười hở lợi, hai hàm răng nhuộm đen nhay nháy ánh lửa, nhìn Báo vẻ biết ơn, miệng rít rít :

- Chúng em là chị em, ở phường Nghi Xuân, theo nghề ca kỹ. Họ bắt chúng em đi, bảo là sang bên đó để hát cho Vua họ nghe, có ăn có mặc, không phải lo gì sất!

Cô chị lớn lúc bấy giờ thở dài, hai tay hơ lửa bóp vào nhau, mắt mở trừng trừng nhìn vào quãng không trước mặt. Bỗng cô cất giọng, hát nho nhỏ:

Trèo lên núi dốc
Ngồi gốc cây rừng, (ôi) tôi ngồi gốc (ơ à) cây rừng
Ối a, ông trời, ối a...
Rằng tình (ô anh) ở lại
Rằng tình (sao anh) ở lại
Cho chặt hết cây rừng, (là) em còn vẫn (ối a) khóc thầm...

Cả đám cất tiếng hát theo cô chị, giọng thê thiết như tiếng chim trú mưa trong tịch mịch núi rừng. Cảm thấy nỗi bi phẫn dâng lên, Báo quay mặt đi, nước mắt rưng rưng thương cho kẻ đi người ở. Không dám ở lại lâu, Báo đứng dậy. Cô bé nhỏ nhất hoảng hốt ngước nhìn :

- Anh về dưới xuôi cho chúng em đi với. Mưa bão thế này, trốn chắc dễ...

Báo đứng sựng lại. Cô bé đã đứng dậy đi đến cạnh Báo :

- Cho chúng em đi với, rồi em về hầu hạ cho...

Ánh lửa hắt lên mặt cô bé màu hồng rừng rực, màu của sự liều lĩnh trong tuyệt vọng, liều lĩnh đến nỗi dấm mê sẵn sàng đốt cháy ngay cả chính đời mình. Báo cắn môi, thở dài :

- Không, tôi không về xuôi được.

Cô bé nhìn vào mắt Báo, nửa thách thức, nửa khinh bỉ. Báo cúi đầu. Một mảnh ván khi người ta bám vào để khỏi chết trôi mà là một mảnh ván mục thì quả thật đáng khinh đáng hận. Cô bé nhìn các chị, giọng thiểu não :

- Thôi em đi về đây !

Dứt lời, cô chạy băng băng đi.

Trên đường về sau khi tìm thấy Trãi, Báo đi ngang một khu cây cỏ rậm rì. Rõ ràng, chàng nghe thấy tiếng cô bé lẫn trong tiếng thở hổn hển và tiếng cười thô bạo. Hình như cô thét :

- Ối giời ơi, buông tao ra...

Báo nghiến răng rút con dao rừng, tay nắm chặt đốc dao, máu hừng

hực dồn lên mặt. Đi được vài bước nhưng đủ thời gian để kịp suy nghĩ, chàng khựng lại, thụp người ngồi xuống vệ cỏ. Trong sự bất lực, Báo chợt thấy chính mình cũng là kẻ tòng phạm của tội ác. Tiếng kêu trời trong rừng mưa chiều hôm ấy ám ảnh Báo suốt một đời.

*

Khi mưa dứt hột sau độ ba tuần hương, tiếng lính quát vang ngoài căn lán căng tạm. Lão niên chậm rãi nhìn ra ngoài. Báo đi trước, sau là Hoàng Phúc, Nguyễn Trãi và một dám võ sĩ bước theo. Hoàng Phúc mặc triều phục nhà Minh, đầu đội mũ cánh chuồn, thắt dai màu tía dành cho cấp hành khiển. Trên dưới tứ tuần, người thấp bé nhưng tròn trĩnh, Phúc có cái tật cứ tập trung suy nghĩ là mắt nháy liên hồi, nhưng một khi quyết đoán điều gì thì mím môi lại. Vốn có tiếng cẩn trọng, Phúc lại mềm mỏng, thường rất tinh nhậy trong cách phân bổ hành chính nên được Vua nhà Minh hết lòng trọng dụng trong việc bình định an dân. Bước vào, Phúc vòng tay, vừa cười vừa nói :

- Kẻ này đường đột đến thăm, mong đại nhân xá cho - Quay sang Trãi đi cạnh, Phúc đằng hắng - ... có công tử đây nên tôi mới mạo muội để tỏ thêm đôi lời...

Đứng dậy, lão niên đứng lên vái lại, ngắt lời :

- Tiện nhân là kẻ chiến bại, quan lớn cho sống thì sống, bắt chết thì chết, xin ngài chớ quá lời...

Vái lại, Hoàng Phúc nhẹ nhàng :

- Quân tử ở ngoài vòng thành bại, kẻ này có phải mù đâu mà không biết ai vào với ai. Hai chữ Thế Thời lại chẳng ở tay người nên thành bại do Trời, nào do mình. Dám xin đại nhân cho tôi có dịp đàm đạo dăm ba câu về thế thời và hai chữ Xuất Xử...

Phúc nhìn quanh nhưng chưa kịp nói thêm thì một tên lính phóng ngựa đến, nhảy vội xuống quì vái, rồi nghiêng người ghé vào tai Phúc thì thào. Phúc nghe, trán hơi cau lại. Bước ra, Phúc nhìn lão niên, cúi đầu nghiêm trang :

- Kẻ ưu thời mẫn thế là người không bỏ phí đời mình. Bản quan đã đôi lần bàn hơn thiệt rồi, xin đại nhân nhớ cho. Minh Thành Tổ tìm cách phục hồi con cháu họ Trần là thuận mệnh Trời và hợp lòng người. Công tử tuổi còn trẻ, trí lực lại hơn người, bỏ phí thì quả là vô cùng đáng tiếc cho con dân Giao Chỉ.

Lão niên vái, không đáp. Đợi Hoàng Phúc bước khỏi lán, lão quay lại bực bội :

- Hừ, Trãi có biết chúng tính toán thế nào không ?

Nhìn vào màn đêm chụp xuống đen như đổ mực, Trãi đáp :

- Dạ biết... Vì thế, con xin với chúng để con theo cha báo hiếu.

- ... nhưng thế là hạ sách. Chúng tính rằng nếu con hàng phục theo chúng, thì cả bọn sĩ hoạn sau rồi cũng vậy. Lớp sĩ đã cộng tác với chúng thì chỉ còn dám võ dũng vô mưu, đánh dẹp như phủi tay. Còn phục hồi nhà Trần, chỉ là danh, không là thực, con rõ chứ ?

Gật đầu, Trãi lại thở dài :

- Bên họ ngoại nhà con, Vương thúc Trần Thúc Dao bị lừa vì cái chiêu bài đó rồi. Con nghe nói cả Trần Nhật Chiêu cũng đã hàng phục Trương Phụ, hiện được bổ đi trấn giữ Nghệ An...

Lão niên cười nhạt :

- Quân người, tướng mình thì tướng lấy đâu ra quyền. Lại nhất cử nhất động là có kẻ tâu trình ngay. Thở dài, lão niên hạ giọng - Thực như vậy thì không thực, mà danh, xét cho cùng, còn tệ hơn hư danh. Đời sau người ta gọi là bọn bán nước... Còn Nguyên Hãn thì thế nào ?

Trần Nguyên Hãn vốn là quốc thích, vào hàng cháu Quốc thượng hầu Trần Nguyên Đán, gọi mẹ Trãi là dì. Mẹ ngày xưa học với cha chàng lúc đó còn là anh đồ trẻ Ứng Long, thương yêu ăn nằm vụng trộm với nhau đến có mang. Long sợ bỏ trốn, nhưng Đán cho người tìm nhán, cứ xem cái gương Tương Như với Văn Quân, nếu thế được thì Đán gả con gái cho. Ứng Long quả sau thi đỗ Thái học sinh, nhưng không được vời ra làm quan nhà Trần. Sau khi Quí Ly thoán ngôi, Ứng Long đổi tên thành Phi Khanh, được bổ làm Hàn Lâm học sĩ.

Khi còn ở với ông ngoại là Nguyên Đán, Trãi thỉnh thoảng gặp Hãn trong những dịp tế lễ ma chay. Lần cuối là lần cả hai dự đám tang của Phế Đế Duệ Tông, bị chính cha là Thượng hoàng Nghệ Tông lệnh cho bóp cổ chết. Sau đó, Hãn nhất quyết không can dự vào chuyện triều chính. Về trang trại do cha ông để lại, Hãn lo việc đồng áng, thường hãnh diện nói rằng bát cơm ăn là do chính tay mình làm, không phải nợ nần nhờ vả một ai. Sau nông vụ, Hãn thích đi ngao du, hễ có dịp là tìm Vũ Mộng Nguyên. Người này đỗ Thái học sinh năm Quí Dậu đời Thuận Tông năm thứ sáu, nhưng lui về ở ẩn. Không nói ra, Nguyên thỉnh thoảng úp mở chê cách dùng người của Thượng hoàng, ý ám chỉ sự chuyên quyền của Hồ Quí Ly lúc bấy giờ là Đông bình chương sự, làm mưa làm gió đến độ chính Quốc thượng Nguyên Đán cũng phải nhẫn nhục nương thân. Sau khi Thăng Long thất thủ, Hãn mang gia tộc chạy về Thanh Hóa, gom thủ hạ trên dưới ba trăm người rút vào rừng tính kế phù Trần, nhưng hình như mới chỉ đánh tiếng, chưa rõ hư thực thế nào. Thấy Trãi im lìm, lão niên sốt ruột nhắc lại câu hỏi. Trãi giật mình thưa :

- Nguyên Hãn cản Thúc Dao không được, đã bỏ ra Hóa Châu đi lang bạt, rồi sau lại nghe đã quay về nhà, không ai biết đích xác ở đâu. Con độ Hãn về lại vùng Hải Dương chăng ...

Lão niên thở ra:

- Trong đám hậu duệ nhà Trần, chắc chỉ có Hãn là người được việc lớn thôi. Còn lại thì chẳng nên cơm nên cháo gì. Vả lại, đức mỏng lắm rồi, nhà Trần có muốn phục lại tưởng chẳng khác chi chuyện vá trời đội đá.

*

Cha con Trãi ngồi quanh đống lửa bập bùng cháy. Đêm về, sương núi bốc lên thốc buốt giá vào đến xương đến tủy. Không ai nói năng gì, chỉ còn tiếng củi cháy lách tách giữa núi rừng, và thỉnh thoảng tiếng khỉ tiếng vượn chí chóe văng vẳng từ xa. Bỗng có tiếng chân rồi một người mặt tái mét chạy vào lán. Cúi đầu vái lão niên, người đó quì một chân, giọng hốt hoảng :

- Quan gia có lệnh vời Hàn Lâm học sĩ Nguyễn Phi Khanh !

Nói xong, người đó lại vái chào rồi hấp tấp đi. Lão niên chép miệng bâng quơ, bây giờ vua chúa gì nữa mà xưng Quan gia, nhưng cũng quơ chiếc gậy đứng lên vẫy Trãi. Đỡ cha, Trãi dìu đi, chân đạp vào những mỏm đá sắc cạnh mấp mô trên dốc. Khí núi lạnh buốt ngấm dần vào người, Phi Khanh run rẩy, thỉnh thoảng lại níu tay Trãi lấy đà. Quanh lối đi, quân Minh đã giải thành từng nhóm đi tuần tra, tiếng dáo mác đập loảng xoảng. Đến một khoảnh đất rộng, lính tráng quây vòng một dãy lều có liếp chắn quanh. Đó là nơi tạm trú của gia quyến họ Hồ vừa bại trận.

Bước vào, Phi Khanh ngước mắt dảo quanh. Cạnh một chậu than hồng, Quí Ly ngồi trên một tấm da báo, mắt nhắm lại như ngủ, lông mày bạc như cước trắng chạy xệch xuống đuôi mắt thỉnh thoảng lại giật lên nhè nhẹ. Hai bên Quí Ly là Hán Thương và Nguyên Trừng. Hán Thương vẫn mặc triều phục, áo gấm màu vàng có thêu rồng bằng chỉ đỏ, đầu đội mũ Triều Thiên. Về phần Nguyên Trừng, cân đai không có nhưng vẫn còn nai nịt, chỉ thiếu đao kiếm, thứ khó mà giữ được khi quân chẳng còn, tướng chẳng có. Đám quan văn võ thuộc cái triều đình phù du kéo đúng được sáu năm quyền bính lục tục cúi đầu lấm lét bước vào. Đợi cho họ ngồi yên vị, Hán Thương ủ rũ kể lể rồi thở dài :

- ... lại thêm cái vạ mới, chúng điểm danh tối nay và không thấy hoàng tôn Hồ Ngũ Lang đâu. Thượng thư Hoàng Phúc ghé qua, dọa sẽ đối phó thẳng tay, nay đã lên hội bàn với Đô đốc Liễu Thăng. Mong các vị giúp ý xem ta phải hành xử thế nào trong tình thế này.

Thời gian chùng xuống, dãn ra chơ vơ như một sợi dây căng mới đứt. Nhìn đám quan văn võ đi đây ngơ ngác, Trãi vừa giận vừa thương. Lát

sau, Thượng tướng Hồ Đồ ngập ngừng :

- Giông bão thế này, đi lạc là thường. Thôi thì triều đình cứ xin tạ lỗi họ là xong !

Lúc ấy, Nguyên Trừng lắc đầu nhếch mép. Quí Ly nở mắt, lấy tay gõ xuống thành ghế, rồi cười ằng ặc trong cổ. Đầu chít khăn đen, ngoài khoác chiếc áo ngự hàn lông gấu, thân thể Quí Ly phình to tương phản với khuôn mặt xọm lại, gò má gồ lên như hai nắm đấm, và cặp mắt trũng sâu cứ mở ra nhắm vào mệt mỏi. Miệng đã rụng hết răng, Quí Ly móm mém phều phào :

- Lỗi với chẳng lỗi ! Thua thì tội lỗi gì mà chẳng phải chịu. Xin ai, ai cho mà xin...

Hán Thương cuống lên :

- Tâu bẩm Thánh Thượng, thế thì phải làm gì bây giờ ? Nhìn Nguyên Trừng, Thương tiếp - Ngũ Lang là con huynh thì huynh phải chịu tội là đúng phép. Con dại cái mang là thế !

Cười khẩy, Nguyên Trừng mím môi không đáp, mắt ngước nhìn lên trời như không nghe thấy gì.

- Im, im đi ! Quí Ly quát khẽ. Chịu, ai cho chịu ? Tội gì ? Chỉ có một tội là thua, thế thôi. Nhìn đám quan, Quí Ly tiếp - này các ông, lộc nhà ta các ông chưa hưởng bao nhiêu, nhưng khi trước thì chính ta ban phát cho các ông bổng nhà Trần. Chẳng nhiều thì ít, các ông cũng nợ họ Hồ. Bây giờ, xí xóa hết nếu như các ông bảo làm sao chỉ có non nửa năm mà ta đã thua giặc Ngô dễ dàng đến vậy. Biết thì ta có chết mới nhắm mắt được...

Dứt lời, Quí Ly ngửa mặt lim dim, ngón tay vẫn tiếp tục gõ nhẹ trên thành ghế. Khuôn mặt của một kẻ làm gió làm bão trên ba mươi năm liền căng cứng khẩn trương, hơi thở khò khè gấp lên như thúc giục. Bọn Hán Thương, Nguyên Trừng cúi đầu. Đám văn võ quan cũng cúi đầu. Không khí đặc quánh lại, và gió bên ngoài lại bắt đầu cất lên diễu cợt. Quí Ly thình lình hổn hển mắng :

- Đồ vô dụng. Đồ chó heo, sao không mở miệng ra? Chúng bay là quân hèn hạ, bây giờ cho nói đấy, sao cứ câm như hến. Xưa, sợ uy ta nên có câm còn hiểu được. Nay ta có còn là cái gì nữa đâu mà bay cứ ngậm miệng nín lời...

Hụt hơi, Quí Ly lại nhắm mắt, tay xua xua. Nhìn Phi Khanh im lặng ứa nước mắt, Trãi bỗng thấy tủi nhục vô bờ. Lấy công nương nhà Trần, cha chàng dù đỗ đạt cũng không được dùng vì cái tội dân dã mà dám vịn cành lá ngọc, hai mươi năm liền vạ vật qua ngày. Phò nhà Hồ thoán nghịch nên dẫu danh không phải là danh chính, cha chàng vịn vào ba chữ tri thiên mệnh. Nhưng nay, mang thân phận đi đày, cái thiên mệnh nếu có

thì chữ "tri" kia không thể đúng được. Quí Ly không nói nữa, chỉ nhổ phì phì khinh bỉ. Trãi không kìm được, đứng lên khom lưng vái, rồi thưa :

- Khải trình Thánh thượng, non nửa năm thế là lâu chứ không phải là chóng. Đấy là cái ngọn của sự được thua. Muốn hiểu, phải tìm cái gốc.

Bật dậy, Quí Ly mắt sáng lên nhìn Trãi, giục :

- Gốc. Ừ, tiểu tử nói phải. Gốc thế nào ?

Cúi đầu Trãi ngẫm nghĩ. Xưa Thánh thượng có thề với tiên đế Trần Nghệ Tông là không thoán ngôi Vua, nhưng sau nuốt lời, ấy là bất trung, bất tín. Sau, đã ép Thuận Tông đi tu mà còn giết cho bằng được, ấy là bất nhân. Đoạt được ngôi vua, biết thế nên phao mình là dòng dõi Ngu Thuấn đổi tên nước là Đại Ngu. Nhưng lại ngay đó đưa quân chinh phạt Chiêm Thành, cướp đất lập công, mong xóa cái tội thoán nghịch. Chiến tranh khiến dân đen oán thán, trong khi nội cuộc chưa yên, ấy là bất trí. Rời đô từ Thăng Long về Tây đô Thanh Hóa chỉ vì sợ giặc Ngô sẽ mượn cớ phục Trần mà xâm lăng. Ấy là bất dũng. Kinh đô lại chỉ dựa trên hiểm mà không dựa vào đức, ấy là bất đức. Chống giặc Ngô, thu chuông chùa để đúc khí giới, bắt sư sãi xung quân, lại dùng sách vườn không nhà trống khiến dân đen hoang mang, thì là cách đánh giặc bằng lực mà quên đi rằng dân vi quí, ấy là bất nghĩa.

Nghiến răng, Trãi định nói ra cho hả, ngước nhìn lên. Thấy Quí Ly mắt hau háu, chân tay run rẩy, Trãi bỗng thấy cổ khan chát, lòng chùng xuống. Một nỗi thương xót bao la cho thời thế chứ chẳng phải riêng ai dâng lên như thủy triều. Giọng ngậm ngùi, Trãi chỉ thốt :

- Cái gốc là ở Thiên Mệnh, bẩm Thánh thượng.

Quí Ly trợn mắt, quát khẽ :

- Thiên Mệnh ! Ngẫm nghĩ một lát, Quí Ly khà khà cười, cao giọng - Ai khiến mi an ủi ta hả ranh con?

Lẩy bẩy đứng dậy, Quí Ly mất thăng bằng lại ngã ngồi xuống ghế, mồm hộc ra một bụm máu. Nguyên Trừng liếc nhìn Trãi, ánh mắt long lanh như muốn ăn sống nuốt tươi. Lúc ấy, Phi Khanh từ tốn đứng lên vái, nước mắt ứa ra chảy xuống dọng vào những sợi râu ngả bạc :

- Tiểu tử nói vì Thánh thượng hỏi. Thật ra, Thiên Mệnh không ở đâu xa mà chính ở ngay tay ta. Mất Thiên Mệnh, ta mất nước. Tất cả chỉ vì triều đình thiếu đúng có một chữ Tâm. Vua quan như thuyền nhưng dân như nước. Thuyền không lật được nước, chỉ nước mới lật được thuyền. Có chữ Tâm, nước xuôi gió thuận, thế là thiên mệnh. Không có, ắt bão giông sóng dậy, chuyện ý trời ý dân hẳn nhiên là một vậy!

Khi Hoàng Phúc sai lính đến thì gia đình họ Đỗ đã lục đục sắp chỗ

ngủ qua đêm. Đỗ thị vốn khéo thu vén, kéo tấm chăn bông ra trải rồi bảo đứa con trai chui vào cho đỡ lạnh. Nhìn vợ, họ Đỗ an lòng, cời lửa cho cháy lên rồi vác dao ra chặt thêm ít củi. Một lát sau, Đỗ quay về, xếp củi cạnh lán rồi ngồi xuống cạnh vợ.

- Nhà ơi, phải chi mà mang theo được cái guồng quay tơ nhỉ ? Tôi chẳng biết bên Đại quốc có không ?

- Có chứ, Đỗ cả quyết. Với lại họ bảo mình đi là để dạy cho họ cái nghề của mình. Dạy xong thì muốn về là về, mang đi làm gì cho nặng...

- Tôi vẫn không tin, nhà ạ ! Đi rồi, về chẳng dễ thế đâu. Có lẽ là tôi chẳng có bao giờ thấy lại bu tôi nữa. Nước mắt rưng rưng, Đỗ thị nghẹn ngào - ... mà bu tôi chỉ còn một mình, tuổi lại cao... Nhiều khi tôi cứ nghĩ, nhà đi một mình sang bên ấy, rồi xem sau về được thì về. Chứ giắt díu nhau thế này, muốn về cũng khó. Tôi nghe đến được Yên Kinh, đi cũng mất ba, bốn tháng, đường xá xa xôi, thổ ngơi không biết mà chữ nghĩa lại mù tịt...

Đỗ kéo chăn phủ lên vai, vùng tay :

- Mẹ mày lo xa. Nghề mình dạy cho họ xong là mình kiếm được cái vốn, chỉ mấy tháng là về thôi. Tôi đồ vào quãng này năm sau là mẹ mày về làng, có tiền tha hồ mở mày mở mặt. Xoa tay, Đỗ nói, giọng lạc quan - lắm khi lại tậu được sào ruộng thì có kém gì chuyện vinh qui bái tổ, hở!

Đắp thêm chăn cho thằng bé con nằm co gối đã chợp mắt ngủ, Đỗ thị lắc đầu, tay quệt chìa vôi lên lá trầu têm sẵn bỏ vào mồm từ từ nhai. Đỗ với lấy bị đồ nghề, lấy ra ngắm nghía. Bộ dao kéo này Đỗ thừa hưởng từ ba đời, nhưng tất cả bí mật nghề nghiệp không phải chỉ ở cái hình thể lạ lùng của cặp kéo hay lưỡi dao. Đỗ mỉm cười đắc chí, tay mân mê chất thép lạnh tanh, thầm nhủ rằng có dạy thì cũng chẳng dạy cho hết, phải giữ một phần để phòng thân. Đỗ thị vừa nhai trầu vừa nói:

- Nhà cứ đi ngủ đi, để tôi bỏ thêm củi đốt...

Nhìn vợ, Đỗ trạnh lòng. Vừa định nói một câu an ủi thì có tiếng chân thình thịch. Hai tên lính Minh và một người thông dịch hiện ra. Lệnh của Thượng thư gọi, Đỗ chẳng hiểu là chuyện gì, vội vã choàng tấm áo tơi lên người. Đỗ thị mặt tái xanh, lúng túng :

- Chuyện gì vậy hả nhà ?

- Cứ yên tâm, đi ngủ trước đi !

Ra đến ngoài, nghe người làm thông dịch thì thào vào tai, Đỗ lại quầy quã vào lán, tay xách bị đồ nghề. Đêm hôm ấy, đến thật khuya Đỗ mới mò mẫm về. Mặt xanh rờn, Đỗ chẳng nói chẳng rằng rúc vào chăn. Đỗ thị vẫn chưa ngủ, bảo với chồng :

- Nhà ạ, quanh đây chắc nhiều sói. Nãy, chúng nó hú lên rung rúc,

ghê lắm. Nhà có nghe thấy không ?

Thấy chồng không đáp, Đỗ thị tiếp :

- Tôi chỉ sợ nhà đi đường rừng, sói ra thì nguy...

Quay mặt nhìn ra bìa rừng tối đen, Đỗ thở dài rồi bảo:

- Không phải sói đâu. Tiếng người hú đấy...

Bị gặng hỏi mãi, Đỗ mới thì thào kể vào tai vợ. Đỗ thị nghe xong rú một tiếng nhỏ, chui ra khỏi chăn, sợ sệt quàng chiếc áo bông lên người. Cả đêm hôm ấy, Đỗ thị ngồi bó gối, miệng lẩm nhẩm " Giời ơi, thật là thất đức, mẹ con tôi sẽ ra sao, giời ơi là giời!".

*

Đến cuối canh hai, gió lại bắt đầu xào xạc. Nước trên lá rừng lộp độp rơi, lẫn vào tiếng côn trùng chập chập rên rỉ trong đêm thâu. Bìa rừng, than từng đống vẫn còn heo hắt cháy trước những căn lều căng tạm nằm suốt từ cuối lên đầu dốc. Phi Khanh co ro trong chiếc áo bông đã sờn, tay vân vê râu nhìn Trãi. Góc lều, hai anh em Phi Hùng và Phi Báo co quắp nhưng đã ngủ say, tiếng ngáy khò khè lúc lên lúc xuống. Đêm chìm xuống như đò chìm, từng chút một, nhưng không cưỡng lại được. Phi Khanh cất tiếng :

- Thế là cha đã nói hết. Đừng bao giờ tin danh nghĩa phù Trần mà phải tự mình cướp lại nước từ bọn giặc Ngô. Chỉ có sách đó mà thôi, ngoài ra là mê muội cả.

- Thưa cha, chúng lấy sách vở ta đem đốt. Rồi bao nhiêu sinh đồ, thợ khéo, thậm chí sư tăng thấu hiểu lẽ huyền cơ, chúng cũng bắt đem về Yên Kinh. Chúng lại mang Tứ Thư, Ngũ Kinh thời Tống triều sang nước ta rao giảng. Cứ thế, nước ta ruỗng ruột trước, rồi sau như rắn không đầu, thì con cháu nhà Trần hay ai đi nữa cũng chẳng thay đổi gì...

Im lặng, Trãi lát sau nhỏ nhẹ :

- Vả lại quyền lực xưa nay có ai cho không ai? Ban đầu, chúng sẽ ra oai giết chóc cho ta sợ. Rồi sau, chúng sẽ ra ân mua chuộc lòng người. Nếu chúng mua chuộc được là ta mất hết và chẳng có khả năng cứu vãn gì nữa trong tương lai.

Phi Khanh cúi đầu thở dài lẩm bẩm nói một mình :

- Có cách gì khác không?

Chống cằm, Trãi nhìn vào màn đêm đầy đặc, mặt đanh lại thành đá tạc. Nét đam chiêu khiến Trãi già hẳn đi, lưỡng quyền nhô cao lên, gân máu trên thái dương nổi thành những vệt xanh chạy xuống mang tai. Nhìn Trãi, Phi Khanh thình lình nghiêm nghị bảo:

- Thôi, con về đi. Theo cha mà làm gì! Nghẹn ngào, Phi Khanh tiếp - Làm trai thì về mà trả ơn nước, thế mới là báo hiếu cho cha, chứ theo để

chỉ chôn một nắm xương tàn thì cha có chết cũng không nhắm mắt được. Nay, Hoàng Phúc sẽ lấy cái mạng cha ra để ép con hàng phục. Đừng bao giờ ! Ngày nào cha nghe con theo giặc thì ngày ấy là ngày giỗ cha, nhớ đấy! Chết không khó, nhưng sống cho xứng đáng mới là khó...

Giọng đanh lại, Phi Khanh chợt hỏi :

- Con có muốn ta chết ngay trước mắt con không ?

Ngạc nhiên, Trãi vội đáp :

- Đừng, cha đừng...

- Thế thì cha sống. Nhưng đổi lại, con phải về để mưu phục cơ đồ. Sớm muộn cũng phải vào hai châu Hoan, Diễn. Đó là chỗ đấy cờ. Dựa lưng vào đất Lão Qua làm chỗ lui, hiếu hòa với Chiêm Thành để tránh thế bị kẹp. Con nhớ chưa ?

Trãi gật đầu, nước mắt ứa ra hai dòng chảy xuống má. Đêm đang lặng lẽ thì thình lình có một tiếng hú, kèm theo là tiếng trẻ con khóc ré lên từng chập.

Tiếng hú thê thiết tuyệt vọng vẳng lại từ vách núi, kéo dài suốt một đải rừng dọc biên giới tựa không dứt được. Ban đầu, nó ậm ực tiếng nghẹn của loài hổ không nuốt được mồi, hả họng đến rách toạc yết hầu rồi đau đớn tru lên một lần cuối. Sau, nó the thé tiếng mèo cái tranh đực trên mái dạ những đêm không trăng không sao trong mùa gió bấc, nghe nao lòng đến bủn rủn chân tay. Rồi đôi lúc nó lại khàn đặc, ê a than vãn, có đánh đập chửi bới cũng cứ tiếp tục xin xỏ ê a như đám ăn mày từ châu Ái hàng năm lũ lượt rủ nhau về Kinh chìa tay đợi bố thí. Và lắm khi nó thành lời nguyền rủa rít lên giữa hai hàm răng nghiến chặt, rít như cơn gió oán thù lùa vào lòng người đã chất chồng căm hận. Cứ thế, tiếng hú lúc âm u não nùng đến từ cõi ma thiêng chốn âm gian, khi lại hệt tiếng gào rồ dại lúc giơ tay vĩnh quyết giờ tử biệt. Nó bần bật rung trong không gian mọi thể điệu của con người. Tức tưởi. Nghẹn ngào. Cam phẫn. Bi tráng. Nhưng dẫu gì thì những tiếng hú đêm ấy đều chia xẻ cùng một niềm vô vọng cứ tựa biển muôn trùng. Mỗi lúc biển một bao la, thản nhiên xoáy vào vỡ đất.

Văng vẳng suốt một vùng sơn khê, tiếng hú theo gió bay tít mù trong cõi nhân ảnh mỏng manh của những kiếp huyễn hão phù sinh. Cạnh Phi Khanh, Báo và Hùng đang ngủ cũng giật mình chồm dậy lắng tai. Mấy cha con nhìn nhau, nhưng chẳng ai nói với ai lấy một lời. Lát sau, Báo quay lại nói chậm rãi :

- Thưa cha, thưa anh. Phải ngủ thôi ! Ngày mai còn đi và đường trước mặt sẽ dài, dài lắm...

*

Tiếng hú vẫn văng vẳng trong đêm thâu đến từ phía đầu dốc. Trước

đó không lâu, Hoàng Phúc đi theo Liễu Thăng vào căn lều nhà cha con họ Hồ. Mặt mũi xương xẩu, râu rậm rì, mắt ốc nhồi chỉ thấy lòng trắng, Liễu Thăng cao hơn người thường dễ cả cái đầu. Hán vừa mới bước vào đã quát:

- Giỏi thật, bay giấu thằng bé đi đâu ? Đúng là chẳng thể tin được bọn Nam đi, hở một cái là chúng lươn lẹo...

Vòng tay vái, Hán Thương chậm rãi :

- Thưa ngài, mưa bão thế này có đứa trẻ đi lạc thì cũng là chuyện thường tình, xin ngài chớ mắng mỏ nặng lời. Chắc tảng sáng, thế nào cũng tìm ra.

Quay lại nói thì thầm vào tai Hoàng Phúc, Liễu Thăng không thèm nhìn ai, vẫy một người phục phịch đi theo. Run rẩy, người đó bước ra. Liễu Thăng quát :

- Tên này họ Đỗ, ở trấn Sơn Nam, nổi tiếng là hoạn lợn rất tài. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, nay bản Triều bắt hắn qua Đại Quốc để lưu lại cái nghề đó cho thiên hạ. Bọn bay có biết tại sao ta mang hắn đến đây không ?

Cha con nhà Hồ nhìn nhau. Quí Ly cười nhạt, miệng mồm mém chiêu một ngụm nước, mắt lơ đãng không nhìn một ai, nhưng lông mày giật liên hồi.

- Ta mang nó đến để nó thiến tất cả cháu chắt chúng bay. Nhìn Quí Ly, Liễu Thăng gằn - Thế là bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại. Chúng bay tuyệt diệt con cháu họ Hồ nếu như chúng bay cứ còn úp mở đối trá. Thằng bé đó đâu ? Ai mang nó trốn ?

Quí Ly thình lình bật dậy, miệng rên rỉ:

- Tướng quân không làm thế được! Lạc một đứa trẻ, dẫu nó là con cháu họ Hồ, có can hệ gì mà phải hành xử nhẫn tâm đến vậy? Bất quá thì để đến sáng đi tìm. Nó chỉ mười hai, mười ba tuổi, chắc đâu đó trong rừng, có đi đâu xa được... Vả lại, cha con đòng họ tôi sang Đại quốc đội ơn mưa móc đức Minh Thái Tông là đã thần phục, thế thì để lại trên đất này một đứa trẻ thân cô thế cô, miệng còn hôi sữa, thử hỏi là để làm gì, thưa ngài...

Hoàng Phúc bấy giờ mới xen vào, giọng mai mỉa :

- Ngài không thần phục cũng chẳng được. Sau trận Hàm Tử thì coi như việc bình định là xong, lẽ ra Tướng Quốc Nguyên Trừng nên tự xử từ lúc tướng tan binh rã. Nhưng úy tử là chuyện thường tình, tham sinh là chuyện thế nhân...

Cắt ngang, Liễu Thăng quát:

- Quân đâu, vào quây lại bọn cháu chắt mười ba đứa. Họ Đỗ, cứ thiến. Thiến một, ta vì chữ đức mà lại cho bọn chúng nó nói thật mưu đồ

giấu diếm là gì. Nói thì ta ngừng. Không nói, lại thiến.

Đám trẻ cháu chắt nhà Hồ rú lên la khóc hoảng loạn. Người họ Đỗ định thần rồi bổ từ lưng xuống một bị dao kéo.

Có tiếng trẻ thét lên đau đớn. Quí Ly lảo đảo đứng lên há mồm ra hú thảm thiết rồi nói :

- Thôi, tuyệt rồi. Ta cũng đi thôi !

Nói xong, Quí Ly cắn lưỡi. Không răng, lợi phập vào lưỡi day đi day lại nhưng vẫn không đứt, máu miệng Quí Ly ứa ra bê bết chảy ròng ròng xuống râu xuống áo. Nguyên Trừng chạy lại. Một tên võ sĩ hộ vệ Liễu Thăng vung ngọn giáo chặn ngay yết hầu, một tên khác kề kiếm vào gáy. Nguyên Trừng la lớn :

- Thượng hoàng, xin đừng tự hủy hoại !

Cười sằng sặc, máu lại ộc ra nhuộm đỏ chùm râu bạc dưới cằm, Quí Ly tiếp tục vùng vẫy hú lên điên dại. Cứ thế, họ Đỗ thiến đứa thứ hai. Quí Ly lại cắn lưỡi. Vẫn không đứt.

Hán Thương lụp xụp quì xuống lạy Liễu Thăng. Tên tướng nhà Minh chỉ trừng trừng nhìn Quí Ly, miệng nhếch lên ngạo nghễ, chẳng thèm để ý đến Hán Thương kêu khóc van xin.

Có người khảo rằng nghe ra đúng mười ba tiếng hú nơi địa đầu đêm hôm ấy. Sau, trong đám gia nhân tùy tùng nhà họ Hồ có một kẻ trốn được từ Yên Kinh về Đông Đô. Hán kể suốt tám năm sau, nghĩa là cho đến khi chết, Quí Ly không bao giờ nói một câu nào nữa.

*

Cha con Hồ Quí Ly và gia thuộc ở toán xe đầu tiên vượt ải Phá Lũy khi trời chưa sáng rõ. Tiếng bánh xe gỗ bọc sắt xào xạo nghiến sỏi lẫn vào tiếng ê a của bọn phu ngựa, rồi tiếng quát tháo của đám lính mở đường, khiến cho lũ chim rừng nháo nhác kêu chiêm chiếp rủ nhau đập cánh bay lên. Cạnh những cỗ xe màn phủ kín, đám kỵ binh dong ngựa, tiếng lúc lắc deo cổ reo lên như chế diễu những kẻ bại trận đi đày. Họ ngẩn ngơ, lòng trống vắng hững hụt rơi tuột vào cái vực hun hút phân vạch biên giới giữa Đại Việt và Trung Hoa mãi cứ giằng co như trửng giỡn với lịch sử hàng ngàn năm, ú tim rượt đuổi tựa trò nghịch ngợm của hai đứa trẻ tranh giật nhau một cái bóng.

Thằng to vỗ, reo lớn :

- Tao bắt được mày rồi !

Thằng nhỏ cười, giơ quả đấm :

- Mày bắt được bóng tao thôi. Còn tao, tao đánh mày !

Thằng to :

- Ừ nhỉ, nhưng sao bóng mày lại chính là tao kìa. Mày đánh tao là

mày đánh cái bóng mày.

Thằng nhỏ:

- Còn mày, thế mày bắt cái bóng tao để làm gì cơ ?

Thằng to :

- Tao tô lại cho đẹp. Đàn bà phải mặc quần. Rang thì đừng nhuộm đen nữa. Và cấm ăn trầu. Cái mùi nó hăng hăng không gợi hứng phòng the...

Thằng nhỏ:

- Thế thì tao giựt lại. Dẫu thế là tao giựt chính bóng tao từ hình mày.

Trò đuổi hình bắt bóng không chỉ là trò của Vua của Chúa. Sau toán xe đầu, đến lượt bọn quan văn, quan võ nhà Hồ. Họ im lìm, đợi gọi lượt mình, nhích lên khi nghe và chìa một mảnh giấy có ghi tên những người trong gia quyến cùng đi sang Yên Kinh. Đám võ quan vẫn cân đai nai nịt nhưng ủ rũ nhìn xuống đất. Đám văn quan khăn đóng, áo the, nét mặt phần lớn buồn và nghiêm. Phi Khanh hướng về phương Nam, tay nắm tay Trãi, không nói gì. Khi gọi đến tên Nguyễn Cẩn, một người trung niên râu đen nhảy bước đến gần Khanh, nói nhỏ "...thôi, để đi đây!". Đó là bào huynh của Nguyễn Biểu, kẻ sau này ăn cỗ đầu người để thi gan với Trương Phụ và chịu chém ở bến sông Lam chứ không hàng giặc. Cẩn vái Khanh, thình lình xé áo buộc lên đầu như buộc khăn tang, vùng mình đi thẳng đến một mỏm núi. Quay mặt về Thăng Long, Cẩn lạy rồi thét "Nước mất, kẻ sĩ không bổ gan xẻ mật báo ơn thì chỉ còn cái chết mà thôi!". Nói xong, Cẩn lao mình xuống. Khanh sững người, hai tay nắm chặt, răng nghiến kìm cơn nấc cứ ậm ực trong cổ.

Tiếng quát, tiếng roi quật, rồi tiếng chân ngựa lộp cộp. Hoàng Phúc cùng đám vệ sĩ trờ tới. Nhìn xuống vực, Phúc chẳng mảy may xúc động, lạnh lùng dặn dò bọn lính. Trãi đặt tay lên vai cha râu tóc đứng đứng lên vì bi phẫn, thầm thì :

- ... Con sẽ về Hoan Châu, nhưng phải ghé lên Nhị khê đưa cả nhà cùng đi. Cha đừng bao giờ làm như Cẩn, vô ích...

Khanh mím môi, gật đầu :

- ... Nợ nước trước, thù nhà sau. Nhớ lấy... Cha không chết để xem con trả nợ trả thù cho cha như thế nào.

Cuối cùng, sau vua quan mới tới đám thứ dân bách tính. Họ có lẽ ít hoang tưởng hơn cả, giành giựt thì có, nhưng ít khi giành hình giựt bóng. Họ thực tế, mang theo trăm thứ mùng, mền, chăn, áo và chẳng có vẻ gì là dày vò đau khổ cho lắm trừ một hai trường hợp đặc biệt.

Trường hợp thứ nhất là họ Đỗ. Sáng sớm, Đỗ tỉnh ngủ thì không thấy vợ và con đâu. Đỗ réo gọi, rồi chạy bổ đi tìm, vừa chạy vừa kêu "Nhà nó

ơi, tôi có nén bạc đây này!". Nén bạc này do Liễu Thăng ném cho Đỗ để trả công hoạn mười ba đứa cháu chắt họ Hồ. Bàn dân xì xào là Đỗ thị đã mang con trốn được về xuôi. Nghe ra, Đỗ cũng rắp tâm lẻn đi, nhưng ban ngày ban mặt, bọn lính nhà Minh bắt lại. Chúng đánh họ Đỗ một trận thừa sống thiếu chết và giải lên ải. Mặt mũi sưng tím vì trận đòn, Đỗ như phát điên, tay vẫn giơ nén bạc lên trời, miệng tiếp tục gọi ... "Nhà nó ơi ! Ra mà xem. Có tiền tậu được sào ruộng rồi!". Một tên đội trưởng cưỡi ngựa chạy ngang giật nén bạc, miệng cười hềnh hệch, tiện tay lại giáng một gậy vào đầu họ Đỗ. Ngã mặt úp xuống đất, Đỗ vẫn rít lên "... nhà nó ơi! Có nén bạc đây này!".

Còn trường hợp thứ hai, không biết nên cười hay nên khóc. Chị em cô kỹ phường Nghi Xuân làm cáng cho cô nhỏ nhất bị giặc hãm hiếp đêm qua, vất vả thay nhau khênh đi. Cô em mặt tái nhợt, lên cơn sốt, mồm cứ lảm nhảm kêu "... mày là thằng Ngô, nhưng ta có là con đĩ đâu !". Đến đâu cũng có người tò mò bu quanh, nhưng sau một thôi đường, các cô yếu sức dần, đi mỗi ngày một chậm và thành cái mồi nhử bọn lính Minh. Các cô sợ túm lại bàn nhau. Cô chị lớn kêu :

- Các anh ơi ! Nam nhi thì đỡ tay đỡ chân cho chúng em. Là phận con hát, chúng em hát cho các anh đi chân cứng đá mềm nhé.

Nói xong, cả bốn cô cùng hát :

Trèo lên núi dốc
Ngồi gốc cây rừng, (ôi) tôi ngồi gốc (ơ à) cây rừng
Ối a, ông trời, ối a...
Rằng tình (ô anh) ở lại
Rằng tình (sao anh) ở lại
Cho chặt hết cây rừng, (là) em còn vẫn (ối a) khóc thầm...

Thế là đoàn người đi đây theo nhịp Quan họ miền Kinh Bắc. Nghe đâu trước khi tới Yên Kinh, cả bốn cô đều kết duyên với những người đã nhận cáng cô em út. Một năm sau nơi đất khách, Phi Báo tìm lại được cô này và xin cha cho cưới làm vợ. Đêm hợp hôn, cô bảo với Báo "Bao giờ trả cho xong chữ hiếu thì nhà cho em về quê cha đất tổ!". Báo đáp "Ờ, rồi cha sẽ qui tiên. Sau, ta sẽ về". Cô lại ghìm tay Báo xuống, miệng thủ thỉ "Nhà ạ, em sẽ hát Quan họ trên đường cho chân cứng đá mềm, nhà nhé".❐

(Trích từ tiểu thuyết lịch sử *Đất với Bùn*)

Chuyện kể một mình

Đỗ Quỳnh Dao

Bạn ơi, hãy thong thả đừng sốt ruột, đợi tôi nhớ lại đã. Câu chuyện đã từ lâu không nhắc đến, mà đầu óc tôi thì bít bùng ám bụi, để tôi giũ bớt cho thoáng rồi sẽ kể cho bạn nghe... Câu chuyện này tôi không nhớ đã đọc ở đâu, có khi tôi đã nghe ai kể lại, hay cũng có thể là câu chuyện của chính tôi. Bof! dù sao cũng chẳng quan trọng, của tôi hay của ai thì cũng vậy. Bây giờ thì tôi bắt đầu, bắt đầu bằng một đoạn vui nhé.

...Buổi sáng đó, cô phát thư đến chỗ làm, chân nhẹ nhàng như lướt trên bông. Không khí ban mai mát rượi hơi sương. Cô thấy gai gai không phải vì lạnh mà vì nôn nao rạo rực muốn ôm chặt vào lòng giữ riêng cho mình nét tinh khôi của buổi sớm đầu xuân. Trời thật cao và hồng mướt như đôi má cô gái mới lớn khiến đám mây trắng đang bay xa phải dừng lại trầm trồ ngơ ngẩn. Trên cây, bầy chim tíu tít nói chuyện, hỏi thăm giấc ngủ đêm qua có gì đẹp, bàn tán chương trình hôm nay có gì vui. Rồi ví von, rồi líu lo rồi chúm mỏ lại hát chung bài hát mừng ngày mới. Bản hợp ca vừa dứt, chúng vỗ cánh phành phạch bay tản mác đi nơi khác...

Cô phát thư xếp vô túi rết từng xấp thư chồng báo đã chọn lựa. Chỉnh lại chiếc quai và xốc ngay ngắn cái túi đeo trước bụng như túi kangourou, cô sẵn sàng lên đường, không màng đến lời xầm xì của bạn đồng nghiệp. Cô biết chứ, cô có nghe họ nói: "con nhỏ ruộng này lên Paris đã lâu mà vẫn chưa sạch nước phèn, ai đời không đeo túi lệch một bên vai mà lại đeo ra trước, đưa cái bụng chè bè như con ếch trông không giống ai". Và cô cũng có nghe họ than thở bị đau nhức một bên nơi bả vai đeo túi, uống bao nhiêu thuốc xoa bao nhiêu dầu cũng không xong. Cô vẫy tay chào họ và tung tăng qua bốn mùa, mùa xuân nhẩn nhơ với hoa bướm, mùa hè đủng đỉnh theo nắng quái, mùa thu rón rén cùng cây lá, và mùa đông co ro

trong gió tuyết. Nhưng đôi chân cô không chỉ bước đi, đôi chân cô còn bay lượn trên sàn nhảy, vi vút, lả lướt, rồi thật chậm nhích từng bước nhỏ, rồi thật gần cho mất quyến luyến, rồi thật sát cho hơi thở quyện vào nhau...

...Và trong tay Piotr tôi mềm mụp như búp len nhỏ.

Đêm 14 tháng 7 đó, trời thật đẹp chả bù với buổi sáng mưa rơi từ hừng sớm. Mưa thật lớn. Dầm dề ào ạt, cho hả giận cho đã hờn. Tràn ngập hết rãnh cống nơi ven đường, lênh láng khắp tấm bạt trước quán nước, tung tóe trên mui xe, quét vệt trên cửa kính. Chỉ tội những người lính đi diễn binh và các ông "nhân vật quan trọng" đứng xem, người nào cũng đầm đìa ướt ẩm. Mưa xối mãi đến chiều mới chịu thôi. Và khi đêm xuống, trời thật đẹp, trong vắt như tấm the đen lấp lánh sao. Ngoài đường hoa đèn nở rực. Dòng người lũ lượt, cười nói vui vẻ. Người ta ra ngoài để khiêu vũ, để nhìn người khác khiêu vũ, để nhìn người khác vui, để vui như người khác, như đó là cái lệ của đêm 14 tháng 7. Đêm đó lũ bạn kéo tôi lên Champs Elysées khiêu vũ. Cả bọn sập xình lắc lư theo tiếng nhạc rộn ràng khắp Khải Hoàn Môn. Cô bạn thân không thuộc bước nhảy của đàn ông tài khôn đòi làm kép đìu tôi suýt té nhào và mấy lần dẫm lên chân đau điếng. Hai đứa đang cười rũ như điên dại thì Piotr đến xòe tay ra mời tôi...

Lúc đó, không hiểu vì sao tôi lại nhận lời nhảy với một người xa lạ không quen biết, có phải tôi đã lạc vô mê trận để Piotr hớp hồn, hay tôi đã rớt trong từ trường để Piotr cuốn hút. Chỉ biết tôi chơi vơi khi tay Piotr ôm tôi sát chặt, chỉ biết tôi hụt hẫng khi mất Piotr nhìn suốt qua tôi. Đôi mắt thật lạ lùng, như lột trần mọi chỗ dấu, như đốt rụi từng tế bào, để tôi chảy đần như sáp nến trong nỗi ngây ngất kỳ diệu.

-Tao thấy sờ sợ anh chàng này quá -cô bạn thân buông tiếng phê bình- hắn ít nói chỉ ngồi im nhìn người khác, mà cái nhìn hắn sắc lạnh như thép, lại thêm lưỡng quyền cao và miệng nói chuyện không hở răng trông *sadique* quá. Rồi bàn tay to đềnh dàng như chực bóp nghiến người khác như con kiến.

-Tao thích típ đàn ông này, bên ngoài ít nói...

-Còn bên trong thì sao? cô bạn cười rú lên, đuôi mắt xếp đài thật lẳng lơ.

Bên trong thì sao? bên trong chỉ dành riêng cho tôi. Chỉ tôi mới thấy mặt ẩn của Piotr, chỉ tôi mới thấy bản âm của Piotr. Mắt Piotr lạnh sắc với ai khác nhưng khi nhìn tôi, nó vỡ vập từng phân da nuốt chửng từng tấc thịt. Miệng Piotr mím chặt nhưng chiếc lưỡi tham lam quấn tôi chết lịm trong nụ hôn dấm đuối. Tay Piotr to thô nhưng từng ngón dịu dàng mơn trớn tôi vào cõi đê mê tuyệt vời.

Piotr, Piotr, em gọi tên anh hàng chục hàng trăm hàng ngàn hàng vạn lần trong ngày. Mười lần gọi là mười tiếng tình tự, trăm lần gọi là trăm tiếng ngọt ngào, ngàn lần gọi là ngàn tiếng âu yếm, vạn lần gọi là vạn tiếng yêu thương.

Em yêu anh em yêu anh em yêu anh, em lập đi lập lại mãi ba tiếng này để nơi làm việc anh nhớ đến em, để trong giấc ngủ anh mơ thấy em.

Căn phòng bỗng dưng tối sầm lại. Có phải gió đang rủ mưa về? Không phải, vẫn là thinh không bên ngoài. Chỉ là trời chạng vạng đang thay chiếc áo xám óng ánh đường gân đỏ với đây đó vài gợn mây trắng bồng bềnh. Trên khung cửa kính đối diện còn sót lại một lóe sáng yếu ớt của chiều tà. Trời sắp tối rồi. Bạn biết không, tôi rất yêu cái khoảng thời gian mầu nhiệm này. Bạn nhìn kìa, tất cả các màu sắc đang hoen úa dần và sẫm đậm lại, rồi bóng đen từ từ loang rộng dưới đất, rồi trườn lên vách, rồi leo lên trần và không bao lâu màn đêm phủ up xuống che khuất mọi vật. Lúc đó gương mặt người quen ngồi bên ta từ nãy giờ bỗng trở nên mơ hồ xa lạ..., bạn lại sốt ruột nữa rồi, chắc muốn nghe tiếp câu chuyện tình của cô phát thư và anh chàng Piotr hở? Đây đây tôi kể tiếp ...

- Mày chê đàn ông Tây chỗ nào mà lại đòi đi lấy người Ba Lan? Mày muốn tao đi dự lễ cưới của mày thì tao đi, nhưng nhờ tao làm người chứng cho mày lấy anh chàng Piotr thì tao lắc đầu. Tao vẫn nói không ưa hắn, linh cảm tao nói hắn tà chứ không chính, nghe hay không tùy mày.

Cô phát thư giận run lên:

- Cám ơn Thượng Đế đã cho mày không ưa Piotr, nếu không thì mày đã cuỗm mất Piotr của tao rồi.

Và tàn nhẫn, nàng buông câu tuyệt tình:

-Thật ra chưa chắc là mày không ưa Piotr, có khi vì Piotr không ngửi được mày nên mày ghét Piotr?

Có phải mọi cô dâu đều hạnh phúc như tôi? Hạnh phúc buổi sáng thức giấc nhìn Piotr trên gối bên cạnh, hạnh phúc đêm khuya trằn trọc nằm nghe Piotr ngáy đều. Tôi hạnh phúc quá, tôi là hạnh phúc. Tôi thương yêu quá, tôi là thương yêu, tôi sung sướng quá, tôi là sung sướng. Tôi muốn san sớt niềm hạnh phúc, sự thương yêu, nỗi sung sướng này, tôi muốn san sớt với người khác, tôi muốn san sớt với Mẹ, tôi muốn nói chuyện với Mẹ, tôi muốn trở về gặp Mẹ. Trở về, ôi những chữ êm ái này đã thôi thúc ám ảnh tôi từ sáu năm nay. Sáu năm là sáu tấm thiệp chúc Tết cho Mẹ nhưng không viết địa chỉ người gởi, sáu năm là bao nhiêu lần

quay điện thoại để được nghe tiếng Mẹ nói «allo allo» bên đầu dây và tôi nghẹn ngào cúp máy.

Sáu năm, cái khoảng thời gian không đủ dài để quên hết chuyện cũ và không còn ngắn để bị dằn vặt ray rứt. Vết thương đã khép miệng kéo da, còn lại chỉ là đường sẹo mỏng thẳng tắp như sợi chỉ. Vết sẹo không làm đau nhưng luôn luôn ở đó nhắc nhở. Sáu năm qua từ hôm tôi xếp áo quần vô chiếc va li nhỏ sửa soạn ra đi, Mẹ ngồi nhìn khóc rưng rức nhưng không một lời ngăn cản, như chuyện tôi đi là chuyện phải làm. Ba hầm hầm:

-Cái ngữ mày đi Paris giỏi lắm thì chỉ dứng đường!

Đừng, đừng nhắc đến chuyện buồn. Tôi đang hạnh phúc vui vẻ, tôi muốn nhìn lại quá khứ rạng rỡ kỷ niệm đẹp chứ không chập chùng đau khổ...

Con đường đất về nhà vẫn như cũ, chằng chịt gai và cỏ dại hai bên lối đi. Loáng thoáng đây đó những khóm hoa vàng đang lắc lay trong gió chùm cánh nhỏ tròn như hột bắp. Một mùi chua chua hăng hăng dập vào mũi khiến tôi bùi ngùi rơm rớm. Nó đấy, cái mùi của quê tôi, cái mùi của làng tôi, cái mùi của cỏ cây đất bùn và phân bò quyện chặt trong nắng gió, nó đấy cái mùi của tuổi thơ tôi.

Tôi đẩy cổng rào bước vào, chiếc cổng khô đâu cựa mình rên rỉ vì bị phá giấc ngủ. Cây táo starkingson đang rộng cành sum sê đón tôi trở về, không biết bây giờ nó còn đơm những chùm trái to đỏ ngọt hay chỉ èo uột vài trái héo quắt? Nơi gốc cây chiếc xích đu ủ rủ nhớ bạn, đạo trước nó là tri kỷ của tôi, tung xa khi tôi vui và lay nhẹ khi tôi buồn. Còn Lucky con chó bẹt giê trung thành, ở đâu mà không ra mừng? Nó to lớn như con gấu nhưng lại hiền như con mèo, thỉnh thoảng cũng tru tréo để cho biết ta đây cũng là chó nòi chứ không phải chó cỏ, nhưng khi gặp người lạ thì chỉ gâu gâu vài tiếng cho có lệ rồi thì cụp tai dụi mõm vào tay họ. Thật ra người lạ chẳng có ai ngoài ông phát thư và mấy ông bạn của Ba.

...Trong gió như văng vẳng tiếng reo đùa của đứa bé gái:
- Ba ơi, Ba đẩy xích đu thật xa nữa đi. Xa nữa, xa nữa...
- Xa như vậy được chưa?
- Được rồi, được rồi. Ba ơi con thích quá.
- Thế cô công chúa nhỏ của Ba có thương Ba không?
- Có, có.
- Nhiều không?
- Nhiều nhiều...

-Vậy thì phải hôn Ba để thưởng, một cái hôn trên trán, hai cái trên má, một cái trên chóp mũi, và cái cuối trên cằm. A lê hấp, bây giờ mình về nhà ăn bánh crêpe Mẹ đổ nghe thơm phức kìa.

Và hai cha con nắm tay tung tăng vô nhà, vừa đi vừa hát nghêu ngao.

Thuở ấy gia đình tôi sống rất vui vẻ, Ba lái xe đi giao hàng ở các tỉnh xa có khi một hai tuần mới về, và mỗi lần về là nhà tôi vang âm tiếng cười. Mẹ là bóng mờ bên cạnh Ba, ít nói ít cười và ít cả rầy mắng tôi. Chỉ tủm tỉm cười nhẹ khi vui và cúi đầu chớp mắt khi buồn nhưng Mẹ săn sóc chìu chuộng chúng tôi từng ly từng tý một. Những ngày Ba vắng nhà, tôi quanh quẩn theo Mẹ ra hái rau trái ngoài vườn hay vắt sữa trong chuồng bò. Tôi ngồi bẹp trên chiếc xô úp ngược nhìn Mẹ vắt thật đều tay. Dòng sữa nóng chảy tuôn xuống xô óng ngời bọt trắng. Mẹ yên lặng làm việc chỉ có tôi láu táu luôn miệng. Và mỗi lần tôi đều hỏi:

- Khi nào Mẹ dạy con vắt sữa và đánh bơ?

để được nghe câu trả lời đã biết trước:

- Ừ ừ, khi nào con lớn thì Mẹ dạy.

Thuở ấy, Ba rất vui vẻ, lẽ dĩ nhiên nếu không ai làm trái ý Ba. Mẹ chìu Ba hết mình. Ba thích ăn, Mẹ xếp đầy trong tủ lạnh từng thỏi phó mát từng tảng pâté, Ba thích uống, Mẹ chất cao nơi hầm rượu từng chai bordeaux từng hũ calva. Ba say khướt nôn thốc nôn tháo rồi lăn vật trên ghế xô pha ngáy rền nhà, Mẹ lặng lẽ đắp tấm chăn len cho Ba và đi chùi dọn sạch sẽ. Ba muốn gì thì Mẹ làm đó. Ba hứng tình, Mẹ nhẫn nhục hầu hạ, bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Tôi còn nhớ buổi chiều đó vừa mở cửa vô nhà đã nghe tiếng Mẹ hổn hển trong bếp:

- Em xin anh, con nó đi học sắp về rồi.

- Câm miệng, ông tọng cho một cái bây giờ!

Tôi bước nhẹ vô bếp. Mẹ nằm sấp trên bàn, hai tay đang thập tự, bên cạnh mớ khoai tây cà rốt gọt dở. Ba đứng sau mắt đỏ ngầu. Tôi đứng chết trân, mắt dán chặt lên lọn tóc của Mẹ vắt rũ trên gò má ướt sũng nước mắt. Mẹ chợt ngước lên thấy tôi và lúng túng kêu:

-Ra ngoài chơi đi con.

Hình như lúc đó tôi thấy ghét Ba, nhưng chỉ một thoáng thì đã hăm hở chạy chơi với con chó Lucky đang ve vẫy chiếc đuôi khua lon con chùm lon buộc phía sau.

Mấy hôm sau khi căn nhà yên lặng trở lại, tôi nói với Mẹ:

- Hôm đó Ba đánh Mẹ đau lắm phải không? Con thấy Mẹ khóc nhiều, từ nay Mẹ phải ngoan ngoãn nghe lời Ba thì không bao giờ bị phạt cả.

Đúng rồi, chỉ nghe lời Ba, làm tất cả những gì Ba muốn thì Ba sẽ rất tốt và mọi sự đều êm xuôi và căn nhà vang bừng tiếng cười của Ba cùng

mấy ông bạn nhậu. Tôi ngoan ngoãn nên được cưng chìu vô cùng, mỗi lần đi làm xa về Ba đều mua quà cho tôi. Lần sinh nhật 15 tuổi, Ba trao cho tôi gói quà mua lúc đi giao hàng ở Paris. Khoan nói đến món quà chỉ nhìn cái bao plastic màu xanh nhạt in hàng chữ Au Printemps thì đã thấy thiên đường rồi. Ở cái chốn quê mùa khỉ ho cò gáy này, thương xá Au Printemps là biểu tượng của xa hoa sang trọng. Tôi lịm người sung sướng khi lấy chai nước hoa ở trong bao ra. Ba cười ha hả:

-Sao? cô công chúa của Ba có thích không?

Buổi tối, Mẹ vô phòng tôi thủ thỉ:

-Con khoan bôi nước hoa nhé, tuổi con còn nhỏ chỉ nên dùng eau de cologne thôi.

Tôi vùng vằng cãi lại:

-Cái gì mà lớn với nhỏ? Quà của Ba cho con muốn làm gì thì con làm, bộ Mẹ ganh vì Ba không mua cho Mẹ?

Tuổi trẻ vô tâm, nói rồi thì biết là mình tàn nhẫn nhưng vẫn không chịu nhận lỗi. Sợ mất mặt? sợ nhận lỗi tức là thua? thua cái gì, được cái gì? tôi nào biết chỉ khư khư nhất quyết không làm bước trước. Thật ra Mẹ không cần nói tôi cũng chẳng bao giờ dùng nước hoa này. Lọ thủy tinh hình giọt nước đựng thứ nước vàng ánh mà tôi đoán là rất thơm, tôi chỉ dám nâng niu ngắm nghía và sau đó cất lại trong tủ.

Mấy hôm sau, Ba hỏi tôi:

- Sao? con có thích mùi nước hoa đó không?

- Làm sao con biết được? Mẹ cấm không cho con đùng.

Bốp, một bạt tay giáng vào mặt Mẹ. Ba gầm lên:

- Câm miệng, của tôi cho nó muốn làm gì thì nó làm không ai được xía vào. Bộ muốn cãi lại, muốn chống lại hả? Hả? Hả?

Mỗi tiếng hả kèm với năm ngón tay đóng dấu trên mặt. Mẹ đứng yên nhận đòn, im lìm không một tiếng nấc hay tiếng rên. Tôi hét lên:

- Đủ rồi, Ba đừng đánh Mẹ nữa. Dù sao con cũng không dùng nước hoa, ở cái xó này thì chỉ có bò nó ngửi thôi!

Căn nhà tiếp tục yên ả những ngày Ba vắng mặt và náo động khi Ba về cùng bè bạn. Calva tiếp tục chảy rào rào và Mẹ tiếp tục cúi đầu cam chịu.

Cái duy nhất thay đổi là tôi càng lớn thì càng bị Mẹ canh chừng kèm sát, lẽ dĩ nhiên sau lưng Ba. Tôi chỉ hậm hực để Ba thấy thì cơn mưa thoi trận bão dấm ùn ùn tới tấp trên Mẹ. Thét rồi tôi "ấm ức" làm theo ý Mẹ để Mẹ khỏi bị đánh. Tôi thương Mẹ hay tôi không muốn xào xáo trong cuộc sống?

Năm tôi mười bẩy, Ba bị hãng sa thải vì lái xe gây tai nạn trong cơn say. Lúc đầu còn có vài người tốt bụng hay tham tiền công rẻ mạt cho Ba việc làm lặt vặt, về sau không ai dám tin tưởng một người tay cầm chiếc rựa bửa củi mà hơi thở nồng nặc rượu từ sáng sớm. Ba nằm nhà luôn từ lúc đó và chìm nổi nát khướt cùng calva.

Rượu càng lai láng thì những vết bầm càng đủ màu trên Mẹ, bây giờ không phải chỉ trong người mà trên mặt trên mắt màu tím màu xanh màu vàng thi đua nhau khoe sắc. Ba không đá động gì đến tôi, tôi có bênh Mẹ thì Ba cũng không nói gì nhưng sau đó trong phòng họ, ầm ầm tiếng Ba chửi rủa và Mẹ trở ra, tả tơi rách mướp.

Tôi vừa cằn nhằn vừa xoa dầu nơi vết bầm cho Mẹ :

-Tại sao Mẹ sợ Ba như vậy? Con không dám bênh Mẹ vì con càng nói thì Ba càng đánh Mẹ, hay là Mẹ dọa đi thưa lính, chỉ dọa thôi cho Ba sợ không dám hung dữ nữa.

Mẹ buông câu chắc nịch:

-Ông ấy là chồng của Mẹ, không bao giờ Mẹ làm vậy dù chỉ để dọa.

Cô gái nằm thiu thiu, chiếc áo ngủ trệch nút phơi ra gò ngực mum múp trắng. Gã đàn ông đứng thật lâu trong bóng tối, hơi thở đặc lợm mùi rượu. Trên đầu hắn, men calva luồn lỏi trong máu đến ướp ngấm từng mảng xám lý trí. Người rạo rực tay chân bồn chồn, con dực nhìn lom lom con cái. Chợt hắn rên hự rồi té ập xuống, tay xục xạo dưới áo cô.

-Buông tôi ra, Ba buông con ra, Ba làm gì vậy. Mẹ Mẹ...

Mẹ xô cửa chạy vào, quơ chiếc đèn nơi bàn ngủ nện mạnh lên đầu Ba. Lần đầu tiên tôi nghe Mẹ lên giọng với Ba, lần đầu tiên tôi nghe Mẹ rít từng chữ một:

- Ông hành hạ đánh đập tôi thế nào cũng được, nhưng nếu ông đụng tới nó, tôi sẽ không tha ông. Tôi nói được thì tôi làm được, tôi có thể giết ông bất cứ lúc nào khi ông say.

Ba buông tôi ra và lồm cồm ngồi dậy, ngơ ngẩn như vừa thức giấc, sững sờ trước phản ứng của Mẹ.

Tôi vừa khóc vừa đay nghiến:

- Ba không phải là người, Ba là thú vật, có khi còn thua nữa vì thú vật không tồi tệ với vợ con nó như Ba đâu.

- Mày không phải là con tao, Mẹ mày bỏ chồng theo trai, đến lúc bị đá thì ôm bầu trở về nhà lạy tao xin tha thứ. Ha ha, tao là thằng đàn ông bị cắm sừng mà phải nuôi con người khác.

Mẹ lắp bắp, mặt xanh như cắt:

- Ông đã hứa là không bao giờ nhắc lại...

Không gian nặng như đổ chì. Bao nhiêu hận thù, uất ức, xót xa cùng trút ra một lúc và bao chụp căn phòng. Ngực ngột ngạt vì thở cái không khí ô uế bởi tội lỗi gian dối. Mắt nhức nhối vì thấy những ghê tởm xấu xa. Tôi nấc lên:

- Tôi không bao giờ tha thứ cho mấy người.

Hình như đây là những lời cuối cùng tôi nói trước khi ra đi...

Tôi có tha thứ cho Mẹ không? Chỉ biết là tôi ôm chầm lấy Mẹ khi thấy Mẹ như oằn xuống thêm mấy chục năm tuổi, chỉ biết là tôi òa khóc khi thấy tóc Mẹ loáng thoáng sợi trắng sợi đen. Tôi có tha thứ cho Ba không? Chỉ biết là tôi rưng rưng cầm tay Ba đang nằm bẹp trên giường bệnh, người mỏng dính và vàng nghệt, chỉ biết là tôi mếu máo khi Ba thều thào: Con đó phải không, cô công chúa nhỏ của Ba?

Bây giờ không phải là tôi lẩn quẩn bên Mẹ mà là Mẹ loanh quanh bên tôi. Suốt ngày nếu không nắm tay thì Mẹ vuốt tóc tôi như để chắc chắn là tôi đã trở về và đang ngồi bên cạnh. Tôi đòi Mẹ kể chuyện xưa.

- Nhận lời làm vợ của Ba là một sai lầm vì Mẹ không yêu Ba. Nhưng có con với người khác và trở lại với Ba là một tội lỗi không thể tha thứ được. Ba con là người tốt, chỉ vì rượu mà biến đổi. Từ hôm con bỏ đi, Ba vẫn uống li bì nhưng bớt hành hạ đánh đập Mẹ. Gần cuối năm Ba cứ đi ra đi vô xem thùng thư liên miên, và mỗi lần được thiệp của con Ba lại lẩm bẩm trong miệng: Nó vẫn không tha thứ tôi.

Tôi ngập ngừng:

- Còn cha ruột của con?

Câu trả lời đến, chậm rãi, như nhỏ giọt từng chữ một:

- Ông ấy là người suốt đời chạy trốn.

Bao nhiêu khắc khoải, bao nhiêu mong đợi, cuối cùng chỉ để biết cha mình là kẻ vô trách nhiệm. Âu cũng là một chuyện hay, như vậy tôi dễ dàng dứt khoát, không vẽ vời tưởng tượng chi nữa. Tôi chỉ thiếu nợ của cha tôi, người cha sinh, vỏn vẹn một mầm sinh, vỏn vẹn một con tinh trùng.

Mẹ hỏi tôi về hiện tại:

- Bây giờ, con ra sao?

- Bây giờ, con...

Bây giờ của tôi là ánh lê minh, bây giờ của tôi là bóng trăng đầy. Bây giờ của tôi là áng lụa mềm, bây giờ của tôi là dải nhung mượt.

Mẹ thấp giọng hỏi:

-Chồng con có uống rượu không?

-Không, con chưa bao giờ thấy Piotr cầm một ly rượu ở nhà. Vả lại,

con cũng không chấp nhận có rượu trong nhà dù cho là một lon bia.

Mẹ cười sung sướng, nước mắt chảy quanh:

-Con phải giữ chặt hạnh phúc mà Thượng Đế đã ban cho con.

Nhưng tôi lầm. Piotr không cầm một ly rượu ở nhà, nhưng Piotr cưa cụng với bạn bè hay chuếnh choáng nơi quán. Tôi mù quáng ngu si hệt con ngựa bị bịt mất chỉ thấy một hướng đi, không hay biết những gì xảy ra chung quanh, mãi cho đến lúc Piotr sa đà lún chân.

Khóc lóc nằn nì, mềm mỏng khuyên lơn, dọa nạt dữ dằn, bao nhiêu vũ khí, bao nhiêu mánh khoé, bao nhiêu mưu chước để kềm giữ Piotr. Tôi nhất quyết không để bất cứ ai hay cái gì phá vỡ hạnh phúc của tôi. Tôi sẵn sàng hung tợn, chĩa sừng, mọc gai để đối phó. Tôi rình Piotr như thợ săn rình thú, tôi canh Piotr như cai ngục canh tù, không một phút sơ hở không một giây xao lãng. Nhưng có lẽ ngôi sao bổn mệnh của tôi đã gãy cánh, hay trong sổ định mệnh của tôi đã ghi sẵn hai chữ bất hạnh...

Bà y tá nói:

-May là mấy ông pompiers-chữa lửa đến cưa xe kéo bà ra kịp, nếu không thì chắc khó cứu được. Người ta vẫn nói chỗ ngồi của Tử Thần mà. Ông nhà bị nhẹ hơn, chỉ gãy vài cái xương sườn...Đoạn đường đó nổi tiếng nguy hiểm vì khúc quanh rất gắt, chắc trời tối nên ông bà không thấy bảng báo hiệu.

Có chứ, Piotr có thấy, tôi có thấy, nhưng Piotr vẫn cười sằng sặc đạp lút ga mặc cho tôi gào hét hoảng sợ. Nhưng tôi gào hét lúc đó để làm gì? Nếu có thì phải gào hét trước, gào hét nơi tiệc đêm xảy ra tai nạn. Không, lúc đó tôi đang uốn éo quay cuồng trên sàn nhảy, tôi ham chơi không thấy Piotr đang chén bạn chén ta bên quầy rượu, tôi mê vui không thấy con ma men bấy lâu ngủ chập chờn trong Piotr đang thức giấc đánh mùi. Tôi quên tất cả, chỉ nhớ lượn bên nay tung bên kia. Lúc đó đôi chân tôi chỉ biết rúng động, nhún nhảy, dẫm mau, bước chậm. Và bây giờ đôi chân tôi bất động, nằm yên, vô tri, vô giác.

Đấy, người ta cưa xe kéo tôi ra để tôi được chiêm ngưỡng hai que thịt lủng lẳng thay thế cho đôi chân. Đấy, người ta cưa xe kéo tôi ra để tôi được nhâm nhi cuộc sống trên xe. Đấy, người ta cứu sống để tôi tha hồ nghiền ngẫm sự bất lực của mình. Đấy, người ta cứu sống để tôi mặc sức gặm nhấm cái mình tùy thuộc nơi người khác. Tôi có thừa mứa thời giờ mà!

Tôi nguyền rủa Thượng Đế, tôi nguyền rủa Piotr, tôi nguyền rủa tôi, tôi nguyền rủa đôi chân tôi ham nhảy, tôi nguyền rủa đôi chân tôi tàn phế,

tôi nguyền rủa luôn cả những đôi chân lành lặn mạnh khỏe. Ai sống ai chết ai làm gì bên cạnh tôi cũng không biết, tôi chỉ biết máu tôi đen ngòm vì oán hận, tôi chỉ hay hơi thở tôi đục ngầu vì ghét ganh. Tại sao lại là tôi? Tại sao lại là tôi? Tại sao lại là tôi?

...

Cho đến hôm tôi nhìn thấy một đứa bé đang tung tăng trên sân cỏ bị vấp té, bé khóc tức tưởi đau đớn nhưng chỉ trong giây lát đã đứng dậy tiếp tục chạy chơi. Như có gì dội thẳng vào đầu vào cảm xúc, kéo tôi ra khỏi hố hận thù. Lúc đó tôi hiểu mình đã làm lành với đôi chân, đã chấp nhận bản sắc mới, bản sắc của người ngồi xe lăn. Lúc đó tôi hiểu mình đang lật một trang đời mới, và cũng lúc đó tôi bước vào địa ngục.

Gã đàn ông bước vào, hai cánh mũi phì phò hơi rượu. Đôi mắt hấn long sòng sọc, cơ hàm giãn toạc ra để lún một rãnh sâu hai bên mép. Cặp môi mỏng mím chặt như nghiền bấy một ý nghĩ.

- Ê con què, tao không thích mày nhìn tao như vậy, giống như con chó hoang ngoài đường... Nhưng nghĩ lại, thì mày đúng là con chó què, con chó què có chủ, và chủ của mày là tao, mày nhớ chưa? Mày có nghe tao nói gì không, con chó què? Sao không trả lời? Hả?

- Dạ, em có nghe Piotr.

- Dạ Ông Piotr, mày phải gọi tao là Ông Piotr nghe chưa. Nào, tao mời mày nhảy với tao một bài. Lúc trước mày thích nhảy lắm mà, để xem bây giờ con chó què nhảy ra sao?

Hấn túm đôi chân khẳng khiu của người đàn bà và lắc lư theo nhịp hát ư ử trong miệng.

- Ha ha, đã quá, nhìn hai khúc đôi trắng hếu đang nhảy đây. Này này, lắc bên này một cái lắc bên kia một cái, đã quá đã quá trời ơi!

- Con chó què kia, tao không đánh mày đâu, không phải như ba mày tay thượng cẳng hạ nện mẹ mày đều đều. Tao chơi đẹp hơn nhiều, bảo đảm không đụng tới cọng lông sợi tóc mày. Đẹp lắm, đẹp lắm. Không dại gì để mày sưng mặt tím mày, tao còn phải chưng mày ra biểu diễn cho thiên hạ xem cảnh người chồng âu yếm đẩy xe cho vợ chứ! Nhưng tao báo trước là mày chỉ hở miệng hó hé với ai thì tao "quần" mẹ mày liền. Từ lúc ba mày đau rồi ngủm, chắc mẹ mày quên đòn là gì, mày có muốn tao tẩm quất cho bả nhớ lại không?

- Này chó què, khi chủ đi về thì con chó phải mừng rỡ đến liếm tay sủa gâu gâu chứ sao mày im lìm lặng thinh vậy?

Gã đàn ông xoè tay ra dí vào mặt vợ và nói:

- Liếm tay và sủa gâu gâu đi, mau lên. Không nghe lời hả?

- Piotr ơi em van Piotr, đừng như vậy.

- Cái gì? mày nói cái gì? Ông Piotr Ông Piotr nhớ chưa?

Đừng Piotr ơi, đừng hành hạ em như vậy. Em là vợ Piotr, em yêu Piotr, và Piotr cũng yêu ...

Và Piotr cũng yêu tôi mà. Lúc trước Piotr nâng niu từng vùng, tôn vinh từng nét trên người tôi, tại sao bây giờ Piotr lại đối xử với tôi như vậy? Piotr chê tôi tật nguyền nhưng đây là tai nạn chứ đâu phải tôi muốn.

Piotr ơi, đừng hành hạ em như vậy, đâu phải lỗi em....

Không, không bao giờ tôi nói cho ai cả, và nhất là cho Mẹ. Tôi giấu Mẹ vụ tai nạn và dặn Mẹ cứ ở quê đừng lên thăm, thỉnh thoảng tôi gọi điện thoại về tô vẽ để Mẹ tiếp tục trầm trồ cái hạnh phúc mà Thượng Đế đã ban cho tôi.

Em xin Piotr đừng đánh Mẹ, tội Mẹ lắm Piotr ơi, Mẹ đã khổ nhiều rồi.

Piotr cho em biết em đã làm gì để Piotr dày vò em như vậy, hay tại em chỉ yêu mà không hiểu Piotr nên làm Piotr khổ và giận em.

Phải rồi tình yêu chân thật chỉ có khi mình thấy được những gì người mình yêu cần hay không cần, nếu không thì chỉ là thứ tình yêu ích kỷ mù quáng. Piotr khổ nên trút lên tôi và tôi khổ vì cái khổ của Piotr. Thượng Đế ơi, xin cho tôi biết phải làm gì để Piotr bớt khổ.

- Mày là con chó què có chủ. Chỉ có chủ mới có quyền không nuôi chó chứ chó không có quyền đòi bỏ chủ. Mày vĩnh viễn là của tao, đừng hòng đòi ly dị. Vả lại tao còn cần mày, cần tiền trợ cấp của mày, cần cái "ấp" thuê rẻ mạt cho người tàn tật này. Ly dị mày thì tao ở đâu, dọn ra ngoài ngủ ở gầm cầu hả? bộ mày không hiểu sao? không bao giờ không bao giờ và không bao giờ, mày nghe chưa.

- Này chó què, tao có mua quà cho mày đây.

Hắn kéo từ trong bao ny lông một dây xích chó bằng da giả và tròng vô cổ người đàn bà.

- Chủ của mày thì có bổn phận mua xích cổ đeo cho mày. Đúng không. Xem nào, ha ha, đã quá đã quá, con chó què đeo xích ngồi xe lăn, ha ha...

Con chó-người nhìn chủ, ngơ ngác như chưa hiểu chuyện gì vừa xảy ra. Rồi lơ láo, rồi buồn bã cúi đầu xuống, mặt ướt sũng như tạt nước.

Piotr ơi, em đâu dám đòi hỏi chi, chỉ xin Piotr quên em, để yên em trong xó.

Chỉ nghe tiếng Piotr gọi thì tim se bóp, chỉ thấy Piotr quét mắt thì ruột thắt quặn. Rồi miệng đắng nghét vì chất nhờn trào lên trong cổ, tanh lợm đến nôn oẹ, rồi hai tay thẳng dơ cứng ngắt, rồi khối óc ù lì tê liệt, rồi cơn giá ùa tới ướp lạnh thành đá. Và chỉ thật lâu sau khi Piotr lăn kềnh xuống giường thì con não mới dám ngo ngoe cục cựa, và chỉ thật lâu sau khi tiếng ngáy rền đều thì cây đá mới bắt đầu chảy tan. Tôi mong Piotr say mèm, say túy lúy, say bí tỉ. Trời long đất lở cũng không hay, núi sập sông tràn cũng không biết. Tôi mong Piotr cứ uống, uống nhiều, uống mạnh, uống khỏe, whisky vodka calva thứ nào cũng được, uống riêng cũng được, uống pha cũng được, miễn là hết ly đầy đến ly cạn, miễn là Piotr quên hết mọi chuyện và miễn là Piotr quên tôi. Uống thêm đi uống tiếp đi uống nữa đi...

Piotr ơi, tại sao đến nông nỗi này? Tại sao? Tại sao? Em đâu có muốn như vậy. Phải làm thế nào để vợ chồng mình trở lại như xưa?

Hắn đẩy người đàn bà vô phòng chứa và nói:

- Mày biết không? Sống ở đời hơn thua nhau tóm gọn trong hai chữ: nghệ thuật. Nghệ thuật sống, nghệ thuật ăn, nghệ thuật mặc, nghệ thuật chơi... Hôm nay tao cho mày thưởng thức nghệ thuật chơi của tao. Ba mày mà còn sống chắc chắn phải đến bái tao làm sư phụ. Không vũ phu không thô lỗ chỉ một đường chơi đẹp là nhớ suốt đời. Thôi mày hãy ngồi trong này mà tư duy một đêm nhé.

Tiếng *nhé* vuốt dài ra đủ cho người đàn bà kịp thấy chiếc kệ đóng trên tường với lủ khủ những chai thuốc làm vệ sinh nhà, những lon hộp thức ăn. Cánh cửa đóng sầm, chìa khóa lạch cạch, tiếng tắt đèn, rồi màu đen và im lặng.

Tôi ngồi chết cứng trên xe lăn, tay bấu chặt vào thành ghế. Hơi thở nén lại, mắt trợn trừng như trông đợi rình rập một cái gì. Không gian im lặng như tờ. Im lặng không phải chỉ những tiếng động ngưng bặt mà im lặng từ trong tôi, từ mọi ngõ ngách tâm tư tuôn ra bao trùm khắp hết. Bên ngoài hình như cuộc sống cũng tắt ngúm, không phải chỉ ở nhà mà cả ngoài đường cả thế giới cả vũ trụ. Chỉ tôi duy nhất còn sống trong căn mộ này, bó rọ trong lớp vải lịm đen quánh màu hắc ín...

Tiếng khăn đắp chân tụt xuống kêu sột soạt như nạt nộ. Không biết mấy giờ rồi?

Màu đen nhả dần từng vệt nhợt trên tường. Nơi kệ các chai, lon, hộp mập mờ ẩn hiện. Và tiếng thở tiếng tim càng lúc càng vang rõ mồn một.

Thùm thụp hít vào thùm thụp thở ra, thật đều thật ăn khớp. Có lạ chưa? Bao nhiêu lần ngồi thừ từ sáng đến chiều mà không biết mình thở hít ra sao, đợi đến khi ngồi trong cái hộp chật hẹp này thì mới để ý đến. Hay bấy lâu nay tôi lao mình sống trước và chỉ bây giờ tôi mới biết dừng lại để nghe mình, để nhìn mình, và để thấy mình thờ ơ dửng dưng. Không buồn không giận không oán không sợ. Cứ xem đó như những trò chơi, cứ xem đó như những lần trả bài, rồi thì mọi sự cũng qua đi. Có phải tôi đã sơ cứng chai sượng hay tôi đã biến thành một xác chết tươi? Không nghĩ đến ngày xưa dẹp, không mơ đến tình yêu cũ, và cũng không bấu víu vào phần người tốt còn sót đọng nơi Piotr nữa. Lúc trước tôi chia đời sống ra hai ngăn, ngăn hiện thực-đau khổ, ngăn kỷ niệm-hạnh phúc. Bây giờ không ngăn hộc trong đời sống, không trói buộc với kỷ niệm, không dính líu đến hiện thực, bây giờ tôi thoát, bây giờ tôi tự do, bây giờ tôi thong dong...

Người đàn bà kéo mạnh chiếc khăn đắp chân bị vướng dưới bánh xe. Chéo khăn rách tươm một chỗ. Nàng lăn xe đến tìm rổ may nơi bàn phấn. Bây giờ, xe và tay trở thành những bạn khán khít cùng nàng xoay trở trong cuộc sống tuy không phẳng phiu nhưng cũng không đến nỗi xốc xếch luộm thuộm. Bây giờ tay nở nang rắn chắc cáng đáng việc thay thế chân càng lúc càng teo tóp nhũn nhão.

Chợt nhìn vô gương và sững sờ trước bóng mình xa lạ.

Là tôi đấy sao? Có phải là tôi không?

Mớ tóc khô gẫy dán sát vào khuôn mặt tai tái thiếu nắng càng khiến cho chiếc cằm thêm nhọn hoắc. Cặp mày biếng tỉa vắt ngang đôi mắt không hồn đang trĩu xuống túi da thâm quầng. Từ khóe miệng, tua tủa những đường nhăn li ti làm dậm thêm nét phờ phạc hốc hác trên mặt.

Có thật là tôi không?

Nàng mân mê hộp phấn Gemey và quay nắp mở ra. Phớt một lượt mỏng trên mặt khiến khuôn mặt thoắt chốc sáng ngời ánh sứ. Không vẽ mắt mà chỉ viền bằng rèm mi chải mascara dày để vũng tối nơi mắt thêm sâu thẳm. Phẩy nhẹ một tam giác phấn hồng làm khoảng tối đọng trên gò má dịu dàng ra. Cuối cùng, thoa sương một lớp son đỏ trên môi cho ánh sáng càng đằm thắm.

Nàng với tay lấy cây kéo cắt những sợi chỉ te tua nơi chỗ rách. Gật gù như hài lòng về bức tranh chỉ vỏn vẹn có ánh sáng và bóng tối tương phản thật hài hòa.

Gã đàn ông xiêu vẹo bước vào phòng ngủ, hơi calva tươm nồng nặc. Hắn trố mắt ngạc nhiên.

- Sao hôm nay mày đẹp vậy, con chó què? Hay mày động cỡn. Được

lắm, tao cũng đang hứng đây. Đúng là đồng tình cộng hưởng, còn gì hơn nữa.

Hấn quay chiếc xe lăn lại...

-Ê ê làm cái gì mà như máy vậy? muốn xong sớm cho rảnh nợ hả? Mày ghét tao lắm phải không? mày thù tao lắm phải không? Ngước lên nhìn tao đây này, tao muốn thấy đôi mắt mày nhìn tao.

Hấn chộp đầu nàng giựt ngửa ra, bứt theo vài cọng tóc trong tay. Như khoái trá với trò chơi mới, hấn ấn đầu nàng sâu thêm và ghịt tóc ra thật mạnh, miệng không ngớt rên rỉ:

-Này ghét, này thù.

Mỗi tiếng này là giọt nhục rơm rớm, mỗi tiếng này là giọt đau rưng rưng, mỗi tiếng này dâng cơn lũ trong hấn.

Đừng khóc, đó chỉ là một trò chơi. Đừng tủi, đó chỉ là một lần trả bài. Rồi thì mọi sự sẽ qua...

Nhưng con sói không giết vội con thỏ. Nó vờn, nó giỡn, nó cười. Giơ vuốt cào một đường, nhe nanh ngoạm một mảng, nhìn cho đã con mồi kinh hãi, ngấm cho thỏa con mồi khiếp sợ. Nó vờn, nó giỡn, nó cười.

Này..., này..., con thỏ run rẩy, này..., này... con sói tới tấp. Này..., này..., con thỏ co rúm, này..., này... con sói hùng hục. Đôi mắt thỏ cầu khẩn đôi mắt sói lạnh tanh, đôi mắt thỏ van xin đôi mắt sói tàn nhẫn. Bây giờ nhúm tóc dày trong tay, bây giờ cơn lũ dâng cuồn cuộn, bây giờ mắt thỏ rực một đốm sáng chỉ làn gió thoảng qua thì bùng cháy. Này..., này..., con sói lồng lộn con thỏ lùi dần. Này..., này..., con sói điên cuồng con thỏ lùi dần. Lùi dần lùi dần lùi sát vực thẳm. Con thỏ tuyệt vọng, lẫn lú. Không còn thấy gì, không còn biết gì, không còn nhớ gì, chỉ thấy đôi mắt giờ là biển lửa, chỉ biết đôi tay giờ rắn chắc như chiếc kìm, chỉ nhớ đôi tay giờ khỏe mạnh như cây búa.

Này..., này..., cơn lũ ồ ạt, chiếc kìm siết cứng. Này..., này..., cơn lũ xối xả, cây búa nện chặt.

Này..., này..., này..., cơn lũ vỡ tóe cùng lúc đôi tay hươ lia lịa nhiều nhát kéo trong lưng. Cây thịt đổ ngửa ra sau, ghim lút chiếc kéo may, dòng máu ứa ra loang sẫm tấm thảm trải sàn.

Cô y tá đặt khay cơm lên bàn và kêu:

-Trời ơi sao tối thui vậy? Tội quá, lại ngồi trong bóng tối nói chuyện một mình nữa rồi.

Cô đẩy chiếc xe lăn đến cạnh bàn, xếp thẳng thớm tấm khăn đắp chân cho người đàn bà và chặc lưỡi khẽ trách:

Bệnh Rình Sắc Hương

LUÂN HOÁN

lỡ tay trồng ngọn thơ tình
một đời đành phải rập rình sắc hương

rình sợi mưa gọi sau vườn
rình dòng nắng rủ lên đường cỏ hoa
rình lọn mây níu nóc nhà
rình gió vô lễ vén tà áo ai
rình vu vơ tiếng thở dài
rình nghiêm chỉnh thói hình hài em phơi
rình mặt đất, rình chân trời
rình con chim hót khơi khơi bình thường
rình con chó ngửi mùi hương
rình tôi vọc nước tắm truồng thong dong...

câu thơ đâu đó phải lòng
hiện nguyên hình với ngàn năm tỏ tình
bỏ tôi vĩnh viễn làm thinh
bỏ tôi vĩnh viễn ẩn mình bên trong

dẫu em thương, nhập chung dòng
bệnh rình hương sắc vẫn lòng vòng theo tôi

L.H
23.01.2001

-Tôi với bà ở dưỡng trí viện này cũng gần mười năm rồi, kể như quen biết đã lâu, sao bà không nói với tôi một câu nào mà cứ lẩm nhẩm một mình hoài vậy?❐

Sceaux 31-01-01

Một lần thăm bạn

Trúc Chi

Thủa trời đất nổi cơn gió bụi...
Chinh Phụ Ngâm

Còn chừng hai tiếng nữa tôi mới phải đến nơi hẹn gặp anh Khải. "Lẽ ra thì chú đến nhà anh cũng được. Nhưng mà chú cứ đến thẳng cái tiệm ấy đi. Tiện cho anh mà cũng tiện cho chú nữa."

Qua điện thoại, tôi nghe giọng anh yếu và già. Tôi nghĩ đến cái *appartement* nhỏ của anh ở tầng thứ năm trong một công trình kiến trúc cổ bên một con phố cũng cổ của Paris. Cái *appartement* có hai phòng ngủ ấy ngày trước vẫn gọn gàng, ngăn nắp. Nhưng mà cách đây sáu bảy năm, lúc đến thăm anh Khải, tôi thấy nó hụt đi một ít sinh khí. Tôi đã để ý đến cái hồ cá khô rang nứt rạn mà anh vứt ngoài bao lơn nhỏ, nhìn xuống đường. Cái hồ cá ấy, ngày trước vẫn có ba con cá đuôi cờ mập mạp, kê cạnh cái ghế mà anh Khải vẫn thường ngồi đọc sách báo. Lần ấy, tôi thấy mấy cái dĩa gạt tàn thuốc lạc lõng ở góc tường, trên bàn ăn, bên ngưỡng cửa sổ cũng không còn được trong bóng như trước. Có chút gì đó như một thoáng điêu tàn đang len vào đời sống của người đàn ông cô độc này. Hồi ấy, đã như vậy rồi, bây giờ cái *appartement* ấy hẳn bề bộn hơn, lạnh lẽo hơn. Có lẽ vì vậy mà anh không muốn tôi đến đấy.

Tôi gác ống nói vào cái móc ở chỗ điện thoại công cọng này rồi lững thửng đạo phố. Từ đây đến chỗ hẹn gặp anh Khải là một quãng đường dài đến sáu bảy trạm *métro*, quãng đường mà ngày trước anh Khải và tôi đã cùng tản bộ với nhau nhiều lần để nói với nhau rất nhiều về những điều tôi dự định thực hiện trong đời mà cho đến nay vẫn chưa làm được, về kinh nghiệm của anh, về đất nước, về thời cuộc. Và lần này, còn nhiều thì giờ, tôi thả bộ một mình trên quãng đường quen thuộc này, cố nhớ lại

những chi tiết của một chuyện buồn mà tôi sắp sửa phải kể cho anh. Tôi biết anh Khải lắm. Không chú ý thì thôi, chứ đã hỏi về một điều gì thì anh nhất định phải vén mở đào bới cho hết ngọn ngành.

Một cơn gió lạnh buốt rung mạnh những bông tuyết giả kết bằng những ống điện giăng ngang đường phố tấp nập người sắm sửa ăn Giáng Sinh. Bản dự báo thời tiết trong tờ Le Monde sáng nay nói nhiệt độ sẽ xuống thấp hẳn vào đêm mai, đêm Noel, nhưng mà không có tuyết. Như vậy là Paris năm nay lại không có được một mùa Giáng Sinh Trắng như điều mong muốn và chờ đợi của nhiều người. Cơn gió buốt cũng gửi vào khứu giác tôi cái mùi đặc biệt ấy của *métro*, của tàu hầm Paris, thoát ra từ miệng lỗ thông hơi bên vỉa hè này. Cái mùi ấy, hẳn phải pha trộn lẫn hơi thở nhọc nhằn của hàng triệu con người ngày ngày lên xuống những chuyến tàu kia mà đến sở mà về nhà. Mà rảo bước đến một buổi hẹn hò đầy hứa hẹn chăng? Mà chậm rãi âm thầm ra về với một thoáng sầu hận, buồn rầu của một lần yêu thương không trọn vẹn chăng? Những bộ mặt mệt nhọc, đôi khi chán chường, trong những chuyến tàu khuya, tàu chiều. Trăm nghìn suy tư trong tâm trạng của hàng triệu hành khách ấy hẳn lâu lâu lại bị tiếng còi khởi hành ngắn ngủi làm cho đứt quãng mỗi lần tàu rời một trạm nào đó. Những ý tưởng dật dờ. Những mưu toan vụt thoáng. Ít khi nghe được một tiếng cười. Đa số thản nhiên hoặc cố làm ra vẻ thản nhiên. Một đôi nét buồn...Cả một cái lò cừ nho nhỏ trong cái toa tàu hầm này đang nung nấu bao nhiêu là khổ lụy của nhân sinh.

Tôi vừa thắt lại cái khăn quàng để chặn một chút gió lạnh đã tò mò ghé thăm cái cổ của tôi vốn đang cần được giữ cho ấm sau mấy hôm bị cảm nhẹ vừa suy nghĩ mãi về cái mùi *métro* này. Cố miêu tả chút *hương* chút *mùi* nào đó để dành cho nó một định nghĩa rõ rệt quả là khó. Hình như xưa nay tôi vẫn bí. Đã vậy, cái mùi *métro* Paris này kể như là có một không hai, không dùng một thứ gì khác mà so sánh được.

Thường, *hương* thuộc về ngôn từ của chữ nghĩa, còn *mùi* là lối nói... hằng ngày. *Hương* luôn thơm và đẹp. *Mùi* có lúc quyến rũ, lúc khiến ta lờm lợm. *Sắc nước hương trời* dành là những thứ đầy cám dỗ, có bậc thánh mới không muốn gần! Nhưng mà mùi đời thì có thứ cũng nên tránh, nếu tránh được, không thì tâm hồn dễ sớm cằn cỗi, thể xác dễ rạc rài. Ấy là chưa kể đến những thứ xú uế mà không ai gọi là *hương* cả.

Khi nhắc đến *mùi*, thường phải so sánh với nhiều mùi quen thuộc khác - hoa lài, hoa hồng, rơm khô, meo mốc - nếu muốn người nghe người đọc dễ cảm nhận. Và tôi chợt nghĩ rằng nỗi nhớ cũng khó nói cho hết, cho rõ. Sở dĩ tôi nghĩ vậy là vì tôi đang cố nhớ xem có một thứ mùi nào khác nó tương tự như những luồng khí nóng tỏa ra từ những con

đường hầm chàng chịt này không. Rồi câu Kiều bất hủ *Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình* nó lọt vào đầu tôi lúc nào không biết.

Và tôi đã lấy làm kinh ngạc - cũng như tôi đã từng kinh ngạc mỗi khi ngẫm nghĩ về một câu hoặc một đoạn Kiều - khi sực thấy rằng *mùi* và *nhớ*, vốn là hai chữ mà tự thân, chúng không hẳn đã gợi cảm, vậy mà bậc thiên tài vùng Nghệ Tĩnh đã ghép thành *mùi nhớ* mà tạo ra trong lòng người nghe người đọc một chút gì đó thật man mác, thật xao xuyến, thật buồn...*Hương gây mùi nhớ*...Đẹp ơi là đẹp. Gợi cảm chi xiết kể!

Chần chừ mãi rồi cũng không tránh được bài toán nhức óc: tả mùi *métro* Paris. Thôi thì cứ thử xem như thế nào.

Mùa hè nó hăng hắc, hâm hấp, khó chịu, ngột ngạt nếu phải hít thở nó quá nhiều, quá lâu. Mùa đông, cũng cái mùi đó, nhưng dịu hơn. Mùa nóng cũng như mùa lạnh, nó chứa nhiều thán khí hơn là dưỡng khí nên cũng ít ai ưa gần nó. Trừ những kẻ không nhà, những anh *clochards*, bất đắc dĩ mà nằm co trên những tấm lưới kim loại ở miệng lỗ thông hơi mong kiếm chút hơi ấm. Một đôi lần, trên đường lang thang của chính mình, tôi đã dừng lại mà nhìn những người lang thang nghèo khổ này, tôi đã thấy những kẻ bất cần đời kia, quần áo bẩn thỉu lôi thôi lếch thếch, râu ria lởm chởm cả tuần không cạo, trong tay còn nắm một chai rượu vang, đang đánh một giấc thật là ngon và yên lành trên vỉa hè, bên vệ đường.Giấc ngủ của người Trung Hoa ở dời Nghiêu Thuấn có lẽ cũng vậy.

Tôi có anh bạn người Pháp, gia đình vốn là dân Paris đã nhiều thế hệ. Có lần, tâm sự với tôi về một loại tình yêu đặc biệt mà anh dành cho thủ đô nước Pháp (không có dính dấp gì đến lòng ái quốc) đã kể rằng mỗi khi đi xa, về đến một ga xe lửa nào đó rồi chui xuống tàu hầm, ngửi được mùi *métro* là có ngay cái cảm giác an toàn, êm ấm là mình đang ở nhà, về nhà. (Anh dùng hai chữ *chez soi*) .

"Nhiều khi, xa Paris, tôi nhớ nó lạ lùng."

Nghe anh bạn người Pháp thốt ra câu ấy, tôi đã nghĩ thầm rằng những người may mắn có được một chốn êm ấm dưới vòm trời này để mà ...về với nó như về nhà, hẳn đã nắm được một phần nào cái bấp bênh, cái chập chờn của hạnh phúc rồi đấy.Và cũng khắc khoải thay cho những người có được một chốn như vậy nhưng mà lối về lại nghẽn.

Mùi *métro* không rời hương đậm đà của tách cà phê sữa vào lúc tinh sương trong một quán bên đường, nó phảng phất trong chất men của một ly cognac về khuya, nó quyện lấy cái bồng bềnh của một mái tóc, nó được ướp vào ổ bánh mì *baguette* trên tay người nội trợ đang rảo bước về chăm chút cho bữa cơm tối trong gia đình, nó vướng vào làn khói thuốc lá Gauloise hoặc Gitane và tôi ngờ rằng nó cũng đã lẻn vào mùi hôi trong

bát phở chín nạm hoặc tái gầu ở Quận XIII. Khứu giác người dân Paris đã thấm, đã được nuôi dưỡng bằng cái mùi ấy từ thủa sơ sinh. Paris đã tẩm vào người họ cái mùi khó chịu này. Cho nên, dù không thích mà vắng nó thì người dân Paris thấy thiếu. Họ nhớ nó là phải. Nỗi nhớ vọng về *cái mùi nồng mặn ấy* mà Tế Hanh dành cho quê hương sống bằng nghề chài lưới của ông, tôi nghĩ cũng bằng bạc, cũng xốn xang không kém.

Cơn mưa chiều nãy giờ mới lất phất đã theo cơn gió lạnh mà nặng hột. Tôi ghé vào nấp mưa bên ngoài một cửa hiệu bán hoa sang trọng. Giữa tháng cuối năm những đóa *tulipe*, những nụ hồng cuống dài đến sáu bảy tấc hẳn phải hiếm và do đó, đắt. À, lại còn những đóa huệ tây nõn nà này nữa... tôi nghĩ đến những cánh hoa huệ tinh khiết trắng đến lạnh cả người bên một chiếc quan tài phủ khăn đen... Không biết lát nữa, khi ngồi nhìn anh Khải chầm chậm hớp từng hớp nhỏ của một ly bia Alsace mà anh vẫn thích uống vào lúc chiều xuống, tôi sẽ nói gì với anh, một ông tám mươi, về cái chết của chị Sương, em ruột của anh, chút máu mủ gần nhất và cũng là chút ruột thịt cuối cùng của anh. Năm ngoái, sau khi chị Sương qua đời, tôi đã viết hai bức thư dài cho anh, kể rõ những giờ phút cuối cùng của chị trong bệnh viện Saint Vincent de Paul ở bên đường Alvarado, Los Angeles. Nhưng mà tôi không viết về đôi mắt sâu hoắm trên khuôn mặt chỉ còn da bọc xương, tôi không nói về những hơi thở leo lắt, về cái thân hình mà bệnh tật kéo dài đã có đủ thì giờ để tàn phá. Tôi nhìn chị nằm ngửa, người như dán sát xuống mặt giường, lớp chăn mỏng trên người không giấu được đôi chân dài khẳng khiu lâu lâu lại khẽ cử động, có lẽ vì khó chịu, vì đau. Tôi không phải là y sĩ. Tôi không biết được bệnh nhân đau ở chỗ nào. Tôi chỉ biết chị đang hấp hối. Giây phút quả tim ngừng đập thì ai cũng giống nhau nhưng mà những phút giây trước đó thì mỗi người lại một khác. Chị mở đôi mắt đã lạc thần hướng lên trần phòng bệnh. Có thể chị nhận được tôi khi đôi mắt dục ấy đảo nhẹ mà nhìn quanh. Chị lẩm bẩm. Tôi ghé tai sát mặt chị. Chỉ nghe được ba tiếng:"nói... anh... Khải..."

Trong hai bức thư viết cho anh Khải, tôi không nhắc đến câu nói cuối cùng của chị Sương vì tôi nghĩ thế nào rồi tôi cũng gặp lại anh và lúc ấy tôi sẽ kể bằng miệng, đầy đủ hơn, rõ ràng hơn. Mà cũng vì tôi biết giữa hai anh em ấy có một mối hiềm khích, một mối hận, nên câu nói cuối cùng của chị Sương có thể là có nhiều nghĩa đối với anh Khải nhưng lại vô nghĩa đối với tôi. Lát nữa thử tò mò mà hỏi xem anh có giúp cho tôi hiểu thêm được chút nào không.

Anh Khải thuộc lớp thanh niên có học đã hy sinh rất nhiều cho những ngày đầu của cuộc chiến chống Pháp. Hồi anh 25 tuổi, anh đã chỉ huy một

trung đội Giải Phóng quân được thành lập khoảng cuối năm 1945. Gia đình anh ở Thanh Hóa, bị liệt vào thành phần địa chủ trong một cuộc đổi thay để đi về thời đại Đồ Đá Mới, mà người ta gọi là Cải Cách Ruộng Đất. Cha mẹ và vợ anh bị đấu tố đến chết, đứa con trai sáu bảy tuổi của anh sau đó cũng mất tích luôn. Tài sản dĩ nhiên là đã được "trả lại cho nhân dân". Sau hiệp định Genève năm 1954, anh trốn được vào Nam, xin được một chân việc trong một công ty hàng hải của Pháp, đần dà kiếm cách sống luôn bên Pháp cho đến bây giờ.

Những thoáng nghĩ trên đây về đời anh Khải khiến tôi nghĩ đến những hàng ngắn ngủi, tóm tắt thân thế và sự nghiệp của nhiều danh nhân trong một quyển tự điển. *Sinh năm... mất năm... đã từng làm đến...có để lại* ... Còn cái phần kia? Cái đau khổ chua chát của con người? Cái nhọc nhằn, lắm lúc nhục nhã của đời sống? Cái yêu đương tha thiết của những trái tim hăng say ấy? Biết bao thứ khác nữa mà tổng số là cái "sống trọn vẹn" của từng nhân vật trong một quyển Từ Điển Danh Nhân thường lại không thấy nhắc đến.

Cơn mưa đã tạnh hẳn. Trời càng về chiều càng lạnh. Tôi chậm bước ở dãy sạp bán sách cũ - *bouquinistes* - dọc bờ sông Seine mùa này và giờ này đã đóng kín. Chỉ còn những thùng gỗ khóa kỹ, nên ngoài có những lớp sơn màu đen, màu lục đậm, có chỗ đã tróc gần hết. Bao nhiêu là tư tưởng Âu Tây, là thời sự, là lịch sử... chữ nghĩa còn biết khôn mà đi trốn lạnh. Chỉ có cái anh chàng Việt Nam vô công rồi nghề này là cứ lì lợm lang thang mãi mà... chịu rét với giòng sông Seine dục ngầu, nhấp nhô những lớp sóng bạc vào mùa lũ lụt dưới một bầu trời xám xịt. Lạnh. Tôi rảo bước qua cầu đi về phía Châtelet, rồi rẽ vào một quán *brasserie* ở Quai de la Mégisserie, gần kịch nhạc viện Sarah Bernhart, tìm một chút men rượu cho nó ấm người.

Đặt cái túi ni-lông lên bàn, cái túi có đựng mấy bao trà *tilleul*, một loại trà an thần, mà tôi đã mua hộ một người bạn ở bên Mỹ, trong khi ngồi chờ ly rượu chiều, ly rượu đầu tiên trong ngày, tôi đã cười tôi rất nhiều. Tôi đã nghĩ rằng nếu tất cả cái nhân loại hơn sáu tỷ người hiện nay trên thế giới có một người nào đó mà tâm thần cần phải được trấn an vào phút này thì người đó chính là tôi.

Là vì tôi đang nheo mắt mà dõi theo màu tím hoa cà trên bảng ghi số chiếc xe buýt 81 chạy đến Châtelet để...để mà nghĩ tới những đồi sim đại chín muồi trong rừng già Thượng Lào, (những đồi sim lúc ấy đã khiến tôi nghĩ ngay đến câu chuyện thật cảm động trong bài thơ danh tiếng nọ của Hữu Loan) Những đồi sim hoang dại ấy, dẹp thì quả là đẹp, nhưng có lẽ cũng như mọi thứ trong cuộc đời này, nó có cái mặt trái của nó, nó đầy

rẫy những ổ kiến lửa to hơn cả kiến thang lang mà hung dữ vô cùng, cúi xuống ngắt một chùm sim chín mà không nhanh tay là đã có đến mươi mười chú đột nhập vào ống tay áo rồi. Lần ấy, vừa nhai mấy quả sim vừa hoảng hồn vì cuộc tấn công khốc liệt của lũ kiến lửa tôi vội vàng kết luận rằng đời này có những thứ đẹp và ngon nữa, nên...để nguyên, đừng có dụng tới! Là vì tôi đã dừng trước cổng vào nơi hoàng hậu Marie-Antoinette bị giam giữ trước khi bị đem đi hành quyết sau cuộc Cách Mạng 1789, rồi sực nghĩ đến lời tuyên bố của cựu hoàng Bảo Đại trên lầu Ngũ Phụng, cửa Ngọ Môn vào khoảng năm 1948...*Đồng bào thân mến, ở nơi này, bốn năm về trước, vì tôn trọng chủ quyền của dân tộc, tôi đã rời bỏ ế vị...* Rồi thì "tiện thể", nghĩ luôn đến những lớp sóng phế hưng khác trong lịch sử nước nhà, Trung Quốc và Pháp, rồi sực nhớ tới xuống giòng nước sông Seine đang cuồn cuộn ngoài kia, tôi đã thấy thấm thía đến tận gan ruột cái phong vị của bài cổ phong mở đầu quyển Tam Quốc Chí ....*lãng ba đào tận anh hùng ...thanh sơn y cựu tại... kỷ độ tịch dương hồng*...Cảm khái ơi là cảm khái... sóng cuốn trôi bao nhiêu là anh hùng hào kiệt. Còn gì không? Hay chỉ là dãy núi xanh kia vẫn trơ trơ đó mà ngấm bóng chiều tà mấy độ!

Ấy, nội cái việc để cho ý nghĩ chạy loạn xà ngầu là cũng đủ cho tôi nghĩ rằng những gói trà *tilleul* kia, đáng lẽ thì tôi phải uống trước để cho cái "thần" của mình được "an", thay vì cẩn thận cầm từ Paris về đến California để đưa cho bạn. Bệnh của mình, sờ sờ ra đấy, không lo trước lại cứ đi chẩn và chữa cho người khác!

Nhưng mà sắp sửa đến giờ hẹn với anh Khải rồi. Tôi trả tiền, bước ra cái lạnh của mùa. Người có ấm nhờ chút men rượu, nhưng tôi chợt cảm thấy buồn. Tôi vừa nghĩ đến một mẩu chuyện giữa anh Khải và tôi cách đây lâu lắm rồi. Trong khi anh lui cui pha trà trong bếp, tôi đứng ngắm ảnh của người vợ anh Khải, đã bỏ mình trong cuộc thí nghiệm đầy máu và nước mắt mà tôi mới nhắc đến trên đây. Tấm ảnh bán thân treo trên tường chỗ bàn làm việc của anh. Nước thuốc đã hơi phai, có chỗ nhuốm chút hoen ố. Mớ tóc dày cắt ngắn. Khuôn mặt thon dài. Miệng cười thật tươi. Hàm răng đều. Trạc ngoài hai mươi. Đẹp thì chắc phải nhìn người thật mới thấy hết được vẻ đẹp, nhưng mà quả là xinh. Tôi đỡ hộ anh cái khay trà mà anh bưng từ trong bếp ra, đặt lên bàn, rồi nghĩ rằng chỗ thân tình, tôi nói:

"Anh phải chụp lại bức ảnh của chị không nó mờ hết."

Trên khuôn mặt thường đăm chiêu ấy có thoáng một nét cười:

"Cám ơn chú lo xa cho anh. Tấm ảnh đó cũng được chụp lại đấy. Cái *négative* (âm bản) anh cất kỹ lắm. Thật ra, cái hình ảnh sống động nó vẫn

còn ở đây này." Vừa nói anh vừa cong cong ngón tay trỏ, chỉ vào trán anh.

Cầm chén trà trong tay tôi vừa hỏi mà vừa sợ làm anh buồn:

"Lần cuối cùng anh... được về thăm chị là năm nào?"

"Tháng khoảng 50-51. Lúc ấy anh đang ở Liên Khu IV, Bình Trị Thiên, quê hương của chú đấy, trên đường đi Việt Bắc." Trầm ngâm một hồi, anh nói tiếp:

"Cái hồi chuẩn bị đình tê, anh có đi ngang quê nhà ở Nông Cống. Cũng không biết mộ của thầy mẹ anh và của chị ở đâu mà thăm nữa. Chị Sương biết, nhưng lúc ấy chị cũng ở xa... bây giờ ... anh không nghĩ đến chuyện về Việt Nam nữa. Mà có về... chắc cũng... xương trắng cả rồi. Kìa, uống trà đi, không nguội hết."

Tôi rẽ vào một con đường nhỏ, một lối tắt để đến chỗ hẹn cho nhanh hơn, gọn hơn. Con đường vắng. Không có một chiếc xe hơi nào chạy ngang vào giờ này. Giữa Paris, có được cái vắng lặng này vào dịp lễ Giáng Sinh kể cũng hiếm. Nghe được cả tiếng gót của một người đàn bà đang rảo bước ở lề bên kia. Tiếng giày đục, ẩm lạnh. Đèn đường không lù mù, nhưng cũng không sáng. Cái thứ ánh sáng này trong không khí lạnh dễ làm tôi nghĩ đến những điều ... không được tươi lắm....Tôi nghĩ đến anh Khải, đến người vợ của anh mà tôi không biết tên và cũng không bao giờ có lý do chính đáng, có cơ hội thuận tiện để mà hỏi, tôi nghĩ đến những kẻ đang còn sống và đã chết mà người đời, với cái thờ ơ, cái dửng dưng và cái bất lực của người ngoài cuộc, vẫn gọi chung là "nạn nhân của lịch sử."

Đôi khi, tôi thấy chính tôi cũng tự dối lòng mình mà nghĩ như vậy cho đỡ thương cảm trước những hoàn cảnh quá bi đát. Nhưng mà nghĩ cho cùng, lịch sử không ác, không thiện, không xấu, không tốt, chỉ có con người ... phải rồi, chỉ có con người với lòng ham danh, ham lợi mới là đầu mối của những hành động tạo ra nạn nhân cho đồng loại. Tôi nghĩ không làm gì có nạn nhân của lịch sử mà chỉ có nạn nhân của cái xấu, cái ác của con người.

Mà có lẽ cũng không nên để cái ý nghĩ khá đen tối ấy nó đọng lại quá lâu trong đầu mình. Nếu không tin được rằng con người là tốt thì cũng nên tin rằng con người cũng còn có một đôi thứ khả năng, có những cái tài không ăn nhập chi đến luân lý đạo đức của một tôn giáo nào. Chẳng hạn như tài nấu nướng của những người đầu bếp trong cái tiệm ăn nằm ngay ở chỗ ngả ba sáng sủa đằng kia - cuối con đường tôi đang đi - nơi anh Khải hẹn ăn cơm tối với tôi, nơi mà anh nói có cái món *canard au sang* "ngon tuyệt trần đời". Bụng đang buồn và đói, nghĩ đến một bữa cơm chắc chắn là vừa miệng, tôi thấy đời lên hương. Tôi rảo bước tiến về

cái khoái khẩu! Vui!

Đảo mắt nhìn quanh không thấy anh Khải đâu cả, tôi ngồi tạm ở một chiếc bàn con phía gần lề đường gọi một ly khai vị. Chẳng biết làm gì, tôi đánh điếm châm tẩu thuốc và tự nhiên trong lòng nẩy ra một loại cảm tình đặc biệt với giòng giống Gaulois. Ở Paris tôi có thể phô bày một cái tật xấu của tôi mà không ai phạt tôi một xu nhỏ nào cả: lúc ăn uống, tôi có thể ngừng nĩa ngừng dao mà đường hoàng đốt cái tẩu thuốc của tôi, không mất khí thế của một kẻ nghiện ngập! Ở California, lại cứ phải chạy ra ngoài vừa hút vừa nhìn trời nhìn đất như một khách thơ vơ vẩn kiếm vần trong mây trong gió!

Vừa hút thuốc tôi vừa để mắt nhìn... đời xung quanh tôi. Và "đời" lúc này phút này có một người đàn bà - dĩ nhiên, không có đàn bà thì làm gì có cuộc đời - ngồi cách tôi hai bàn. Người đàn bà có mái tóc hung này của dân Ái Nhĩ Lan, đã đứng tuổi mà lại có một lối ăn mặc gồm những quần bó áo chẽn cốt làm cho nổi bật vốn liếng trời cho trên cái thân thể còn khá gọn gàng ấy, sau mấy giây tự ngắm qua tấm gương lớn trên cột cạnh chỗ ngồi đã đưa tay vuốt nhẹ mớ tóc, rồi thì thuận tay hất mạnh một sợi óng ánh đính ở tay áo. Cái hất tay của người đàn bà có một lối ăn mặc dễ gây phong ba này quả là tàn nhẫn!

Cũng sợi tóc ấy, khi nó còn dính vào cơ thể mình, dù là chỉ có mấy ly dưới da, khi nó còn là một phần của mái tóc, khi nó còn là một phần của *cái vóc con người*, thì bao nhiêu là săn sóc, là ân cần thăm hỏi chăm nom mỗi sáng, mỗi ngày, gội, uốn, sấy, chải, vuốt ve, đẩy nó rất nhẹ nhàng, mà kéo nó lên cũng mơn trớn không kém. Vậy mà, khi nó không còn thuộc về mình nữa, khi nó đã lìa gốc, thì ôi thôi, người ta hất nó phủi nó với cái thẳng tay của một ông chánh án nghiêm minh trừng phạt một trọng tội. Tôi lấy làm tội nghiệp cho những tế bào vô tội của sợi tóc ấy.

Đó là tôi cố lên cái giọng nhân từ cốt để "gỡ tội" cho chính mình nhưng quả tình, tôi cũng đã từng hất, từng phủi những sợi tóc của chính tôi một cách quyết liệt không kém, chẳng hạn như khi bắt gặp nó trên vai, trên tay áo vào lúc tôi cầm một ly rượu mà trịnh trọng trò chuyện "thân mật" với những người mới quen trong một buổi tiếp tân, một bữa tiệc cưới. Ở những chốn có *quan trên ngó xuống người ta trông vào* ấy, tôi vẫn bắt gặp nhiều cái nhìn xoi mói khi thì kín đáo khi thì lộ liễu, tò mò một cách lịch sự hoặc xấc xược. Trong một hoàn cảnh như vậy, một sợi tóc cỏn con cũng có thể là đề tài cho một câu chuyện ngồi lê động chạm đến "thể giá" của tôi, nếu quả là tôi có được một chút thể giá nào đó. Mệt lắm! Nói cho ngay, tôi chưa bao giờ làm quan cả. Dù là quan Cộng Hòa, quan Cộng Sản hay quan Cách Mạng. Thành thử cũng chưa từng có ai mà tôi

phải xem là *quan trên* của tôi. Hệ luận của điều này là: không có một ai mà tôi lại có thể, có quyền xem là "quan dưới" của tôi. Kể cũng khỏe cái thân và nhẹ cái đầu!

Trót trích câu Kiều rồi tôi phải lật dật thanh minh như vậy chứ thực ra tôi vẫn đang muốn nói về sợi tóc. Ngược lại với lời khuyên răn của nhiều bậc minh triết dặn mình không nên quá xem trọng cái tấm thân này bởi vì những gì kết cấu lại mà thành ra nó thì còn tùy ở triết thuyết siêu hình của mỗi tín ngưỡng, nhưng mà có một điều chắc chắn và ai cũng biết thừa là sẽ có một lúc mà hàng triệu tế bào bên trong cái túi da này sẽ ngưng hoạt động để mà tạm chia tay nhau trên địa cầu này, để mà hẹn nhau ở lối về...thiên cổ, ngược lại với lời dạy của các bậc minh triết, tôi quí cái hình hài của tôi lắm, tôi xem trọng nó lắm, nhất là những lúc đứng trước gương chải đầu chải tóc cho nó dúng với cái tư thế quen thuộc đã hằng mấy mươi năm, lệch một chút xíu là phải sửa lại, những lúc ấy, tôi cũng ... như ai, nghĩa là tôi cũng mạnh dạn phủi một sợi tóc với cái hất tay phũ phàng của người đàn bà quả là không khiêm tốn chút nào với của cải mà hai đấng sinh thành của "nàng" đã chuồi cho tấm hình hài khêu gợi ấy. Té ra mình cũng "ngu" như những người mà mình đã trót cho là "ngu"!

*

Và bây giờ, vào lúc mà những sợi nưa đông lành lạnh đang nhè nhẹ đổ xuống cái im lìm của khu phố tôi ở vào một buổi sáng Chủ nhật, ngồi bên bàn viết, trước mặt có đầy đủ các thứ vốn giúp tạo cho tôi một cảm giác an toàn... chén trà nóng, thẩu mứt gừng cho đỡ khô cổ những lúc hút quá hăng, mấy cái tẩu, hộp diêm, cái bật bửa, tờ lịch trong tháng không có gì quá giục giã, ngồi giữa cái an toàn ấy, đọc lại những hàng trên đây mà tôi đã ghi vội và viết lại trên chuyến xe lửa băng qua những cánh đồng quạnh hiu, những cánh rừng phủ tuyết từ Cologne qua Genève vào tháng trước, đương không mà tôi thấy bùi ngùi, thấy ái ngại cho anh Khải, vốn là một người bạn vong niên- anh hơn tôi đến mười mấy tuổi - mà cũng là bạn già. Già theo nghĩa quen biết nhau đã lâu và già hiểu theo nghĩa đen nữa. Mà anh Khải già thật.

Mới có mấy năm không gặp lại mà lúc anh bước vào tiệm cơm ấy, cũng phải mất đến mấy giây tôi mới nhận ra anh. Trời Đông, anh mặc đủ áo len, khăn quàng len, áo tơi dày, mũ dạ, găng da, trong tay lại còn cái gậy nữa. Lúc anh tháo găng, cất mũ, cởi áo tơi mà ngồi đối diện tôi, tôi để ý thấy lưng anh đã không còn được thẳng, tóc bạc và thưa thớt lắm, còn đôi mắt cũng đã có cái ươn ướt của những người cao niên, tuy cái nhìn vẫn nhanh nhẹn:

"Chú chờ anh có lâu không. Cảm sơ sơ có mấy hôm thành ra mới đi

bộ có một quãng mà đã thấy mệt, phải bước chậm hẳn lại."

Tôi vẫn thích cái tiếng *chú* hoặc *cậu* mà anh vẫn dùng để gọi tôi những khi trò chuyện. Và tôi vẫn tiếp tục xưng *em* với anh, như tôi đã từng xưng tự những ngày anh còn là một thanh niên cường tráng, oai vệ trong bộ kaki mà anh nói là của Nhật, đầu đội ca-lô, vai có cái bi-đông nước mà anh nói là của Tây và cái túi rết mà anh nói là..."của anh.", ống tay áo xắn cao để lộ cánh tay gân guốc và một nửa cái sẹo dài cỡ mười phân đã lành hẳn tuy ở khoảng giữa còn có một khoảng nhỏ hơi đỏ hồng. Lúc kể lại "sự tích" cái sẹo ấy, anh nhắc mãi cái câu:"Viên đạn đi xéo chút nữa là trúng ngực, là anh tiêu tùng rồi. May thật." Với lối xưng hô này, cả anh Khải và tôi đều nghĩ rằng chúng tôi là hai anh em ruột, thân và thương nhau. Mà quả có thế.

Hồi chị Sương còn sống, tôi là người độc nhất làm trung gian giữa chị Sương và anh Khải, bởi vì tôi cần phải nói ngay rằng từ năm 1954 cho đến khi chị Sương theo chồng Hoa Kiều qua đến Mỹ từ Hương Cảng khoảng thập niên 80, sau thời kỳ Hà Nội có chính sách đuổi người Hoa Kiều ra khỏi Việt Nam, từ lúc chị Sương và tôi tình cờ mà nhận ra nhau trong một hiệu tạp hóa ở khu Bolsa cho đến khi chị qua đời, anh Khải không viết cho chị một chữ. Chị Sương có điện thoại cho Khải một hai lần, nhưng sau khi nhận ra giọng chị, anh đặt máy xuống. Mọi liên lạc giữa hai người đều là những lời nhắn qua tôi. Ngay cả những món tiền anh Khải gửi giúp chị Sương vào lúc chị mới qua Mỹ cũng là do tôi nhận mà trao lại.

"Anh giúp đỡ cho Sương là vì ... anh là một con người xưa, anh nghĩ đến bổn phận làm anh của anh, anh nghĩ đến chữ hiếu đối thầy mẹ anh nhưng mà, nói thật với chú...tình thì chẳng còn gì nữa."

Anh cầm ly rượu cognac hớp một hớp rất nhỏ sau khi thốt ra câu ấy, câu nói mà tôi nghĩ là lần đầu tiên trong đời đã lọt khỏi miệng anh và có lẽ cho đến chết anh cũng không có dịp nhắc lại cho ai nghe nữa. Với bàn tay hơi run run, mà tôi đoán là một triệu chứng của bệnh Parkinsons, anh đặt ly rượu xuống bàn, móc túi lấy ra cái hộp sắt cũ kỹ đựng thuốc và giấy, lóng cóng vấn một điếu thuốc rồi im lặng nhìn làn khói. Anh ngồi im như vậy cũng khá lâu. Tôi cũng im lặng thấp cái tẩu.

Suốt bữa cơm, anh không đả động gì đến chị Sương. Và dĩ nhiên, tôi cũng không có lý do gì để nhắc đến chị Sương vì mối thù hận giữa hai anh em mà tôi đã biết từ lâu. Chúng tôi nói chuyện lan man về tình hình kinh tế ở châu Âu, về đồng Eurofranc, về sinh hoạt của người Việt ở các nơi trên thế giới, về Pháp Luân Công bên Trung Quốc, về Phật giáo bên Việt Nam, về những tiến bộ dân chủ bên Thái Lan, về một đôi tác phẩm của Balzac mà anh rất thích...Lúc người bồi đến dọn chén dĩa tráng miệng rồi

hỏi xem chúng tôi có cần thêm gì nữa không, anh không cần biết tôi có thích hay không, gọi luôn:

"Cho ông này một cái *express* . Chú vẫn còn uống cognac sau bữa cơm chứ? Vậy thì cho hai ly."

Tôi cười:

"Anh còn nhớ hết cả mấy cái tật xấu của em?"

"Xấu tốt gì. Cà phê và cognac nó giúp tiêu cơm. Nhất là sau cái món *canard au sang* vừa rồi, hơi nặng dấy. Dạo này anh bỏ tách cà phê tối rồi, dễ mất ngủ. Nhưng mà ly cognac sau bữa cơm tối thì vẫn không thiếu được. Chú còn trẻ, an uống được cứ an đi. Đừng có quá độ như Balzac, lại sinh bệnh. Ở nhà anh còn chai rượu thuốc nữa, tối nào cũng *un petit doigt* (một ly nhỏ)"

Tôi nức nở mãi về hương và vị ly cognac mà anh chọn cho tôi, hình như đó là một loại hiếm, mà tôi quên mất tên. Chờ cho tôi uống xong hớp thứ hai, anh cũng nhấp một hớp nhỏ rồi không có nhập đề, không khơi mào gì cả anh đột ngột hỏi:

"Lúc chị Sương mất, có chú bên cạnh?"

Tôi đã chuẩn bị rồi, tôi có đủ mọi chi tiết trong đầu vì như tôi đã nói hồi nãy, anh Khải hỏi rất tường tận về những điều anh muốn biết. Nhưng cũng còn một lý do sâu xa hơn nữa mà tôi cho là lý do rất "con người": thường người ta vẫn ít tò mò về những người thân thương bên cạnh, nhưng lại ưa biết tường tận về những gì xảy ra cho những người mình không ưa thích, hoặc ghét bỏ và dương nhiên là không gần gũi.. Chỉ có lúc không yêu mà cũng không ghét mới thật là thờ ơ, dửng dưng được. Biết để biện minh cho sự ghét bỏ của mình chăng? Biết để thêm chút hả hê cho nỗi oán hận của mình chăng? Biết để có thêm đâu mà nuôi ngọn lửa nó hành hạ mình chăng? Tôi không đoán chắc được.

Nhưng mà tôi đã kể hết mọi điều mà tôi nghe và thấy vào phút cuối của chị Sương, kể cả mấy tiếng "nói... anh... Khải... "

"Em nghe được, nhưng không hiểu chị muốn nói điều chi."

Thoáng một nét chua chát trên gương mặt có lớp da cằm đã hơi xệ, trên những đường nhăn của tuổi tác, của suy tư, trên đôi môi đang mím lại, anh Khải nói:

"Anh cũng không có gì để giấu chú.Chẳng qua là không có dịp kể chú biết thôi. Nhưng mà bây giờ... Thầy mẹ anh chỉ có hai con là anh với chị Sương. Ngày còn nhỏ anh và chị Sương thương nhau và quấn quýt nhau lắm. Ở nhà thì không nói chi, chứ lúc anh vào học trung học ở Khải Định, thời ấy muốn cao phải vào tận Huế, Sương không theo vào được, mỗi tuần viết cho nhau hai ba bức thư. Những thứ đặc sản ở Thanh Hóa

như chè lam phủ Quảng, ngay cả mía Triệu Tường, có khi chị cũng nhờ người đem vào cho anh những lúc có dịp. Áo quần anh có sờn rách, về nhà vào những dịp nghỉ hè, Phục Sinh hay Giáng Sinh, Tết, một tay chị Sương mạng vá cả. Suốt mấy năm trời như vậy. Cho đến khi anh đỗ thành chung rồi...cưới vợ..."

Anh nói tiếp bằng tiếng Pháp:

"Đó là mối tình đầu của anh."

Tôi định ngắt lời anh, định hỏi anh về người vợ xấu số ấy, nhưng mà thôi. Ở những lần đầu gặp gỡ ấy vào thời ấy, yêu thương nào mà không vụng trộm; lời và thư trao đổi nào mà không vụng dại, hẹn hò nào không khắc khoải chờ mong... Tôi nhấc ly rượu, mời anh uống tiếp. Anh xua tay:

"Chú uống đi. Uống nốt hộ ly của anh. Anh đủ rồi... Nhà anh ở ngay tỉnh Thanh, ngay cửa Hậu. Nhân thể cũng kể cho chú nghe là thành Thanh Hóa ngày trước không có cửa trước, còn thành Nghệ An lại không có cửa sau, cho nên mới có câu "Thanh vô tiền, Nghệ vô hậu."...nhà anh ở ngay cửa hậu, anh cưới vợ rồi ở ngay tại nhà chứ không phải dọn đi đâu. Anh cũng chưa kiếm được việc làm, chỉ dạy tư quanh mấy phố trong tỉnh.... Tóm lại, anh ở chung một nhà với thầy mẹ anh và chị Sương và (câu tiếp theo đây anh nói bằng tiếng Pháp)...anh khám phá ra rằng chị Sương ghen với người vợ mới cưới của anh, dĩ nhiên không lộng lộn, nhưng mà ngấm ngầm, chính cái ngấm ngầm này mới là cái mầm mống tạo ra cái... địa ngục trong gia đình anh hồi đó... Thầy mẹ anh biết, và dĩ nhiên là vợ anh biết trước và biết rõ hơn ai hết."

Tôi hình dung ra được cái địa ngục ấy:

"Anh không nghĩ đến chuyện dọn ra ở riêng à?"

"Ai ở trong hoàn cảnh ấy mà không nghĩ ngay đến chuyện đó! Nhưng mà chưa kịp làm gì cả thì Nhật lật Tây, Việt Minh cướp chính quyền, vua Bảo Đại thoái vị, rồi Đồng Minh đổ bộ vào trong Nam, rồi quân của Tưởng Giới Thạch sang đóng ngoài Bắc... loạn cả lên, chú biết rồi. Bụng dạ đâu. Mà cũng không có tiền nữa... Rồi anh đi kháng chiến,... lúc đó, cả lớp thanh niên tuổi anh chỉ nghĩ đến chuyện đánh Tây..."

Anh ngưng nói, đưa mắt nhìn trận mưa đêm đang đổ xuống vỉa hè đã vắng người, có những lớp bong bóng chập chùng, có những ánh đèn Giáng Sinh nhiều màu đã mờ hẳn và nhòe hẳn sau màn mưa, có làn hơi nước đọng lại trên những tấm kính đày... tôi nghĩ có luôn cả cái lạnh lẽo, cô đơn trong lòng một người đã phải gánh chịu nhiều bão tố của đất nước, của đời mình, bởi vì... anh Khải nói tiếp:

"Anh cũng đã nghĩ và hy vọng là không có anh ở nhà, không khí trong gia đình có lẽ dễ thở hơn... Nhưng mà anh lầm. Sau đêm 19 tháng 12

năm 46, gia đình anh tản cư về Nông Cống và... chính thời gian ấy là thời gian vợ anh khổ nhất vì sự ghen tuông của chị Sương. Nhưng vì con, vì anh mà *ma pauvre femme* (người vợ đáng thương của anh) phải im lặng chịu đựng. Lúc anh về thăm nhà năm trước cuộc Cải Cách Ruộng Đất anh mới biết. Và sau đó, chú biết rồi, gia đình anh tan nát, thầy mẹ anh, vợ anh đã chết trong một hoàn cảnh... tìm không ra chữ! Còn thằng con, may được một người quen dắt ra ngoài Ninh Bình tìm chị Sương lúc ấy đang làm việc tại đó... nhưng mà chị Sương lại không nhận nuôi, về sau nó chết ở đâu anh cũng không biết nữa....."

Anh dừng lại để vấn một điếu thuốc, hớp một hớp nước lạnh. Rồi anh kể hết cho tôi cả cái hoàn cảnh ngang trái mà cuộc đời đã dành cho anh với một giọng bình thản hầu như giọng của một người ngoài cuộc. Và dĩ nhiên tôi không nỡ nào hỏi thêm về những chi tiết của những ngày tháng đen tối mà người vợ anh đã phải chịu đựng bởi vì anh nói rằng cuối cùng, vì chị Sương mà thầy mẹ anh cũng ghẻ lạnh luôn cả với vợ anh. Nhưng mà dưới nét mặt khá bình tĩnh ấy, tôi thấy có cả cái hình ảnh thu gọn của một mảng sống thu gọn - một phần của cuộc đời này với đầy đủ cả yêu thương, ghen tuông, thù hận, ác độc... Có được chút bóng dáng tươi mát của ân nặn, của khoan hồng, của tha thứ chăng? Tôi tự hỏi tôi như vậy rồi ngẩng mặt hỏi anh Khải:

"Anh có nghĩ rằng mấy tiếng vô nghĩa của chị Sương có thể là một lời cầu xin anh tha thứ cho chị không?"

Im lặng một hồi, anh Khải nói:

"Cũng có thể như vậy. Mà cũng có thể là chị Sương muốn chú nhắn lại với anh rằng chị vẫn còn yêu anh, vẫn chưa tha anh. Anh không chủ quan đâu, nhưng mà chú nhìn đấy, đời, thiếu gì những kẻ lì lợm mà đi cho hết con đường mà mình đã tự vạch ra- anh chưa muốn nói đến khía cạnh luân lý đạo đức trong mục tiêu của cái lì lợm, cái... trì chí ấy. Nhưng mà thôi, khuya rồi, để chú về. Anh cũng hơi mệt."

Dọc đường ra trạm *métro*, chúng tôi không nói với nhau một lời. Lúc chia tay vì tàu của anh và tôi đi khác hướng, anh nắm chặt lấy tôi:

"Chuyến sau có qua Paris mà trời còn để cho anh sống, anh lại cho chú thử một cái món thịt cừu này nữa, đặc biệt lắm, cũng tuyệt trần đời!"

Tôi nhìn theo anh Khải chậm rãi chống gậy xuống phía ke tàu của anh. Cái bóng cô đơn ấy của một con người bị lịch sử hất văng đi xa đến nửa trái đất để sống rất cô quạnh với niềm đau của mình, cái bóng này... khó quên lắm. Có tiếng ầm ầm của một con tàu sắp đỗ. Có một luồng không khí bị con tàu thổi mạnh về chỗ tôi đang đứng, trong luồng gió ấy có cả cái mùi métro nồng, hăng khiến mắt tôi hơi cay.❐

Thư lạ

Đinh Linh

Tên tôi là Đinh Linh và tôi là một người Mỹ. (Ít nhất hộ chiếu của tôi ghi như vậy). Tên của vợ tôi là Bùi Diễm và nàng không phải là người Mỹ. (Ít nhất chưa phải như vậy). Chúng tôi cưới nhau ngày 24 tháng 12 năm 2000 tại Sài Gòn, thành phố nơi tôi chào đời.

Tôi là một người Mỹ vì tôi dọc tỉ số bóng chày mỗi sáng, ăn khoai Tây chiên thường xuyên, biết Buster Keaton là một thiên tài. Tôi là người Việt vì tôi tóc đen, da vàng, và có một thái độ mặc cảm Napoleon.

Người Việt kiều là một giống người đặc biệt ở Việt Nam. Không giống như một người Mỹ rặc, hắn không phải là một kẻ hoàn toàn xa lạ. Hắn mang đến tin tức từ miền đất hứa, và đôi khi, có thể biến thành một chiếc cầu dẫn đến miền đất ấy.

Chẳng bao lâu sau lễ cưới, vợ tôi nhận được một bức thư lạ lùng từ một người em họ, một người mà nàng đã không gặp hay liên lạc gì suốt hơn một thập kỷ. Người viết bức thư là một cô gái 23 tuổi:

Chị Diễm yêu quý!

Chị có khỏe không? Em rất mừng cho chị. Chị thật may mắn.

Nhân dịp đám cưới của chị, em xin gởi đến chị và chồng chị lời chúc mừng đầm thắm và thành thật nhất cho tương lai hạnh phúc của anh chị.

Má em cũng thường. Em cũng còn đi học. Em đang mập lên nên phải cữ ăn.

Lâu lắm rồi chị chưa về Cần Thơ. Có lẽ chị cũng chẳng còn nhớ em. Em hãy còn nhớ như in những kỷ niệm về chị khi chị về đây năm 1989. Hồi đó gặp chị em thật mừng vì chỉ có mình em là con gái trong nhà. Lúc đó chị đã ăn mặc mô-đen lắm rồi. Chị có còn nhớ không? Hai chị em mình đi khắp thành phố Cần Thơ. Chị em mình ăn bắp nướng, chị dẫn em

đi học, giúp em làm bài. Mình mướn phim Hồng Kông coi tới hai giờ khuya. Rồi mình chiên trứng vịt với hành. Chị còn nhớ không?

Em rất do dự khi gởi thư này cho chị. Em sợ chị sẽ hiểu lầm em. Tại sao trước giờ em không liên lạc với chị? Tại sao giờ mới liên lạc? Có phải vì bây giờ chị có chồng giàu?

Chị Diễm thương mến.

Tại vì trước đây em chỉ là một con bé lo học và chơi suốt ngày, chẳng biết thư từ là gì. Em cũng không biết địa chỉ của chị. Dì Tám chẳng bao giờ cho em số điện thoại của chị. Em cũng không biết là chị đã có điện thoại. Em chỉ biết là chị ở gần cầu Phú Lâm, Sài Gòn. Chẳng lẽ em gởi thư tới cây cầu? (Ha, ha, ha)

Nhưng mới đây khi chị gởi hình đám cưới cho dì Tám, em mới biết được địa chỉ của chị. Ý nghĩ đầu tiên của em là, chị thật là một cô gái may mắn. Em thương chị lắm. Không phải bây giờ em nịnh chị vì chị có chồng giàu. Em không sống như vậy đâu, em không ham tiền. Giống như ở đây người ta thường nói: đừng để mình bị lương tâm mọc răng cắn.

Sự thật là gia đình em rất nghèo. Nhưng dối cho sạch rách cho thơm. Không phải vì mình nghèo mà phải nịnh hót ai.

Nếu em mà được may mắn như chị thì em sẽ thật hạnh phúc. Em mơ ước được đi Mỹ từ lúc em mới mười tuổi, có lẽ trước đó nữa, nhưng giấc mơ suốt đời này chỉ toàn đem lại cho em những điều thất vọng. Bây giờ em không còn nghĩ đến nó nữa. Má em từng có một bà bạn thân ở Miami, một thành phố ngay cạnh New York. Có lần bà qua nhà em khoe mấy tấm hình của con trai bà, cũng trạc tuổi em. Bà còn cho em giữ mấy tấm hình nữa. Em cũng tặng bà mấy tấm hình của em. Cả nhà em cứ nghĩ rằng bà này có ý định tốt gì đây, nhưng rồi chẳng nghe bà ấy nói gì nữa. Tại sao bà lại trêu ghẹo người như vậy chứ? Thậm chí lúc đó em đã chia tay với bạn trai để chuẩn bị cho cuộc sống mới.

Có lẽ con trai bà thấy em không hấp dẫn. Hay tại vì em mặc một bộ đồ kinh dị quá. Con gái nhà quê như em không biết mô-đen mà. Nhưng nói thiệt với chị, mà chị đừng cười em nghen, em thấy con trai của bà cũng chẳng đẹp trai gì. Nó có vẻ cù lần. Kệ cha nó!

Em muốn đi Mỹ là tại vì em muốn gởi tiền về mỗi tháng giúp đỡ má em.

Nói tóm lại là em không được may mắn lắm. Không được như chị. Nhưng tại sao em lại làm cho chị chán với chuyện buồn của em? Em nên dừng ở đây cho chị khỏi buồn ngủ! Nhìn chị hạnh phúc em cũng hạnh phúc được một chút.

Thương chị nhiều.
Em họ của chị:
Trần Tú Ngọc

Tôi hỏi vợ tôi về Trần Tú Ngọc và được biết rằng gia đình của Ngọc làm nghề buôn bán hàng điện tử. Họ có một căn nhà lầu bốn tầng. Ngọc đã từng đi nghỉ mát ở sáu nước khác nhau.

Nói về chuyện hàng điện tử, trong suốt 24 năm sống trên đất Mỹ, tôi chưa bao giờ làm chủ một cái tivi, một máy nghe CD, hay một máy điều hòa không khí. Tôi chưa bao giờ có sổ séc ngân hàng. Chiếc xe duy nhất tôi từng mua là một chiếc Mustang cũ, bị đánh cắp chưa tới một năm sau đó.

Có lần trong chợ tôi trả tiền cho một gói mì Ramen Pride bằng 28 đồng một xu.

Một lần khác tôi trả tiền cho một hộp thịt Spam bằng 159 đồng một xu.

Đợi cho đến khi không còn ai trong hàng tôi mới đi đến quầy tính tiền, nhưng trong lúc tôi đếm những đồng một xu trước người thu ngân đang nhe răng cười, trong lúc bầy ra mười sáu chồng những đồng tiền gần như vô giá trị, được đúc ra để trang trí những đáy hồ trong những shopping malls, hàng người càng dài lên sau lưng tôi.

Một lần trong một quán rượu rẻ tiền nhất ở Philadelphia, tôi đã trả tiền cho một cốc bia Rolling Rock bằng 60 đồng một xu và được bảo là phải cút ra khỏi đấy ngay.

"Mày phải lấy tiền này! Đây là tiền thật."

"Cút mẹ mày ra khỏi đây ngay!"

Đây là ngụ ý của bức thư lạ lùng trên: Chồng chị chắc phải có một ông bạn Việt kiều muốn một cô gái quê như em. ❐

Phan Nhiên Hạo dịch từ nguyên bản tiếng Anh "A Strange Letter."

Dấu buồn thơ trổ bông

thi tập của *Nguyễn văn Cường*
Làng Văn xuất bản, dày 130 trang, in ấn mỹ thuật, giá 15 Mỹ kim
Liên lạc: Làng Văn, PO Box 218 Station U
Toronto, Ontario M8Z-5P1 Canada - Phone: 905-607-8010

Bài ca con cá

HOÀNG XUÂN SƠN

Một.

Em dừng làm reo tội nghiệp tôi
mặt lạnh mặt lùng chi thấy sợ
mưa hồng giùm tôi em ơi
mưa
chớ hờ hững nhau cuộc đời không bao lâu (*)
nhìn chi trần
không biết dị
ngó cho vách, răng lạ đời
đừng ngậm câm em ơi
đừng
mùa nước cạn hến chui vô cát
ngủ ngoan thơ ngây đời xửa đời xưa
thổi giùm tôi hạt bụi xốn con mắt
hơ giùm chút thôi bếp tàn củi nỏ
dắp giùm tôi chiều lạnh tê tê

Hai.

Em lê lết theo tôi lốm ngốm
bò
miệng đời lổn nhổn
răng có lộn lạo hết trơn
trời bày chi cái khó thâm đời
nghịch cảnh nào không rưng rưng

tội
ba mươi năm mày mò bóng tối
da nớt xanh nhu con đỏ thiếu thời
tội nghiệp em theo tôi lê lết
mấy thuở được cười
một nét vui
một vầng trăng không ai hớt bọt
nên mặt trời đã lửa bỏng dầu sôi
tôi bất tài, tay quơ quào đá sỏi
tôi bất tướng, dài thây đợi chờ
nếu nhu miệng mồm làm xàm dăm ba chữ
là túng quẩn đem hồn đi gạ bán
thơ ba mén nửa mùa
không ra đinh ra chợ
trời bày chi cột đời trơn láng
leo mệt mề nào thấy đinh vu
tội nghiệp tôi trông tôi lổm ngổm
bò
giấc mơ thường tầm xa em
bẵn khỏi.

tháng mười hai nghìn

(*) "Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ".
Trịnh Công Sơn – Mưa hồng

Tín hiệu

Trang Châu

Tôi không ngờ Cương si tình con nhỏ chủ quán nặng đến thế. Cứ tưởng nó đùa chơi, ai dè nó lậm thiệt. Một tuần ít nhất ba lần nó réo tôi mặc quần áo với tốc độ phi thuyền để kịp nó đến chở đi ăn hủ tiếu. Nó đến mà tôi không có mặt ở cửa là nó bóp còi inh ỏi. Có lần một thằng Tây mới dọn đến trọ ở ấp dưới nghe nó bóp còi liên tu liền nổi nóng mở cửa sổ ló đầu ra ngoài tay chỉ về hướng xe nó vàng tục liên hồi và dọa kêu cảnh sát. Tôi lúc đó đang tiểu tiện trong toa lét nên không xuống kịp. Tôi yên trí nó ngồi im trong xe nghe chửi, chờ tôi ra là đông. Nào ngờ nó tung cửa xe, mặt hầm-hầm đi lại phía thằng Tây, chỉ thẳng vào mặt nó hét to:

- Mầy có biết khi khẩn-cấp người ta phải làm gì không? Người ta phải gọi 911. Vợ thằng bạn tao đang hấp-hối ở nhà thương. Tao phải bóp còi khẩn cấp gọi nó. Mầy hiểu và thông-cảm chứ??

Mặt thằng Tây nghệt ra, miệng khựng lại. Nó tránh cái nhìn tóe lửa của Cương, quay người bỏ vào trong phòng. Thấy tôi, Cương hất hàm ra lệnh:

- Ra xe ngay đi bố!

Ngồi vào xe chưa kịp để Cương nổ máy, tôi phang nó ngay:

- Sư mầy, ông lấy vợ bao giờ mà bảo vợ hấp-hối? Cái gì cũng phịa ra được.

- Phải vậy nó mới im. Dân ở dây mà nghe dân bà hay con nít là nạn nhân của bất cứ cái quái gì là nó thương-cảm, thông-cảm ngay. Vì tụi nó mà tao với mầy cũng bị vạ lây, sang đây mất hết oai phong với dám nữ nhi.

Tôi kể nó:

- Mầy có mất thì mất chứ tao đâu có mất, đừng kéo tao vào. Mà đi ăn gì khác đi, ăn hủ tiếu hoài ớn quá!

Cương dịu giọng vuốt tôi:

- Đi với tao đi. Có mầy vào tiệm đó tao ăn nói tự nhiên hơn. Đi một mình tao lóng cóng lắm.

Tôi dè bỉu:

- Mà có tao mầy cũng chả làm nên cơm cháo gì. Cũng chỉ ngồi nhìn em mà buồn rười-rượi thôi.

- Cần mầy lắm chứ. Có mầy tao làm bộ nói chuyện với mầy, lâu lâu liếc nhìn em một cái rất chi là tự nhiên.

Nói xong Cương lấy tay vỗ dét vào đùi một cái ra chiều thích chí rồi buông thõng thêm một câu:

- Thằng chồng em không cách chi biết được!

Tự nhiên tôi thấy thương hại nó. Nhưng tôi vẫn thảy một câu vừa nâng vừa dập nó:

- Mà chồng em có biết cũng đếch làm gì được. Mình là khách hàng mà. Mà theo truyền thống của Tây, khách hàng là nhất, khách hàng bao giờ cũng có lý hết. Nhưng con ạ, con đang đi trên con đường một chiều đấy. Mầy bắt tao ăn hủ tiếu đã ba tháng nay rồi mà mầy có nhích con tim mầy lại gần em được li nào đâu! Không những một chiều mà coi chừng ngõ cụt nữa đấy con ạ.

Cương đưa mắt lườm tôi nói một câu bí hiểm:

- Tiến bộ thấy rõ mà mầy không thấy, mở mắt nhìn cho kỹ mầy sẽ thấy.

Quán Mây Tần nằm gần ngã tư trong một khu đông người Á-Đông cư ngụ. Gần chục quán ăn và ba cái tiệm siêu-thị là hai thương-nghiệp nổi bật trong khu phố. Quán Mây Tần đông vào buổi trưa nhờ khách ngoại quốc. Buổi chiều khách Việt thuộc dân nhậu chiếm đa số nhờ mấy món hủ tiếu, phở áp chảo, chả cá, bún ốc, lươn um, lẩu. Lần nào cũng thế, Cương dẫn tôi đến ăn buổi trưa sau hai giờ và buổi chiều trước năm giờ. Buổi trưa sau dợt khách ngoại quốc, buổi chiều trước đám khách nhậu. Vào thời gian đó khách trong quán chiếm chừng bốn năm bàn trên tổng số mười lăm bàn của quán. Cương gần như luôn luôn chọn bàn số bốn hay số năm nằm về phía mặt của quầy tính tiền. Bao giờ Cương cũng bắt tôi ngồi quay mặt nhìn ra đường còn nó ngồi nhìn vào trong, cái nhìn cheo-chéo với quầy tính tiền. Ở đó thỉnh-thoảng xuất hiện thần-tượng của nó. Thần-tượng của nó là con nhỏ chủ quán và hình như là bếp chính của tiệm.

- Tao mê nhất đôi mắt của em, tình không chịu được. Mầy nhìn xem tao nói có đúng không?

Không hiểu cái nghề kế-toán của tôi, suốt ngày vật lộn với những

con số, có làm tôi khó-khan tình cảm hay không mà sao tôi rất tỉnh lạnh trước nhan sắc đàn bà. Ừ, thì thần-tượng của Cương quả có cặp mắt đen lánh và to, có cái nhìn nghiêng-nghiêng hơi lẳng, nhất là khi nói chuyện với đàn ông. Với tôi thì là lẳng nhưng với Cương thì là tình. Tôi ngoài cuộc còn nó trong cuộc nên nó xiển-dương cái nhìn của đôi mắt em là phải.

Quầy tính tiền khá cao nên ngồi xa chỉ nhìn thấy bán thân trên của em.

- Mầy thấy tao nói có đúng không? Mắt em tình không chịu được.

Mỗi lần nó nhắc tôi lại phải uể-oải gật đầu nhưng không quên lên lớp nó:

- Đúng rồi. Không đúng thì làm sao mầy thân tàn ma dại từ mấy tháng nay.

Cương gân cổ cãi:

- Lầm to con ơi! Tao nhận được tín-hiệu rồi, tốt lắm.

Hôm nay trên đường đưa tôi về nhà, Cương có vẻ tư-lự:

- Mầy có để ý gì không?

- Để ý gì?

- Em

- Trời đất, em của mầy chứ có phải em của tao đâu mà tao để ý. Với lại mầy bát tao ngồi nhìn ra đường làm sao tao biết chuyện gì xảy ra nơi em.

- Cứ mỗi lần bọn mình đứng dậy đến quầy trả tiền là em bỏ đi vào trong. Để cho thằng chồng nó tính tiền bực quá!.

Lời Cương làm tôi dâm nhớ có lần tôi để ý thấy thần-tượng của nó hấp-tấp bỏ đi vào trong khi hai đứa sắp đến quầy trả tiền.

Tôi đồng tình:

- Ừ, mầy nói tao mới nhớ cũng có lần tao để ý thấy y như mầy nói. Tao nghĩ chắc em muốn tránh hai luồng điện cao tần phóng ra từ mắt mầy.

- Tránh mặt tao mà sao tao thấy tín-hiệu vẫn tốt?

Đứng trong thang máy chờ lên lầu ba để về phòng, tôi chợt nhớ Cương nói đến hai chữ tín-hiệu mấy lần. Tôi nghĩ nó úp mở muốn cho tôi hiểu tình-cảm nó dành cho thần-tượng của nó đã được nhận và có hồi âm. Tôi chưa nghe nó nói với em câu nào, cũng chưa bắt gặp em đá lông nheo với nó lần nào. Thế thì tín-hiệu gì đây?

Tôi lẩm-bẩm rủa thầm nó:

- Sư, cái thằng ruột ngựa mà cũng bày đặt bí-mật với bật-mí!

Cương vừa là bạn vừa là thân-chủ của tôi. Nó làm nghề sửa ống nước có bằng cấp đàng-hoàng. Hồi ở Việt Nam, tôi với nó ở cùng làng, cùng

học tiểu học, rồi trung học. Khi tôi được giấy phép xuất ngoại du học thì nó nhập khóa sĩ-quan trừ-bị Thủ Đức cuối cùng. Nó chưa mãn khóa thì mất nước. Gặp lại tôi nó vỗ ngực:

- Quân-trường đổ mồ hôi nhưng sa-trường chưa kịp đổ máu. Tao là lính tuy chưa có một ngày trận.

Nó quyết-định đi học nghề. Nó nói với tôi:

- Bên nhà tao định chọn học môn mìn bẫy. Mày biết tại sao không? Chiến-tranh là phải giết nhau. Đồng ý. Nhưng hại nhau bằng mìn bẫy, tao thấy hèn quá! Thà lãnh một viên đạn vào đầu, vào tim chết không sao. Tao thương mấy thằng cụt cẳng, cụt giò vì mìn bẫy. Bởi vậy tao muốn học môn đó để đi tháo gỡ mìn bẫy giúp bạn.

Tôi thấy có cái gì đáng yêu trong cái vẻ bạt mạng của Cương. Nó đã có dịp chứng-minh sự gan dạ của nó. Cương đã tay không dùng một thế võ Bình Định đá vang khẩu súng lục của một tên cướp nhà băng rồi cũng tay không quật ngã tên nầy trước khi cảnh-sát tới. Sự gan-dạ của nó đã được báo chí địa-phương ca ngợi. Tôi lôi nó đi nhậu một chầu. Nó nói:

- Mít mình qua đây làm vẻ-vang dân-tộc nhiều kiểu, đứa thì học giỏi bằng nọ bằng kia, đứa thì cần-cù siêng-năng, tao thì tao làm vẻ-vang dân mít mình theo kiểu của tao, kiểu diếc không sợ súng!.

Thân-thể cao lớn, vạm-vỡ của Cương rất thích hợp cho nghề lao động mà hái ra tiền của nó. Nó nói với tôi, không một chút mặc-cảm:

- Nghề của mầy xài bút nhỏ nên cái đầu phải làm việc nhiều. Nghề của tao cầm ống hàn, cầm cái búa to tổ bố, tay phải làm việc nhiều nên cái đầu đỡ mệt hơn. Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh nghe con!

Tôi lãnh phần khai thuế mỗi năm cho nó. Là bạn nhưng đôi khi tôi cũng hơi ớn cái ngang-tàng của nó. Một lần nó gọi điện thoại cho tôi ở sở:

- Tao cần một ngàn đô Mỹ gấp. Phải tiền mặt chứ không lấy chi-phiếu. Chồng tiền sẵn đi chiều tao ghé lấy. Trong vòng một tháng tao sẽ trả lại, vốn lẫn lời dàng-hoàng.

Tôi vội-vã ra nhà băng đổi tiền Gia Nã Đại ra tiền Mỹ cho nó. Tôi không hỏi nó cần số tiền đó làm gì. Tự nó nó nói:

- Con em gái bên nhà bị sạn túi mật phải mổ. Nó viết thư nói nếu có tiền thì được mổ sớm. Có người về tao gởi giúp nó.

Đúng thời-hạn, Cương mang trả tôi số tiền mượn. Tôi đếm thấy mười một tờ một trăm. Thấy tôi tính đếm lại nó nói ngay:

- Mấy thằng kế-toán tổ sư tính-toán, cho vay ăn lời bóp hầu nặn họng. Trả cho mầy một trăm tiền lời nhưng phải bao tao đi ăn cho hết số tiền đó.

Tôi vẫn nghĩ một trong những hạnh-phúc nhất trên đời là có một

thằng bạn tốt. Cương đối với tôi hơn cả một thằng bạn tốt, nó như là một thiên-thần hộ mạng, đi đâu có nó bên cạnh tôi cảm thấy yên tâm lạ lùng. Cho nên khi thấy nó đang ngoi-ngóp trong bể tình, tôi lo-lắng cho nó lắm.

Đi ăn với Cương ở quán Mây Tần lần này tôi muốn chú ý đến hai việc: Tìm xem tín-hiệu mà Cương nói là cái gì và tìm hiểu lý do sự hấp-tấp bỏ đi của thần-tượng của nó mỗi khi hai đứa tới quầy trả tiền.

Ngồi vào bàn, chờ Cương gọi hai tô hủ tiếu lớn, tôi quay người nhìn về phía quầy tính tiền quan-sát. Thần-tượng của nó hôm nay mặc đồ đen, áo kiểu bà ba của dân Nam bộ, bên ngoài vẫn tròng cái táp-bờ-li-ê trắng. Mặt mày em trang điểm kỹ-càng có vẻ như mới đi đâu về. Tôi thấy mặt em tươi lên một chút khi nhìn về phía bàn hai đứa tụi tôi ngồi. Tôi không nghĩ đó là cái tín-hiệu mà Cương úp mở nói đến. Liếc nhìn Cương tôi thấy sắc mặt nó chẳng có vẻ gì đờ-đẫn vì cái vẻ tươi của em cả. Em bỏ đi vào trong mấy phút thì thấy bồi bàn bưng hủ tiếu ra cho chúng tôi. Tôi để ý thấy mắt Cương sáng lên. Nó nhìn chăm-chăm vào tô hủ tiếu của nó. Tôi âm-thầm theo dõi. Tay cầm đũa, tay cầm muỗng nhưng nó chưa ăn. Nó gắp gắp, xới xới như tìm kiếm gì trong tô. Thì ra nó đang đếm những con tôm nằm trong tô của nó. Nó moi ra được bốn con tôm to, loại Jumbo. Mặt nó tươi-tắn hẳn lên. Và nó bắt đầu ăn. Tôi âm-thầm tìm kiếm tôm trong tô của tôi. Tôm trong tô của tôi cũng to không thua gì tôm trong tô của Cương. Nhưng tôi chỉ có ba con. À, thì ra tín-hiệu của nó là con tôm thứ tư. Con tôm phe dảng, con tôm "tình không chịu được" của nó.

Phản-ứng đầu tiên của tôi là tin em có gì đặc-biệt với Cương thật. Nhưng rồi tính đa-nghi của tôi lại lấn-lướt. Biết đâu ở mỗi bàn ăn trên hai người chẳng có một tên được bốn con tôm trong tô của mình. Tên được bốn con tôm là tên mỗi tuần đến ăn tiệm em ít nhất từ hai ba cữ trở lên. Đó là một giải thích tôi thấy hợp lý. Bằng không, thì chỉ là một sự bốc bỏ quá tay đi một chút.

Hai lần đi ăn kế tiếp, Cương vẫn được bốn con tôm và tôi vẫn chỉ có ba. Giả thuyết bốc bỏ quá tay tôi cho vào sọt rác. Rõ ràng là em thiên-vị nó. Nhưng con tôm thứ tư không thuyết phục được tôi rằng em có cảm tình riêng với nó. Tôi vẫn cho đó là một cử-chỉ dãi-ngộ một khách hàng trung thành như Cương mà thôi. Mặc dù vóc dáng lực lưỡng và bộ mặt tuy hơi cô hồn nhưng vẫn dễ coi của nó cũng thừa sức làm xiêu lòng vài cô vài bà. Tôi so sánh thằng chồng em với Cương. Tuy có nhỏ con hơn Cương một tí nhưng trông nó cũng không tệ, có thể nói là xứng đôi với thần-tượng của nó nữa là khác. Tôi quanh-co lý-luận như thế thật ra là chỉ để

thuyết-phục chính tôi thôi, tôi cố thuyết-phục tôi rằng em chỉ đòn phép để giữ chân một khách ăn là thằng bạn của tôi.

Mải lo nghĩ về chuyện con tôm thứ tư, tôi quên bẵng đi chuyện thứ hai. Ngồi vào xe, Cương lại tư-lự:

- Em lại bỏ đi vào trong như mọi khi mình sắp đến trả tiền. Kỳ quá! Mầy có để ý không?

- Thật tình tao không để ý.

- Phải tìm hiểu cho ra lẽ mới được.

Người tìm cho ra lẽ đó lại là tôi. Rất tình cờ. Tôi muốn trắc-nghiệm một lần nữa chuyện con tôm thứ tư. Tôi lập-luận nếu tôi đi ăn một mình tôi cũng có thể trở thành khách quen của quán. Nếu chỉ là một sự dãi-ngộ khách quen, tôi cũng sẽ được con tôm thứ tư như Cương. Tôi đến quán vào lúc ba giờ rưỡi chiều. Quán chỉ có một bàn hai người khách ngoại quốc. Em và thằng chồng đang ngồi ở cái bàn tròn đặt cạnh quầy tính tiền. Thấy tôi vào, em gần như hốt-hoảng muốn bỏ chạy vào trong. Nhưng tôi cũng kịp phát-hiện cái bụng mang bầu cỡ bảy, tám tháng của em. À thì ra thế. Thì ra em không muốn Cương biết em đang có bầu. Em sợ nhan sắc mất giá chăng nên che giấu phần dưới. Trong tô hủ tiếu của tôi hôm đó cũng chỉ có ba con tôm.

Tôi gọi điện-thoại cho Cương ngay khi về đến phòng:

- Tao biết tại sao thần-tượng mầy trốn mầy khi mầy sắp đến quầy trả tiền. Em mang bầu sắp đến ngày sinh. Chắc em không muốn mầy buồn khi biết thủ phạm bầu tâm-sự em mang là của ai khác.

Đầu dây bên kia im-lặng. Không biết trong đầu Cương thần-tượng của nó đang sụp đổ mấy tầng? Tôi hỏi dò:

- Mầy có còn thích đi ăn hủ tiếu nữa không?

Giọng Cương chậm, không buồn không vui:

- Tạm nghỉ một thời-gian đi, chờ em sinh nở xong rồi hẵng tính.

Tôi tính nện nó một câu: Tính cái con khỉ gì nữa. Kiếm đất khác mà cắm đùi đi là vừa.

Nhưng nghĩ có thể nó đang đau-khổ trước cái thực tế bất ngờ và phũ-phàng nên thương tình im-lặng.

Ba tháng sau, một sáng chủ-nhật, đang còn say ngủ trên giường sau một đêm thứ bảy đi chơi về muộn, nó gọi giật đầu tôi dậy:

- Cho mầy mười phút tao đến đón đi ăn hủ tiếu. Em giờ nầy chắc làm việc lại ở quán rồi. Tao tin em vẫn hấp-dẫn như xưa.

Tôi la lên:

- Cái thằng nầy...

Nó cắt ngang câu nói của tôi:

- Mắng ông, ông lại ông bóp cổ bây giờ. Mười phút thôi nghe không con. Chờ tao ở cửa.

Khi hai đứa bước vào quán, thần-tượng của nó chăm-chăm nhìn nó. Dưới mắt quan-sát của tôi, cái nhìn có vẻ như trách móc. Cương đoán đúng, nhan sắc em không thay đổi, cặp mắt vẫn đen to, cái nhìn vẫn lẳng tuy người em có phần đẫy-đà một tí xíu. Khi hủ tiếu được mang đến bàn, tôi thấy Cương chăm-chú nhìn vào tô của nó một cách khác thường. Tôi đoán nó đang đo lường lòng dạ thần-tượng của nó sau ba tháng nó vắng bóng. Nó mọi móc để nằm phơi trên những sợi hủ tiếu không phải bốn con tôm mà những đến năm con tôm to mập. Nó nhìn năm con tôm, mắt sáng lên, nhe răng cười rồi nhai, nuốt, húp tô hủ tiếu một cách khoái-trá.

Tô hủ tiếu của tôi cũng vẫn chỉ có ba con tôm.

Trên đường đưa tôi về, tôi hỏi nó:

- Chương-trình của mầy dành cho em trong tương-lai gồm có những gì?

Cương tưởng tôi không hay biết gì cả nên vẫn giở cái giọng úp mở của nó ra:

- Tín-hiệu hôm nay tốt hơn trước nữa.

Nói xong bất thình-lình nó dập mạnh hai bàn tay vào vô lăng xe rồi quay qua nhìn tôi nói giọng quả-quyết:

- Để mày xem, nếu một mai em có bầu nữa. Bảo-đảm với mầy thủ-phạm cái bầu em lần nầy sẽ là tao. Chắc-chắn là tao.

Tôi mỉm cười không trả lời. Trước khi đóng cửa xe, tôi vói đầu vào trong xe nói với nó:

- Chừng nào mầy thấy trong tô hủ tiếu của mầy có sáu con tôm thì mầy có thể tin và cả tao cũng tin nữa, em sẽ bỏ thằng chồng để theo mầy.❐

28 - 11 - 00

Trang Châu

Tìm mua tác phẩm cuối cùng của nhà văn vừa quá cố

hoàng liên

tập truyện ngắn

điên

Mõ Làng xuất bản. Sách dày 272 trang. Giá 14 Mỹ kim

Mõ Làng: 774 Geary St. San Francisco, CA 94109

Phone: 415-673-6836. Email: MoSF@aol.com

Không phải là chuyện ma

Đỗ Tử Hậu

Cái đốm trắng chuyển động rất chậm chạp. Nó bò từ dưới chân cái bàn mặt đá chân quỳ chạm trổ thật đẹp bằng gỗ lim lâu đời. Nhất định không phải là con đom đóm vì cái đốm trắng ấy không thấy lập là lập lòe. Đêm cuối tháng tối như bưng mắt mà ở nhà quê thì nào có đèn đóm gì. Cái đốm trắng ấy nay đã bò lên trên chân bàn đến hơn gang tay và nó tiếp tục chuyển động rất ư là chậm rãi. Một chốc sau cũng lâu thì cái đốm tráng ấy đã lên đến phần nối của chân bàn với mặt bàn. Phần nối ấy được chạm trổ cầu kỳ với hình thù của ba áng mây ghép lại đội phần góc cái mặt bàn bằng tấm đá hoa cương đây và nặng chình chịch.

Hôi chiều lúc ngồi tiếp chuyện với bác Cả, bố tôi cũng vừa lấy tay xoa vào cái phần chạm trổ các đám mây ấy vừa khẩn khoản nói:

- Cháu thấy bác nên về Hà Nội ngay đi chứ quân Pháp cũng sắp đổ vào Nam Định nay mai rồi thì cháu e không kịp.

Bác Cả tiêm thêm một bi thuốc lào nữa vào cái điếu bát. Kéo cái đầu ống hút khói bằng trúc vào mồm và rít một hơi dài. Bác thong thả cho khói ra bằng cả mồm lẫn mũi. Bác chậm rãi nói:

- Anh nghĩ xem tôi cũng đã bẩy mươi, thôi thì sống thêm vài năm nữa tại căn nhà thừa tự này với ông bà rồi, nói dại, có đi theo ông bà thì cũng phải thôi.

Bố tôi đang phân vân để tìm thêm một lý do chính đáng nào thuyết phục bác Cả Tơn tạm lánh về Hà Nội trong chuyến về thăm bác lần này. Chưa kịp nói thêm thì bác cả đã lên tiếng:

- Thôi cũng tối lắm rồi anh ngủ tạm ở cái chõng ngoài này nhé.

- Thưa bác cứ để mặc cháu. Bố tôi đáp vội.

Đêm ấy bố tôi ngủ trên cái chõng ngoài buồng thờ kê bên cái bàn mặt đá còn lỏng chỏng hai cái cốc uống chè vối và cái điếu bát. Bố tôi đặt

lưng xuống là ngủ ngay sau một ngày vất vả đạp xe đạp từ bến xe ca ngoài tỉnh về đến nhà bác Cả. Một tiếng động lạ ngoài vườn vọng vào thật khẽ như là tiếng cái hoa chuối bỗng nở bung ra làm bố tôi giật mình tỉnh giấc. Ông cảm thấy mót đi tiểu nên vén màn định chui ra thì đúng lúc ấy chợt nhìn thấy cái đốm trắng bò lên chân bàn một cách chậm chạp. Chung quanh tối đen như mực mà bác Cả hà tiện chẳng thắp lên được một ngọn đèn đầu nữa. Thế là cái đốm trắng kia mặc tình di động chẳng màng gì đến cặp mắt hiếu kỳ và kinh ngạc đến tê người của ông. Mắt ông như bị thôi miên cứ dán vào cái đốm trắng kia. Đốm trắng ấy đã mò ra khỏi phần cái dám mây chạm trổ cầu kỳ nọ. Tuy chậm nhưng nó cũng đã bò lên đến mặt bàn. Bây giờ ở phần mặt bàn đá phẳng phiu nên nó bò có vẻ nhanh hơn một tí. Ở giữa bàn thì lù lù cái điếu bát cáu bẩn nước điếu bán ra lúc bác Cả khều tàn thuốc nay đã khô quánh lại. Đốm trắng đã di động đến chân cái điếu bát. Nó ngừng một tí như để chờ một quyết định. Ngay sau đó nó hăng hái bò lên cái điếu bát. Cái bát điếu làm bằng sứ tráng men có họa hình mấy cô tiên, xiêm y kiểu Tầu thướt tha, dang dang tay lả lướt múa trong mây, tóc tai chải bồng bềnh gài trâm nom thật diễm lệ. Bát điếu nằm trong cái vỏ tiện bằng gỗ mít lúc trước chắc cũng vàng au nay thì đã lên nước thâm xì. Đốm trắng đang phơm phơm bò trên phần bát điếu tráng men trơn tru bỗng khựng lại vì chạm vào cái ống trúc nhỏ xíu dài khoảng hai gang tay cắm vào lỗ điếu làm ống hút khói. Chỉ hơi ngập ngừng một tẹo đốm trắng kia bò lên ống trúc. Ống thật bé nhưng lại có rất nhiều đốt đều nhau như là tiện bằng tay vậy.

Đốm trắng hì hục bò lên từng đốt một và sau chín đốt thì đốm trắng kia đã ngự trị lên đỉnh cao nhất của ống trúc. Bố tôi không thể tiên đoán được ngay lúc ấy rằng cái đốm trắng sẽ làm gì sau khi đã leo đến đỉnh cái ống trúc. Đúng lúc ấy ở buồng trong bác Cả húng hắng ho. Cái đốm trắng phụt biến mất. Bố tôi còn đang bần thần chưa kịp bước xuống đất hay là chui lại vào trong màn thì đã nghe tiếng dép lẹp xẹp của bác Cả tiến ra vườn sau. Bác Cả đi tiểu. Bố tôi chui lại vào màn nằm im thin thít. Ông định chờ bác Cả đi vào lại thì cũng sẽ ra ngoài vườn. Nhưng chẳng hiểu vì sao mắt ông díp lại thật nhanh và ngủ mất lúc nào không hay. Sáng sớm hôm sau tiếng rít thuốc lào nghe sòng sọc của bác Cả đã đánh thức bố tôi dậy. Bác vời bố tôi sang bàn ngồi và đẩy cho sang cho ông một cốc chè vối. Bác Cả thân mật hỏi:

- Đêm qua anh ngủ được giấc không?

Bố tôi đáp:

- Thưa bác cũng được chắc là vì đường xa nên hơi mệt.

Bác Cả nói:

- Tôi không về Hà Nội đâu đấy!

Mắt bác Cả đăm chiêu như để suy nghĩ chuyện gì. Bác bỗng hỏi:

- Anh có hay nằm chiêm bao không?

Bố tôi chưa kịp trả lời thì bác đã khề khà tiếp ngay:

- Đêm qua tôi nằm chiêm bao rất là lạ mà tôi thấy thật hay. Tôi đi lạc vào một chỗ tôi chưa hề đến bao giờ. Trước mặt tôi là một cây gỗ lim cổ thụ già đến hàng trăm năm. Cây lim ấy lại có hình dáng như được ai chạm trổ nom rất đẹp mắt. Thế rồi không hiểu làm sao lại có tiếng vọng thôi thúc tôi leo lên cây lim ấy. Tự dưng tôi thấy tôi leo cũng không khó khăn gì lắm mà cả đời tôi có trèo me trèo sấu bao giờ.

Bố tôi lộ vẻ rất hiếu kỳ về giấc chiêm bao của bác Cả đang kể. Bố tôi chưa kịp có phản ứng gì thì giọng bác Cả vẫn đều đều kể như là bác vừa mới sống thật trong giấc chiêm bao ấy.

- Lên đến ngọn cây lim ấy tôi lại nghe thấy tiếng bảo phải lên núi đá trên ấy thì có cái gì hay lắm. Chật vật mãi cũng lên được cái núi đá. Nhưng đến nơi thì tôi thấy núi đá phẳng lì như mặt hồ vậy. Thấy cũng hay. Tôi chạy nhanh được một đoạn thì lại gặp một gò núi khác. Tôi leo ngay vì hình như đã quen leo rồi nên không chờ ai bảo cả. Cái núi này mới là hay hơn cái núi phẳng kia. Qua phần núi thâm đen thì bỗng hiện ra phần núi đá tròn trịa có vân xanh biếc như tranh vẽ vậy. Tôi chưa kịp hết kinh ngạc thì sừng sững trước mặt là một cây tre khổng lồ già nua chắc cũng đến nghìn năm. Có tiếng bảo cây tre cổ thụ này nối lên đến trời đó. Thế là tôi hăm hở leo lên cây tre ấy. Vất vả lắm đấy nhé. Nhưng anh có biết không, tôi leo lên đến ngọn tre đó. Tôi còn nhớ tôi phải leo đến chín đốt tre khổng lồ mỗi đốt cao hơn đầu tôi nữa. Lên đến ngọn thì chung quanh mù mịt chẳng thấy trời mà cũng chẳng thấy đất nữa. Có tiếng ai bên tai tôi bảo rằng ông lên đây làm gì sớm vậy. Bỗng tôi ngã nhào khỏi ngọn tre và giật mình tỉnh giấc.

Bố tôi liên tưởng ngay đến cái đốm trắng thấy trong đêm. Tuy nhiên không hiểu vì sao mà bố tôi lại không chia sẻ chuyện ấy với bác Cả. Hôm ấy bố tôi kiếu từ bác Cả và về lại Hà Nội.

Chín năm sau bác Cả Tơn qua đời. Bố tôi vẫn không dám khẳng định rằng đã nhìn thấy hồn bác Cả Tơn xuất trong đêm hôm ấy bò lên cái bàn mặt đá.❐

Đỗ Tử Hậu

Ngày cuối năm 00

Ảo tưởng

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

(Gởi bạn văn Hàn Song Tường)

Buổi sáng tôi muốn nghĩ về anh
Như giả sử một tình yêu đẹp
Tôi thèm gọi tên anh dến mê hoặc
Và tôi nhớ anh tưởng điên lên
Giá gì anh dến đẫn con bé đi ăn kem
Và chúng ta sẽ tan ra trong cùng một chiếc muỗng
Hạnh phúc

Nhưng anh thì làm sao biết được
Tiếng vọng từ một trái tim xa lạ
Khi chúng ta chưa hề có một lần gặp gỡ
Khi tôi vẫn lơ láo tìm kiếm mỗi sớm mai
Khi đời sống tưởng là sẽ náo động vô vàn
Khi nắng gió vẫn long dong chở xuân về
Cho ai ngoài kia
Khi tôi nói với buổi sáng như nói với
Chính nỗi cô độc của mình

Rằng tôi lại chờ anh vào buổi chiều cuối năm
Rằng anh sẽ mang tới cho tôi những sợi khói nhớ nhà

Và chúng ta sẽ làm đầy chiếc gạt tàn ký ức
Rồi anh sẽ lặng lẽ kể lể về những chuyến đi
Cho hồn tôi là những trùng khơi
Gọi mãi những con tàu
Cho cuộc đời không chỉ là những hoài mơ
Ở tận dâu dâu
Cho tôi không chỉ chợt vui chợt buồn
Và chợt muốn hất tung mọi trật tự

Cho buổi chiều rồi buổi tối tôi vẫn chỉ chờ anh
Tôi chờ anh lúc nửa đêm lúc tảng sáng
Và những lúc không ngờ
Nhưng anh là ai mà tôi gọi đến khản hơi
Anh là ai mà tôi tìm mãi không ra
Anh có mặt trong cuộc đời hay chưa hề có mặt?
Rằng tôi đang giá mướt nào phải dá tảng dâu
Rằng lá đang rụng đầy trong vườn tôi tơi tả

Anh đừng đến thôi xin đừng nghĩa lý
Cho tôi yên với chút mộng cũ càng
Tôi bây giờ dâu mùa phượng xôn xang
Mà tiếng ve sầu chi lòng tri kỷ...

Mất tích

HÀN SONG TƯỜNG

(Gửi Nguyễn Thị Thanh Bình)

Người bỏ sông ra biển
Đêm tháng Năm xanh biếc thủy triều
biển ân cần
người có bình yên?
Đêm thật ngắn
Ta xin làm tiếng sóng
Người cứ trách
Ta chân nhân huyễn mộng
nên trăm năm ví tựa cuộc vui
người nhắn ta
tự biến
tan đi
Đừng quay về nữa
Cơn nắng quái lung linh một dặm
Ta biến đi vời vợi hết mùa Xuân
Chuyện nhân tình
Xa mặt cách lòng
ta cứ tưởng người quên không nhớ
tháng năm yêu kiều.
Sóng biển mênh mang
Cơn mưa nhẹ như hàng lệ nhỏ
Ta trở lại với ngày xưa cũ
mang về người chỉ những giòng thơ
người hát cho ta nghe

Điệu nhạc Tương tư
biển lộng gió âm vang muôn kiếp
người vẫn giận
muốn ta thành bọt nước
ngàn năm sau chẳng thể làm người
Cho ta xin
giả một cuộc chơi
như sân khấu
vở kịch đời đã khép
.....

...Đến cuối năm
người vẫn còn ở biển
gởi cho ta
chén nước biển đầy
Ta uống mặn như nước mắt
lan trong ta
quấn quít máu ta
và hóa kiếp
biến ta xa lạ
Ta sợ hãi
như ngày bỏ xứ
biệt quê hương
thoát cuộc cháy rừng
ta thấy ta
kỳ lạ muôn trùng
nên quanh quẩn - người nói ta mất tích.

Những mảnh quê nhà

Trần Mộng Tú

- Cô ạ ,con phải nộp 400 đô la để lãnh chồng con ra.
- Trời,sao mà nhiều thế ! Họ giữ chồng con mấy ngày ?
- Thưa, chỉ có 2 ngày.
- Thế những người không có đủ tiền nộp cho họ thì sao ?

Người cháu cười nhẹ

- Họ biết ai có tiền, ai không cô ạ. Chúng con nghèo, nhưng họ biết mình có thân nhân ở nước ngoài. Họ biết con sẽ đi vay mượn, rồi gia đình bên đó sẽ gửi sang trả sau. Với người không kiếm được đâu ra tiền, thì họ trả về ngay, chứ ai hơi đâu giữ cái xác nghèo cho tốn chỗ.

Đấy là câu chuyện đầu tiên, khi người cô từ phi trường Tân Sơn Nhất bước vào nhà người cháu.

Một tuần, trước ngày người cô từ Mỹ về thăm Việt Nam thì được tin người cháu rể bị tử nạn xe gắn máy. Cháu đi một mình, nên lúc chết không có thân nhân bên cạnh. Người quen trong xóm, đi qua, đắp cho chiếc chiếu, rồi chạy về xóm báo cho vợ con. Công an đến trước đem xác về đồn. Thân nhân muốn lãnh ra, thì phải nộp tiền lưu trữ. Một số tiền bằng lợi tức của người chết kiếm được trong 4 tháng. (Việc làm của người cháu là thổi kèn cho các đám tang. Mỗi tháng vừa tiền lương vừa tiền thưởng, kiếm được từ 90 đến 100 đô la)

Khi nhận được tin dữ, người cô cứ ngỡ rằng mình về đến Việt Nam thì sẽ thấy mấy mẹ con người cháu khóc lóc, ôm chầm lấy mình. Nhưng người cô chỉ gặp một người đàn bà trẻ, khuôn mặt đông cứng lại, thấy cô mình khóc, thì quay mặt đi một lúc, rồi quay lại phụ với cô mang hành lý ra xe. Bây giờ, ngồi nghe người đàn bà góa trẻ, kể chuyện về cái chết và kể chuyện đám tang cho chồng. Kể bằng một giọng bình thản như kể chuyện đám tang của nhà hàng xóm. Và vẫn với khuôn mặt đông cứng

đó, thỉnh thoảng lại phải quay đi nơi khác, để tránh nhìn vào đôi mắt ướt sũng của người cô.

Người chồng lúc chết không được sửa soạn trước như thế, chắc chẳng thể ngờ rằng vợ con mình lại phải nộp cho Công An địa phương một số tiền lớn như thế, để lãnh xác mình về. Nếu biết, thì nỗi sợ chết của anh sẽ lớn đến thế nào !

Người ta đã chôn xuống đất cả nhạc công, lẫn nhạc cụ.

Trong mười ngày gia đình người cô ở Saigòn, người cháu vẫn chạy đi, chạy lại từ khách sạn trên phố, về nhà cháu ở Tân Thái Sơn. Cháu vẫn nhanh nhẹn, tháo vát, nói luôn miệng. Nhưng thỉnh thoảng, cô bắt gặp cháu ngồi thừ người ra, hai mắt đỏ hoe. Gặp ánh nhìn của cô, thì khuôn mặt cháu đông cứng ngay lại, quay đi chỗ khác. Lòng cô quặn thắt.

Người mẹ nói nhỏ:

- Cẩn thận chân con.

Cô gái nhìn xuống. Cô xém chút nữa thì dẫm phải cái lò than hồng nhỏ, bên cạnh cột đèn. Gọi là cái lò nhưng thực sự chỉ có mấy cục than đốt, đựng trong một cái chậu thau nhôm nhỏ, trên để một cái vỉ có hai cái ngô đang nướng, mùi ngô non thơm lừng. Hà nội buổi tối thật là nhộn nhịp. Cô đang cùng mẹ đi ở phố Lý quốc Sư ngắm cửa hàng hai bên hè. Những quán ăn nhỏ, xếp bàn ghế ngay ra đường. Những chiếc bàn thấp và những chiếc ghế rất nhỏ. Cha cô đang ngồi một trong những chiếc ghế đó ở góc phố, uống bia và nói chuyện với những thanh niên Hà nội. Họ nói được rất ít tiếng Anh, và cha cô thì mới bắt đầu nói tiếng Việt từ khi đến Hà nội. Mẹ cô bảo "Cha con nói tiếng Việt nghe như tiếng Ấn Độ, mẹ chẳng hiểu gì cả."

Nhưng hình như những người thanh niên đó và cha cô, họ hiểu nhau. Trông họ vui vẻ và thân thiện nhau lắm. Họ mời cha cô ăn một miếng "Chả Rươi", đó là món trứng chiên trộn lẫn với những con sâu ngũ sắc, vớt lên từ ruộng (chỗ nước ngọt và nước mặn ráp nhau.) Mẹ cắt nghĩa thêm cho cô nghe: Món này muốn cho thật ngon thì bao giờ cũng phải cho thêm một ít vỏ quít thái nhỏ vào.

Gia đình cô đến Hà nội được ba hôm rồi. Hôm mới từ khách sạn bước ra phố, cha cô thấy là cần phải mua một cái nón. Ông lựa mãi mới mua được chiếc nón vải có màu xanh lá cây đậm. Mẹ bảo "Đó là nón cối của bộ đội". Mẹ không cho cha lấy cái nón có gắn hình ông sao màu vàng, mẹ còn dặn thêm. "Anh sẽ không dùng được cái nón này, khi anh về Mỹ". Trong những ngày ở Hà nội, cha đi ra ngoài luôn luôn đội cái nón cối đó.

Có những người đàn ông trong thành phố, mặc đồng phục, và đội cái nón cối đi làm việc. Khi thấy cha cô cũng có một cái nón giống họ, họ tươi cười hỏi:

- Cháu bác Hồ đi đâu đó? Cha cô vẫy tay chào lại họ.

Cha cô hồn nhiên, tưởng là đi đến đâu mà đội chiếc nón đó, cũng sẽ được chào hỏi, hay ít nhất cũng không làm phiền ai. Khi vào miền Nam, ở Saigòn cha cô cũng vẫn đội chiếc nón đó vào một tiệm ăn, thì một người đàn ông bước đến nói với cha cô:

- Ở đây chúng tôi không cần thêm một VC nữa.

Cha cô, từ hôm đó, ông mua một chiếc nón khác đội.

Cả cô và cha cô, đây là lần đầu tiên đặt chân đến Việt Nam. Mẹ cô là người đàn bà Việt Nam đầu tiên cha cô gặp trên đất Mỹ và kết hôn, còn cô thì được sanh ra ở Los Angeles, năm nay cô 21 tuổi. Đối với cha con cô, quê hương của mẹ cô có nhiều điều cần học hỏi và khám phá. Mặc dù trước khi về thăm Việt Nam, cha cô đã ra thư viện mượn một chồng sách viết về Việt Nam để tìm hiểu về địa lý cũng như cách ứng xử, nhưng quả thật câu chuyện về "cái nón cối" trên thì không có sách nào chỉ dẫn. Ngay cả mẹ cô là người Việt, cũng không ngờ được hai phản ứng trái ngược nhau hoàn toàn , cho một cái nón trên cùng một xứ sở.

Hà nội đối với cô là một thành phố đẹp, cái đẹp hiền lành cổ kính cộng thêm một chút chênh vênh, cái mới có tham dự nhưng vẫn rụt rè. Ở thành phố này cô tìm thấy cái nghèo khó, dản dị của những người gánh hàng bán rong, những con đường hẹp và những cống rãnh không lối thoát, những ngôi nhà mới cất có chiều ngang rất hạn chế, nhưng chiều cao thì mặc sức. Nó cũng được trang trí và sơn phết nhái theo kiến trúc của Âu Mỹ, và nó thản nhiên đứng sát cạnh những ngôi nhà ọp ẹp cũ kỹ. Mẹ cô bảo những ngôi nhà cũ kỹ này, hình như họ quên mở cửa từ ngày mẹ cô rời Hà nội (có nghĩa là một ngày rất lâu như cổ tích vậy). Cô đi theo mẹ qua những con phố bao giờ cũng bắt đầu bằng chữ "Hàng" : Hàng Trống, Hàng Gai, Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Bông, Hàng Đường v.v. Mẹ bảo ở thời xa xưa, người ta chỉ cần đọc tên phố là biết ở đó bán gì. Nhưng ngày nay thì họ cứ bầy ra tất cả những gì họ có thể bán được, ngay trước cửa hiệu của những con đường đó. Phần đông là bán cho du khách và Việt kiều.

Gia đình cô ở khách sạn Phúc Lợi, ngay cạnh Nhà Thờ Lớn Hà nội , mỗi buổi sáng, chuông nhà thờ đổ cho lễ 5 giờ sáng. Cô thì còn ngủ,

nhưng cả cha mẹ cô đều dậy đi bộ sang xem lễ. Khi xem lễ xong, cha cô ghé ngồi xuống chiếc ghế thấp ở ngay góc đường, uống nước trà và mua bánh mì trứng ốp la của bà cụ bán hàng. Mới có mấy hôm mà họ đã thành bạn, mặc dù cô biết chẳng ai hiểu ai nói gì cả. Một hôm mẹ ghé mua bánh thay cha. Mẹ hỏi cụ bao nhiêu tiền, thay vì nói giá thì cụ lại trả lời:

- Bác trai vẫn trả cho tôi mười ngàn.

Mẹ cô cứ khen mãi về cách nói của người Hà nội. (Vì mẹ biết cụ bán cho những người ở đó chỉ có bốn ngàn)

Cha cô muốn thuê một chiếc xe đạp để đi một vòng, mẹ sợ lắm nhưng cản không được, đành phải để cho cha đi. Mẹ đưa cho cha một ít tiền Việt và cái địa chỉ của khách sạn. Cha dạp xe ra tận cầu Long Biên, chụp ảnh những người buôn bán bằng thuyền trên sông. Cha kể, mỗi lần muốn chụp ảnh, mấy bà bán hàng xòe đủ 5 ngón tay đưa lên, cha phải trả đủ năm ngàn mới được chụp. Khi gần hết tiền, cha đưa 3 ngón tay lên mặc cả, mấy bà lắc đầu lia lịa. Sau biết là cha thực sự hết tiền mấy bà mới chịu xuống giá. Mẹ và cô cười mãi về tài trả giá của cha. Sau đó cứ mỗi lần định mua món gì, mẹ bảo gọi cha ra mặc cả.

Gia đình cô đi thăm họ hàng bên nội của mẹ, ở cách Hà nội cả 100 cây số. Đó là một ngôi làng nhỏ ở sát sông Hồng, thuộc tỉnh Yên Bái. (Mẹ bảo quê nội chính của mẹ ở Nam Định, nhưng bây giờ họ hàng lập nghiệp ở đây, nên mình về đây thăm, lần khác mẹ sẽ cho đi Nam Định). Gặp ai mẹ cũng khóc, và cô thì thấy mọi người chung quanh khóc cũng mủi lòng khóc theo. Những đứa bé ở trong họ vây chung quanh cô. Chúng vuốt những sợi lông măng mầu vàng trên cánh tay cô, xem có thật hay không. Cô thì cao lớn, chúng thì bé nhỏ, gầy guộc. Những người cô phải gọi bằng anh chị thì cũng bé nhỏ hơn cô, mặc dù cô đoán có người nhiều tuổi hơn, làm cho cô thấy ngượng ngập vì cái chiều cao của mình. Những đứa bé dắt cô ra vườn sau xem con sông phù sa đỏ quạch và những vườn rau cải xanh ngắt của gia đình, họ trồng ngay sát bãi phù sa. Những bụi tre, bụi chuối, khóm miá, cây bưởi, cây đu đủ, chuồng gà, chuồng lợn, chuồng chim bồ câu. Tất cả đều mang một vẻ đẹp mà cô chưa được nhìn ngắm bao giờ. Cha cô nói:

- Họ có nhiều thứ quá ! Kể cả nhà trên mặt nước- waterfront house- Sống như thế này sao bảo rằng thiếu thốn được.

Mẹ chậm rãi nói.

- Anh nghĩ lại đi, mùa đông ở Lào cay, Yên Bái rất lạnh, khi không trồng được rau để ăn, và đem ra chợ bán, thì sống bằng gì ? Lương hưu trí của anh Chính có hai trăm ngàn một tháng (Một trăm bốn chục ngàn =

10 đô la) còn cái mà anh gọi là "waterfront house" thì chỉ là mối lo cho những mùa nước lớn.

Có một hình ảnh cô cho là rất ngộ nghĩnh khi thấy cha cô ngồi ăn cơm giữa những ông bà bác của cô, họ thay nhau tiếp thức ăn vào bát của cha, cha cứ phải nhìn mẹ, vì không thể nào ăn hết được. Khi ăn cơm xong, họ dắt cha ra sân trước, ở đó đã có sẵn một chậu nước, nhưng ai đó lại chạy vào trong bếp mang ra một ấm nước sôi để pha vào, cha cô xua tay rối rít. Để cho mọi người hiểu mình là người đản dị, cha cô chạy thẳng ra giếng, tự bơm nước lên rửa mặt, nước ở giếng bơm lên có mầu hồng, để một lúc phù sa đóng dưới đáy chậu một lớp khá dầy.

Lúc ở Mỹ bắt đầu ra đi mẹ cô chỉ sợ cha con cô đòi về nửa đường. Bây giờ thì cả cô và cha đã bàn với nhau về ngày trở lại Việt Nam lần tới. Quê hương của mẹ đẹp quá!

Tôi đứng ở đầu mũi tầu, gió thổi ngược , tầu trôi vào giữa vịnh. Hạ Long với trên 2000 hòn đảo nhỏ, sáng nay đứng im trong màn sương, trông như những người thợ lặn vừa nhô lên từ dưới nước, đang hoang mang định hướng giữa những vòng sóng vây quanh. Tầu trôi chầm chậm, mặt trời chưa mọc, trong màn sương đầy đặc đó có những chiếc thuyền thúng, thuyền tam bản đang rẽ nước đi ra từ sau những hòn đảo nhỏ, để tiến về phía tầu lớn của du khách. Tất cả gom lại thành một bức tranh thủy mặc được phóng lớn , một bức tranh được vẽ bằng cây cọ của thợ trời.

Mỗi chiếc thuyền tam bản tiến về phía tầu, trên đó bao giờ cũng có ba người. Một người đàn ông , điều khiển cho thuyền chạy bằng một cái máy đuôi tôm, một người đàn bà bán hàng, và một đứa nhỏ. Có thuyền bán trái cây, nước ngọt, thuốc lá và bánh kẹo. Có thuyền bán hải sản, những con cá, tôm, cua, ếch, lươn,v.v. còn sống bơi lội trong những cái thau nhựa xanh đỏ , thuyền thúng thì nhỏ hơn nên nhiều khi chỉ bán có cần câu và mồi câu cho du khách. Khi thuyền cập sát vào tầu, người đàn bà đứng lên, quăng một cái dây vào một then ngang nào đó của thân tầu, và rút lại một cái nút rất khéo léo,rồi thuyền nhỏ tự nó được kéo đi theo thuyền lớn. Du khách trên tầu có thể cúi xuống mua tôm, cá tươi đem lên tầu nhờ nhà bếp luộc, ăn luôn tại chỗ, hay mua một nải chuối vừa chín tới, một túi miá, một gói hạt dẻ rang, để vừa nhâm nhi vừa ngắm tầu từ từ đi vào bức tranh thuỷ mặc.

Khi du khách còn đang sững sờ với vẻ đẹp của nước, của trời, thì đúng lúc một đứa bé độ năm hay sáu tuổi từ phía sau của chiếc thuyền đi ra, nó gầy gò, lem luốc, nó đứng chênh vênh ở mũi thuyền mà không hề

sợ ngã, hình như nó đang rao bán một món hàng. Nhưng không phải, nó đang làm việc của một đứa bé ăn mày.

- Ông bà cho cháu xin tiền ăn quà.

- Ông bà cho cháu xin tiền ăn quà.

Lời nói lập đi lập lại như một cái máy được bấm nút. Có khi vừa nói, đứa bé vừa lơ đãng nhìn mấy hòn đảo, hay cúi xuống nhìn mấy con tôm đang nhảy trong cái thau nhựa. Người đàn bà đang bán hàng giơ tay đập vào lưng nó mấy cái nhắc nhở , lúc đó nó lại ngửng đầu lên nhắc lại lời rao.

- Ông bà cho cháu xin tiền ăn quà.

- Ông bà cho cháu xin tiền ăn quà.

Bốn năm chiếc thuyền tranh nhau cập sát vào tầu của du khách và trên chiếc thuyền nào cũng có một đứa bé, con trai hoặc con gái ở cái tuổi lớp hai, lớp ba bước ra đứng ở mũi thuyền. Chúng gầy gò, mặt mũi còn ngơ ngơ, quần áo xộc xệch, đứng chênh vênh như một hòn đảo nhỏ.

Vịnh Hạ Long đẹp lắm ! Đúng là một kỳ quan của thế giới. Cái đẹp không thể tả bằng lời, không thể chỉ xem bằng phim ảnh, mà phải đến tận nơi để thăm những hang động (Hang Thiên Đàng, Hang Đầu Gỗ, Hang Sửng Sốt) để nhìn tận mắt quần đảo, để nghe tiếng gió trên vịnh vào buổi chiều, để ngắm sương mù trên vịnh lúc bình minh. Và nhất là để nghe tiếng van xin thản nhiên như những tiếng rao hàng.

Một mùi hương thơm ngát đưa từ khu vườn phía sau vào trong nhà. Những người khách mới đến hít hà hỏi chủ nhà:

- Mùi hoa gì mà ngào ngạt thế !

- Dạ hoa cà phê. Bà chủ nhà trả lời

- Cho chúng tôi ra vườn được không ?

- Dạ.

Chủ nhà vừa đáp vừa đứng lên đưa khách ra vườn. Nói là vườn thì chắc là không đúng, vì phía sau rộng đến sáu mẫu tây. Trước khi đi sâu vào trong những hàng cây, mọi người đi qua một chiếc sân trải xi măng khá rộng, trên sân là những hạt cà phê có mầu đỏ, xanh, tím, nâu đang phơi và bốc lên một mùi ngai ngái của những hạt cây bị ẩm, chưa khô hẳn. Những người khách vừa hắt hơi vừa hỏi chủ nhà.

- Nhỡ đang phơi thế này mà mưa ập xuống thì sao ?

- Dạ chúng em chỉ nhìn trời mà chạy vội ra, thu vào được bao nhiêu thì thu, còn không thì phải đợi nắng quay lại.

Cả khách và chủ đi lẫn vào dưới những cây cà phê đang ra hoa trắng xóa. Không ai hỏi và không ai nói nữa. Hương hoa cà phê làm những

tiếng động nhẹ cũng như ngừng hẳn lại, như chìm hẳn vào trong mùi hương. Ở đây êm ả quá ! Những người khách từ phương trời xa lắc đến, họ không còn nhớ được những xa lộ với sáu hoặc tám hàng xe cùng chạy một lượt, những cao ốc và những tiếng động rào rào như sóng biển. Họ cũng quên hết những câu chuyện kể về một đất nước chiến tranh , những quả pháo kích và thuốc khai quang, những đám cháy và những bãi mìn. Bom đạn, chết chóc hình như chưa bao giờ ghé qua đây.

Có chiếc động cơ chạy của một chiếc máy gì đó. Từ trong lùm cây , một chiếc xe thồ cũ kỹ, được gắn bằng đầu máy của một chiếc xe Honda. Một thanh niên trạc 23 , 24 tuổi đang lái về phía khách. Bà chủ nhà giới thiệu.

- Đây là cháu lớn của chúng tôi, cháu thôi học và làm rẫy cà phê từ lúc 14 tuổi. Hai năm nay cha cháu mất, cháu trở thành người lãnh trách nhiệm chính cho phần thu thập lợi tức cho cả gia đình.

Những người khách ngắm nhìn người thanh niên. Nước da anh sạm đen, tóc dầy, nụ cười tươi, trên mặt anh không có cái khắc khổ chịu đựng của một người vất vả. Anh nói cho khách nghe về những may rủi của từng vụ mùa, về số cà phê thu được và số cà phê loại bỏ. Khi cà phê được giá thì cả tỉnh Long khánh của anh người nào cũng no đủ, mấy năm nay cà phê mất giá cả tỉnh xơ xác, chợ cũng không có rau mà bán. Trong khi anh than vãn về sự thiếu hụt, nét mặt anh vẫn tươi. Khách nhìn vào hai bàn tay của anh, hai bàn tay nứt nẻ, thô nhám, đen dủi nhựa cà phê. Anh đang đưa tay ra hái một đóa hoa ngang mặt, bất giác khách liên tưởng đến những bàn tay của những thanh niên bằng tuổi anh ở bên kia biển, những bàn tay sạch sẽ, hồng hào chỉ cầm bút và gõ gõ trên máy vi tính. Đóa hoa cà phê trắng muốt tỏa hương thơm nằm gọn trong bàn tay đen đúa của anh , trông như cánh chim của một con chim bồ câu nhỏ nằm trong một mảnh bom. Bàn tay anh có lẽ là vết tích duy nhất cuả chiến tranh để lại khi đi qua mảnh đất này.

Chiến tranh thật sự đã đi qua đây, nó lấy mất tuổi thiếu niên của anh, nó lấy đi sách vở, bạn, trường. Nhưng may mắn nó còn để lại cho anh những bông hoa cà phê thơm ngát, trắng ngần.❐

Tin văn

Thế Quân

Bắt đầu từ số này, anh Thế Quân nhận viết thường xuyên cho Văn Học mục Tin Văn, dựa theo những bản tin liên hệ đến sinh hoạt của văn giới và ngành xuất bản trên thế giới, qua các báo và Internet. Văn Học xin cảm tạ sự cộng tác của anh Thế Quân, và mong ước mục này sẽ hữu ích cho cả các văn hữu lẫn bạn đọc.

Tác phẩm chưa hề xuất bản của Mark Twain

Tạp chí văn học "Atlantic Monthly", Hoa Kỳ, đã mua bản quyền xuất bản một truyện ngắn của nhà văn Mark Twain mà tạp chí này đã từng từ chối không đăng khi tác giả sáng tác nó vào năm 1876. Patrick Martin, luật sư thương thuyết chuyện mua bán cho Thư Viện Công Cộng Quận Buffalo & Erie là chủ nhân hợp pháp bản quyền truyện này, nói: "Chúng tôi đang thay đổi ý kiến của tạp chí Atlantic, sau 125 năm". Giá bán truyện ngắn có tựa đề "A Murder, a Mystery and a Marriage" này của Mark Twain chưa được tiết lộ. Truyện được viết vào năm 1876, là năm mà ông bắt đầu viết tác phẩm trứ danh "Huckleberry Finn". Tác phẩm được Mark Twain thai nghén như là một phần trong cuộc thi đua thân hữu trong đó bảy hoặc tám nhà văn sẽ viết một câu chuyện phù hợp với một bản phác thảo đặc biệt cho trước. Mark Twain là nhà văn duy nhất hoàn thành truyện.

Truyện sẽ đăng trên "Atlantic Monthly" số ngày 15 tháng Sáu năm nay. Sau đó, nó sẽ được nhà xuất bản W.W Norton & Co. xuất bản vào tháng Chín, loại bìa cứng.

Thư viện Buffalo & Erie dự tính sẽ tổ chức một cuộc thi liên quan đến tác phẩn mới này. Trước khi truyện được xuất bản, những người dự thi sẽ được cho đọc phần đầu của câu chuyện và phải viết tiếp để hoàn thành nó.

Tác phẩm của Issac Bashevis Singer được dịch sang tiếng Pháp

Tháng 1/2001, nhà xuất bản "Mercure de France", Pháp, đã cho xuất bản một tác phẩm mới của nhà văn Hoa Kỳ gốc Do Thái Issac Bashevis Singer có tựa đề "Les Ombres de L'Hudson". Tác phẩm khá dày, lên đến hơn 750 trang, do Marie-Pierre Bay dịch từ bản tiếng Anh "Shadows on the Hudson".

Singer đoạt giả Nobel về văn chương năm 1978. Tác phẩm này được đăng từng kỳ (feuilleton) trên nhật báo "Forward", giữa tháng 1/1957 đến tháng 1/1958. Cũng như tất cả các tác phẩm của ông, tác phẩm này được viết bằng ngôn ngữ Do Thái cổ, tiếng Yiddish. Tuy đã được in trên báo lâu như thế, nhưng bản tiếng dịch tiếng Anh của nó chỉ mới được xuất bản vào năm 1998 ở Hoa Kỳ, 7 năm sau khi nhà văn qua đời (1991). Lý do của sự chậm trễ này có thể là vì tác phẩm này chưa hề được chính tác giả xem xét, coi sóc, nhuận sắc. Dù đã được chăm sóc cẩn thận bởi giám đốc nhà xuất bản Robert Giroux, là người cộng tác lâu năm với tác giả qua nhiều tác phẩm của ông, "Les Ombres de l'Hudson" chứa đựng rất nhiều sai sót về nhân vật, sự kiện từ phía tác giả. Bài điểm sách trên tờ *Le Monde* ngày 18 tháng 1/2001 do Martin Silbert viết, gọi đây là một kiệt tác, nhưng là một kiệt tác còn dang dở.

Câu chuyện diễn ra vào giữa các năm 1947 và 1948, sau những kinh hoàng của Đệ Nhị Thế Chiến trong đó, hàng triệu người Do Thái bị bách hại. Nhân vật chính , được đánh giá là "có vẻ singer" nhất (singerien) hơn bất cứ nhân vật nào khác của ông, là người bị những đam mê tình ái cuồng nhiệt dẫn đến những tuyệt vọng, lo âu, ám ảnh gây nên những hậu quả tệ hại cho chính ông ta và nhiều người khác. Nhân vật này, cũng như nhiều nhân vật khác của ông, "không chỉ là nạn nhân của Đức Quốc Xã, mà còn là nạn nhân của chính cá tính, nhân cách của họ và số mệnh của riêng họ". Họ đều là nạn nhân của những cái bóng nằm ngay bên trong nội tâm họ.

Cũng cần biết, Issac Bashevis Singer là nhà văn duy nhất đoạt giải Nobel văn chương qua những tác phẩm viết bằng một "tử ngữ", đó là tiếng Yiddish. Ông cũng là nhà văn duy nhất làm cho khán giả bật cười khi phát biểu trong buổi lễ nhận giải thưởng Nobel tại Stockholm năm 1978 rằng tiếng Yiddish ông viết là một "ngôn ngữ bệnh" (language malade, ý ông nói là một ngôn ngữ hấp hối), chứ chưa phải là tử ngữ (language mort). Tuy thế ông thích nó vì đó là tiếng mẹ đẻ của ông và với nó, ông có thể diễn tả được nhiều hơn những gì ông muốn diễn tả.

Tác phẩm mới của nhà văn lưu vong An-Phú Hãn

Tháng 12/2000, nhà xuất bản Pháp "Inventaire" đã xuất bản tác phẩm mới nhất của nhà văn nữ An-Phú Hãn Spôjmai Zariâb *"Ces murs qui nous écoutent"* (Tai vách mạnh rừng). Đây là tác phẩm thứ ba của bà được xuất bản bằng song ngữ Pháp-An Phú Hãn. Hai tác phẩm trước là *"La plaine de Cain"* và *"Portrait de ville sur fond mauve"*. Tác phẩm mới này là một tuyển tập gồm ba truyện vừa "La Carte d'Identité", "A la chasse aux anges" và " Ces murs qui nous écoutent". Đề tài chính của cả ba truyện là tình trạng áp bức đã và đang diễn ra tại xứ sở nguyên quán của bà, xứ An Phú Hãn, thời quân đội Liên Xô chiếm đóng cũng như dưới chính quyền của các nhóm Hồi Giáo cực đoan. Truyện "A la chasse aux anges" mang tính ẩn dụ cao, mà những nhà phê bình cho là gợi lại không khí của truyện Kafka(kafkaien). Truyện mô tả thảm kịch mà người phụ nữ An Phú Hãn phải chịu đựng do truyền thống phân biệt đối xử của xã hội Hồi giáo và những hậu quả bi thảm của nó tiếp tục đè nặng lên thân phận phụ nữ. Bà nêu bật hai điều cấm kỵ đối với phụ nữ Hồi giáo: việc làm và đại học.

Những tác phẩm của bà đã khiến bà trở nên khuôn mặt tượng trưng cho cuộc đấu tranh chống áp bức dưới mọi hình thức và giải phóng phụ nữ, đồng thời đưa bà lên khuôn mặt hàng đầu của nền văn chương An Phú Hãn hiện đại. Bà là con của một nhà trí thức mới An Phú Hãn, được theo học đại học, được xuất ngoại du học tại Pháp. Trở về nước, bà tiếp tục học và đỗ tiến sĩ. Bà làm việc cho toà đại sứ Pháp tại An Phú Hãn và bắt đầu viết trong thời gian này. Năm 1991, không thể chịu nổi chính sách đàn áp thô bạo của chính quyền Hồi giáo cực đoan, bà bỏ nước ra đi, chọn cuộc sống lưu vong tại Pháp cùng với hai con gái và chồng. Bà hiện sống ở Montpellier. Bà phát biểu về sự chọn lựa của mình: "khi một người rời bỏ xứ sở của mình, trước hết, đó là một mối nhục cho toàn thể gia đình. Nhưng bây giờ, đó là cách duy nhất để sống còn". Nói về thân phận lưu vong, bà cho biết, viết là cách duy nhất để duy trì sự liên hệ với nơi sinh trưởng của mình. Theo bà, "Lưu vong là một sự sụp đổ bất ngờ và tàn nhẫn, một cú "sốc" lớn đến nỗi phải cần thời gian để thoát ra khỏi cơn khủng khoảng này".

Một cuốn truyện gây sôi nổi ở Ai cập

Không ai có thể ngờ rằng chỉ với tác phẩm đầu tay, nhà văn Tawfiq Abde Rahman đã từ chỗ chưa ai biết đã trở nên nổi tiếng như cồn. Đầu

tháng 1/2001, tác phẩm đó được xếp hàng đầu trong nghị trình thảo luận của quốc hội và nằm trên trang nhất của các nhật báo và các tạp chí văn chương. Cuốn truyện đặc biệt này có tựa đề là *"Before and After"*. Chỉ hai tuần sau khi được bày bán, cuốn truyện đã được lệnh tịch thu, vì bị kết án là "dâm ô tục tĩu và vô đạo đức". Bộ Trưởng Văn Hóa Ai Cập Farouk Hosni bị gọi ra chất vấn trước quốc hội trong một phiên họp được triệu tập khẩn cấp để bàn về cuốn truyện, chỉ vì một cơ quan thuộc bộ của ông đã đứng ra xuất bản cuốn truyện này. Trong số 3000 bản in, hơn 1700 cuốn đã bán trước khi bị tịch thu.

Truyện có gì mà ghê gớm thế?

Nhân vật chính của truyện là một viên chức dân sự hồi hưu, kể lại chi tiết những thay đổi xã hội và chính trị ở Ai Cập trong vòng 50 năm qua xuyên qua những kinh nghiệm sống động tuổi thơ của mình ở một ngôi làng nhỏ và sau này ở Cairo, thủ đô Ai Cập. Truyện có cảnh tả người yêu của nhân vật chính cởi áo quần và làm tình ngay trên giường ngủ bệnh viện. Chính nhà văn thừa nhận rằng cảnh này dự phần vào cấu trúc văn chương của tác phẩm.

Người chịu trách nhiệm xuất bản tác phẩm, Ali Abu Shadi và 5 viên chức khác thuộc bộ Văn Hóa đã bị thải hồi. Shadi, một nhà văn đồng thời là nhà phê bình văn học, phát biểu với phóng viên của hãng thông tấn Associated Press rằng, "nhượng bộ các thế lực đen tối, nhà cầm quyền đã phát động một cuộc tấn công vào sự tự do sáng tạo và quyền biểu lộ tư tưởng". Cũng với hãng thông tấn này, trong một cuộc phỏng vấn khác, nhà văn Abde Rahman cho rằng "Tôi chỉ là một nhà văn. Đối với tôi, điều quan trọng là nói những điều tôi muốn nói và làm cho người khác nghe chúng. Chính trị không phải là thứ tôi thích".

Trong ba thập niên qua, nước Ai Cập với ảnh hưởng ưu thế của Hồi giáo đã trở nên bảo thủ hơn trong mục đích muốn làm sống lại tinh thần truyền thống của Hồi giáo. Vì thế, chính phủ của tổng thống Hosni Mubarak đã từng bước cấm các phim ảnh, các chương trình truyền hình và các tác phẩm văn chương có chứa đựng những cảnh tình dục lộ liễu.

Alain Robbe-Grillet bước sang 80 tuổi.

Robbe-Grillet, tuy từ lâu ít được báo chí đề cập đến, nhưng hoàn toàn không bị rơi vào quên lãng. Sinh năm 1922, năm nay, nhà văn đã 80 tuổi. Để mừng thượng thọ bát tuần của nhà văn, tạp chí văn chương Pháp "Livres Hebdo" tuyên bố năm 2001 là "Năm Robbe-Grillet" (Année Robbe-Grillet). Với sự hợp tác của nhiều nhà xuất bản và nhiều nhà văn,

chương trình dành cho "Năm Robbe-Grillet" sẽ gồm nhiều hoạt động khác nhau. Khởi đầu là một tiểu thuyết mới của nhà văn có tựa đề là *"La Reprise"* do nhà xuất bản "Minuit" ấn hành và một tuyển tập các bài xã luận do nhà xuất bản "Christian Bourgois" phụ trách. Cả hai tác phẩm sẽ xuất hiện vào đầu mùa thu 2001. Chương trình sẽ được tiếp nối bởi một cuộc gặp gỡ ở Trung Tâm Pampidou, một cuộc triển lãm ở Caen trưng bày nhiều tài liệu chưa hề công bố, một số đặc biệt của tạp chí "Critique" dành vinh danh nhà văn. Đến đầu mùa xuân 2002, sẽ có một cuộc họp mặt ở Caen thảo luận về sự nghiệp điện ảnh của Robbe-Grillet và chiếu nhiều thước phim chưa hề công bố. Các chương trình hấp dẫn này được nối tiếp theo một cuộc trò chuyện dài với nhà văn được in trên tạp chí "Livres Hebdo". Tạp chí này gọi Robbe-Grillet là "cha đẻ của tân tiểu thuyết" (le papa du nouveau roman). Tuy đã bát tuần, nhà văn không hề mất đi nét hài hước và nhiệt tình sống động ngày nào. Qua cuộc nói chuyện này, nhà văn đã gợi lại nhiều kỷ niệm xưa cũng như nhiều đề nghị mới. Hỏi về nhận xét của nhà văn đối với thế hệ nhà văn mới hiện nay, Robbe-Grillet trả lời: "Tôi chẳng thấy có bất cứ ai có thể tiếp cận được với tân tiểu thuyết hay nhóm Tel Quel...Tôi thấy chẳng có ai xứng đáng cả". Nhận xét này có lẽ là phản ứng tất nhiên đối với một quan điểm phê bình dai dẳng từ cả 40 năm qua chống lại phong trào tân tiểu thuyết mà ông là một trong những người chủ trương, theo đó, "Tel Quel và tân tiểu thuyết đã giết chết nền văn chương Pháp". Nhà văn thừa nhận : "Dưới mắt tôi, cơn mê sảng thần kinh của những người chống đối tân tiểu thuyết vẫn còn lớn lắm".

Như ta đã biết, cùng với Nathalie Sarraute, Michel Butor...., Alain Robbe-Grillet là khuôn mặt hàng đầu khởi xướng một trào lưu văn chương mới ở Pháp vào những năm cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70, gọi là "tân tiểu thuyết". Những tác phẩm chính của ông là *"Pour un nouveau roman"*, *"Les gommes"*, *La jalousie"*...

50 năm "The Catcher in the Rye"

Trong lúc Pháp rộn ràng như thế với các hoạt động đánh dấu bát tuần của Robbe-Grillet, thì ở Hoa Kỳ, năm nay là năm kỷ niệm ngũ tuần của một tác phẩm đã một thời làm xôn xao văn giới cũng như xã hội và trường học, lại diễn ra trong thầm lặng. Tác phẩm đó là "The Catcher in the Rye" của Jerom David Salinger mà dịch giả Phùng Khánh ở miền Nam Việt Nam trước đây đã dịch là "Bắt trẻ đồng xanh". Sẽ không có một buổi đọc sách chính thức và công khai nào, sẽ không có hội thảo về tác phẩm, cũng sẽ không có một thông cáo báo chí nào. Hoạt động duy nhất là một ấn bản

mới của cuốn truyện in trên bìa thường, do nhà xuất bản "Little, Brown and Co." ấn hành. Tại sao thế? Terry Adams, phó chủ tịch và giám đốc giao dịch của nhà xuất bản trả lời ngắn gọn "Miễn bàn" (No comment) khi được hỏi tại sao lại không có một hoạt động kỷ niệm công khai nào về tác phẩm.

Adams có lý do chính đáng để thận trọng, không những trong việc tổ chức bất cứ cái gì liên quan đến nhà văn mà ngay cả một vài phát biểu bình thường. Như Robbe-Grillet, năm nay, Salinger đã thượng thọ "trên" bát tuần (82 tuổi). Nhưng hoàn toàn khác với Robbe-Grillet, ông vẫn tiếp tục tránh tất cả báo chí, tránh mọi xuất hiện công khai và không chấp nhận bất kỳ một cuộc thảo luận nào liên quan đến cuộc đời và tác phẩm của ông. Ông có một lịch sử khá độc đáo với nhiều lần sử dụng hình thức luật pháp để ngăn cản các cuộc thảo luận đó.

Năm 1982, ông kiện một người đàn ông cố gắng bán một cuộc phỏng vấn giả tưởng với nhà văn cho một tạp chí.

Năm năm sau, ông kiện đến Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ để chận đứng việc xuất bản một cuốn sách của Ian Hamilton viết về tiểu sử của Salinger trích dẫn từ những bức thư chưa được công bố của tác giả.

Năm 1991, trường đại học Brandeis loan báo tác giả được chọn để tặng một trong chín giải thưởng về nghệ thuật của trường, nhưng cuối cùng phải rút lui, vì Salinger dọa sẽ kiện nhà trường vì lý do: việc phát giải thưởng này có thể đưa đến chỗ dư luận sẽ cho rằng ông phải xuất hiện trước công chúng để nhận giải.

Năm 1996, người đại diện Salinger kiện một trang nhà trên Internet do một số độc giả ngưỡng mộ xây dựng nhằm để vinh danh ông. Cuối cùng họ phải dẹp bỏ.

Tuy không ai dám làm gì để kỷ niệm về tác phẩm của Salinger, nhưng các nhà sách lại không bỏ lỡ cơ hội. Cuốn "The Catcher in the Rye" mới tái bản của ông được trưng bày ở ngay những nơi trang trọng nhất của tiệm sách. Nó tiếp tục được bán hàng trăm ngàn ấn bản và được giảng dạy trong trường và được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Vô số Web site được lập ra trên mạng lưới để vinh danh ông. Ở Hoa Kỳ, hiếm có ai dưới tuổi 50 lại không có một đôi điều để bàn về tác phẩm độc đáo này.

Salinger đã nổi tiếng về tài viết truyện ngắn khi tác phẩm "The Catcher in the Rye" ra đời vào năm 1951. Người đóng vai kể chuyện của tác phẩm (tức là nhân vật chính) Holden Caufield vẫn còn xem như đồng hóa với sự vong thân của lứa tuổi thiếu niên, nhưng được thế hệ lớn tuổi xem là nguy hiểm, cần phải được loại bỏ khỏi thư viện. Một bi kịch xảy ra vào năm 1980 lại càng làm mạnh thêm đòi hỏi này: Mark David Chapman cầm tác

phẩm này trong khi bắn chết người nhạc sĩ trứ danh của ban nhạc the "Beattle" John Lennon. Sau này trong lá thư viết cho một tờ nhật báo, Chapman cho biết : "Ước mơ của tôi gửi đến tất cả quý vị là một ngày nào đó, quý vị sẽ đọc "The Catcher in the Rye". Tất cả nỗ lực của tôi bây giờ sẽ được hiến dâng cho mục tiêu này, vì cuốn truyện kỳ diệu này chứa đựng tất cả các câu trả lời".❐

ĐÍNH CHÍNH

Bài viết của tác giả Trần Hữu Thục, tựa đề "Viết truyện, từ chỗ chênh vênh" đăng trên *Văn Học Xuân Tân Tỵ 2001*, số 177&178, tháng 1 & 2/ 2001, thiếu mất phần "ghi chú" cho những trích dẫn liên hệ đến bài viết. Lý do là vì tác giả đã sử dụng "footnote text" của Microsoft Word để ghi chú, và các "foot text" này, không hiểu vì lý do kỹ thuật nào, đã bị biến mất khi chuyển bằng email. Để tiện việc tra cứu, chúng tôi xin đăng lại những "ghi chú" đó. Để tiện theo dõi, ngoài số thứ tự, chúng tôi cho ghi lại số trang và số dòng. Nhân đây, chúng tôi xin lưu ý các văn hữu, khi gửi bài qua email, xin sử dụng cách ghi chú thường, hoặc nếu dùng cách ghi chú bằng "footnote text", xin nói rõ để liên lạc điều chỉnh.

1. Trang 50, dòng 14: Lê Văn Tài, trả lời phỏng vấn, *Việt* số 5, năm 2000, tr. 218

2. Tr. 51, d. 16: Phần này, và cả các phần sau, lập lại một số ý tưởng căn bản tác giả đã trình bày trong các bài "Thực và hư trong văn chương" (*Văn Học* số 124, tháng 8/1996) và "Tâm thức, trong sáng tác và thưởng ngoạn văn chương" (*Văn Học* số 136, tháng 8/1997), dưới một góc độ khác.

3. Tr. 52, d. 30: Trần Long Hồ, trả lời phỏng vấn, *Việt* số 5, năm 2000, tr. 224

4. Tr. 52, d. 34: Nguyễn Mộng Giác, "Nhìn lại những trang viết cũ", *Việt* số 5,nam 2000, tr. 165

5. Tr. 52, d. 39: Nguyễn Mộng Giác, báo đã dẫn, tr. 167

6. Tr. 53, d. 22: Nguyễn Mộng Giác, báo đã dẫn, tr. 166

7. Tr. 54, d. 30: Trương Vũ, "Tại sao lại là Nguyễn Huệ?", *Hợp Lưu* số 5, 6/1992, tr. 19

8. Tr. 55, d. 22: Khế Iêm, trả lời phỏng vấn, *Việt* số 5, năm 2000, tr. 214

9. Tr. 55, d. 26: Nguyễn Hưng Quốc, "Viết", *Việt* số 5, 2000, tr. 97

10. Tr. 56, d. 01: Trần Hữu Thục,"Tâm thức, trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương", *Văn Học* 136, 8/1997.

11. Tr. 58, d. 6: Trần Hữu Thục, "Viết thế nào?", *Việt* số 5, năm 2000.

12. Tr. 59, d. 36: García Márquez, trả lời phỏng vấn, Miguel Fernández-Braso, dẫn theo Regina Janes, "One hundred years of solitude, Modes of Read-

ing", Twayne Publishers, A division of G.K. Hall & Co., Boston, 1991, tr. 101.

13. Tr. 60, d. 7: Nguyễn Thanh Sơn, "Giới thiệu Nguyễn Bình Phương", *Văn Học* số 170, 6/2000, tr. 139.

14. Tr. 60, d. 8: Nguyễn Bình Phương, "Đi", báo đã dẫn, tr. 141.

15. Tr. 60, d. 11: Nguyễn Thanh Sơn, báo đã dẫn, tr. 139

16. Tr. 60, d. 12: Trần Thị Ngh, "Dạm trường", *Hợp Lưu* số 43, tháng 10&11/1998, tr. 146

17. Tr. 60, d. 21: Tìm đọc các truyện của Nguyên Thị Hoàng Bắc: "Vớt Nắng", *Việt* số 5, năm 2000 ; "Châu Mai", *Văn Học* số 176, tháng 12/2000; "Trại cơ cấu", *Hợp Lưu* số 53, tháng 6 & 7/2000à

18. Tr. 60, d. 26: Tìm đọc các truyện của Mai Ninh: "Mưa đá âm dương", *Việt* số 6/nam2000; "Hợp âm trong vùng sân khuất", *Việt* số 5, năm 2000; "Biển Đầm, *Hợp Lưu* số 53, tháng 6&7/2000

19. Tr. 60, d. 29: Nguyễn Chí Kham, *"Trăng ơi thơ ấu mãi"*, Tân Thư 1998

Cũng trên *Văn Học Xuân Tân Tỵ*, phần Thơ có ba đính chính quan trọng:

* Bài *"Điểm tâm L.A. Times và Good Morning America..."* của Trần Hồng Châu, trang 7:
- giòng 11: xin đọc "phôi **thai"** thay vì "phôi *phai"*
- giòng 27 (gần cuối trang) xin đọc "hun hút **sâu** xanh ve", thay vì "*mầu* xanh ve"
- giòng 30: **Atlantis** thay vì *Atlantic*.

* Bài thơ *"Ảo tưởng"* của Nguyễn thị Thanh Bình, khi chuyển qua e-mail đo trục trặc kỹ thuật đã mất đi 13 câu. Văn Học xin đăng lại trọn bài thơ trên số này.

* Do sơ ý của Tòa soạn, câu đầu bài thơ *"Quán gió mùa Xuân"* của Nguyệt Thư trang 186 bị sai chính tả, xin sửa lại thành:

Có một lần Xuân đến

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.❐

Nhân dịp kỷ niệm 16 năm Văn Học hiện diện trên văn đàn hải ngoại, Ban Chủ biên dự định ra một số đặc biệt phát hành đầu tháng Năm năm 2001, với hai chủ đề:
* Những kỷ niệm về Văn Học trong 16 năm qua.
* Tình trạng kịch nghệ của người Việt tại hải ngoại.
Xin quí văn hữu và bạn đọc đóng góp bài vở cho số đặc biệt này.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

DA-Collect VUT Footscray Campus, Nguyễn Minh Châu (Seattle WA), Tưởng Năng Tiến (San Jose CA), Lê văn Hữu (San Jose CA), Trần Huy Bích (Carson CA), Thanh Cao (Corona) Kim Nhựt (Louisville KY), Peter Tran (Bedford TX), Le Thuy Truong (Westminster CA), Dr. Pham N. Luong (Tulsa OK), Dr. Ngo Ky Phong (Montreal Canada), Harvard University Lirary (Cambridge MA), Hai Duong (Alberta Canada), Nguyễn Trọng Đỗ Kính (San Diego CA), Dương Minh Châu (Scarborough ONt Canada), Phan Xuân Sinh (Stoneham MA), EM Empire Branch Lib (San Jose CA), MN San Jose Public Library (San Jose CA), St. Seventree Branch Lib (San Jose CA), EK Educational Park Branch (San Jose CA), HB Hillview Branch Lib (San Jose CA), EB East San Jose Carnegie Lib (San Jose CA), Ngô Thanh Tâm (Norway), Kim Oanh Kiên (St. Petersburg FL), Nang Tran (St. Paul MN), Lương Thư Trung (Dorchester MA), Trương Văn Dân (Italia), Nguyen H. Lan (Seattle WA), Trương văn Hùng (Paramount CA), Victor Bui (San Jose CA), Kimberly Pham (đổi địa chỉ, Fresno CA), Bùi Quang Diễm Thu (Smyrna GA), Trịnh văn Đáng (Santa Rosa CA, đổi địa chỉ, gia hạn) Sean Le & Associates (Westminster CA, thanh toán tiền quảng cáo), Dang Dinh Ky (Jacksonville FL), Nguyễn Doãn Vượng (San Jose CA), Lâm Yến (Union City CA), Tu Do Bookstore (San Jose, CA), Thư Lâm Bookstore (San Jose CA), Hồng Bàng Bookstore (San Jose CA), Nguyen Hue (Lake Forest CA, ngưng mua báo), Nguyen van Nga (Ft. Worth TX), Quang Nguyen (New York NY), Han Nguyen (Phila PA), Pham Thoan (San Francisco CA), Yen Doan (San Diego CA), Nguyen L. Tien (Westminster CA) Mc Gregor Fr (2 copies, Oregon IL), Rev DaoKim Nguyen (Houston TX), Justin Ton (Randolph MA), Hanh H. Cucluong (Houston TX), Chung Phuoc Khanh (Malden MA), Nguyễn Đăng Liên (Dallas TX), Anh Le (Faairview Hts, IL), Nguyễn Văn Mỹ (Mission Viejo CA), THiên Vạn Kiếp (Manchester NH), Độc giả ở Úc gia hạn qua anh Nguyễn Khắc Phú (Nguyễn thị Diệu Anh, Lê Hữu Nghĩa, Trần Thế Đức, La Thạch Hà, Đỗ Văn Lang, Nguyễn Hữu Sâm, Dương Vĩnh Khương, Trương Mỹ Nam), Hồ Sĩ Khuê (Paris France), Lê Minh Tâm (Lidcome NSW Australia), Tiền báo do Anh Lê Tất Luyện nhờ Võ Đình chuyển, Trúc Tâm (Houston, TX), Tuyet Nga H. Lê (Elverta CA), Trần văn Thành (Milton MA), Lê

thị Anh (Australia, tiền gia hạn do Mrs Thuy T Do Riv CA chuyển), Joseph Duong Pham (Bay Point CA), Văn Khoa Bookstore (Westminster CA, tiền quảng cáo), Bùi Diễm Âu (North Potomac MD), Vietnamese Programm Broadcasting Services (Australia), Mrs Huy Lam (Myrtle Beach SC), NP Vietnamese Books (Lidcombe NSW Australia), Lê văn Xe (Japan), Nguyễn Minh Thiện (Norway), Bùi Phương Trâm (Sceaux, France), Phan Thanh Tâm (Shoreview MN), Phạm văn Thức (Kanata Canada), Nguyễn Thụy Miên (France, đổi địa chỉ, báo bị trả về), Trịnh văn Đáng (Westminster CA, đổi địa chỉ), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada, thanh toán tiền sách, báo), Lê Hiển (Potomac MD), Trần Hồng Châu (Anaheim CA), Nguyễn thị Chi (Dresden Germany), Võ Đình Xa (Norway)

Bài nhận được qua bưu điện.

"Lần hôn cuối" gửi từ Maidstone Australia, "Chị Phúc" gửi từ Calgary Canada, "Tính sổ đoạn trường hay chấm dứt một nghi vấn về truyện Hoa Tiên ảnh hưởng Truyện Kiều do các nhà nhuận sắc. Sự thật Truyện Kiều ảnh hưởng truyện Hoa Tiên" gửi từ Redmond WA, "Một vài nhận xét về sách Hán Nôm ở nước ngoài" gửi từ Sài Gòn VN, Thiệp Tế của nhà thơ Phan Xuân Sinh, Giáo sư Bùi Huy Bích, Francis Vinh, Bài và thư của Dr. Phạm Nguyên Lương (Porterville CA), "Dạ khúc", "Khoảng cách", "Tình ca du tử" , "Dư âm" gửi từ Dorchester MA, "Mơ chiều" gửi từ Alief Texas

Văn Học cũng nhận được những ấn phẩm do các tác giả gửi tặng, nhưng trên số báo này, chưa có thì giờ đọc hết để giới thiệu sách:

Xin trân trọng cảm tạ các tác giả. Chúng tôi sẽ giới thiệu các ấn phẩm trên trên số báo sau.

Trong hai tháng Một & Hai 2001, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ.

Nhắn tin chung:

Ngày hết hạn trên nhãn gửi báo ngoài phong bì được ghi theo cách ghi ngày tháng ở Hoa Kỳ, nghĩa là ghi tháng trước, rồi tới ngày, và năm. Ví dụ: **3/1/01** nghĩa là hạn mua báo của quí vị đến ngày **1 tháng 3 năm 2001** là hết.

Những bạn đọc chưa gia hạn trong vòng hai tháng hoặc còn một tháng nữa đến thời gia hạn, máy tự động in hàng chữ PLEASE RE-NEW - XIN GIA HAN trên nhãn địa chỉ.

Xin quí độc giả lưu ý. Trân trọng cảm ơn nhiệt tâm ủng hộ của qú bạn trong thời gian qua.

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng tìm ghé lại

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 ● WESTMINSTER ● CA 92683

(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's,
Tự điển, Sách học Anh văn có băng,
Videos, Băng đọc truyện, Poscards

SÁCH MỚI VỀ MÙA THU NĂM 2000

Chuyện Kể Năm 2000 (bộ 2 cuốn, 718 p.)
đã bị tịch thu trong nước, của Bùi Ngọc Tấn $30.00
Ông Trùm Cuối Cùng / The Last Don (634p.)
của tác giả *Bố Già* Mario Puzo $20.00
Hoàn Châu Công Chúa (3 cuốn, 648p..)
Truyện diễm tình mới nhất của Quỳnh Dao $35.00
Từ Bi và Kẻ Thù (212p.)
Những lời dạy vàng ngọc của Đức Đạt Lai Lạt Ma $15.00
Nhìn Quanh Một Mình (48p.)
truyện dài tâm lý xã hội của Nguyễn Ngọc Ngạn $22.00
Tự Học Computer Windows 95 (2 videos)
để học điện toán bằng video cho dễ hiểu dễ nhớ $14.00
Tự Học Computer E-Mail (2 videos)
videos dạy sử dụng e-mail dễ dàng $14.00
Thơ Nguyên Sa Toàn Tập (592p.)
di sản văn học quý giá của cố thi sĩ hàng đầu Nguyên Sa $26.00
Sự Tái Sinh cuả các Lạt Ma Tây Tạng (478 p.)
của đệ tử trung thành Phương Dung $22.00
Em Học Việt Ngữ (4 cuốn, 493p.)
đã dùng trong các chương trình Việt ngữ, Ng. T. Tuyết Long $28.00
Dấu Chân Trên Cát (333p.)
truyện về Ai Cập cổ thời của M. Waltai,Nguyên Phong phóng tác $17.00
Saigon Tuyết Trắng (357p.)
bí mật về chuyến ra đi hỗn loạn 30-4-75 của Vũ Thuỵ Hoàng $18.00
Bên Giòng Sông Hằng (325 p.)
Truyện gợi nhiều suy tư về con người và cuộc đời, V.D. Chu Tác $14.00
Thảm Sát Mậu Thân Tại Huế / The '68 Massacre At Hue (303 p.bilingual)
P.T Giáo Dân $13.00

Ở xa, xin gửi chi phiếu đề cho VĂN KHOA, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới vừa phát hành.

***

PHÍA BÊN KIA MẶT TRĂNG

Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm

Tranh bìa Nguyên Khai

Trình bày Khánh Trường

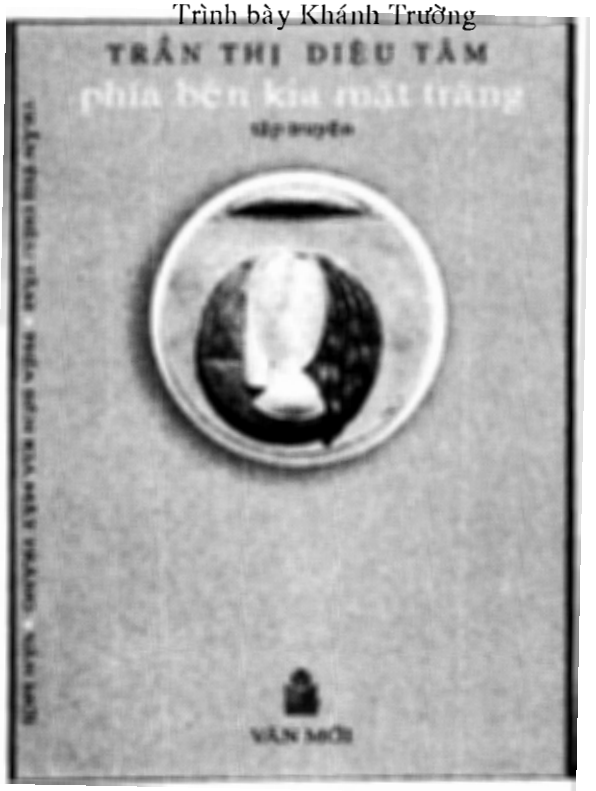

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:

Nhà Phát Hành Văn Nghệ:

Điện thoại: (714) 934-8574

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của Nhà Xuất Bản
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
TIến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga
Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả
Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú
Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính
Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ Trần Công Định
Dì Thu
Tập truyện Trang Châu
Chữ Nghĩa Bề Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân
Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích hà
Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

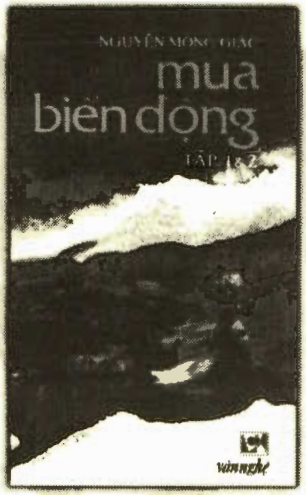

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

NHAN SẮC truyện dài (tái bản) Dương Nghiễm Mậu	10MK
GIAI THOẠI THIỀN SƯ Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch	10MK
BÔNG HỒNG VÀNG Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch	15MK
CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997 biên khảo Hoàng Dung	13MK
NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, Lý Hồng Xuân luận bình	16MK
TRẦM TƯ danh ngôn Võ Hồng	7MK
KHUNG RÊU truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970 Nguyễn Thị Thụy Vũ (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)	15MK
THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ Bùi Bảo Trúc	8MK
VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN	15MK
BINH BIẾN 11-11-60 hồi ký Vương Văn Đông	18MK
CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG tiểu thuyết Ngô Thế Vinh	25MK
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h) IỆN ĐẠI phê bình, tiểu luận Nguyễn Hưng Quốc	17MK
ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN hồi ký Trần Độ	14MK

Liên lạc
Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
PO.BOX 2301, WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934 – 8574.
Email: vannghe@pacbell.net

Giá:$4.00